



ĐỖ THANH BÌNH (Tổng Chủ biên phần Lịch sử)
NGUYỄN THỊ THẾ BÌNH (Chủ biên phần Lịch sử)
NGUYỄN THU HIỀN – NGUYỄN MẠNH HƯỜNG
VŨ ĐỨC LIÊM – NGUYỄN VĂN NINH – NINH XUÂN THAO

LÊ THÔNG – NGUYỄN VIỆT THỊNH (đồng Tổng Chủ biên phần Địa lí)
NGUYỄN MINH TUỆ (Chủ biên phần Địa lí)
NGUYỄN TƯỜNG HUY – TRẦN THỊ THANH THUY
HOÀNG PHAN HẢI YẾN – NGÔ THỊ HẢI YẾN

Lịch sử và Địa lí

7



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

ĐỖ THANH BÌNH (Tổng Chủ biên phần Lịch sử)
NGUYỄN THỊ THẾ BÌNH (Chủ biên phần Lịch sử)
NGUYỄN THU HIỀN – NGUYỄN MẠNH HƯỜNG
VŨ ĐỨC LIÊM – NGUYỄN VĂN NINH – NINH XUÂN THAO

LÊ THÔNG – NGUYỄN VIỆT THỊNH (Đồng Tổng Chủ biên phần Địa lí)
NGUYỄN MINH TUỆ (Chủ biên phần Địa lí)
NGUYỄN TƯỜNG HUY – TRẦN THỊ THANH THỦY
HOÀNG PHAN HẢI YẾN – NGÔ THỊ HẢI YẾN

Lịch sử và Địa lí

*(Sách đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
phê duyệt sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông
tại Quyết định số 441/QĐ-BGDĐT ngày 28/01/2022)*



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH



Mở đầu

Tạo hứng thú, xác định nhiệm vụ học tập của bài học.



Kiến thức mới

Nội dung bài học (kênh chữ, kênh hình) thông qua hệ thống câu hỏi giúp học sinh khám phá, hình thành kiến thức mới.



Tư liệu

Cung cấp thêm thông tin cho bài học từ các nguồn tư liệu lịch sử.



Câu hỏi

Xác định kiến thức cơ bản của bài học, đáp ứng yêu cầu cần đạt.



Em có biết?

Cung cấp thêm thông tin nội dung cơ bản của bài học, hướng đến phát triển năng lực tự học của học sinh.



Góc khám phá

Bổ sung tri thức lịch sử và địa lí liên quan đến nội dung cơ bản của bài học.



Góc mở rộng

Mở rộng và nâng cao kiến thức của bài học.



Luyện tập

Câu hỏi, bài tập giúp học sinh củng cố, hệ thống hoá, khắc sâu kiến thức của bài học.



Vận dụng

Bài tập giúp học sinh vận dụng kiến thức, kĩ năng vào học tập và cuộc sống.

Đô thị hoá

Đới khí hậu ôn đới

Thuật ngữ

Từ khoá của bài

Bảng Giải thích thuật ngữ: Giải thích các khái niệm, thuật ngữ mới và khó xuất hiện trong sách.

Bảng Tra cứu địa danh/ tên riêng nước ngoài: Giúp học sinh tra cứu địa danh/ tên riêng nước ngoài theo cách viết trong tiếng Anh.

Em hãy giữ gìn cuốn sách sạch đẹp; không viết, vẽ vào sách nhé!

Lời nói đầu

Các em học sinh thân mến!

Tiếp theo sách giáo khoa *Lịch sử và Địa lí 6* của bộ sách *Cánh Diều*, giờ đây trên tay các em là sách *Lịch sử và Địa lí 7*. Hi vọng tri thức trong cuốn sách sẽ là hành trang chấp cánh ước mơ cho các em trên con đường học tập.

Với phần *Lịch sử*, sách sẽ cùng các em khám phá hệ thống tri thức về quá trình hình thành và phát triển của chế độ phong kiến trên thế giới, tiêu biểu là ở Tây Âu, Trung Quốc, Ấn Độ, Đông Nam Á. Sách cũng hướng dẫn các em tìm hiểu về công cuộc xây dựng, bảo vệ đất nước của dân tộc Việt Nam từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI, gắn liền với các vương triều Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ, Lê sơ, đồng thời giúp các em hiểu rõ hơn vùng đất phía nam của Việt Nam thời kì này.

Với phần *Địa lí*, cuốn sách sẽ đưa các em đến những miền đất ở châu Âu, châu Á, châu Phi, châu Mỹ, châu Đại Dương và châu Nam Cực. Qua đó, các em sẽ hiểu rõ hơn về vị trí địa lí, đặc điểm thiên nhiên, dân cư – xã hội, cũng như phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở những vùng đất này.

Đặc biệt, cuốn sách *Lịch sử và Địa lí 7* của bộ sách *Cánh Diều* còn có hai chủ đề chung, mang tên *Các cuộc đại phát kiến địa lí thế kỉ XV – XVI*; *Đô thị: Lịch sử và hiện tại*, giúp các em mở rộng, nâng cao hiểu biết của mình về mối quan hệ giữa khoa học lịch sử và khoa học địa lí. Nội dung của mỗi bài học và chủ đề sẽ giúp các em có được những tri thức cơ bản về lịch sử và địa lí. Từ đó biết vận dụng linh hoạt, sáng tạo kiến thức, kĩ năng trong học tập và thực tiễn cuộc sống.

Ở một số bài học của sách *Lịch sử và Địa lí 7* có mục *Em có biết?*, *Góc khám phá* hoặc *Góc mở rộng* nhằm hỗ trợ các em nâng cao kiến thức, đồng thời gợi mở để khám phá những điều mới lạ của tri thức lịch sử và địa lí. Phần cuối sách còn có *Bảng Giải thích thuật ngữ* và *Bảng Tra cứu địa danh/ tên riêng nước ngoài* nhằm giúp các em hiểu rõ hơn kiến thức của bài học hoặc thuận tiện khi tra cứu. Bên cạnh đó, hệ thống bản đồ, lược đồ, biểu đồ và hình ảnh là phần không thể thiếu của cuốn sách. Đây là những công cụ quan trọng, giúp các em khám phá và chiếm lĩnh kiến thức lịch sử, địa lí dễ dàng và hấp dẫn hơn.

Tập thể tác giả hi vọng cuốn sách này sẽ là người bạn thân thiết của các em trong quá trình học tập. Các em hãy giữ gìn sách cẩn thận và sử dụng thật hiệu quả nhé.

Chúc các em có những bài học Lịch sử và Địa lí thật bổ ích và lí thú!

CÁC TÁC GIẢ

Phần Lịch sử





Bài 1 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN Ở TÂY ÂU

Học xong bài này, em sẽ:

- Kể lại được những sự kiện chủ yếu về quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu.
- Trình bày được đặc điểm của lãnh địa phong kiến và quan hệ xã hội của chế độ phong kiến ở Tây Âu.
- Phân tích được vai trò của thành thị trung đại.
- Mô tả được sơ lược sự ra đời của Thiên Chúa giáo.



Lâu đài A-răn-đen (Anh) được xây dựng vào thế kỉ XI, là một trong những lâu đài cổ kính và đẹp nhất ở Tây Âu. Lâu đài là hiện thân quyền lực của tầng lớp quý tộc phong kiến Tây Âu thời phong kiến.

Vậy chế độ phong kiến Tây Âu hình thành và phát triển như thế nào?



Hình 1.1. Lâu đài A-răn-đen (Anh)



1. Quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu

Từ thế kỉ III, người Giéc-man và các bộ tộc khác từ phương Bắc từng bước tràn xuống xâm nhập La Mã, làm trầm trọng thêm cuộc khủng hoảng ở đế quốc này. Sau



Lược đồ 1. Các vương quốc ở Tây Âu (thế kỉ V – VI)

khi lật đổ đế quốc La Mã năm 476, họ đã thành lập nhiều vương quốc mới, như Phơ-răng, Tây Gôt, Đông Gôt, vương quốc của người Ăng-lô-Xắc-xông,... Những vương quốc này về sau phát triển thành các quốc gia: Pháp, Đức, Tây Ban Nha, I-ta-li-a, Anh,...

Từ thế kỉ VIII, xã hội phong kiến ở Tây Âu hình thành, bắt đầu từ Vương quốc Phơ-răng. Tầng lớp thủ lĩnh quân sự người Giéc-man được chia nhiều ruộng đất và phong tước, hình thành tầng lớp quý tộc quân sự. Nhà thờ Thiên Chúa giáo cũng được chính quyền phong tặng ruộng đất, tầng lớp tăng lữ trở nên giàu có. Quý tộc quân sự và tăng lữ từng bước trở thành lãnh chúa. Nô lệ được giải phóng và nông dân mất ruộng đất trở thành nông nô, phải nộp tô thuế và phụ thuộc vào lãnh chúa.

? *Đọc thông tin và quan sát lược đồ 1, hãy:*

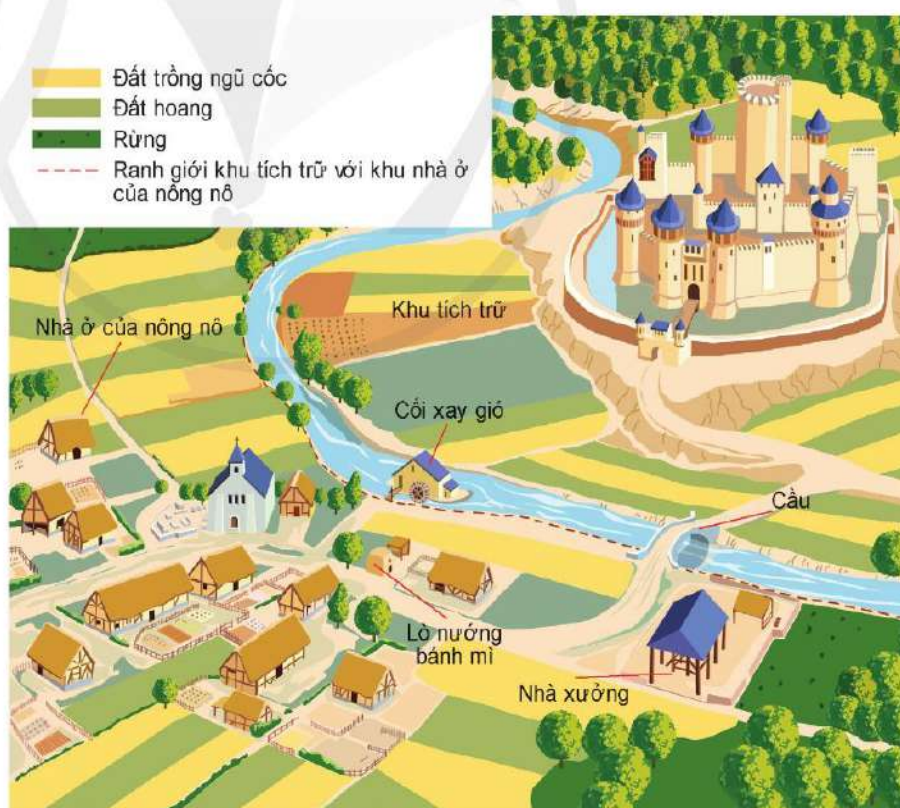
– *Nêu những việc làm của người Giéc-man và các bộ tộc khác sau khi lật đổ đế quốc La Mã.*

– *Kể lại những sự kiện chủ yếu của quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu.*

2. Đặc điểm lãnh địa và quan hệ xã hội của chế độ phong kiến ở Tây Âu

Đến thế kỉ IX, trên cơ sở những vùng đất rộng lớn của các lãnh chúa, các lãnh địa phong kiến ở Tây Âu hình thành. Lãnh địa là đơn vị chính trị và kinh tế cơ bản trong thời kì phong kiến phân quyền ở Tây Âu. Trong lãnh địa, lãnh chúa xây dựng pháo đài kiên cố, dinh thự, nhà thờ,... với hào sâu và tường bao quanh, xung quanh là đất canh tác, đồng cỏ, ao hồ, rừng, khu nhà ở của nông nô. Mỗi lãnh chúa có một lãnh địa riêng, toàn quyền cai quản như một vị vua.

Trong lãnh địa, kinh tế nông nghiệp đóng vai trò chủ đạo. Nông nô trồng trọt, chăn nuôi và làm các nghề thủ công, như dệt vải, rèn đúc công cụ, vũ khí,... Kinh tế trong lãnh địa mang tính tự nhiên, tự cấp, tự túc. Nông nô chủ yếu mua muối và sắt, ít có sự trao đổi, buôn bán với bên ngoài.



Hình 1.2. Khuôn viên một lãnh địa phong kiến ở Tây Âu (tranh vẽ)



Hình 1.3. Nông nô nộp tô cho lãnh chúa (tranh vẽ)

Cư dân trong lãnh địa chủ yếu gồm gia đình lãnh chúa và nông nô. Lãnh chúa không phải lao động, họ luyện tập cung kiếm, cưỡi ngựa hoặc tổ chức tiệc tùng, hội hè trong lâu đài, dinh thự. Nông nô có gia đình, nhà cửa và tài sản riêng. Họ thuê ruộng đất của lãnh chúa để cày cấy và phải nộp tô. Mức tô rất nặng, có khi lên tới một nửa số sản phẩm thu được.

Ngoài ra, họ còn phải nộp nhiều loại thuế khác, như thuế đường, thuế cầu, thuế cưới xin, thuế thừa kế tài sản,... Như vậy, quan hệ xã hội chính trong lãnh địa là quan hệ giữa lãnh chúa với nông nô.

? *Đọc thông tin và quan sát các hình 1.2, 1.3, hãy trình bày đặc điểm kinh tế và xã hội trong lãnh địa phong kiến ở Tây Âu.*

3. Thành thị Tây Âu thời trung đại

Từ khoảng cuối thế kỉ XI, do sản xuất phát triển, ở Tây Âu đã xuất hiện những tiền đề của nền kinh tế hàng hoá gắn liền với hoạt động sản xuất của thợ thủ công và buôn bán của thương nhân. Thợ thủ công và thương nhân đến những nơi thuận lợi về giao thông, có đông người qua lại để mở xưởng, cửa hàng. Các thị trấn, thị tứ hình thành rồi dần phát triển thành các thành thị. Thành thị có phố xá, bến cảng, rạp hát, nhà thờ,... Kinh tế chủ đạo ở các thành thị là thủ công nghiệp và thương nghiệp. Hàng năm, nhiều hội chợ lớn được các thương nhân tổ chức để giới thiệu sản phẩm, hàng hoá và trao đổi buôn bán.



Hình 1.4. Một góc Bru-ge (Vương quốc Bỉ) – thành thị nổi tiếng ở Tây Âu trong các thế kỉ XII – XV

Sự phát triển của thủ công nghiệp và thương nghiệp trong các thành thị đã góp phần phá vỡ nền kinh tế tự nhiên của lãnh địa, tạo điều kiện cho kinh tế hàng hoá phát triển. Đồng thời, thành thị góp phần xoá bỏ chế độ phong kiến phân quyền, xây dựng chế độ phong kiến tập quyền, thống nhất quốc gia, dân tộc. Đặc biệt, không khí tự do ở thành thị đã tạo tiền đề cho sự hình thành các trường đại học lớn ở Tây Âu như Bô-lô-nha (I-ta-li-a), O-xphốt (Anh), Xoóc-bon (Pháp),...

? *Đọc thông tin và quan sát hình 1.4, hãy:*

– *Phân tích vai trò của thành thị thời trung đại. Theo em, vai trò nào là quan trọng nhất? Vì sao?*

– *Cho biết tên một số trường đại học ra đời ở Tây Âu thời trung đại.*

4. Sự ra đời của Thiên Chúa giáo

Thiên Chúa giáo do Giê-su sáng lập vào thế kỉ I tại Giu-đê (vùng Giê-ru-sa-lem hiện nay). Sự hình thành của Thiên Chúa giáo có sự kế thừa giáo lí cơ bản và tín điều của đạo Do Thái.

Khi mới ra đời, Thiên Chúa giáo được đông đảo người dân tin theo, nhưng bị chính quyền của đế quốc La Mã ngăn cản. Đến thời trung đại, Thiên Chúa giáo trở thành tư tưởng thống trị của giai cấp phong kiến. Giáo hội Thiên Chúa giáo trở thành một thế lực rất lớn về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội ở Tây Âu.



Hình 1.5. Chúa Giê-su giáng sinh trên máng cỏ trong hang đá (tranh vẽ)

☀ Năm Chúa Giê-su ra đời được quy ước là năm khởi đầu cho kỉ nguyên Công lịch (dương lịch).

? *Đọc thông tin và quan sát hình 1.5, hãy trình bày sự ra đời của Thiên Chúa giáo và nêu hiểu biết của em về Chúa Giê-su.*



1. Hãy trình bày khái quát sự hình thành, phát triển của lãnh địa và thành thị Tây Âu thời trung đại.



2. Nếu sống ở thời kì phong kiến Tây Âu, em sẽ lựa chọn cuộc sống trong lãnh địa hay trong các thành thị? Vì sao?

3. Hãy đóng vai một người nông nô (hoặc một lãnh chúa), kể lại công việc và cuộc sống hằng ngày của mình trong lãnh địa.



Bài 2 CÁC CUỘC PHÁT KIẾN ĐỊA LÍ TỪ THẾ KỈ XV ĐẾN THẾ KỈ XVI

Học xong bài này, em sẽ:

- Giới thiệu được những nét chính về hành trình của một số cuộc phát kiến địa lí lớn trên lược đồ.
- Nêu được hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí.



Ngày 20-5-1498, đoàn thám hiểm của Va-xcô đơ Ga-ma đặt chân đến Ca-li-cút (Ấn Độ). Đây là một trong những sự kiện quan trọng nhất của “Kỉ nguyên Khám phá” trong các thế kỉ XV – XVI.

Vậy các nhà thám hiểm Tây Âu đã thực hiện các cuộc phát kiến địa lí như thế nào? Hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí ra sao?

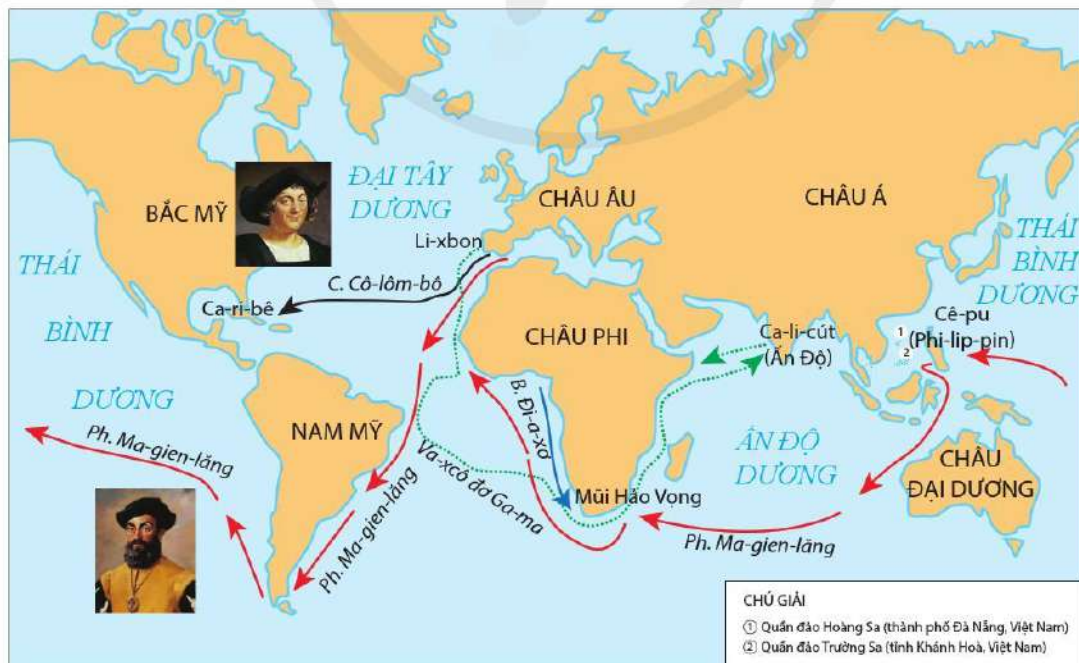


1. Một số cuộc phát kiến địa lí lớn trên thế giới

Từ cuối thế kỉ XV đến đầu thế kỉ XVI, các nhà thám hiểm hàng hải Tây Âu đã tiến hành nhiều cuộc phát kiến địa lí lớn. Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha là hai nước đi đầu trong quá trình tìm kiếm những vùng đất mới.



Hình 2.1. Va-xcô đơ Ga-ma cập bến cảng Ca-li-cút (Ấn Độ) (tranh vẽ)



Lược đồ 2. Một số cuộc phát kiến địa lí lớn (thế kỉ XV – XVI)

Bảng 2. Niên biểu một số cuộc phát kiến địa lí lớn trên thế giới (thế kỉ XV – XVI)

Thời gian	Nhà hàng hải	Hành trình
Năm 1487	B. Đì-a-xơ	Thám hiểm đi qua mũi cực Nam của châu Phi.
Năm 1492	C. Cô-lôm-bô	Đi về phía tây, đến Ca-ri-bê (thuộc châu Mỹ ngày nay).
Năm 1497 – 1498	Va-xcô đơ Ga-ma	Vòng qua châu Phi đến Ca-li-cút (Ấn Độ).
Năm 1519 – 1522	Ph. Ma-gien-lăng	Tiến hành chuyến đi vòng quanh Trái Đất bằng đường biển.

? Đọc thông tin và quan sát lược đồ 2, bảng 2, hãy trình bày những nét chính về hành trình của một số cuộc phát kiến địa lí lớn.

2. Hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí

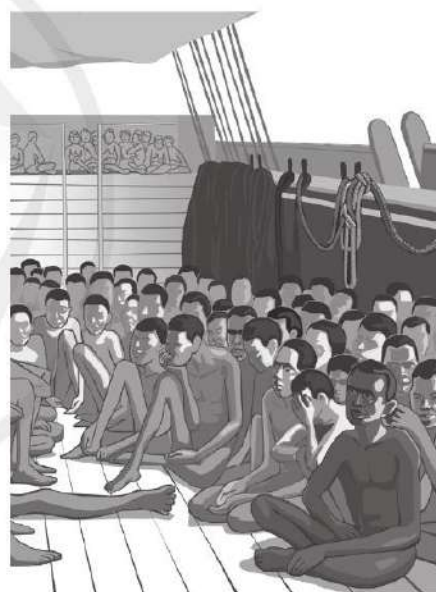
Phát kiến địa lí đem lại những hiểu biết mới về Trái Đất, đặc biệt là đã chứng minh một cách thuyết phục Trái Đất có dạng hình cầu; tìm ra những tuyến đường và vùng đất mới; góp phần thúc đẩy sự phát triển của thương nghiệp châu Âu,... Từ đó đẩy nhanh quá trình khủng hoảng, tan rã của chế độ phong kiến và tạo tiền đề cho sự ra đời của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu.

Tuy nhiên, các cuộc phát kiến địa lí cũng đã làm nảy sinh quá trình cướp bóc thuộc địa và buôn bán nô lệ.

💡 Mũi cực Nam của châu Phi được nhà thám hiểm người Bồ Đào Nha là B. Đì-a-xơ lần đầu tiên vượt qua vào năm 1487. Do gặp bão nên ông đặt tên là mũi Bão Tố, sau này vua Hoan li đổi tên thành mũi Hảo Vọng.

“Việc tìm thấy những vùng có mỏ vàng và mỏ bạc ở châu Mỹ; việc tuyệt diệt những người bản xứ, bắt họ làm nô lệ và chôn vùi họ trong các hầm mỏ; việc bắt đầu đi cướp bóc và chinh phục miền Đông Ấn, biến châu Phi thành khu cấm để săn bắt, buôn bán người da đen – đó là buổi bình minh của thời đại sản xuất tư bản chủ nghĩa”.

(Tư bản, Quyển thứ nhất, Các Mác)



Hình 2.2. Người dân châu Phi bị bắt đưa lên tàu chở sang châu Mỹ (tranh vẽ)

? Đọc thông tin và quan sát hình 2.2, hãy trình bày những hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí. Theo em, hệ quả nào quan trọng nhất? Vì sao?



1. Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện một số cuộc phát kiến địa lí lớn trên thế giới (thế kỉ XV – XVI).



2. Chọn và phân tích một hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí.



Bài 3 PHONG TRÀO VĂN HOÁ PHỤC HƯNG

Học xong bài này, em sẽ:

- Giới thiệu được sự biến đổi quan trọng về kinh tế, xã hội của Tây Âu từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI.
- Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của phong trào Văn hoá Phục hưng.
- Nhận biết được ý nghĩa và tác động của phong trào Văn hoá Phục hưng đối với xã hội Tây Âu.



Năm 1982, UNESCO ghi danh Trung tâm lịch sử tại thành phố Phò-lo-ren (I-ta-li-a) là Di sản Thế giới. Đây là thành phố khởi nguồn của phong trào Văn hoá Phục hưng ở Tây Âu trong các thế kỉ XIV – XVII.

Vậy phong trào Văn hoá Phục hưng đã đạt được những thành tựu gì? Ý nghĩa và tác động của phong trào này đối với Tây Âu như thế nào?



Hình 3.1. Thành phố Phò-lo-ren (I-ta-li-a) – nơi khởi nguồn của phong trào Văn hoá Phục hưng



1. Sự biến đổi về kinh tế, xã hội của Tây Âu từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI



Hình 3.2. Một hội chợ ở Săm-pa-nhơ (Pháp) thời trung đại (tranh vẽ)

Sau các cuộc phát kiến địa lí, tầng lớp quý tộc, thương nhân châu Âu ra sức bóc lột tài nguyên ở thuộc địa, trở nên giàu có. Nhờ có vốn và nhân công làm thuê, giai cấp tư sản đang lên mở rộng kinh doanh, lập nhiều xưởng sản xuất quy mô lớn. Các công ty thương mại và những đồn điền rộng lớn ra đời. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa dần hình thành và ngày càng phát triển. Giai cấp tư sản đang lên có thể lực về kinh tế

nhưng chưa có địa vị xã hội, chính trị tương xứng. Họ đã đấu tranh chống lại tư tưởng lỗi thời của giai cấp phong kiến cùng giáo lí khắt khe của Giáo hội Thiên Chúa giáo đương thời, chủ trương khôi phục, làm sống lại những tinh hoa của nền

văn hoá Hy Lạp và La Mã trước đây; đồng thời hình thành một nền văn hoá mới tiến bộ. Phong trào diễn ra đầu tiên ở thành phố Phờ-lo-ren (I-ta-li-a) thế kỉ XIV, sau đó lan rộng ra khắp Tây Âu trong các thế kỉ XV – XVII.

 Vai trò, vị trí của thành phố Phờ-lo-ren (I-ta-li-a) trong phong trào Văn hoá Phục hưng gắn liền với dòng họ Mê-đi-xi. Đây là dòng họ có nhiều người là chủ ngân hàng lớn, đóng vai trò quan trọng trong nền chính trị thành phố và các hoạt động khuyến khích sáng tạo nghệ thuật.

 *Đọc thông tin và quan sát hình 3.2, hãy giới thiệu sự chuyển biến về kinh tế, xã hội ở Tây Âu từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI và nêu hệ quả của nó.*

2. Thành tựu tiêu biểu của phong trào Văn hoá Phục hưng

Phong trào Văn hoá Phục hưng diễn ra trên nhiều lĩnh vực như văn học, nghệ thuật, khoa học,... và đạt được nhiều thành tựu to lớn, đặc sắc.



Hình 3.3. Bức hoạ *Nàng Mô-na Li-sa*



Hình 3.4. Lâu đài Sam-bô (Pháp)

Văn học có những tác phẩm kịch, tiểu thuyết, thơ nổi tiếng như *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* của Sếch-xpia, *Đôn Ki-hô-tê* của Xéc-van-téc, *Quyển thơ tình thứ nhất*, *Quyển thơ tình thứ hai* của Pi-e Giôn-sát,...

Nghệ thuật đạt được những thành tựu lớn về hội hoạ, kiến trúc và điêu khắc, tiêu biểu với các tác phẩm như *Nàng Mô-na Li-sa*, *Bữa ăn tối cuối cùng* của Lê-ô-na đờ Vanh-xi; *Sự sáng tạo A-dam*, *Tượng Đa-vít* của Mi-ken-lăng-giơ,...

 Bức hoạ *Nàng Mô-na Li-sa* được Lê-ô-na đờ Vanh-xi vẽ vào đầu thế kỉ XVI. Đây là bức chân dung một phụ nữ người I-ta-li-a, được vẽ bằng chất liệu sơn dầu trên một tấm gỗ dương. Ánh mắt của nhân vật trong bức hoạ tạo ấn tượng cho người xem và trở thành “hiệu ứng Mô-na Li-sa”. Hiện nay, tác phẩm này được trưng bày tại Bảo tàng Lu-vờ-rơ ở Pa-ri (Pháp).

Nhiều công trình có giá trị cao về kiến trúc, điêu khắc ra đời, như lâu đài Sam-bô (Pháp), nhà thờ Xanh Pi-tơ (Va-ti-căng),...

Khoa học tự nhiên gắn liền với sự đóng góp của các nhà khoa học trên các lĩnh vực toán học, thiên văn học, tiêu biểu là Cô-péc-ních, Bru-nô và Ga-li-lê với thuyết Nhật tâm.

? *Đọc thông tin và quan sát các hình 3.3, 3.4, hãy trình bày những thành tựu tiêu biểu của phong trào Văn hoá Phục hưng.*

3. Ý nghĩa và tác động của phong trào Văn hoá Phục hưng đối với xã hội Tây Âu

Phong trào Văn hoá Phục hưng đã lên án nghiêm khắc Giáo hội Thiên Chúa giáo đương thời và đả phá trật tự xã hội phong kiến. Giá trị và vẻ đẹp của con người cùng quyền tự do cá nhân được đề cao. Văn hoá Phục hưng còn đề cao vai trò của khoa học tự nhiên và những quan điểm tiến bộ.

Phong trào Văn hoá Phục hưng đã thúc đẩy quần chúng đấu tranh chống lại trật tự xã hội phong kiến. Đồng thời, đây còn là cuộc cách mạng về tư tưởng, mở đường cho sự phát triển của văn hoá châu Âu cũng như văn hoá nhân loại.

! Lê-ô-na đờ Vanh-xi (1452 – 1519) là nhà khoa học có nhiều tác phẩm, công trình nghệ thuật có giá trị lớn, tiêu biểu là các bức hoạ *Nàng Mô-na Li-sa*, *Bữa ăn tối cuối cùng*,... Ông được coi là một thiên tài trong lịch sử nhân loại.



Hình 3.5. Lê-ô-na đờ Vanh-xi (tranh vẽ) ▶

? *Đọc thông tin, hãy nêu ý nghĩa và tác động của phong trào Văn hoá Phục hưng.*



1. Dựa vào nội dung bài học, hãy lập bảng mô tả một số thành tựu của phong trào Văn hoá Phục hưng theo các lĩnh vực sau.

Lĩnh vực	Tác giả tiêu biểu	Công trình, tác phẩm tiêu biểu
Hội hoạ	?	?
Kiến trúc	?	?
Điêu khắc	?	?
Văn học	?	?
Khoa học	?	?

2. Tại sao nói, phong trào Văn hoá Phục hưng đã sinh ra “những người khổng lồ”?



3. Trong vai là hướng dẫn viên du lịch, hãy giới thiệu một thành tựu của phong trào Văn hoá Phục hưng mà em ấn tượng.



Bài 4 PHONG TRÀO CẢI CÁCH TÔN GIÁO

Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu và giải thích được nguyên nhân của phong trào Cải cách tôn giáo.
- Mô tả khái quát được nội dung cơ bản của các cuộc Cải cách tôn giáo.
- Nêu được tác động của Cải cách tôn giáo đối với xã hội Tây Âu.

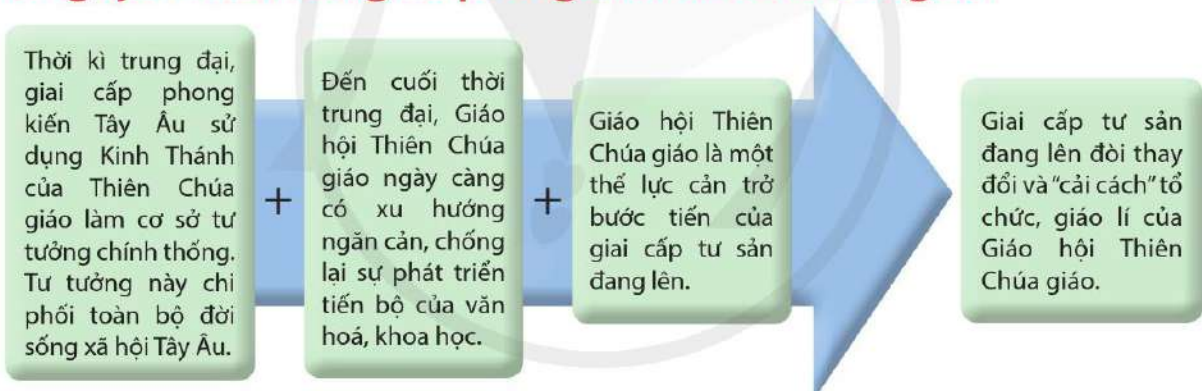


Ngày 31-10-1517, Mác-tin Lu-thơ đã dán *Luận văn 95 điều* do ông viết lên cổng Trường Đại học Vít-ten-bốt (Đức) – nơi ông đang là giáo sư dạy môn Thần học. Đây được coi là sự kiện khởi đầu phong trào Cải cách tôn giáo. Từ đó, tư tưởng của Mác-tin Lu-thơ trở thành nguyên lí nền tảng cho phong trào Cải cách tôn giáo.

Vậy vì sao diễn ra phong trào Cải cách tôn giáo? Nội dung và tác động của các cuộc Cải cách tôn giáo đối với xã hội phong kiến Tây Âu như thế nào?



1. Nguyên nhân bùng nổ phong trào Cải cách tôn giáo



So đồ 4. Nguyên nhân bùng nổ phong trào Cải cách tôn giáo



Đọc thông tin trong sơ đồ 4, hãy nêu và giải thích nguyên nhân bùng nổ phong trào Cải cách tôn giáo.

2. Nội dung cơ bản và tác động của các cuộc Cải cách tôn giáo

Phong trào Cải cách tôn giáo diễn ra ở khắp các nước Tây Âu. Đi đầu là Đức, Thụy Sĩ, sau đó đến Bỉ, Hà Lan, Pháp, Anh. Tiêu biểu là cuộc Cải cách tôn giáo của Mác-tin Lu-thơ ở Đức và của Giăng Can-vanh ở Thụy Sĩ.

Mác-tin Lu-thơ phê phán chính sách áp bức, bóc lột người dân Đức của Toà thánh Rô-ma. Ông đề xướng cải cách tôn giáo, chống lại cách Giáo hội tùy tiện giải thích Kinh Thánh. Đồng thời, ông cho rằng con người được Chúa cứu vớt là do lòng chân thành của đức tin.



Hình 4.1. Mác-tin Lu-thơ (tranh vẽ)



Hình 4.2. Giăng Can-vanh (tranh vẽ)

Tại Thụy Sĩ, Giăng Can-vanh lên tiếng bác bỏ thẩm quyền của Giáo hoàng. Trong thời gian ở Gio-ne-vơ, Giăng Can-vanh đã thực hiện hơn 2 000 lần thuyết giảng. Trên cơ sở tư tưởng của Mác-tin Lu-thơ và Giăng Can-vanh, đạo Tin Lành ra đời.

Các nhà cải cách tôn giáo không có ý định thủ tiêu tôn giáo mà chỉ dùng biện pháp ôn hoà để tiến hành cải cách, bãi bỏ các lễ nghi phiền toái. Họ lên án nghiêm khắc Giáo hội Thiên Chúa giáo đương thời và tấn công vào trật tự phong kiến, góp phần quan trọng vào việc giải phóng tư tưởng, tình cảm của con người khỏi sự nô dịch của thần học.

Sau Cải cách tôn giáo, Thiên Chúa giáo phân chia thành hai giáo phái: Cựu giáo (Thiên Chúa giáo cũ) và Tân giáo (tôn giáo cải cách). Cải cách tôn giáo cũng đưa đến một cuộc đấu tranh rộng lớn ở Đức (cuộc “chiến tranh nông dân Đức”). Đây là cuộc đấu tranh vũ trang đầu tiên của nông dân dưới ngọn cờ của tư sản chống chế độ phong kiến.

? *Đọc thông tin và quan sát các hình 4.1, 4.2, hãy nêu nội dung và tác động của cuộc Cải cách tôn giáo.*



1. Lập bảng thống kê thể hiện nguyên nhân, nội dung và tác động của phong trào Cải cách tôn giáo theo nội dung sau.

Nguyên nhân	Nội dung	Tác động
?	?	?



2. Sưu tầm tư liệu, hình ảnh về Mác-tin Lu-thơ, Giăng Can-vanh để giới thiệu với thầy cô và bạn cùng lớp.



Bài 5 SỰ HÌNH THÀNH QUAN HỆ SẢN XUẤT TƯ BẢN CHỦ NGHĨA Ở TÂY ÂU THỜI TRUNG ĐẠI

Học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được những biến đổi chính trong xã hội Tây Âu thời trung đại.
- Trình bày được sự nảy sinh phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu thời trung đại.



Sau các cuộc phát kiến địa lí, tuyến đường thương mại Cô-lôm-bi-a (đặt theo tên của C. Cô-lôm-bô) xuất hiện giữa châu Âu và châu Mỹ. Đây là một trong những tuyến đường buôn bán đem lại cho thương nhân châu Âu nguồn lợi nhuận lớn, góp phần hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu.

Vậy quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa hình thành ở Tây Âu như thế nào?



1. Những biến đổi chính trong xã hội Tây Âu thời trung đại

Sau các cuộc phát kiến địa lí, quý tộc và thương nhân châu Âu ra sức cướp bóc của cải, tài nguyên của các nước thuộc địa. Họ còn bắt hàng triệu người da đen ở châu Phi đem bán cho các chủ đồn điền, hầm mỏ ở châu Âu, châu Mỹ. Ở trong nước, quý tộc cướp đoạt ruộng đất của nông dân, đuổi nông nô ra khỏi lãnh địa.



Vào khoảng thế kỉ XV – XVI, khi nhu cầu lông cừu tăng cao, nhiều địa chủ và quý tộc Anh đã chuyển sang nuôi cừu để lấy lông bán nhằm thu lợi nhuận. Họ cướp ruộng đất của nông dân, lập các đồng cỏ chăn nuôi cừu. Vì thế, người nông dân bị mất đất, thất nghiệp và phải bán sức lao động. Hiện tượng trên được Tô-mát Mo-rơ gọi là "Cừu ăn thịt người".

Với những biện pháp đó, quý tộc và thương nhân đã có được nguồn vốn ban đầu và một đội ngũ đông đảo những người làm thuê. Đến đầu thế kỉ XVI, ở Tây Âu bắt đầu xuất hiện hình thức kinh doanh tư bản chủ nghĩa.



Đến thế kỉ XVI, Bồ Đào Nha là quốc gia đầu tiên thực hiện buôn bán nô lệ qua Đại Tây Dương. Năm 1526, người Bồ Đào Nha đã hoàn thành chuyến chuyên chở nô lệ xuyên Đại Tây Dương đầu tiên đến Bra-xin. Sau đó, các quốc gia châu Âu khác cũng nhanh chóng làm theo.

Những thay đổi về kinh tế làm cho xã hội Tây Âu cũng biến đổi. Các giai cấp mới được hình thành, đó là giai cấp tư sản và giai cấp vô sản.

? – *Đọc thông tin, hãy cho biết kinh tế, xã hội Tây Âu thời hậu kì trung đại biến đổi như thế nào.*

– *Tại sao nói hiện tượng “Cừu ăn thịt người” ở nước Anh và buôn bán nô lệ là những nhân tố hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa?*

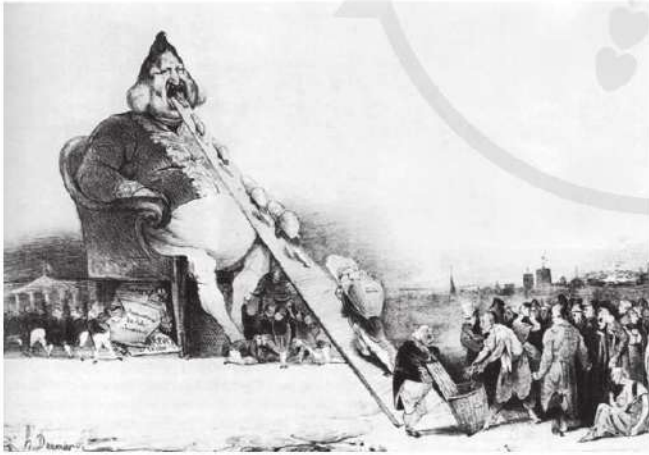
2. Sự ra đời của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa

Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa được hình thành gắn liền với sự xuất hiện của hai giai cấp cơ bản là tư sản và vô sản.

Giai cấp tư sản thuê mướn nhân công, thu lợi nhuận. Giai cấp vô sản trở thành lao động làm thuê.



Sơ đồ 5. Sự hình thành hai giai cấp tư sản và vô sản



Hình 5. Mối quan hệ giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản (tranh biếm họa)

? *Đọc thông tin và quan sát sơ đồ 5, hình 5, hãy cho biết sự hình thành phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Theo em, mối quan hệ chủ yếu giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản là gì?*



1. Lập bảng thông tin thể hiện quá trình xuất hiện phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu thời trung đại.



2. Sự xuất hiện của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong lòng xã hội phong kiến dẫn đến hệ quả tất yếu nào? Vì sao?



Bài 6 KHÁI QUÁT TIẾN TRÌNH LỊCH SỬ TRUNG QUỐC

Học xong bài này, em sẽ:

- Lập được sơ đồ tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (các thời Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh).
- Nêu được những nét chính về sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường.
- Mô tả được sự phát triển kinh tế dưới thời Minh, Thanh.



Năm 690, hoàng hậu của vương triều Đường là Võ Tắc Thiên tuyên bố lên ngôi hoàng đế, lấy hiệu là Thánh Thần Hoàng đế. Võ Tắc Thiên là vị nữ hoàng đế duy nhất trong lịch sử các triều đại phong kiến Trung Quốc.

Vậy lịch sử Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX đã trải qua các thời kì nào? Trung Quốc đã phát triển ra sao dưới các vương triều Đường, Minh, Thanh?



1. Khái quát tiến trình lịch sử Trung Quốc

Từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX, có 5 vương triều lớn cầm quyền ở Trung Quốc là Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh. Các vương triều này được xác lập bởi cả người Hán và các nhóm cư dân xâm nhập từ bên ngoài.

Nhà Đường (618 – 907) được thành lập đầu thế kỉ VII, mở ra giai đoạn phát triển thịnh vượng của lịch sử phong kiến Trung Quốc. Đến đầu thế kỉ X, Trung Quốc rơi vào tình trạng phân tán, gọi là thời kì Ngũ đại, Thập quốc (năm triều đại, mười nước) kéo dài từ năm 907 đến năm 960.

Năm 960, Triệu Khuông Dã lập ra nhà Tống. Sau một thời kì phát triển mạnh mẽ, từ thế kỉ XII, nhà Tống suy yếu và chịu nhiều sức ép quân sự từ các tộc người ở phía bắc. Năm 1258, người Mông Cổ từng bước đánh chiếm lãnh thổ Trung Quốc rồi lập ra nhà Nguyên (1271). Năm 1279, nhà Tống hoàn toàn sụp đổ. Nền cai trị ngoại tộc của nhà Nguyên khiến mâu thuẫn giữa người Mông Cổ và người Hán trở nên sâu sắc, dẫn tới nhiều cuộc nổi dậy của dân chúng.

Năm 1368, một lãnh tụ khởi nghĩa nông dân là Chu Nguyên Chương đã đánh đuổi người Mông Cổ, lập ra nhà Minh (1368 – 1644). Đây là thời kì nền chính trị, kinh tế

và văn hoá Trung Quốc đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Đến đầu thế kỉ XVII, nhà Minh suy yếu. Năm 1644, người Mãn Châu chiếm thành Bắc Kinh, bắt đầu xác lập nền cai trị của Vương triều Thanh ở Trung Quốc. Dưới thời ba vị vua Khang Hy, Ung Chính, Càn Long, Trung Quốc phát triển ổn định. Từ thế kỉ XIX, nhà Thanh suy yếu và đối mặt với nguy cơ xâm lược của thực dân phương Tây.

? *Đọc thông tin, hãy lập sơ đồ tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX.*

2. Sự thịnh vượng của Trung Quốc thời Đường (618 – 907)

Nhân lúc nhà Tùy khủng hoảng, năm 618, Lý Uyên khởi binh lập ra nhà Đường.

Bộ máy nhà nước thời Đường được tổ chức chặt chẽ từ trung ương đến địa phương. Luật pháp được hoàn thiện. Nhà nước mở nhiều khoa thi để tuyển chọn nhân tài làm quan.



Hình 6.1. Vua Đường Thái Tông
(tranh vẽ)



Vua Đường Thái Tông (598 – 649) từng nói: “Người làm vua cần phải bảo vệ cho dân chúng, nếu gây tổn hại cho dân chúng để phụng dưỡng bản thân mình, thì cũng giống như cắt thịt trên đùi mình để ăn cho no bụng. Mặc dù bụng được no nhưng rồi người sẽ chết”. Giai đoạn trị vì của ông được gọi là thời kì thịnh trị Trinh Quán.

Sau khi ổn định trong nước, nhà Đường đem quân chiếm Nội Mông, chinh phục Tây Vực, xâm lược Triều Tiên, củng cố chế độ cai trị ở An Nam,... Từ cuối thế kỉ VII, nhà Đường tiến hành các cuộc viễn chinh quân sự dọc theo “con đường Tơ lụa”, xâm nhập vào vùng sa mạc phía tây. Năm 751, quân đội nhà Đường đã đụng độ với các đạo quân Hồi giáo tại khu vực Trung Á. Đây là tham vọng quân sự lớn nhất của nhà Đường để mở rộng lãnh thổ về phía tây.

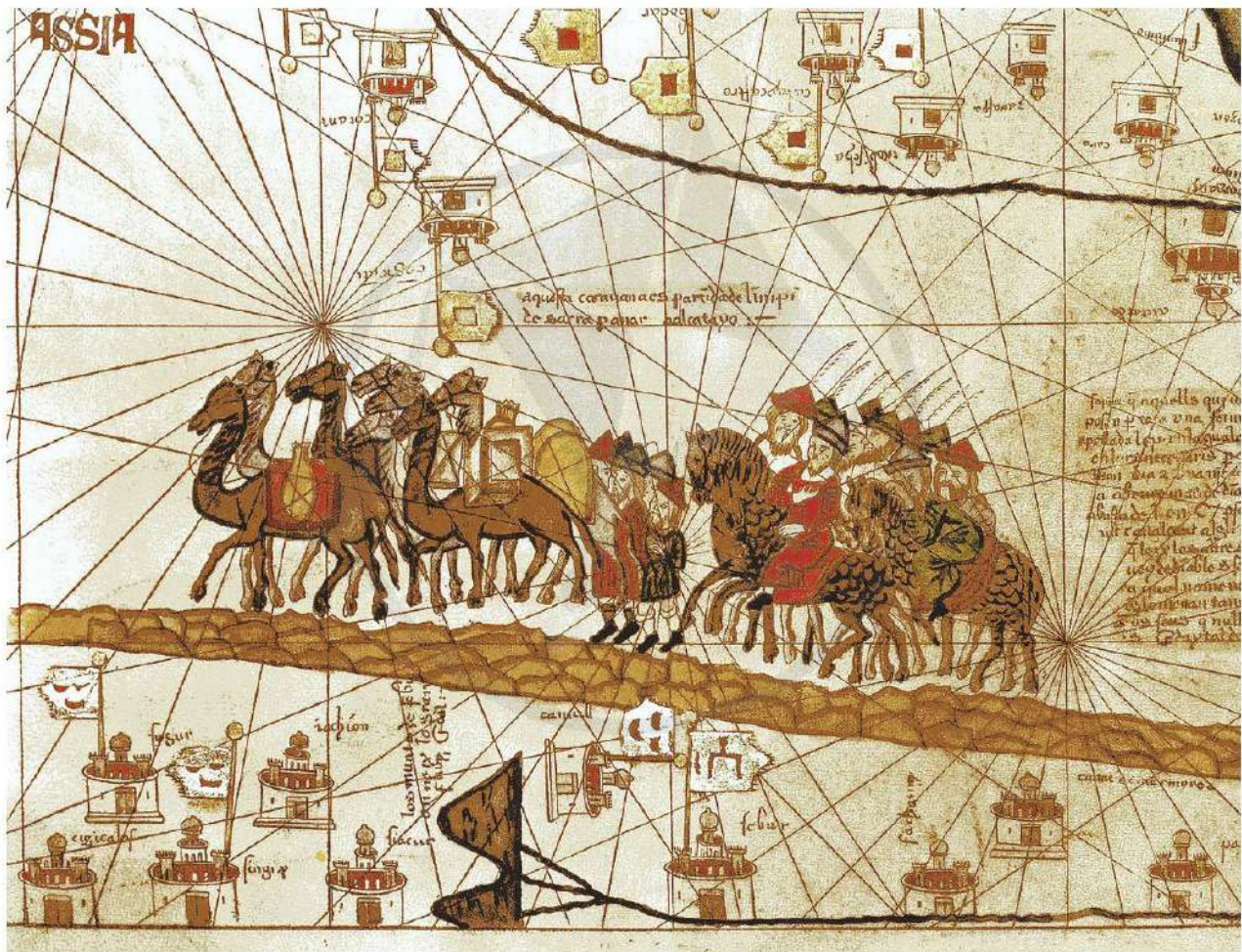
Nhà Đường áp dụng chế độ quân điền, chia ruộng đất cho nông dân, giảm thuế khoá. Nhờ đó, sản xuất nông nghiệp phát triển mạnh mẽ. Thủ công nghiệp thời Đường cũng phát triển đa dạng, các xưởng sản xuất được tổ chức quy mô lớn với nhiều sản phẩm nổi tiếng như gốm sứ, tơ lụa, giấy, đồ đồng,...

Trong lĩnh vực thương mại, Trung Quốc thu hút một lượng lớn thương nhân từ nhiều khu vực thông qua cả “con đường Tơ lụa” trên bộ và trên biển. Vào giữa thế kỉ VIII, thành Trường An là một trong các đô thị lớn nhất thế giới. Thành phố có dân số gần 1 triệu người với 108 khu phố và hai chợ lớn ở phía đông và phía tây.



“Người nào chiếm hữu nhiều đất đai hơn hạn định thì mẫu ruộng tăng thêm đầu tiên bị phạt đánh mười trượng. Cứ thêm mười mẫu thì tội nặng thêm một bậc... Hình phạt tối đa là một năm lao dịch khổ sai”.

(Đường luật)



Hình 6.2. Thương nhân trên “con đường Tơ lụa” (tranh vẽ)



Vào thế kỉ IX, cảng Quảng Châu là một trong những cửa ngõ của “con đường Tơ lụa” trên biển. Tại đây có khoảng 120 000 thương nhân nước ngoài buôn bán. Họ tham gia trao đổi tơ lụa, gốm sứ, gia vị, hương liệu,...



Hình 6.3. Tượng thương nhân Tây Á ở Trường An (thế kỉ VII)

? *Đọc thông tin và quan sát các hình 6.2, 6.3, hãy trình bày những nét chính về sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường.*

3. Kinh tế Trung Quốc thời Minh, Thanh

Dưới thời Minh, Thanh, kinh tế Trung Quốc phát triển cả về quy mô và trình độ sản xuất.

Hệ thống thủy lợi được mở rộng, giúp thúc đẩy hoạt động di dân, khai phá đất hoang, lập đồn điền. Nhờ đó, hàng triệu người đã di cư đến vùng cao nguyên Sơn Tây, Vân Nam, Quảng Tây,...

Từ thế kỉ XVI, nhiều cây trồng mới được du nhập và phổ biến nhanh chóng như bông, ngô, thuốc lá,... Vì vậy, hoạt động sản xuất nông nghiệp phát triển đa dạng, quy mô được mở rộng.

💡 Dưới thời vua Càn Long (nhà Thanh), diện tích đất canh tác của Trung Quốc đạt 7,35 triệu khoảnh ruộng (diện tích mỗi khoảnh bằng gần 100 mẫu). Đây là thời kì có quy mô đất nông nghiệp lớn nhất trong các triều đại phong kiến ở Trung Quốc.

Thủ công nghiệp thời Minh, Thanh phát triển trên nhiều lĩnh vực như in ấn, luyện kim, khai mỏ, đúc tiền, dệt lụa, làm đồ gốm sứ, làm giấy, chế tác đồ đồng,...

Sản xuất thủ công được tổ chức theo hình thức các xưởng của nhà nước và tư nhân với quy mô ngày càng lớn, được chuyên môn hoá và sử dụng nhiều nhân công. Vào thời Minh, Trung Quốc đã đóng những con thuyền đi biển dài 135 m, sử dụng 9 cánh buồm. Trung Quốc cũng là nơi cung cấp tơ lụa, gốm sứ,... cho thị trường thế giới. Mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa cũng dần xuất hiện với các xưởng dệt lớn, chuyên môn hoá cao, thuê nhiều nhân công.

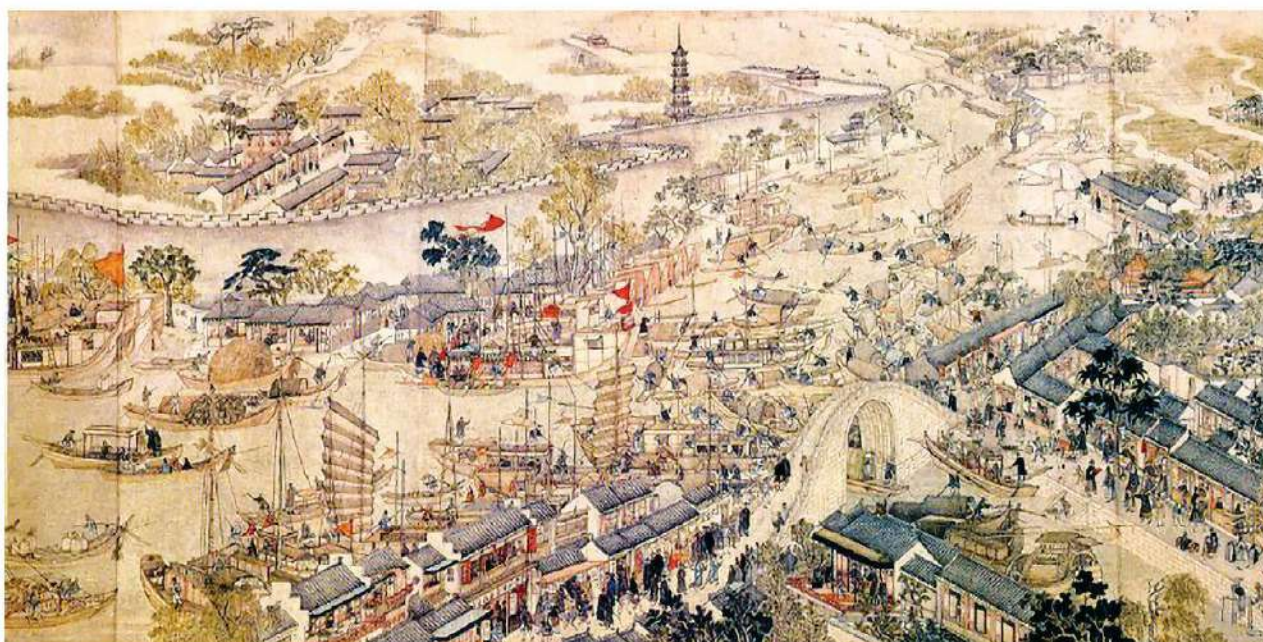


Đồ sứ men xanh trắng bắt đầu được sản xuất tại Trung Quốc từ thế kỉ XIV và nhanh chóng trở thành hàng hoá được người phương Tây ưa thích. Trong nhiều thế kỉ, chúng là món đồ xuất khẩu quan trọng của Trung Quốc. Đến thế kỉ XVIII, người phương Tây mới học được kĩ thuật sản xuất đồ sứ men xanh trắng từ Trung Quốc.



Hình 6.4. Đồ sứ men xanh trắng thời Minh

Thời Minh, Thanh, hoạt động trao đổi, buôn bán của Trung Quốc phát triển với quy mô lớn. Hệ thống đường bộ và đường thủy được mở rộng, kết nối các thành thị sầm uất. Kênh Đại Vận Hà kết nối đồng bằng Trường Giang và Hoàng Hà, sau thời gian bị đình trệ do chiến tranh đã được nạo vét và hoạt động trở lại vào năm 1415, trở thành tuyến vận tải huyết mạch giữa miền Nam và miền Bắc Trung Quốc.



Hình 6.5. Thành Tô Châu thời nhà Thanh thế kỉ XVIII (tranh vẽ)

Sự phát triển của thương mại đã tạo ra nhiều chuyển biến lớn trong xã hội Trung Quốc. Nền sản xuất hàng hoá được mở rộng. Tiền giấy được đưa vào lưu thông và ngày càng phổ biến. Nhiều đô thị phát triển thịnh vượng như Nam Kinh, Tô Châu, Hàng Châu,... Bên cạnh thương nhân từ Đông Nam Á, Ấn Độ, Ba Tư,... số lượng thương nhân phương Tây tới Trung Quốc buôn bán ngày càng đông đảo.

? *Đọc thông tin và quan sát các hình 6.4, 6.5, hãy mô tả sự phát triển của kinh tế Trung Quốc thời Minh, Thanh.*



1. Hãy lập bảng theo mẫu dưới đây và điền nội dung về tình hình kinh tế của Trung Quốc thời Đường và Minh, Thanh.

Vương triều	Lĩnh vực	Nông nghiệp	Thủ công nghiệp	Thương nghiệp
Vương triều Đường		?	?	?
Vương triều Minh, Thanh		?	?	?



2. Hãy tìm hiểu về một vị vua sáng lập triều đại ở Trung Quốc trong giai đoạn thế kỉ VII – XIX và giới thiệu với các bạn cùng lớp.



Bài 7 VĂN HOÁ TRUNG QUỐC

Học xong bài này, em sẽ:

Giới thiệu và nhận xét được những thành tựu chủ yếu của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (Nho giáo, sử học, kiến trúc,...).



Tượng Phật Lạc Sơn được tạc dựng trong hơn 90 năm dưới thời Đường. Với chiều cao 71 m, đây là bức tượng Phật lớn trên thế giới và là một trong những thành tựu tiêu biểu về nghệ thuật điêu khắc Phật giáo của văn hoá Trung Quốc. Năm 1996, công trình này được UNESCO ghi danh là Di sản Thế giới.

Vậy từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX, văn hoá Trung Quốc đã đạt được những thành tựu chủ yếu nào?



Hình 7.1. Tượng Phật Lạc Sơn (Tứ Xuyên, Trung Quốc)



1. Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo

Nho giáo là hệ tư tưởng thống trị trong đời sống chính trị, xã hội Trung Quốc. Thời Tuỳ, Đường, hệ thống khoa cử được mở rộng, từng bước đưa các nho sĩ trở thành trụ cột của nền hành chính. Nho giáo cũng thúc đẩy sự phát triển của tri thức và văn hoá Trung Quốc.

Bên cạnh Nho giáo, các tôn giáo như Phật giáo, Đạo giáo,... cũng đóng vai trò quan trọng trong đời sống chính trị, xã hội và văn hoá Trung Quốc. Dưới thời Đường, Phật giáo rất thịnh hành và được đông đảo các tầng lớp xã hội tôn sùng. Nhiều vị hoàng đế cho xây chùa, đúc chuông, tạc tượng, in kinh Phật.



Khổng Tử chủ trương dùng đức, lễ và nhân để cai trị xã hội. Tuy nhiên, tầng lớp thống trị thời Hán, Tống, Minh đã cải biến tư tưởng của ông cho phù hợp với lợi ích của họ.

Hình 7.2. Miếu thờ Khổng Tử (Sơn Đông, Trung Quốc)

? Đọc thông tin và quan sát các hình 7.1, 7.2, hãy giới thiệu và nhận xét về tư tưởng và tôn giáo chủ yếu của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX.

2. Văn học, sử học

Về văn học, có nhiều thành tựu tiêu biểu với các thể loại: phú, thơ, từ, kịch, tiểu thuyết chương hồi.



Hình 7.3. Đỗ Phủ (tranh vẽ)

 **Đỗ Phủ (712 – 770)** được người đời sau gọi là Thi Thánh (Thánh thơ). Thơ của ông bao quát nhiều chủ đề trong cuộc sống, nổi bật là phản ánh hiện thực xã hội và số phận của con người giữa thời chiến tranh loạn lạc.

Thời Đường, thơ ca Trung Quốc phát triển đến đỉnh cao với khoảng 2 000 nhà thơ và 50 000 tác phẩm. Có thể kể đến các nhà thơ tiêu biểu như Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị,...

Dưới thời Minh, Thanh, tiểu thuyết chương hồi phát triển với nhiều kiệt tác như *Tam quốc diễn nghĩa* (của La Quán Trung), *Thủy hử* (của Thi Nại Am), *Tây du kí* (của Ngô Thừa Ân), *Hồng lâu mộng* (của Tào Tuyết Cần),...

Về sử học, Trung Quốc có truyền thống biên soạn lịch sử, được thực hiện bởi cả nhà nước và tư nhân. Vào thời Đường, cơ quan chép sử nhà nước được thành lập, gọi là Sử quán. Nền sử học Trung Quốc có nhiều công trình lớn, tiêu biểu là 26 bộ sử của các triều đại như *Tổng sử*, *Nguyên sử*, *Minh sử*, *Thanh thực lục*,... và sự ra đời của nhiều bộ bách khoa thư đồ sộ như *Vĩnh Lạc đại điển* (thời Minh), *Tứ khố toàn thư* (thời Thanh),...

 *Đọc thông tin và quan sát hình 7.3, hãy giới thiệu và nhận xét về các thành tựu văn học và sử học của Trung Quốc thời phong kiến.*

3. Nghệ thuật

Nghệ thuật Trung Quốc phát triển đa dạng, đạt tới trình độ cao ở nhiều lĩnh vực như kiến trúc, điêu khắc, hội họa, thư pháp, chế tác đồ thủ công,...

Nhiều công trình kiến trúc đặc sắc đã trở thành biểu tượng của văn hoá Trung Quốc như Vạn Lý Trường Thành, lầu Hoàng Hạc, chùa Thiếu Lâm, Tử Cấm Thành,...

 **Tử Cấm Thành (Bắc Kinh, Trung Quốc)** được xây dựng dưới thời Minh. Đây là nơi ở của hoàng đế và hoàng gia Trung Quốc trong hơn 5 thế kỉ. Theo một số ghi chép, toàn bộ công trình có 9 999 gian phòng, gắn với quan niệm Thiên tử là con Trời và chỉ ở Thiên cung mới có 10 000 phòng.

Hình 7.4. Một góc Tử Cấm Thành (Bắc Kinh, Trung Quốc)



 *Đọc thông tin và quan sát hình 7.4, hãy giới thiệu và nhận xét các thành tựu nghệ thuật tiêu biểu của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX.*

4. Khoa học và kĩ thuật

Tiếp nối thành tựu kĩ thuật từ thời kì cổ đại, các lĩnh vực dệt lụa tơ tằm, làm giấy, làm đồ gốm tiếp tục được duy trì và có bước phát triển mới. Bên cạnh đó, một số lĩnh vực, ngành nghề mới xuất hiện hoặc có nhiều tiến bộ như làm đồ sứ, chế tạo thuốc súng, khai thác hầm mỏ,... La bàn đi biển và bánh lái tàu thuyền cũng có nhiều cải tiến mới.

Sự phát triển từ kĩ thuật in khắc gỗ sang in bằng chữ rời ở Trung Quốc (thế kỉ XI) giúp gia tăng số lượng sách và hoạt động truyền bá tri thức. Từ thế kỉ XI, thuốc súng bắt đầu được người Trung Quốc sử dụng làm vũ khí. Dưới thời Tống, họ đã sử dụng la bàn để đi biển, tạo ra một bước tiến mới trong kĩ thuật hàng hải.



Hình 7.5. La bàn thời Tống



Các la bàn cổ Trung Quốc dùng hệ can chi để tạo ra 24 hướng tương đương 360 độ. Mỗi chữ chỉ hướng tương ứng với 15 độ.

Nền văn hoá Trung Quốc phát triển đa dạng và đạt được nhiều thành tựu. Các thành tựu văn hoá này không chỉ thúc đẩy sự phát triển của Trung Quốc mà còn có ảnh hưởng tới khu vực châu Á và thế giới.

? *Đọc thông tin và quan sát hình 7.5, hãy:*

- *Trình bày các thành tựu khoa học và kĩ thuật của Trung Quốc.*
- *Đánh giá tầm quan trọng của các phát minh khoa học và kĩ thuật của Trung Quốc.*



1. Giới thiệu các thành tựu văn hoá chủ yếu của Trung Quốc thời phong kiến.

2. Văn hoá Trung Quốc đã có những đóng góp quan trọng nào cho lịch sử nhân loại?



3. Hãy sưu tầm tư liệu về ảnh hưởng của văn hoá Trung Quốc ở khu vực châu Á để giới thiệu với thầy cô và các bạn cùng lớp.

ẤN ĐỘ TỪ THẾ KỈ IV ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX



Bài 8 KHÁI QUÁT LỊCH SỬ ẤN ĐỘ THỜI PHONG KIẾN

Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được những nét chính về điều kiện tự nhiên của Ấn Độ.
- Trình bày khái quát được sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ thời phong kiến dưới các vương triều: Gupta, Hồi giáo Đê-li, Mô-gôn.



A-cơ-ba là vị vua nổi tiếng của Ấn Độ thời phong kiến, rất giỏi chính sự. Vua thích bàn luận về tôn giáo, coi trọng trí thức, là biểu tượng về sự hoà hợp dân tộc và “thời kì hoàng kim” của Ấn Độ thời phong kiến. Nhiều sử gia đánh giá A-cơ-ba là vị vua kiệt xuất trong lịch sử nhân loại.

Vậy Ấn Độ thời phong kiến có những vương triều tiêu biểu nào? Điều kiện tự nhiên của Ấn Độ có gì nổi bật? Tình hình chính trị, kinh tế và xã hội của Ấn Độ thời phong kiến ra sao?



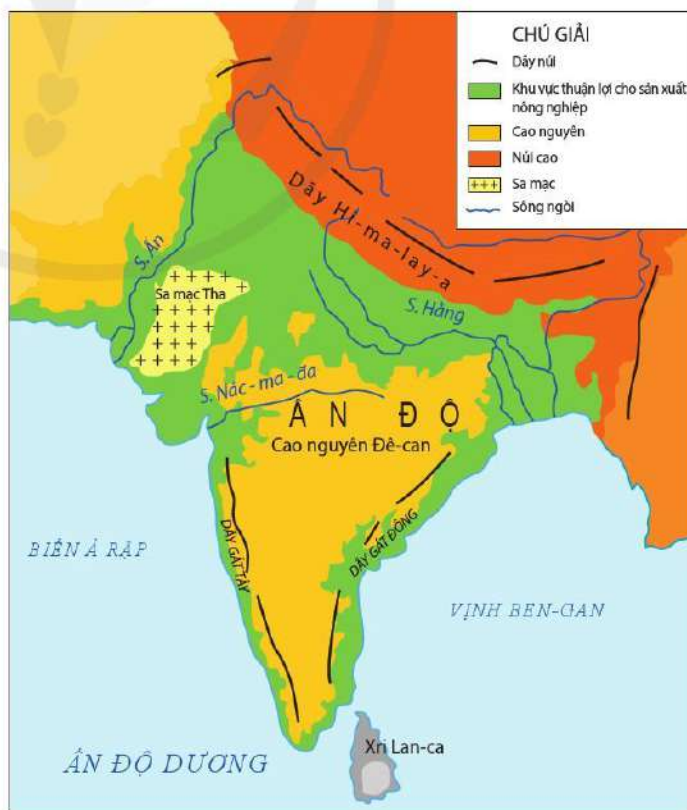
Hình 8.1. Vua A-cơ-ba (tranh vẽ)



1. Điều kiện tự nhiên

Lãnh thổ Ấn Độ thuộc khu vực Nam Á với diện tích rộng hơn 3 triệu km².

Ấn Độ có địa hình đa dạng. Ba mặt (đông, tây, nam) giáp biển là điều kiện tốt cho hoạt động thương mại. Phía tây bắc và đông bắc là đồng bằng màu mỡ do phù sa của sông Ấn, sông Hằng bồi đắp, thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Dãy Hi-ma-lay-a cao như bức tường thành che chắn ở phía bắc. Cao nguyên Đê-can cùng hai dãy núi Gát Tây và Gát Đông ở phía nam có nhiều khu rừng nguyên sinh với nguồn lâm sản, hương liệu quý.



Lược đồ 8. Điều kiện tự nhiên Ấn Độ

Ấn Độ nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa, nhưng do lãnh thổ rộng lớn và bức chắn địa hình làm cho khí hậu có sự khác biệt giữa các vùng. Sự đa dạng về điều kiện tự nhiên đã tác động lớn đến lịch sử Ấn Độ thời phong kiến.

- ?** *Đọc thông tin và quan sát lược đồ 8, hãy cho biết:*
- Những nét chính về điều kiện tự nhiên của Ấn Độ.
 - Tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự phát triển kinh tế của Ấn Độ.

2. Sự ra đời của các vương triều: Gúp-ta, Hồi giáo Đê-li, Mô-gôn

Từ cuối thế kỉ III TCN, Ấn Độ rơi vào tình trạng chia rẽ, phân tán, kéo dài đến các thế kỉ đầu Công nguyên.

Từ đầu thế kỉ IV, Ấn Độ bước vào thời kì phong kiến, trải qua nhiều triều đại khác nhau, nhưng nổi bật là các vương triều: Gúp-ta, Hồi giáo Đê-li, Mô-gôn.



Sơ đồ 8.1. Khái quát tiến trình lịch sử Ấn Độ thời phong kiến (thế kỉ IV – giữa thế kỉ XIX)



Hình 8.2. Chiến binh Hồi giáo trong cuộc xâm lược Ấn Độ (tranh vẽ)

Vương triều Gúp-ta do San-đra Gúp-ta I sáng lập năm 319. Gúp-ta I có vai trò tổ chức, chống lại sự xâm lấn của các tộc người Trung Á vào Ấn Độ, thống nhất miền Bắc, sau đó tấn công chiếm cao nguyên Đê-can, làm chủ toàn bộ miền Trung Ấn Độ. Năm 467, Vương triều Gúp-ta sụp đổ, Ấn Độ lại rơi vào phân tán, loạn lạc kéo dài.

Vương triều Hồi giáo Đê-li ra đời năm 1206, gắn liền với cuộc chinh chiến, xâm lược của người Tuốc (theo Hồi giáo) vào miền Bắc Ấn Độ.

💡 Năm 1055, người Tuốc lập nên vương quốc Hồi giáo ở vùng Lưỡng Hà, sau đó truyền bá Hồi giáo đến I-ran, Trung Á. Họ tiếp tục mở rộng địa bàn, lập thêm vương quốc Hồi giáo ở giáp tây bắc Ấn Độ, xâm chiếm các vương quốc ở miền Bắc Ấn Độ rồi lập ra Vương triều Hồi giáo Đê-li (tên kinh đô).

Vương triều Mô-gôn ra đời năm 1526, gắn liền với cuộc xâm lược của một bộ phận người Mông Cổ (theo Hồi giáo). Sau khi đánh chiếm Đê-li, họ lập ra Vương triều Mô-gôn. Giữa thế kỉ XIX, đế quốc Anh xâm lược và lật đổ Vương triều Mô-gôn.

? *Đọc thông tin và quan sát sơ đồ 8.1, hình 8.2, hãy trình bày khái quát sự ra đời của các vương triều: Gúp-ta, Hồi giáo Đê-li, Mô-gôn.*

3. Tình hình chính trị

Bộ máy nhà nước ở Ấn Độ do vua đứng đầu, có quyền lực tuyệt đối, theo hình thức cha truyền con nối. Giúp việc cho vua là các quan lại, quý tộc và tướng lĩnh.

Để cai trị đất nước, mỗi vị vua có chính sách riêng. Nhưng do tồn tại chế độ đẳng cấp và mâu thuẫn dân tộc, nên tình hình chính trị Ấn Độ thường bất ổn.



Sơ đồ 8.2. Một số chính sách của các vương triều: Gúp-ta, Hồi giáo Đê-li, Mô-gôn



“A-cơ-ba xây dựng một trường học lớn và bổ trí một hội trường để học giả thuộc các tôn giáo khác nhau đến tranh luận. Thành phần tôn giáo của các học giả rất đa dạng: có người Hồi giáo, Ấn Độ giáo, Cơ Đốc giáo,... thậm chí là Tân giáo và Do Thái giáo”.

(Thập đại Tùng thư – 10 đại hoàng đế thế giới, Nxb Văn hoá Thông tin)

Hình 8.3. Vua A-cơ-ba tổ chức một hội nghị tôn giáo (tranh vẽ)

? Đọc thông tin, tư liệu và quan sát sơ đồ 8.2, các hình 8.1, 8.3, hãy khái quát tình hình chính trị của Ấn Độ dưới thời các vương triều: Gúp-ta, Hồi giáo Đê-li, Mô-gôn.

4. Tình hình kinh tế

Các vương triều vừa chú trọng xây dựng và củng cố quyền lực, vừa ban hành chính sách khôi phục đất nước nên nền kinh tế có bước phát triển mới.

Nông nghiệp vẫn là ngành kinh tế chủ đạo của Ấn Độ. Chế độ sở hữu ruộng đất có nhiều loại hình như ruộng của nhà nước, công xã, quý tộc, tăng lữ, địa chủ,... Ngoài trồng lúa, người dân Ấn Độ còn trồng nhiều loại cây khác (dừa, dâu, bông, mía, quế, tiêu,...) và nuôi nhiều gia súc, gia cầm (trâu, bò, lạc đà, ngựa, gà, vịt,...).

Thời kì Gúp-ta, công cụ lao động bằng sắt được sử dụng phổ biến nên diện tích canh tác mở rộng hơn, nhiều công trình thủy lợi được xây dựng, trong đó có kênh đào dài gần 200 km. Thời kì Đê-li, người dân trồng hàng chục giống lúa, canh tác đạt năng suất cao,... Thời kì Mô-gôn, kinh tế nông nghiệp tiếp tục được đẩy mạnh. Vua A-cơ-ba cho đo đạc ruộng đất, định mức thuế hợp lí với nông dân.

“Về ngũ cốc,... họ gieo trồng hai vụ một năm. Khi mưa xuống vào mùa hè, họ bắt đầu gieo hạt cho vụ thu và 60 ngày sau thì tiến hành thu hoạch,... Đối với lúa, họ gieo trồng ba vụ một năm và đây là một trong các cây lương thực chủ yếu. Họ cũng trồng thêm vùng và mìa”.

(Những chuyến du hành của In Ba-tu-ta, 1325 – 1354, tập III)

Sản xuất thủ công nghiệp và hoạt động thương nghiệp cũng có bước phát triển mới. Các nghề thủ công như dệt, chế tác đồ trang sức, luyện kim, đóng thuyền,... được mở rộng, với nhiều sản phẩm phong phú và tinh xảo.

Thời kì Gúp-ta, thông qua “con đường Tơ lụa”, thương nhân Ba Tư, Ả Rập, Trung Quốc,... đến Ấn Độ để trao đổi các loại hàng hoá nổi tiếng như tơ lụa, vàng, bạc, gia vị,...

Thời kì Đê-li, các nghề thủ công truyền thống tiếp tục phát triển và có sự phân hoá mạnh về ngành nghề (gắn liền với sự ra đời của chế độ Cax-ta). Vải in có hoa văn đẹp, đồ sứ tráng men, đồ trang sức,... là những sản phẩm tiêu biểu của thời kì này.



Hình 8.4. Kỹ thuật in Ka-lam-ka-ri trên vải của thợ thủ công, miêu tả các vị thần

 In ấn, vẽ trên vải là nghệ thuật thủ công cổ truyền, độc đáo ở Ấn Độ. Ka-lam-ka-ri là kiểu in dựa vào lối vẽ, kể chuyện của những nhạc sĩ lang thang (chi-tra-kar). Nội dung in, vẽ trên tấm vải rất phong phú, thường là tả các vị thần trong các sử thi *Ma-ha-bha-ra-ta*, *Ra-ma-y-a-na*,...

Thời kì Mô-gôn, sự phát triển của thủ công nghiệp thường gắn liền với các thành thị, trung tâm tôn giáo, bến cảng (vịnh Ben-gan, biển Ả Rập,...). Sông Hằng tiếp tục là đường giao thông thủy quan trọng của Ấn Độ. Sản phẩm được người dân Ấn Độ và thương nhân nước ngoài trao đổi chủ yếu là hàng thủ công, hương liệu, gia vị,...

 *Đọc thông tin, tư liệu và kết hợp quan sát hình 8.4, hãy khái quát tình hình kinh tế của Ấn Độ dưới thời các vương triều: Gúp-ta, Hồi giáo Đê-li, Mô-gôn.*

5. Tình hình xã hội

Từ các thế kỉ IV – V, do những thay đổi về địa bàn cư trú, phân hoá nghề nghiệp, địa vị kinh tế,... nên tình trạng phân biệt chủng tộc ở Ấn Độ được giảm bớt. *Chế độ Vác-na* dần chuyển sang *chế độ Cax-ta*.



Chế độ Vác-na (có từ thời cổ đại) là nét đặc trưng trong quan hệ xã hội ở Ấn Độ, phân chia cư dân thành bốn đẳng cấp theo chủng tộc và địa vị xã hội: Bra-man, Ksa-tri-a, Vai-si-a và Su-đra.

Chế độ Cax-ta phân chia cư dân dựa trên sự khác biệt về nghề nghiệp, địa vị xã hội và tôn giáo. Ấn Độ thời phong kiến có hàng trăm Cax-ta khác nhau. Mỗi Cax-ta lại có tập quán, tín ngưỡng, quy định riêng về hôn nhân, nghi lễ,...

Ngoài những mâu thuẫn của chế độ Cax-ta, xã hội Ấn Độ còn xuất hiện mâu thuẫn giai cấp và mâu thuẫn dân tộc, đặc biệt là giữa người Ấn Độ giáo và người Hồi giáo.

Thời kì Gúp-ta, quá trình phong kiến hoá đưa tới sự ra đời của hai giai cấp cơ bản: địa chủ phong kiến (có nguồn gốc chủ yếu từ tầng lữ, quý tộc, vũ sĩ) và nông dân (xuất thân từ những người lao động). Đến thời kì Đê-li và Mô-gôn, quý tộc Hồi giáo chiếm nhiều ruộng đất, trở thành tầng lớp thống trị. Nông dân là lực lượng đông đảo nhất trong xã hội, nhận ruộng đất của địa chủ để canh tác và nộp tô.



Sơ đồ 8.3. Sự phân hoá trong xã hội Ấn Độ thời phong kiến



Đọc thông tin và quan sát sơ đồ 8.3, hãy trình bày khái quát tình hình xã hội Ấn Độ dưới thời các vương triều: Gúp-ta, Hồi giáo Đê-li, Mô-gôn.



1. Hoàn thành bảng biểu về các vương triều ở Ấn Độ thời phong kiến (theo mẫu).

Tên vương triều	Thời gian tồn tại	Sự ra đời	Chính sách cai trị
Gúp-ta	?	?	?
Hồi giáo Đê-li	?	?	?
Mô-gôn	?	?	?



2. Lập bảng thống kê về tình hình kinh tế và xã hội Ấn Độ thời phong kiến.

3. Hãy giới thiệu một vương triều ở Ấn Độ thời phong kiến với thầy cô và bạn cùng lớp.



Bài 9 VĂN HOÁ ẤN ĐỘ THỜI PHONG KIẾN

Học xong bài này, em sẽ:

Giới thiệu và nhận xét được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX.



Lăng Ta-giơ Ma-han được xây dựng vào thế kỉ XVII, là biểu tượng về tình yêu vĩnh cửu của vua Sa Gia-han dành cho hoàng hậu của mình (đã mất). Công trình này được ví như “Viên ngọc của những đền đài Ấn Độ” và là một trong những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ thời phong kiến. Năm 1983, lăng Ta-giơ Ma-han được UNESCO ghi danh là Di sản Thế giới.

Ngoài công trình trên, Ấn Độ thời phong kiến còn có nhiều thành tựu văn hoá trên các lĩnh vực tôn giáo, chữ viết, văn học, kiến trúc, điêu khắc,...

Vậy văn hoá Ấn Độ thời phong kiến có những thành tựu tiêu biểu nào?



Hình 9.1. Lăng Ta-giơ-Ma-han ở A-gra



1. Tôn giáo

Ấn Độ là quê hương của nhiều tôn giáo lớn như Ấn Độ giáo, Phật giáo, Giai-na giáo (Kì-na giáo),... Đồng thời, Ấn Độ còn là nơi Hồi giáo, Thiên Chúa giáo được truyền bá rộng rãi. Từ xa xưa, tôn giáo đã gắn bó mật thiết với cuộc sống của người dân Ấn Độ.



Ấn Độ giáo bắt nguồn từ đạo Bà-la-môn, được người dân bổ sung để thích ứng với hoàn cảnh mới.

Có hơn 80 % dân số Ấn Độ tự nhận mình là tín đồ Ấn Độ giáo. Họ thờ nhiều vị thần, trong đó có ba thần tối cao: Bra-ma (thần Sáng tạo), Vit-xnu (thần Bảo vệ, đại diện cho lực lượng tốt lành) và Si-va (thần Huỷ diệt).



Hình 9.2. Tượng ba vị thần (từ trái qua phải): Bra-ma, Vit-xnu, Si-va được thờ tại đền Hoi-sa-le-oa (thị trấn Ha-le-bi-du, bang Kar-na-ta-ka)

? Đọc thông tin và quan sát các hình 9.1, 9.2, hãy giới thiệu những nét chính về tôn giáo ở Ấn Độ thời phong kiến.

2. Chữ viết và văn học

Chữ Phạn có từ thời cổ đại đã đạt đến mức hoàn thiện, được sử dụng phổ biến trong sáng tác văn học. Chữ Phạn cũng trở thành cơ sở để sáng tạo ra nhiều loại chữ viết khác như Hin-đi, Đê-va-na-ga-ri,...

Văn học Ấn Độ chịu ảnh hưởng của tôn giáo, gồm nhiều thể loại: thơ ca, kịch, truyện thần thoại,... Tác giả Ca-li-đa-xa (thời kì Gúp-ta) là ngôi sao sáng của sân khấu và văn học Ấn Độ, với hai tác phẩm bất hủ: khúc bi ca *Sứ mây* và vở kịch *Sơ-cun-tơ-la*.



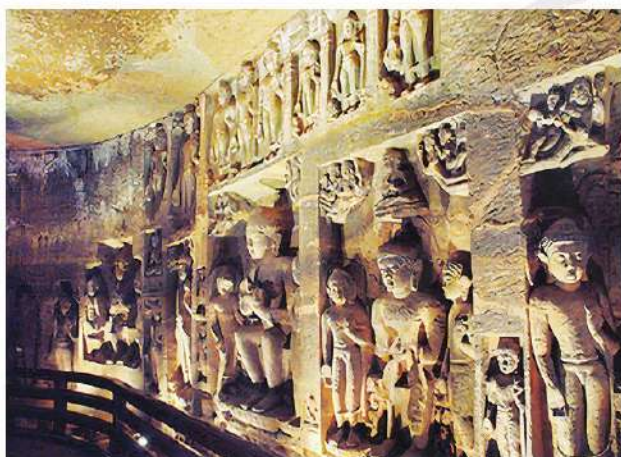
Ngày nay, Ấn Độ có 22 ngôn ngữ được công nhận đồng chính thức, trong đó có tiếng Hin-đi, với hệ thống chữ viết Đê-va-na-ga-ri. Ngôn ngữ chính thức thứ hai là tiếng Anh.



Đọc thông tin và giới thiệu một số thành tựu tiêu biểu về chữ viết và văn học của Ấn Độ thời phong kiến.

3. Kiến trúc, điêu khắc

Thời phong kiến, Ấn Độ có nhiều công trình kiến trúc được xây dựng mới, cùng nghệ thuật điêu khắc rất đặc sắc. Điều đặc biệt là tất cả các công trình kiến trúc như đền, chùa, lâu đài, tháp, lăng,... đều chịu ảnh hưởng của tôn giáo.



Hình 9.3. Điêu khắc trong chùa hang A-gian-ta

Kiến trúc Phật giáo nổi tiếng với hệ thống chùa hang A-gian-ta, được xây dựng chủ yếu dưới thời kì Gúp-ta. Chùa được khoét sâu vào vách núi, tạo thành hang (gồm 30 hang), mỗi hang cao hơn 70 m, có bàn thờ Phật, đại sảnh để làm lễ,...

Trong chùa hang A-gian-ta có nhiều bức họa sinh động về sự tích nhà Phật và cuộc sống của người dân Ấn Độ đương thời. Phía ngoài hang là các hàng cột đá đục liền, có hoa văn trang trí đặc sắc.

Kiến trúc Hồi giáo (lăng, thánh đường) thường có đặc điểm hình mái vòm, họa tiết được trang trí công phu trên tường, mái, cột trụ, trần nhà,... với nhiều màu sắc lấp lánh, rực rỡ. Điển hình là lăng Ta-giơ Ma-han, lăng Hu-may-un,...



Đọc thông tin và quan sát các hình từ 9.1 đến 9.3, hãy:

– Giới thiệu những công trình kiến trúc, điêu khắc tiêu biểu của Ấn Độ thời phong kiến.

– Nêu nhận xét về văn hoá Ấn Độ thời phong kiến.



1. Trình bày một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ thời phong kiến.



2. Giới thiệu một công trình văn hoá tiêu biểu của Việt Nam có ảnh hưởng từ văn hoá Phật giáo hoặc Hin-đu giáo của Ấn Độ.

ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI



Bài 10 KHÁI QUÁT LỊCH SỬ ĐÔNG NAM Á

Học xong bài này, em sẽ:

- Mô tả được quá trình hình thành, phát triển của các quốc gia Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.
- Giới thiệu và nhận xét được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.



“Đọc theo các con đường, người ta mang gia súc đi trao đổi, cưới ngựa đi bán. Ai muốn mua bán voi cũng được, ai muốn mua bán ngựa cũng được, ai muốn trao đổi vàng bạc cũng được”. Đây là đoạn văn bia mô tả về sự thịnh vượng của Vương quốc Su-khô-thay ra đời ở Đông Nam Á vào thế kỉ XIII. Vậy các quốc gia Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI đã hình thành và phát triển như thế nào? Thành tựu văn hoá tiêu biểu của khu vực Đông Nam Á thời kì này là gì?



1. Quá trình hình thành, phát triển của các quốc gia Đông Nam Á

Từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI, bên cạnh các vương quốc ra đời từ trước như Chăm-pa, Ăng-co, Sri Vi-giay-a, ở Đông Nam Á diễn ra quá trình hình thành của nhiều vương quốc mới.

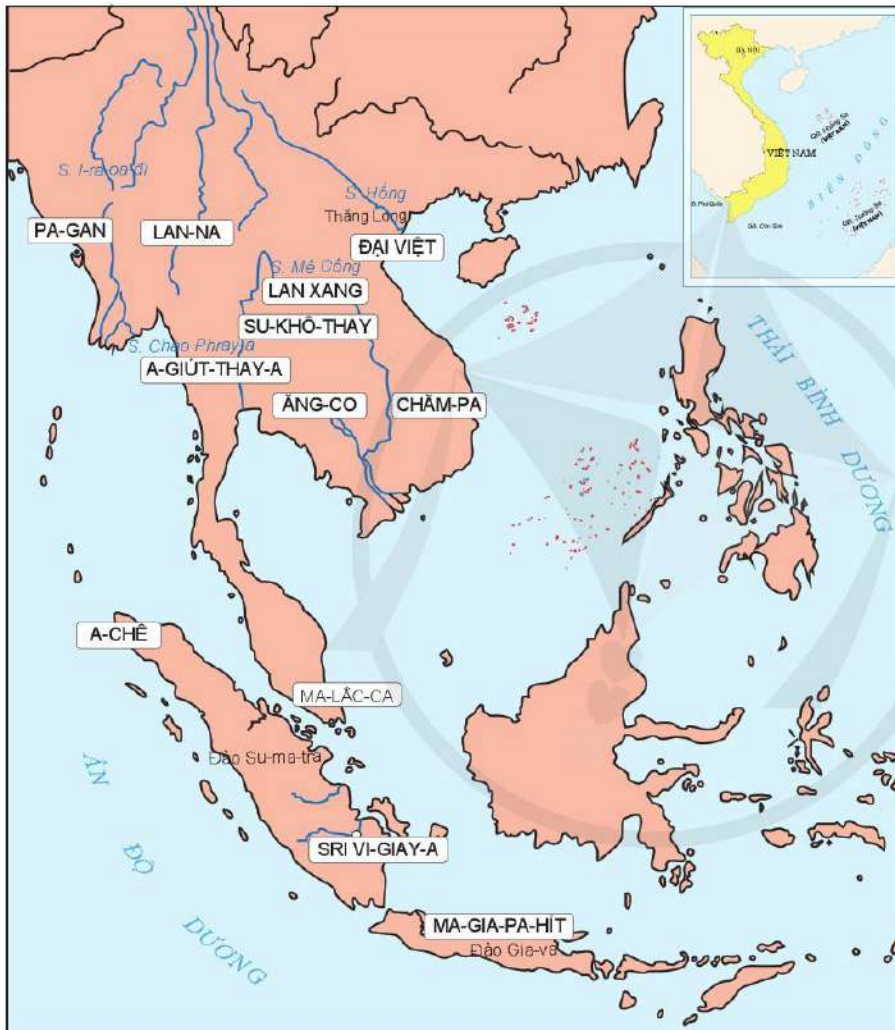
Tại vùng Đông Nam Á lục địa, nhà nước độc lập của người Việt được xác lập trên vùng châu thổ sông Hồng (thế kỉ X). Tại lưu vực sông I-ra-oa-di thuộc lãnh thổ Mi-an-ma ngày nay, Vương quốc Pa-gan được thành lập vào khoảng thế kỉ X, mở ra bước phát triển mới của người Miến. Dọc theo đồng bằng sông Mê Công và Chao Phray-a, nhiều vương quốc mới của cư dân nói tiếng Thái đã ra đời như Lan-na (thế kỉ XIII), Su-khô-thay (thế kỉ XIII), A-giút-thay-a (thế kỉ XIV), Lan Xang (thế kỉ XIV).

Ở Đông Nam Á hải đảo, Vương quốc Ma-gia-pa-hít ra đời ở thế kỉ XIII trên đảo Gia-va. Quá trình xâm nhập của Hồi giáo cũng đưa tới sự thành lập các vương quốc: Ma-lắc-ca (thế kỉ XV), A-chê (thế kỉ XV),...

Trong thời kì này, các vương quốc Đông Nam Á có sự phát triển nhanh chóng trên nhiều lĩnh vực.

Các nhà nước phong kiến khu vực ngày càng được củng cố, phát triển về tổ chức hành chính, bộ máy quan lại, luật pháp. Tiêu biểu như Đại Việt thời Lê sơ từ sau cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông, Vương quốc A-giút-thay-a sau cuộc cải cách của vua Ra-ma-thi-bo-di II.

Về kinh tế, sản xuất nông nghiệp được mở rộng, đặc biệt là ở đồng bằng Chao Phray-a, đồng bằng sông Hồng và đảo Gia-va. Các ngành thủ công nghiệp như làm gốm sứ, dệt lụa, đúc đồng, chế tạo vũ khí cũng phát triển. Đông Nam Á còn là một trong những thị trường thương mại sôi động nhất thế giới, nơi nổi tiếng với các hương liệu, gia vị như trầm hương, hồ tiêu, đậu khấu, sa nhân,...



Lược đồ 10. Các vương quốc tiêu biểu ở Đông Nam Á (thế kỉ X – XVI)



Ma-lắc-ca (1400 – 1511) là vương quốc Hồi giáo thịnh vượng ở Đông Nam Á vào thế kỉ XV. Các thương nhân ở đây thu mua hương liệu, gia vị và hàng hoá từ khắp các khu vực để buôn bán với phương Đông và phương Tây.



Đọc thông tin và quan sát lược đồ 10, hãy mô tả quá trình hình thành, phát triển của các vương quốc Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.

2. Những thành tựu văn hoá tiêu biểu

Trên cơ sở kết hợp sự phát triển của các xã hội địa phương với ảnh hưởng từ bên ngoài, văn hoá Đông Nam Á đã đạt được nhiều thành tựu đặc sắc.

Hin-đu giáo, Phật giáo, Nho giáo và Hồi giáo chi phối đời sống tinh thần và chính trị tại nhiều quốc gia trong khu vực.

Trên cơ sở chữ Phạn và chữ Hán, cư dân khu vực Đông Nam Á đã sáng tạo các chữ viết riêng như chữ Khơ-me, chữ Chăm, chữ Thái, chữ Nôm. Họ sử dụng văn tự để viết văn bia, ghi chép lịch sử, sáng tác văn chương,... như sử thi *Riêm Kê* (Cam-pu-chia), bộ sử *Đại Việt sử ký toàn thư* (Đại Việt).

Cư dân Đông Nam Á đã để lại nhiều công trình đặc sắc như Hoàng thành Thăng Long (Đại Việt); đền tháp Ăng-co (Cam-pu-chia); thành cổ Pa-gan, chùa Suê-da-gon (Mi-an-ma); đền tháp A-giút-thay-a (Thái Lan),...

Các thành tựu văn hoá Đông Nam Á phản ánh sự kế thừa, phát triển thành tựu văn hoá nhân loại, đồng thời cho thấy sự cần cù, sáng tạo trong xây dựng bản sắc riêng của cư dân khu vực.



Hình 10.2. Bia Ram Khăm-hèng
(Vương quốc Su-khô-thay, 1292)

 Bia Ram Khăm-hèng tại Thái Lan được UNESCO ghi danh là Di sản Tư liệu Thế giới. Đây là tấm bia sớm nhất được soạn bằng chữ Thái cổ, giới thiệu về nhà vua Ram Khăm-hèng và sự thịnh vượng của Vương quốc Su-khô-thay ở thế kỉ XIII.



Hình 10.3. Khu thành cổ Pa-gan (Mi-an-ma)

 Thành cổ Pa-gan tại Mi-an-ma được UNESCO ghi danh là Di sản Thế giới. Nơi đây hiện còn khoảng 2 500 ngôi tháp Phật giáo cổ niên đại từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIII. Các công trình này được xây dựng bởi nhiều tầng lớp xã hội khác nhau, từ quý tộc đến quan lại, thương nhân, nông dân khá giả,... phản ánh sự sùng Phật và vai trò của Phật giáo trong đời sống chính trị, xã hội của người Miến.

 *Đọc thông tin và quan sát các hình 10.2, 10.3, hãy trình bày những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI và rút ra nhận xét.*



1. Trình bày những biểu hiện về sự phát triển của các vương quốc Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.



2. Đóng vai là một hướng dẫn viên du lịch, hãy giới thiệu về một công trình kiến trúc tiêu biểu ở Đông Nam Á trong giai đoạn từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.



Bài 11 **VƯƠNG QUỐC CAM-PU-CHIA**

Học xong bài này, em sẽ:

- Mô tả được quá trình hình thành, phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia.
- Nhận biết và đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia thời Ăng-co.
- Nêu được một số nét văn hoá tiêu biểu của Vương quốc Cam-pu-chia.



Đền Ăng-co Vát là một trong những quần thể kiến trúc tôn giáo lớn nhất trong lịch sử nhân loại. Ngôi đền được người Khơ-me xây dựng vào thế kỉ XII, là trung tâm của đô thị Ăng-co với gần 1 triệu dân và có quy mô tương đương thành phố Lốt An-giơ-lét (Hoa Kỳ) hiện nay. Ăng-co Vát gắn liền với sự phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia thời Ăng-co.



Hình 11.1. Một góc đền Ăng-co Vát

Vậy Vương quốc Cam-pu-chia thời Ăng-co hình thành và phát triển ra sao? Những nét văn hoá tiêu biểu của Cam-pu-chia thời kì này là gì?



1. Quá trình hình thành, phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia

Từ thế kỉ VIII, Vương quốc Chân Lạp rơi vào tình trạng phân tán. Lãnh thổ chia làm Thủy Chân Lạp và Lục Chân Lạp, sau đó bị người Gia-va xâm lược. Năm 802, dưới sự lãnh đạo của vua Giay-a-vác-man II, người Khơ-me giành lại độc lập và thống nhất lãnh thổ. Kinh đô được chuyển lên khu vực phía bắc Biển Hồ, mở ra giai đoạn phát triển mới của Vương quốc Cam-pu-chia thời Ăng-co (802 – 1431).

Vương quốc Cam-pu-chia thời Ăng-co xây dựng nhà nước quân chủ chuyên chế tập quyền, trong đó quyền lực của vua được đồng nhất với các vị thần Hin-đu giáo (tín ngưỡng Vua – Thần).

Về kinh tế, người Khơ-me đánh bắt thuỷ sản, săn bắn, khai thác lâm sản và canh tác lúa nước. Nhiều hồ thuỷ lợi và kênh mương được xây dựng với quy mô lớn như Ba-ray Đông, Ba-ray Tây. Các ngành thủ công nghiệp và thương nghiệp phát triển đa dạng. Ở Cam-pu-chia có nhiều thợ thủ công khéo tay, đặc biệt là trong các nghề làm đồ trang sức và chạm khắc trên đá. Ăng-co mở rộng quan hệ buôn bán với Trung Quốc và các quốc gia láng giềng.

“... Người ta có thể làm ba hay bốn vụ lúa một năm... Trong xứ này phụ nữ rất thông hiểu việc mua bán... Mỗi ngày chợ họp từ sáu giờ sáng đến trưa... Đối với việc giao dịch nhỏ, người ta trả bằng gạo, ngũ cốc và hàng hoá Trung Quốc rồi kể đến vải vóc; đối với việc giao dịch lớn, người ta dùng vàng bạc”.

(Chân Lạp phong thổ ký, Chu Đạt Quan, 1293)

Vương quốc Cam-pu-chia thời Ăng-co cũng tiến hành chiến tranh, mở rộng ảnh hưởng tới các khu vực thuộc lãnh thổ Lào và Thái Lan ngày nay, trở thành một thế lực hùng mạnh ở khu vực Đông Nam Á.

? *Đọc thông tin và tư liệu, hãy:*

– *Trình bày quá trình hình thành, phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia từ thế kỉ X đến thế kỉ XVI.*

– *Đánh giá sự phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia thời Ăng-co.*

2. Văn hoá Cam-pu-chia

Từ thế kỉ X đến thế kỉ XV, Hin-đu giáo đóng vai trò chủ đạo, chi phối đời sống chính trị, tư tưởng, nghệ thuật,... của Cam-pu-chia. Từ thế kỉ XV, Phật giáo đã thay thế và trở thành quốc giáo.

Về chữ viết và văn học, cư dân Cam-pu-chia sử dụng chữ Phạn và chữ Kơ-me. Kho tàng văn học thời kì Ăng-co có hàng nghìn văn bia ca tụng thần linh, vua chúa. Các tác phẩm văn học dân gian, truyện thơ, sử thi rất phát triển, tiêu biểu là sử thi *Riêm Kê* và hệ thống các câu chuyện về tiền kiếp của Đức Phật (*Ja-ta-ka*). Nhiều tác phẩm được diễn xướng trên sân khấu hay chuyển thể sang múa rối bóng (Nang-xbéc).



Hình 11.2. Cảnh người Kơ-me chuẩn bị đồ cúng tế (phủ điêu đến Ăng-co Thom)

Về kiến trúc và điêu khắc, người Kơ-me tạo ra những quần thể kiến trúc độc đáo như Ban-tây Srêi, Ăng-co Vát, Ăng-co Thom,...

? *Đọc thông tin và quan sát các hình 11.1, 11.2, hãy nêu một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Vương quốc Cam-pu-chia.*



1. Tại sao nói Vương quốc Cam-pu-chia thời Ăng-co là một trong các vương quốc phát triển hùng mạnh trong khu vực Đông Nam Á thế kỉ X – XV?



2. Suy tầm tư liệu và viết một đoạn văn ngắn giới thiệu về ngôi đền Ăng-co Thom.



Bài 12 VƯƠNG QUỐC LÀO

Học xong bài này, em sẽ:

- Mô tả được quá trình hình thành, phát triển của Vương quốc Lào.
- Nhận biết và đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Lào thời Lan Xang.
- Nêu được một số nét văn hoá tiêu biểu của Vương quốc Lào.



Trên vùng cao nguyên Xiêng Khoảng (Lào) có hàng nghìn chiếc chum đá với đường kính lớn nhất lên đến 3 m. Các nhà khảo cổ học cho rằng cánh đồng Chum là dấu tích của một nền văn hoá kim khí mà chủ nhân là người Lào Thong. Từ thế kỉ XIII – XIV, người Lào Thong bản địa kết hợp với người Lào Lùm di cư đến và lập nên Vương quốc Lào.

Vậy Vương quốc Lào đã hình thành và phát triển ra sao? Những nét văn hoá tiêu biểu của Lào thời kì này là gì?



Hình 12.1. Cánh đồng Chum (Xiêng Khoảng)



1. Quá trình hình thành, phát triển của Vương quốc Lào

Quá trình định cư của người Lào Lùm ở lưu vực sông Mê Công và sự phát triển của nông nghiệp trồng lúa đã đưa đến những biến đổi lớn về kinh tế, chính trị, xã hội trên vùng đất Lào ngày nay. Trên cơ sở các xiềng (liên minh bản làng) và mừng cổ, năm 1353, thủ lĩnh Phả Ngừm lập ra Vương quốc Lan Xang (nghĩa là Triệu Voi). Sự kiện này đánh dấu mốc mở đầu của lịch sử nước Lào. Vương quốc Lan Xang tồn tại từ năm 1353 đến năm 1707.



Phả Ngừm (1316 – 1393) là người sáng lập Vương quốc Lan Xang. Thuở nhỏ, ông lớn lên ở triều đình Cam-pu-chia, được giáo dục bởi các nhà sư. Năm 16 tuổi, ông được vua Cam-pu-chia gả con gái cho và giúp đỡ quân đội để chinh phục các mừng Lào. Sau khi lập quốc, Phả Ngừm đã mời các nhà sư Cam-pu-chia tới Lào truyền bá Phật giáo.

Các vua Lan Xang chia đất nước thành các mừng và đặt các chức quan cai trị, xây dựng quân đội do vua chỉ huy. Các thủ lĩnh địa phương có quyền lực lớn. Về kinh tế, người Lào chủ yếu canh tác lúa nương, lúa nước, săn bắn, đánh cá, chăn nuôi, trồng cây ăn quả, khai thác lâm sản, vàng bạc, dệt vải.

“... Trâu bò phục vụ trên đồng ruộng có số lượng gần như vô tận. Họ [người Lào] cũng thu lợi từ cây ăn quả trồng trong vườn và lúa canh tác trên đất đai với sự giàu có không hề thua kém một vương quốc nào”.

(Mô tả mới và thú vị về Vương quốc Lào, G.F. Ma-ri-ni)

Ở giai đoạn thịnh đạt vào thế kỉ XVI – XVII, Lào là một vương quốc lớn ở lưu vực sông Mê Công, có quan hệ hoà hiếu với các nước láng giềng, như Đại Việt, Lan-na,...

? *Đọc thông tin và tư liệu, hãy:*

– *Giới thiệu quá trình hình thành, phát triển của Vương quốc Lào thời Lan Xang (thế kỉ XIV – XVII).*

– *Đánh giá sự phát triển của Vương quốc Lào thời Lan Xang.*

2. Văn hoá Lào

Phật giáo là quốc giáo của Lan Xang, có ảnh hưởng sâu sắc tới đời sống chính trị, xã hội và là cơ sở thống nhất các tộc người Lào.

Về chữ viết và văn học, bên cạnh chữ viết từ Ấn Độ, chữ Lào được sáng tạo và sử dụng phổ biến từ thế kỉ XIV – XV. Trên cơ sở đó, nhiều tác phẩm văn học đã ra đời như truyện thơ *Phạ-lắc Phạ-lam*, truyền thuyết *Khúin Bu-lôm*.

Kiến trúc và điêu khắc Lan Xang cũng nổi tiếng với những công trình như cung điện hoàng gia, chùa Thạt Luồng, Phra Keo, Vát Xiềng Thong,...



Hình 12.2. Chùa Thạt Luồng (Viêng Chăn)

Ngoài ra, người Lào cũng ưa thích âm nhạc, ca múa và nhiều loại hình sân khấu, trong đó có hoạt động diễn xướng các bộ sử thi.

? *Đọc thông tin và quan sát hình 12.2, hãy nêu các thành tựu văn hoá tiêu biểu của Vương quốc Lào thời Lan Xang (thế kỉ XIV – XVII).*



1. Khái quát sự phát triển của Vương quốc Lào thời Lan Xang ở các thế kỉ XIV – XVII trên các lĩnh vực: chính trị, kinh tế và văn hoá.



2. Hãy viết một đoạn văn giới thiệu chùa Thạt Luồng dựa trên các từ khoá: Lan Xang, vua Xệt-tha-thi-lạt, Viêng Chăn, Phật giáo.



Bài 13

CÔNG CUỘC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC THỜI NGÔ, ĐÌNH, TIỀN LÊ (939 – 1009)

Học xong bài này, em sẽ:

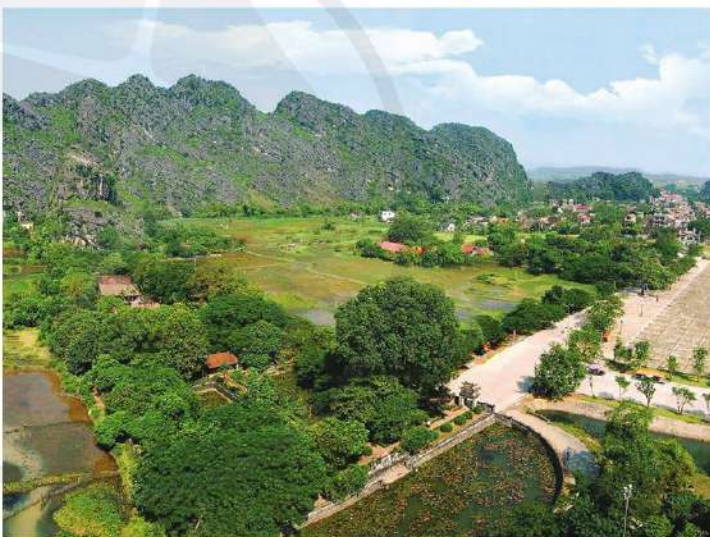
- Nêu được những nét chính về thời Ngô.
- Trình bày được công cuộc thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh và sự thành lập nhà Đinh.
- Mô tả được cuộc kháng chiến chống Tống của nhà Tiền Lê năm 981.
- Giới thiệu được những nét chính về tổ chức chính quyền thời Ngô, Đinh, Tiền Lê.
- Nhận biết được đời sống xã hội, văn hoá thời Ngô, Đinh, Tiền Lê.



Cố đô Hoa Lư là quần thể Di tích Quốc gia đặc biệt, gắn liền với sự nghiệp của các nhân vật lịch sử thời Đinh, Tiền Lê và buổi đầu của nhà Lý.

Với địa hình thuận lợi cho việc tiến công và phòng ngự, Hoa Lư là căn cứ ban đầu của Đinh Bộ Lĩnh, đồng thời trở thành kinh đô của nước Đại Cồ Việt sau khi ông lên ngôi Hoàng đế, lập ra nhà Đinh.

Vậy nhà Ngô, Đinh, Tiền Lê được thành lập như thế nào? Những nét chính về tình hình chính trị, xã hội, văn hoá là gì? Nhà Tiền Lê đã làm gì để bảo vệ nền độc lập của dân tộc?

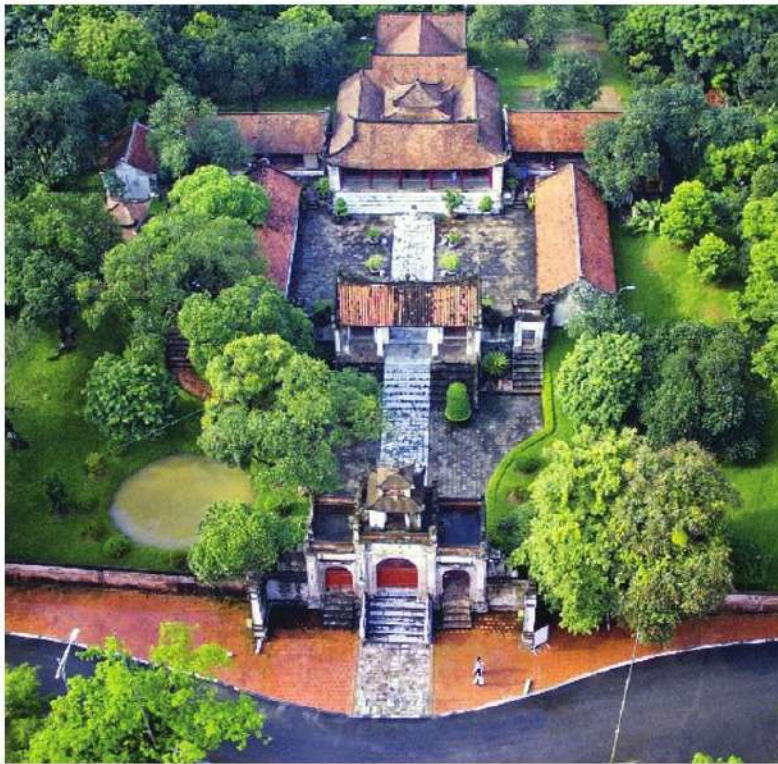


Hình 13.1. Một góc cố đô Hoa Lư (Ninh Bình)



1. Những nét chính về thời Ngô

Sau khi đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, năm 939, Ngô Quyền xưng vương, chọn Cổ Loa (nay thuộc Đông Anh, Hà Nội) làm kinh đô. Ông bỏ chức Tiết độ sứ, thiết lập một triều đình mới. Ở trung ương vua đứng đầu triều đình, quyết định mọi công việc chính trị, ngoại giao, quân sự và đặt các chức quan văn, quan võ. Ở địa phương, Ngô Quyền cử các tướng có công lao trước đây trấn giữ và quản lý các châu quan trọng. Việc xưng vương của Ngô Quyền và những chính sách của nhà Ngô đã mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài của đất nước.

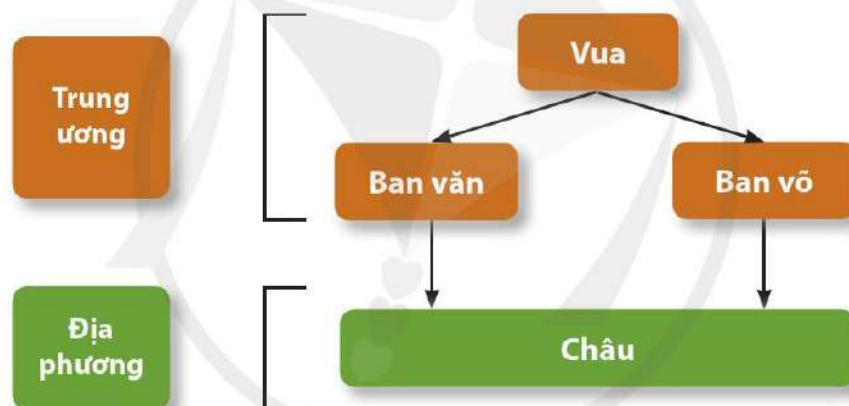


Sau khi lên ngôi, Ngô Quyền “đặt trăm quan, chế định triều nghi, phẩm phục, có thể thấy được quy mô của bậc đế vương”.

(Đại Việt sử ký toàn thư, Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê)



Hình 13.2. Khu di tích Cổ Loa
(Đông Anh, Hà Nội)



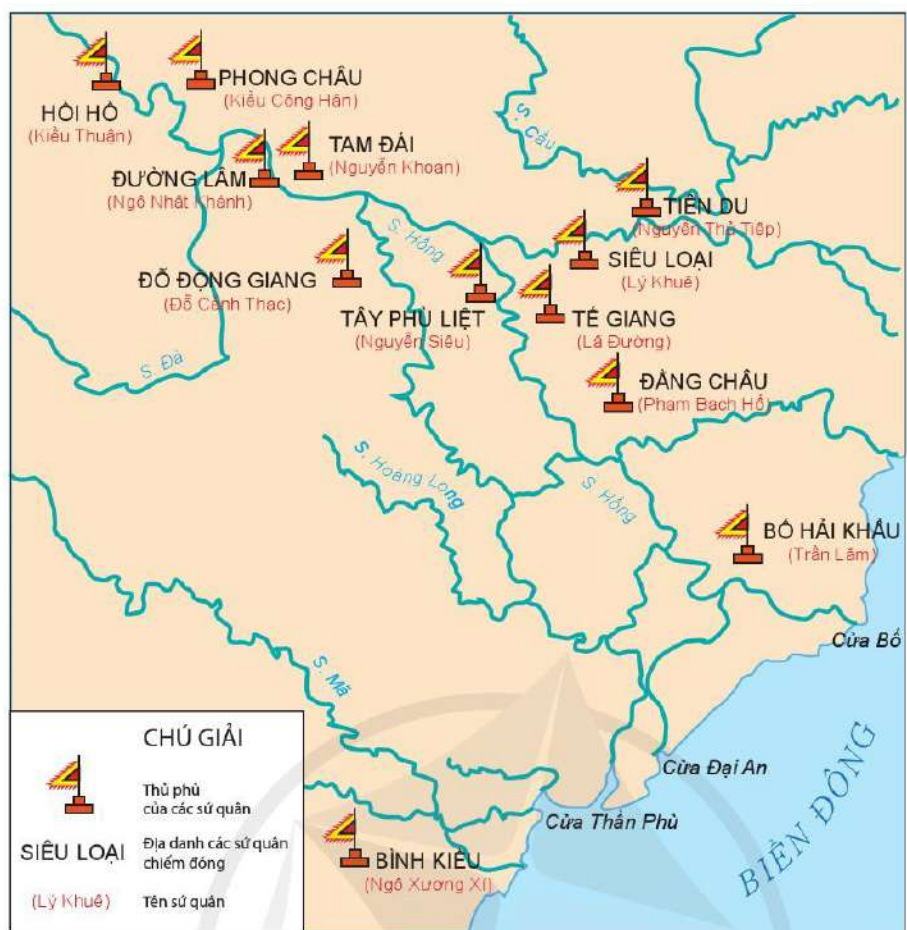
Sơ đồ 13.1. Tổ chức bộ máy nhà nước thời Ngô

? Đọc thông tin, tư liệu và quan sát sơ đồ 13.1, hình 13.2, hãy nêu những nét chính về sự thành lập và tổ chức bộ máy nhà nước dưới thời Ngô.

2. Sự thành lập nhà Đinh

Năm 944, Ngô Quyền mất, Dương Tam Kha tiếm quyền, tự xưng là Bình Vương. Đến năm 965, chính quyền trung ương gần như tê liệt, các thế lực hào trưởng ở địa phương nổi dậy khắp nơi, đất nước lâm vào tình trạng phân tán, cát cứ, còn gọi là “cục diện 12 sứ quân”.

Trước tình thế đó, Đinh Bộ Lĩnh được sự ủng hộ của nhân dân đã liên kết với sứ quân Trần Lãm, chiêu dụ được sứ quân Phạm Bạch Hổ và dẹp yên các sứ quân khác. Cuối năm 967, tình trạng cát cứ chấm dứt, đất nước trở lại bình yên, thống nhất.



Lược đồ 13.1. Vị trí chiếm đóng của 12 sứ quân



Đình Bộ Lĩnh quê ở châu Đại Hoàng (thuộc Gia Viễn, Ninh Bình ngày nay), là con trai của Đinh Công Trứ. Hồi nhỏ, ông thường cùng chúng bạn chơi trò tập trận, lấy bông lau làm cờ. Khi nhà Ngô suy yếu, Đinh Bộ Lĩnh đã tập hợp lực lượng rèn đúc vũ khí, xây dựng căn cứ. Sau khi thống nhất các sứ quân, ông được suy tôn làm Vạn Thắng Vương.



Hình 13.3. Đền thờ Đinh Tiên Hoàng (Ninh Bình)

Năm 968, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế (Đinh Tiên Hoàng), lấy niên hiệu là Thái Bình, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, đóng đô tại Hoa Lư (Ninh Bình). Ông phong vương cho các con, cử tướng lĩnh thân cận nắm giữ các chức vụ chủ chốt, cho đúc tiền để lưu hành và xây dựng cung điện.



– Đọc thông tin và quan sát hình 13.1, lược đồ 13.1, hãy trình bày quá trình Đinh Bộ Lĩnh thống nhất đất nước.

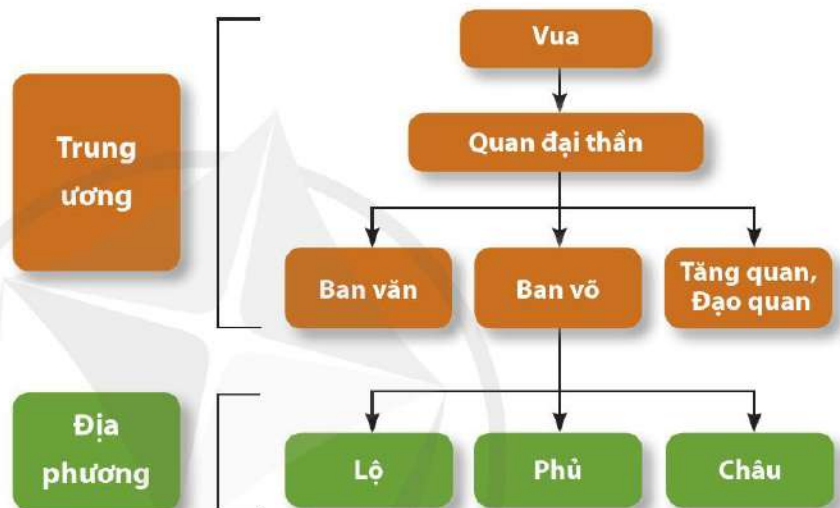
– Đọc thông tin và quan sát hình 13.3, hãy cho biết công lao của Đinh Bộ Lĩnh đối với dân tộc.

3. Tổ chức chính quyền thời Đinh, Tiền Lê

Dưới thời Đinh, trong giai đoạn đầu tổ chức chính quyền về cơ bản vẫn được duy trì như thời Ngô. Năm 971, Đinh Tiên Hoàng bắt đầu quy định cụ thể các cấp bậc văn võ, tăng đạo.

Cuối năm 979, Đinh Tiên Hoàng và con trai trưởng là Đinh Liễn bị sát hại, con trai thứ là Đinh Toàn lên ngôi vua khi còn nhỏ tuổi. Lê Hoàn được cử làm Phụ chính. Trước nguy cơ xâm lược của nhà Tống, các tướng lĩnh đã suy tôn Lê Hoàn lên làm vua (Lê Đại Hành). Ông lấy niên hiệu là Thiên Phúc, lập ra nhà Lê (Tiền Lê), củng cố và hoàn thiện thêm tổ chức chính quyền từ trung ương đến địa phương. Năm 1002, Lê Đại Hành đã đổi 10 đạo trong cả nước thành các lộ, phủ, châu.

 Lê Hoàn sinh ra trong một gia đình nghèo. Bố mẹ mất sớm. Ông là người khỏe mạnh, mưu lược, có chí lớn, đã phò tá Đinh Liễn, giúp Đinh Bộ Lĩnh dẹp các sứ quân và được Đinh Tiên Hoàng phong chức Thập đạo tướng quân Điện tiền chỉ huy sứ.



Sơ đồ 13.2. Tổ chức bộ máy nhà nước thời Tiền Lê

 *Đọc thông tin và quan sát sơ đồ 13.2, hãy mô tả tổ chức bộ máy nhà nước thời Tiền Lê.*

4. Đời sống xã hội và văn hoá

Xã hội thời Ngô, Đinh, Tiền Lê gồm các giai cấp và tầng lớp khác nhau về địa vị chính trị và kinh tế. Tầng lớp quý tộc, quan lại và một bộ phận nhà sư, đạo sĩ giữ địa vị thống trị. Nông dân là lực lượng lao động chính, có số lượng đông đảo nhất, đa số là người dân tự do, canh tác trên ruộng công làng xã. Ngoài ra, còn có thợ thủ công và thương nhân. Nô tì là tầng lớp thấp nhất trong xã hội, số lượng không nhiều, chủ yếu phục vụ trong các gia đình quyền quý. Đời sống của nhân dân còn đơn giản, bình dị, mâu thuẫn giữa các giai cấp và tầng lớp chưa gay gắt.

Đạo Phật được truyền bá rộng rãi. Các nhà sư thường là người có học, được nhà nước và nhân dân quý trọng, như Đỗ Pháp Thuận, Ngô Chân Lưu, Vạn Hạnh,... Chùa được xây dựng ở nhiều nơi. Tại kinh đô Hoa Lư có chùa Bà Ngô, chùa Tháp, chùa Nhất Trụ,... Nho học được du nhập từ thời Bắc thuộc nhưng chưa có ảnh hưởng nhiều trong đời sống xã hội. Giáo dục thời Ngô, Đinh, Tiền Lê chưa phát triển.



Trong buổi đầu khi nhà Tiền Lê mới thành lập, Nhà sư Đỗ Pháp Thuận có nhiều công lao trong việc hoạch định sách lược. Khi thiên hạ thái bình, sư không nhận chức tước của triều đình phong thưởng, vua lại càng kính trọng, thường không gọi tên, mà gọi là Đỗ Pháp sư.



Hình 13.4. Chùa Nhất Trụ (Hoa Lư, Ninh Bình)

Nhiều loại hình văn hoá dân gian tiếp tục phát triển, như ca múa, đua thuyền, đánh đu, đấu võ, đấu vật,...



Đọc thông tin, tư liệu và quan sát hình 13.4, hãy:

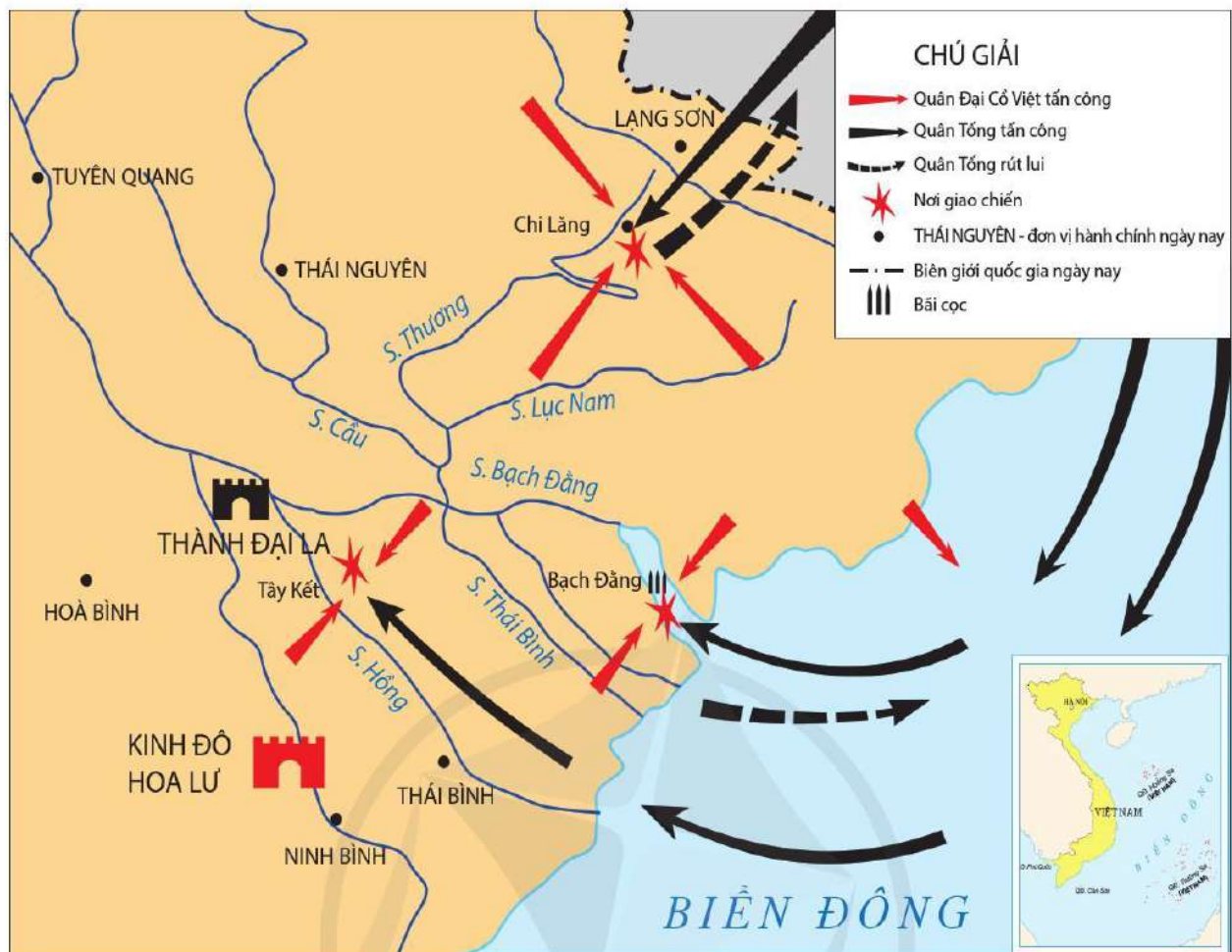
- *Nêu những nét chính về đời sống xã hội thời Ngô, Đinh, Tiền Lê.*
- *Trình bày đời sống văn hoá thời Ngô, Đinh, Tiền Lê.*

5. Cuộc kháng chiến chống Tống của nhà Tiền Lê (năm 981)

Nhân cơ hội Đinh Tiên Hoàng và Đinh Liễn bị sát hại, nội bộ triều đình nhà Đinh mâu thuẫn, nhà Tống tiến hành xâm lược Đại Cồ Việt. Đầu năm 981, quân Tống do tướng Hầu Nhân Bảo chỉ huy tiến đánh Đại Cồ Việt theo đường thuỷ (sông Bạch Đằng) và đường bộ (Lạng Sơn). Lê Hoàn trực tiếp tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến.

“Vua tự làm tướng đi chặn giặc, sai quân sĩ đóng cọc ngăn sông. Quân Tống lui lại đến Chi Lăng. Vua sai quân sĩ trá hàng để dụ Hầu Nhân Bảo, nhân đó bắt được Hầu Nhân Bảo đem chém. Bọn Khâm Tộ nghe tin quân thuỷ thua trận, dẫn quân về, vua đem các tướng đánh, quân của Khâm Tộ thua to, chết đến quá nửa, thây chết đầy đồng, bắt được tướng giặc là Quách Quân Biện, Triệu Phụng Huân đem về Hoa Lư. Từ đó đất nước rất yên”.

(Đại Việt sử ký toàn thư, Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê)



Lược đồ 13.2. Cuộc kháng chiến chống Tống của nhà Tiền Lê (năm 981)

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược không những biểu thị ý chí quyết tâm chống ngoại xâm của dân tộc, mà còn chứng tỏ bước phát triển của đất nước và khả năng bảo vệ độc lập của quân dân Đại Cồ Việt.

? *Đọc thông tin, tư liệu và quan sát lược đồ 13.2, hãy mô tả cuộc kháng chiến chống Tống của nhà Tiền Lê năm 981.*



1. Vẽ sơ đồ tư duy về tình hình chính trị, xã hội và văn hoá thời Ngô, Đinh, Tiền Lê.

2. Lập bảng thống kê những sự kiện tiêu biểu tương ứng với các mốc thời gian: 939, 944, 967, 968, 979, 981.



3. Giới thiệu về một nhân vật lịch sử được đề cập trong bài học.



Bài 14 CÔNG CUỘC XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC THỜI LÝ (1009 – 1225)

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được sự thành lập nhà Lý.
- Đánh giá được sự kiện Lý Công Uẩn dời đô ra Đại La.
- Mô tả được những nét chính về chính trị, kinh tế, xã hội thời Lý.
- Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu về giáo dục, văn hoá thời Lý.



Sáng 17-8-2004, tại vườn hoa Chí Linh bên hồ Hoàn Kiếm, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội đã khởi công xây dựng tượng vua Lý Thái Tổ, người có công thành lập nhà Lý, khai sáng kinh thành Thăng Long và nền văn minh Đại Việt.

Vậy nhà Lý được thành lập trong hoàn cảnh nào? Sự kiện vua Lý Thái Tổ dời đô có ý nghĩa như thế nào đối với dân tộc? Nét nổi bật về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục thời Lý ra sao?



Hình 14.1. Tượng đài Lý Thái Tổ (Hoàn Kiếm, Hà Nội)



1. Sự thành lập nhà Lý

Cuối năm 1009, vua Lê Long Đĩnh mất, các đại thần và tăng quan trong triều đã tôn Lý Công Uẩn lên ngôi vua. Nhà Lý được thành lập, đóng đô tại Hoa Lư (Ninh Bình). Năm 1010, Lý Công Uẩn đặt niên hiệu là Thuận Thiên và quyết định dời đô từ Hoa Lư ra Đại La, đổi tên Đại La thành Thăng Long (nay là Hà Nội).



Lý Công Uẩn là người châu Cổ Pháp (Tứ Sơn, Bắc Ninh). Thuở nhỏ, ông theo học sư Vạn Hạnh ở chùa Lục Tổ. Sau đó, ông làm quan cho nhà Tiền Lê, làm đến chức Điện tiền chỉ huy sứ, chỉ huy cấm quân ở kinh thành.

“... thành Đại La, đô cũ của Cao Vương [tức Cao Biền], ở giữa khu vực trời đất, được thế rồng cuộn hổ ngồi, chính giữa nam bắc đông tây, tiện nghi mũi sông sau trước. Vùng này mặt đất rộng mà bằng phẳng, thế đất cao mà sáng sủa, dân cư không khổ thấp trũng tối tăm, muôn vật hết sức tươi tốt phồn thịnh. Xem khắp nước Việt, đó là nơi thắng địa, thực là chỗ tụ hội quan yếu của bốn phương. Đúng là nơi thượng đô kinh sư mãi muôn đời”
(Chiếu dời đô, Lý Công Uẩn).

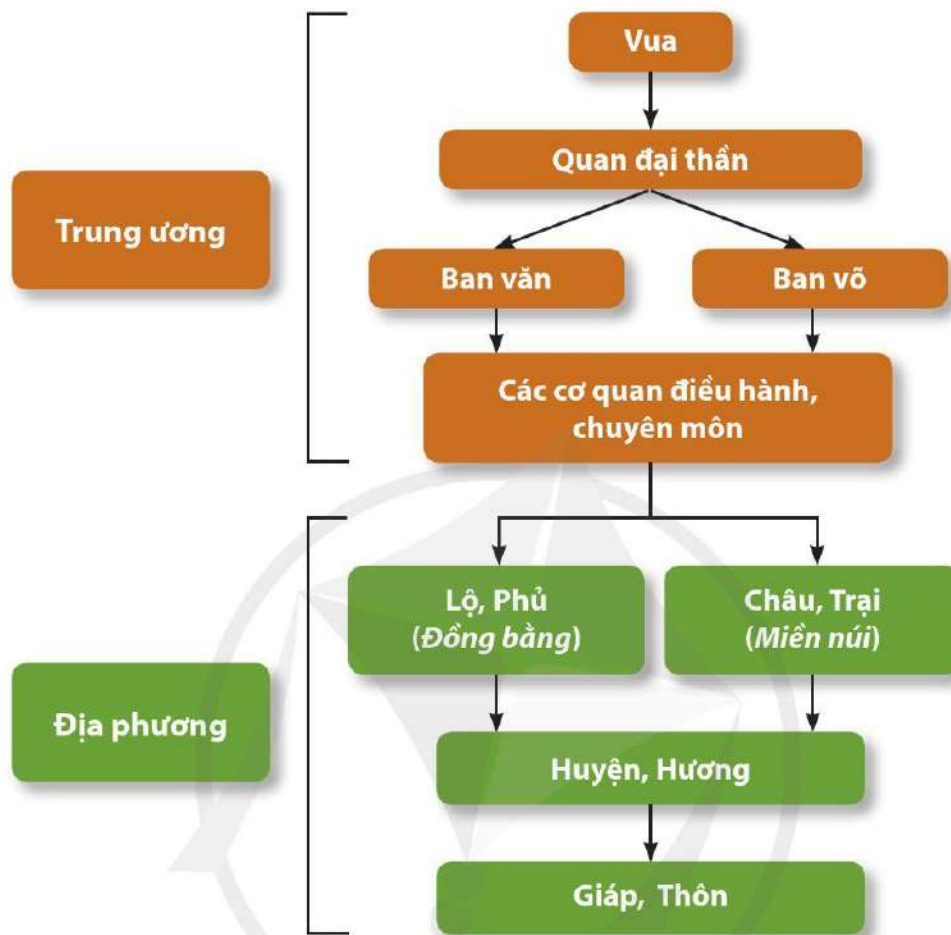
(Đại Việt sử ký toàn thư, Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê)



Đọc thông tin, tư liệu và quan sát hình 14.1, hãy trình bày sự thành lập nhà Lý và đánh giá sự kiện Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư ra Đại La.

2. Tình hình chính trị

Năm 1054, vua Lý Thánh Tông đổi tên nước Đại Cồ Việt thành Đại Việt. Tổ chức bộ máy nhà nước thời Lý được xây dựng và hoàn thiện dần từ trung ương đến địa phương.



Sơ đồ 14.1. Tổ chức bộ máy nhà nước thời Lý

Năm 1042, nhà Lý ban hành bộ *Hình thư*. Đây là bộ luật thành văn đầu tiên của Việt Nam.

Quân đội thời Lý gồm hai bộ phận: cấm quân (bảo vệ vua, kinh thành) và quân địa phương (bảo vệ các lộ, phủ, châu, trại). Nhà Lý thực hiện chính sách “ngụ binh ư nông”, cho quân sĩ luân phiên về quê làm ruộng, khi cần triều đình sẽ điều động. Lực lượng quân đội chủ yếu gồm quân bộ và quân thủy, được trang bị các loại vũ khí như giáo, mác, đao, kiếm, cung nỏ, máy bắn đá,...

Nhà Lý thi hành chính sách đoàn kết các dân tộc, gả công chúa và ban chức tước cho các tù trưởng miền núi. Đối với nhà Tống và Chăm-pa, nhà Lý giữ mối quan hệ hoà hiếu.

? Đọc thông tin và quan sát sơ đồ 14.1, hãy mô tả những nét chính về tình hình chính trị và rút ra nhận xét về tổ chức bộ máy nhà nước dưới thời Lý.

3. Tình hình kinh tế

Ruộng đất trên danh nghĩa thuộc quyền sở hữu tối cao của nhà vua, làng xã trực tiếp quản lý, phân chia cho nông dân cày cấy và nộp thuế cho nhà nước. Nông nghiệp là ngành kinh tế chủ yếu của Đại Việt. Nhà Lý đã thực hiện nhiều chính sách để khuyến khích sản xuất nông nghiệp, như tổ chức lễ Tịch điền, khai khẩn đất hoang, đào kênh mương, đắp đê, ban hành lệnh cấm giết trâu bò để bảo vệ sức kéo,...



Hình 14.2. Tái hiện lễ cày Tịch điền (ảnh minh họa)



Lễ cày Tịch điền có từ thời Tiền Lê. Dưới thời Lý, Tịch điền là một trong những lễ hội chính, được tổ chức vào mùa xuân. Sau khi làm lễ tế Thần Nông, nhà vua đích thân xuống cày ruộng nhằm khuyến khích nông dân đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp.

Các cơ sở thủ công nghiệp của nhà nước chuyên sản xuất đồ dùng cho vua, hoàng tộc và các quan trong triều đình. Thủ công nghiệp dân gian tiếp tục phát triển với nhiều ngành nghề, sản phẩm phong phú, tinh xảo như dệt lụa, làm đồ gốm, đồ trang sức, đúc đồng, rèn sắt,... Tượng Phật chùa Quỳnh Lâm, tháp Báo Thiên, chuông Quy Điền là những công trình nổi tiếng đương thời được tạo dựng bởi thợ thủ công người Việt.



Hình 14.3. Ngói úp nóc mái gắn lá đề trang trí chim phượng (bằng đất nung) thời Lý

“Tháng 2 [1040], vua đã dạy cung nữ dệt được gấm vóc, tháng ấy xuống chiếu phát hết gấm vóc của nhà Tống ở trong kho ra để may áo ban cho các quan, từ ngũ phẩm trở lên thì áo bào bằng gấm, từ cửu phẩm trở lên thì áo bào bằng vóc, để tỏ là vua không dùng gấm vóc của nhà Tống nữa”.

(Đại Việt sử ký toàn thư, Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê)



Hình 14.4. Thương cảng Vân Đồn (tranh vẽ)

Việc buôn bán trong và ngoài nước được mở rộng. Thăng Long trở thành trung tâm thủ công nghiệp và thương nghiệp của Đại Việt. Thương cảng Vân Đồn (Quảng Ninh) được nhà Lý lập nên để trao đổi, buôn bán với nước ngoài.

“Kỷ Tỵ (1149) mùa xuân, tháng 2, thuyền buôn ba nước Trảo Oa [đảo Gia-và, In-đô-nê-xi-a], Lộ Lạc [Vương quốc La-vô, Thái Lan], Xiêm La [Thái Lan] vào Hải Đông [Quảng Ninh] xin cư trú buôn bán, bèn cho lập trang ở nơi hải đảo, gọi là Vân Đồn, để mua bán hàng hoá quý, dâng tiến sản vật địa phương”.

(Đại Việt sử ký toàn thư, Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê)

- ?** Đọc thông tin, tư liệu và quan sát các hình từ 14.2 đến 14.4, hãy cho biết:
- Nhà Lý đã thực hiện những chính sách gì để phát triển sản xuất nông nghiệp.
 - Những nét chính về thủ công nghiệp và thương nghiệp thời Lý.

4. Tình hình xã hội



Sơ đồ 14.2. Các giai cấp, tầng lớp thời Lý

Thời Lý, vua, quý tộc, quan lại là bộ phận thống trị. Ở làng xã, địa chủ ngày càng gia tăng và có thế lực lớn. Nông dân chiếm đa số, là lực lượng sản xuất chính trong xã hội. Các đình nam được chia ruộng của làng xã và phải làm nghĩa vụ cho nhà nước. Những người nông dân nghèo phải nhận ruộng cày cấy nộp tô cho địa chủ. Ngoài ra còn có thợ thủ công, thương nhân và nô tì. Mối quan hệ giữa các giai cấp, tầng lớp nhìn chung vẫn hài hoà; mâu thuẫn xã hội chưa gay gắt.

- ?** Đọc thông tin và quan sát sơ đồ 14.2, hãy mô tả về tình hình xã hội thời Lý.

5. Thành tựu giáo dục và văn hoá

Năm 1070, nhà Lý xây dựng Văn Miếu ở Thăng Long. Năm 1075, triều đình mở khoa thi đầu tiên để tuyển chọn quan lại. Năm 1076, vua Lý Nhân Tông cho mở Quốc Tử Giám để dạy học cho các hoàng tử, công chúa, sau đó mở rộng cho con em quý tộc, quan lại, người học giỏi trong nước đến học tập.



Văn Miếu – Quốc Tử Giám là quần thể di tích nằm ở phía nam kinh thành Thăng Long xưa (Thủ đô Hà Nội). 82 bia tiến sĩ trong khuôn viên Văn Miếu – Quốc Tử Giám đã được UNESCO ghi danh là Di sản Tư liệu Thế giới. Khuê Văn Các được xây dựng năm 1805 tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám, trên một nền vuông cao cân xứng, mỗi bề có chiều dài 6,8 m, với kiến trúc dạng cổ lầu. Khuê Văn Các được coi là một trong những biểu trưng cho nền văn hiến Việt Nam. Năm 1999, công trình này được chọn là biểu tượng của Thủ đô Hà Nội.

Dưới thời Lý, Phật giáo thịnh hành, được đông đảo quý tộc, quan lại và các tầng lớp nhân dân tin theo. Nhiều nhà sư được coi trọng và có vai trò lớn trong đời sống chính trị như Vạn Hạnh, Nguyễn Minh Không,...

Văn học chữ Hán bước đầu phát triển với nhiều thể loại thơ ca, tản văn, truyện kể. Tiêu biểu là các tác phẩm: *Chiếu dời đô* (Lý Công Uẩn), *Thị đệ tử* (Thiền sư Vạn Hạnh), *Nam quốc sơn hà* (khuyết danh). Vua, quan lại, quý tộc và các tầng lớp nhân dân đều ưa thích ca múa. Nhiều trò chơi dân gian và các hình thức thi đấu như đá cầu, đấu vật, đua thuyền,... được tổ chức thường xuyên.



Hình 14.5. Khuê Văn Các (Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Hà Nội)

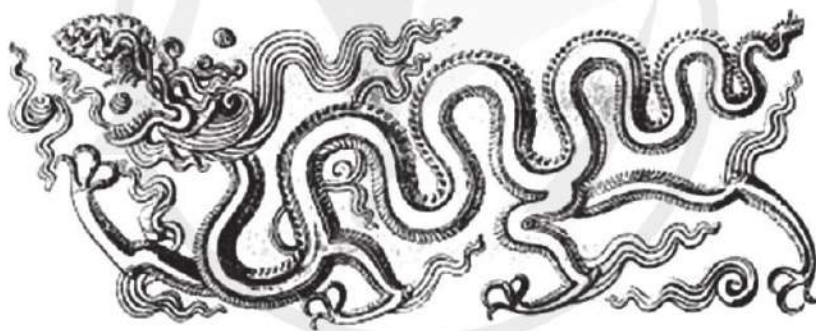


Chùa Một Cột ban đầu có tên là Liên Hoa Đài, có nghĩa là đài hoa sen, nằm trong quần thể kiến trúc chùa Diên Hựu, được xây dựng năm 1049 dưới thời vua Lý Thái Tông. Liên Hoa Đài có điện thờ trên một cột trụ, dựng ở giữa hồ.



Hình 14.6. Liên Hoa Đài – chùa Một Cột (Hà Nội)

Kiến trúc và điêu khắc đạt nhiều thành tựu, tiêu biểu như tháp Báo Thiên, tượng Phật chùa Quỳnh Lâm, chuông Quy Điền, Liên Hoa Đài – chùa Một Cột, biểu tượng rồng,... Những thành tựu về văn hoá, nghệ thuật thời Lý đánh dấu sự xác lập của văn minh Đại Việt.



Hình 14.7. Biểu tượng rồng thời Lý



Đọc thông tin và quan sát các hình từ 14.5 đến 14.7, hãy:

- Giới thiệu một số thành tựu giáo dục thời Lý.
- Nêu một số thành tựu văn hoá chủ yếu thời Lý.



1. Trình bày những nét chính về chính trị, kinh tế, giáo dục, văn hoá thời Lý.



2. Sưu tầm tư liệu về Văn Miếu – Quốc Tử Giám để giới thiệu với thầy cô và các bạn cùng lớp.

3. Hãy viết một đoạn văn ngắn đánh giá về công lao của Lý Công Uẩn đối với dân tộc.



Bài 15 **CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN TỐNG XÂM LƯỢC CỦA NHÀ LÝ (1075 – 1077)**

Học xong bài này, em sẽ:

- Đánh giá được những nét độc đáo của cuộc kháng chiến chống Tống.
- Đánh giá được vai trò của Lý Thường Kiệt trong cuộc kháng chiến này.



Người đời truyền rằng: [Lý] Thường Kiệt làm hàng rào theo dọc sông để cố thủ. Một đêm quân sĩ chợt nghe ở trong đền Trương Tướng quân có tiếng đọc to rằng:

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm?
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.*

Sau đó quả nhiên như thế.

(Đại Việt sử ký toàn thư, Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê)

Vậy cuộc kháng chiến chống Tống có những nét độc đáo gì? Lý Thường Kiệt có vai trò như thế nào đối với cuộc kháng chiến đó?



1. Chủ động tiến công để tự vệ (1075)

Từ giữa thế kỉ XI, nhà Tống có ý đồ xâm lược Đại Việt để giải quyết khủng hoảng trong nước.

Để đánh chiếm Đại Việt, nhà Tống một mặt xúi giục vua Chăm-pa đánh lên Đại Việt từ phía nam, mặt khác ngăn cản việc buôn bán của người dân hai nước và tìm cách mua chuộc các tù trưởng miền núi ở phía bắc Đại Việt.



Hình 15. Tượng đài Lý Thường Kiệt (Yên Phong, Bắc Ninh)



Lý Thường Kiệt quê ở phường Thái Hoà, Thăng Long (nay là Hà Nội). Từ nhỏ, ông là người có chí hướng, ham đọc binh thư, thích luyện tập võ nghệ. Trải qua các đời vua Lý Thái Tông, Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông, ông được giao giữ nhiều chức vụ quan trọng.

Sớm phát hiện ý đồ xâm lược của nhà Tống, nhà Lý đã chủ động ứng phó. Thái uý Lý Thường Kiệt được cử làm chỉ huy, tổ chức kháng chiến.

Trước đó, để ổn định phía nam, vua Lý Thánh Tông cùng Lý Thường Kiệt đem quân trấn áp Chăm-pa, đập tan ý đồ phối hợp với quân Tống của Chăm-pa. Đối với nhà Tống, ở phía bắc, Lý Thường Kiệt thực hiện chủ trương “Tiên phát chế nhân” (tiến công trước để chế ngự kẻ địch). Ông nói: “Ngồi yên đợi giặc không bằng đem quân đánh trước để chặn thế mạnh của giặc”.



Lược đồ 15.1. Cuộc tấn công để tự vệ của quân đội nhà Lý (1075)

Tháng 10-1075, Lý Thường Kiệt cùng Tông Đản chỉ huy hơn 10 vạn quân, chia làm hai đường thủy, bộ bất ngờ tấn công vào đất Tống. Quân bộ do các tù trưởng Thân Cảnh Phúc, Tông Đản chỉ huy dân binh miền núi đánh vào châu Ung (Quảng Tây). Lý Thường Kiệt chỉ huy quân thủy đổ bộ vào châu Khâm, châu Liêm (Quảng Đông). Sau khi phá hủy nhiều căn cứ, kho tàng của quân Tống, quân nhà Lý tiến hành bao vây thành Ung Châu – căn cứ mạnh nhất của quân Tống. Sau hơn một tháng, quân nhà Lý hạ thành Ung Châu, tiêu hủy hết kho lương dự trữ của địch rồi chủ động rút quân về nước.



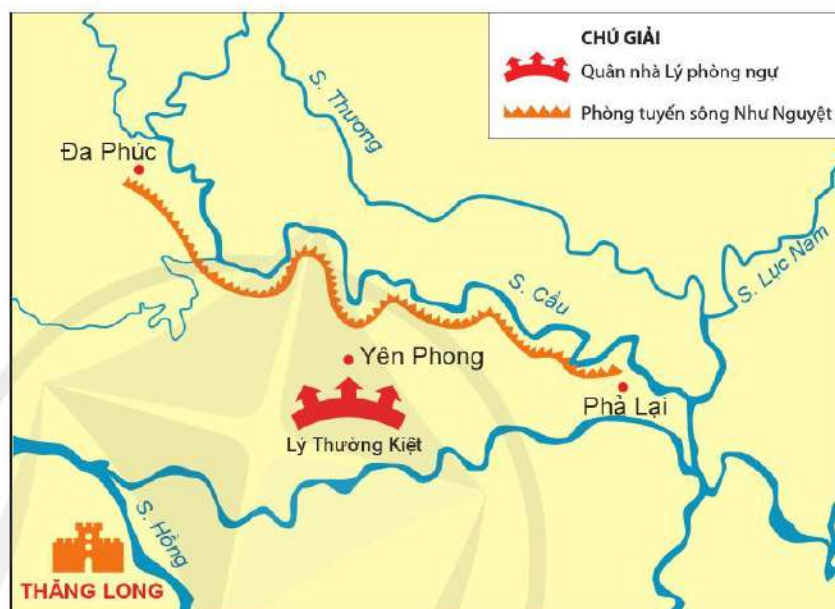
Đọc thông tin và quan sát hình 15, lược đồ 15.1, hãy làm sáng tỏ nét độc đáo trong kế sách của nhà Lý khi tấn công sang đất Tống.

2. Xây dựng phòng tuyến chuẩn bị kháng chiến (1076 – 1077)

Sau khi rút quân về nước, nhà Lý hạ lệnh cho quân dân các địa phương khẩn trương chuẩn bị kháng chiến. Ở biên giới, lực lượng quân mai phục được bố trí tại những vị trí chiến lược. Tướng Lý Kế Nguyên chỉ huy lực lượng chặn đánh thủy binh nhà Tống ở vùng Đông Kênh (khu vực nằm giữa đất liền và các đảo ở vùng biển Đông Bắc). Phòng tuyến sông Như Nguyệt ở phía bắc Thăng Long được gấp rút xây dựng, Lý Thường Kiệt chỉ huy lực lượng tại đây để chặn đánh đạo quân bộ của nhà Tống.



Phòng tuyến sông Như Nguyệt được xây dựng trên bờ nam sông Cầu. Đây là con sông chặn ngang tất cả các ngã đường bộ từ Ung Châu (nay là Quảng Tây, Trung Quốc) vào Thăng Long. Phòng tuyến được đắp bằng đất, cao và vững chắc, có lớp giậu tre dày đặc dọc theo khúc sông từ Đa Phúc đến Phả Lại, dài khoảng 100 km.



Lược đồ 15.2. Phòng tuyến sông Như Nguyệt



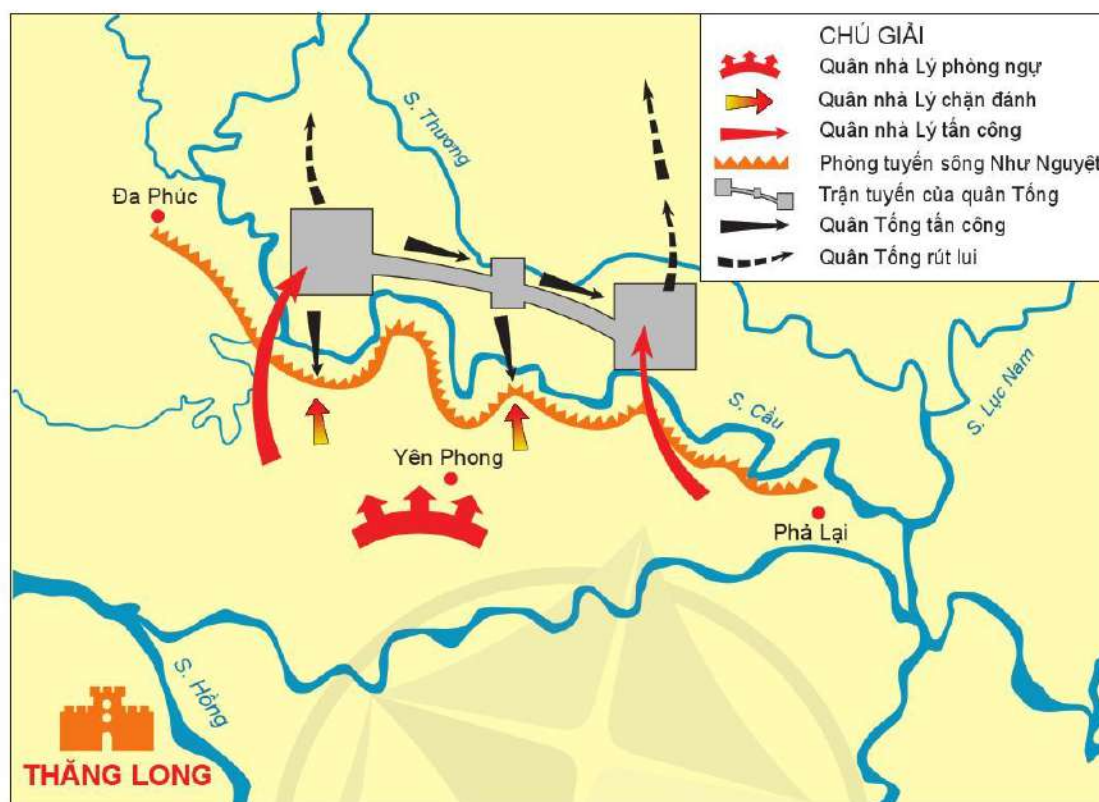
Đọc thông tin và quan sát lược đồ 15.2, hãy làm rõ nét độc đáo của nhà Lý trong việc chuẩn bị kháng chiến.

3. Tổ chức phản công và kết thúc chiến tranh (1077)

Cuối năm 1076, quân Tống do Quách Quỳ, Triệu Tiết chỉ huy xuất phát tiến vào Đại Việt với 10 vạn bộ binh, 1 vạn kỵ binh, 20 vạn dân phu. Một đạo quân thủy do Hoà Mâu chỉ huy theo đường biển vào tiếp ứng.

Tháng 1-1077, quân Tống vượt ải Nam Quan (Lạng Sơn) vào Đại Việt. Quân nhà Lý đánh những trận nhỏ, cản bước tiến của địch. Trên đường kéo vào Thăng Long, quân Tống bị chặn đánh ở phòng tuyến sông Như Nguyệt, nhiều lần tìm cách vượt phòng tuyến nhưng bị quân nhà Lý phản công mãnh liệt, buộc phải đóng quân ở bờ bắc sông Như Nguyệt để chờ quân thủy. Nhưng đạo quân thủy đã bị quân của Lý Kế Nguyên chặn đánh nên không thể tiến sâu để hỗ trợ đạo quân bộ.

Cuối xuân năm 1077, Lý Thường Kiệt bắt ngờ cho quân vượt sông Như Nguyệt, đánh thẳng vào doanh trại địch. Quân Tống thua to, “mười phần chết đến năm, sáu”.



Lược đồ 15.3. Trận chiến tại phòng tuyến sông Như Nguyệt

Giữa lúc quân Tống rơi vào tình thế khó khăn, bế tắc, Lý Thường Kiệt đã chủ động kết thúc chiến tranh bằng thương lượng, đề nghị “giảng hoà”. Quách Quỳ nhanh chóng chấp nhận và rút quân về nước. Cuộc kháng chiến kết thúc thắng lợi. Quân Tống buộc phải từ bỏ ý định xâm lược Đại Việt. Nền độc lập, tự chủ của đất nước được giữ vững.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống là do sức mạnh của khối đoàn kết quân dân Đại Việt và nghệ thuật quân sự độc đáo, sáng tạo của người chỉ huy tài giỏi – Lý Thường Kiệt.

? *Đọc thông tin và quan sát lược đồ 15.3, hãy đánh giá nét độc đáo trong tổ chức phản công và chủ trương kết thúc chiến tranh của nhà Lý.*



1. Hãy đánh giá nét độc đáo trong cuộc kháng chiến của nhà Lý chống quân Tống xâm lược và vai trò của Lý Thường Kiệt đối với cuộc kháng chiến.



2. Sưu tầm tư liệu về đóng góp của Lý Thường Kiệt đối với nhà Lý và dân tộc.

3. Nghệ thuật kết thúc chiến tranh của nhà Lý để lại bài học gì cho sự nghiệp bảo vệ đất nước hiện nay?



Bài 16 **CÔNG CUỘC XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC THỜI TRẦN (1226 – 1400)**

Học xong bài này, em sẽ:

- Mô tả được sự thành lập của nhà Trần và đánh giá được vai trò của Trần Thủ Độ.
- Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế và xã hội thời Trần.
- Nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá thời Trần.



Trong tác phẩm *Lịch sử nước ta* (1941), Hồ Chí Minh đã viết về nhà Trần:

*“Đời Trần văn giỏi võ nhiều,
Ngoài dân thịnh vượng, trong triều hiền minh”.*

Vậy nhà Trần được thành lập như thế nào? Tình hình chính trị, kinh tế, xã hội và văn hoá của nước Đại Việt dưới thời Trần ra sao?



1. Sự thành lập của nhà Trần

Từ cuối thế kỉ XII, nhà Lý suy dần, tình hình đất nước rối ren. Vua Lý Huệ Tông không có con trai nối dõi, lại ốm yếu. Những công việc lớn trong triều đình đều do họ Trần quyết định. Năm 1224, vua lập công chúa Chiêu Thánh làm Hoàng thái tử, rồi truyền ngôi, hiệu là Lý Chiêu Hoàng.



Hình 16.1. Cổng Đền Trần (Nam Định)

Năm 1226, Trần Thủ Độ dàn xếp để vua Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh. Nhà Trần thành lập.



Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê chép về Trần Thủ Độ (1194 – 1264): “... tuy không có học vấn nhưng tài trí hơn người, làm quan dưới triều Lý được mọi người suy tôn. Thái Tông lấy được thiên hạ đều nhờ vào mưu sức của ông cả...”.

Thời gian đầu, các việc lớn của triều đình thường do Trần Thủ Độ điều hành. Nhờ giỏi võ nghệ, mưu lược và tài chỉ huy quân sự, ông đã dẹp loạn và giúp đất nước dần ổn định.



Đọc thông tin và quan sát hình 16.1, hãy mô tả sự thành lập của nhà Trần và nêu vai trò của Trần Thủ Độ đối với sự thành lập của nhà Trần.

2. Tình hình chính trị

Bộ máy nhà nước thời Trần được tổ chức theo chế độ quân chủ trung ương tập quyền, gồm ba cấp: triều đình (do vua đứng đầu), các đơn vị hành chính trung gian (lộ, phủ, huyện, châu) và cấp hành chính cơ sở (hương, xã). Hệ thống quan lại cấp địa phương được tổ chức quy củ, có quy định thưởng, phạt nghiêm minh.

Điểm độc đáo của nhà Trần là chế độ Thái thượng hoàng (vua thường nhường ngôi sớm cho con và tự xưng là Thái thượng hoàng, cùng quản lý đất nước). Hầu hết các chức vụ quan trọng trong bộ máy nhà nước đều do tôn thất họ Trần nắm giữ.

“Gia pháp họ Trần lại khác thế: con đã lớn thì cho nối ngôi chính, còn cha lui ở cung Thánh Từ, xưng là Thượng hoàng, cùng trông coi chính sự. Thực ra truyền ngôi chỉ để yên việc sau, phòng lúc vội vàng, chứ mọi việc đều do Thượng hoàng quyết định. Vua kẻ vị không khác gì hoàng thái tử cả”.

(Đại Việt sử ký toàn thư, Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê)

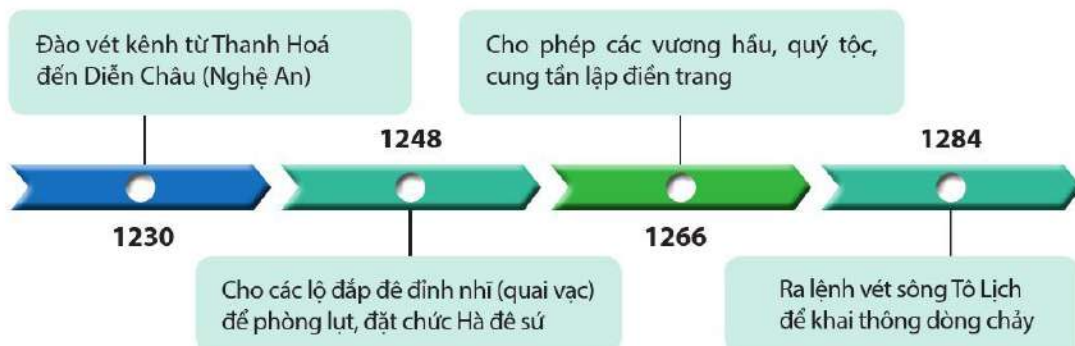
Quân đội nhà Trần có cấm quân (giữ kinh thành), biên quân (giữ biên ải) và lộ quân (đóng ở các lộ), được xây dựng theo chính sách “ngụ binh ư nông”. Ngoài quân bộ, quân thủy là một lực lượng đặc trưng của nhà Trần. Các lực lượng này được rèn luyện thường xuyên, theo chủ trương “Quân cốt tinh nhuệ, không cốt đông” và đề cao tinh thần đoàn kết.

Luật pháp thời Trần có sự kế thừa từ thời Lý, nhưng được bổ sung và hoàn thiện hơn: năm 1230, nhà Trần ban hành bộ *Quốc triều thông chế*; năm 1341, vua Trần Dụ Tông sai Trương Hán Siêu, Nguyễn Trung Ngạn khảo soạn bộ *Hình thư* để ban hành.

? *Đọc thông tin và tư liệu, hãy trình bày những nét chính về tình hình chính trị của Đại Việt dưới thời Trần.*

3. Tình hình kinh tế

Nhà Trần ban hành nhiều chính sách nhằm thúc đẩy kinh tế nông nghiệp phát triển, như kêu gọi dân phiêu tán trở về quê cũ sản xuất, khuyến khích khai khẩn đất hoang, đẩy mạnh việc làm thủy lợi, cấm tự tiện giết mổ trâu bò để bảo vệ sức kéo,...



Sơ đồ 16.1. Một số chính sách khuyến nông thời Trần

Nhờ có nhà nước quan tâm, nông dân tích cực sản xuất, đẩy mạnh khai hoang, lập làng xóm mới,... nên nông nghiệp phát triển hơn, đời sống nhân dân được no đủ.

Nhà Trần tiếp tục duy trì các xưởng thủ công nhà nước, chuyên đúc tiền, sản xuất vũ khí, đóng thuyền,... Thủ công nghiệp dân gian có nhiều nghề phổ biến như làm đồ gốm, rèn sắt, đúc đồng, dệt vải lụa,... Trong đó đồ gốm đặc biệt phát triển với nhiều loại hình sản phẩm, có nhiều loại men khác nhau như men xanh lục, men trắng vẽ hoa nâu,...

Thăng Long là trung tâm kinh tế, buôn bán sầm uất của cả nước, được chia làm 61 phường. Tại các miền quê, chợ lớn được hình thành và hoạt động theo phiên. Hoạt động ngoại thương diễn ra nhộn nhịp ở nhiều nơi, đặc biệt là cảng Vân Đồn (Quảng Ninh), các cửa biển Hội Thống (Nghệ An – Hà Tĩnh), Hội Triều (Thanh Hoá),... Thuyền buôn đến Đại Việt nhiều nhất là từ Trung Quốc, tiếp đó là Gia-va (In-đô-nê-xi-a), Xiêm (Thái Lan),...

“Chợ ở thôn xóm hai tháng họp một lần, trăm thứ hàng hoá tụ tập lại ở đây. Cứ 5 dặm thì dựng một ngôi nhà, bốn mặt đều đặt chõng để làm nơi họp chợ”.

“Thuyền bè nước ngoài đến tụ hội ở đây (tức Hội Thống, Vân Đồn), mở chợ ngay trên thuyền. Cảnh buôn bán thật là thịnh vượng”.

(An Nam tức sự, Trần Phu)



Hình 16.2. Chậu và tháp gốm thời Trần
(Trung bày tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Việt Nam)

? *Đọc thông tin, tư liệu và quan sát sơ đồ 16.1, hình 16.2, hãy:*

– *Trình bày những nét chính về tình hình kinh tế thời Trần.*

– *Cho biết mối quan hệ giữa sự phát triển kinh tế thủ công nghiệp và thương nghiệp thời Trần.*

4. Tình hình xã hội

Tầng lớp vương hầu, quý tộc Trần có địa vị đặc biệt trong xã hội, sở hữu nhiều ruộng đất và nô tì. Tiếp đến là bộ phận quan lại và địa chủ, trong đó số lượng địa chủ ngày càng tăng, gắn liền với sự phát triển của ruộng đất tư nhân.

Lực lượng sản xuất chủ đạo và đông đảo nhất trong xã hội là nông dân, tiếp đó là thợ thủ công, thương nhân. Một bộ phận nông dân bị mất ruộng đất trở thành tá điền, phụ thuộc vào địa chủ.

Tầng lớp thấp nhất trong xã hội là nô tì, phục vụ trong các gia đình quý tộc, quan lại, địa chủ, một bộ phận là nô tì của nhà nước.

Từ cuối thời Trần, mâu thuẫn giữa nông dân nghèo, tá điền, nô tì với địa chủ, quý tộc ngày càng tăng, dẫn đến các cuộc khởi nghĩa nổ ra ở nhiều nơi.

Năm 1268, vua Trần Thánh Tông nói với các tôn thất: “*Thiên hạ là thiên hạ của tổ tông, người nối nghiệp của tổ tông phải cùng hưởng phúc quý với anh em trong họ. Tuy bên ngoài có một người ở ngôi tôn, được cả thiên hạ phụng sự, nhưng bên trong thì ta với các khanh là đồng bào ruột thịt. Lo thì cùng lo, vui thì cùng vui. Các khanh nên truyền những lời này cho con cháu để chúng đừng bao giờ quên...*”.

(Đại Việt sử ký toàn thư, Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê)

? *Đọc thông tin và tư liệu, hãy trình bày tình hình xã hội thời Trần và rút ra nhận xét.*

5. Tình hình văn hoá

Tư tưởng, tôn giáo, tín ngưỡng

Từ thời Trần, địa vị của Nho giáo được nâng cao hơn trước, Nho học trở thành nội dung quan trọng trong các khoa thi tuyển chọn nhân tài. Nhiều nho sĩ sau khi đỗ đạt được bổ nhiệm giữ chức vụ quan trọng như Lê Văn Hưu, Mạc Đĩnh Chi, Trương Hán Siêu, Chu Văn An,...

“*Hán Siêu người Phúc Thành (Ninh Bình)..., là người chính trực, bài xích dị đoan, có tài văn chương và chính sự. Nhà vua chỉ gọi ông là thầy chứ không gọi tên. Ông từng soạn bài văn bia chùa Khai Nghiêm ở Bắc Giang*”.

(Đại Việt sử ký toàn thư, Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê)

Đạo Phật tiếp tục được nhà nước và nhân dân duy trì, phát triển. Chùa được xây dựng ở nhiều nơi, người tu hành bao gồm cả vua, quý tộc và dân thường. Vua Trần Nhân Tông sau 15 năm ở ngôi (1278 – 1293) đã lên núi Yên Tử (Quảng Ninh) để tu hành, trở thành vị tổ thứ nhất của *Thiền phái Trúc Lâm Đại Việt*.

Những tín ngưỡng cổ truyền như thờ cúng tổ tiên, các anh hùng dân tộc, người có công với làng, nước,... vẫn được nhân dân lưu truyền qua nhiều thế hệ. Các hình thức sinh hoạt văn hoá cộng đồng như lễ hội, hát chèo, tuồng, múa, đấu vật, đua thuyền,... được nhà nước, nhân dân quan tâm, tổ chức thường xuyên.

Văn học, giáo dục và khoa học, kĩ thuật

Ngoài loại hình văn học dân gian, văn học chữ Hán và chữ Nôm rất phong phú, với nội dung chủ yếu thể hiện lòng yêu nước và niềm tự hào dân tộc. Các tác phẩm tiêu biểu về văn học chữ Hán thời Trần là *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn, *Phò giá về kinh* của Trần Quang Khải, *Phủ sông Bạch Đằng* của Trương Hán Siêu,... Văn học chữ Nôm nổi tiếng với các tác phẩm *Đặc thú lâm tuyền thành đạo ca*, *Cư trần lạc đạo phú* của Trần Nhân Tông và *Phi sa tập* của Nguyễn Thuyên,...

*“Chương Dương cướp giáo giặc,
Hàm Tử bắt quân thù.
Thái bình nên gắng sức,
Non nước ấy ngàn thu”.*

(*Phò giá về kinh*, Trần Quang Khải, bản dịch thơ của Trần Trọng Kim)

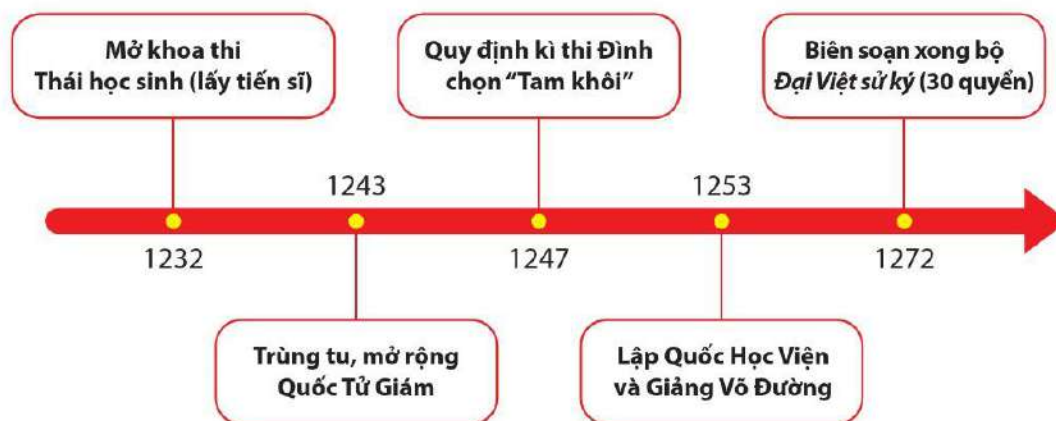
“Bấy giờ có cá sấu đến sông Lô (tức sông Hồng). Vua sai Hình bộ Thượng thư Nguyễn Thuyên làm bài văn (bằng chữ Nôm) ném xuống sông, cá sấu bỏ đi. Vua cho việc này giống như việc của Hàn Dũ (thời Đường, có tài văn thơ), bèn ban gọi là Hàn Thuyên. Thuyên lại giỏi làm thơ phú quốc ngữ. Thơ phú nước ta dùng nhiều quốc ngữ, thực bắt đầu từ đây”.

(*Đại Việt sử ký toàn thư*, Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê)

Giáo dục thời Trần có bước phát triển mới. Bên cạnh Quốc Tử Giám ở kinh thành Thăng Long, ở các lộ, phủ từng bước hình thành trường công. Trường tư cũng dần phổ biến ở các đô thị, làng xã. Chu Văn An là người thầy nổi tiếng, có ảnh hưởng lớn trong xã hội. Nhà Trần tổ chức được 14 khoa thi Đình, tuyển được nhiều người tài giỏi như Nguyễn Hiền, Lê Văn Hưu, Mạc Đĩnh Chi, Phạm Sư Mạnh,...



Khoa thi Đình năm 1247, nhà Trần đặt lệ lấy “Tam khôi”, cả ba người đỗ cao nhất đều ở tuổi rất trẻ: Trạng nguyên Nguyễn Hiền (13 tuổi), Bảng nhãn Lê Văn Hưu (17 tuổi), Thám hoa Đặng Ma La (14 tuổi).



Sơ đồ 16.2. Một số hoạt động, chính sách và thành tựu giáo dục thời Trần

Khoa học, kĩ thuật thời Trần cũng đạt được nhiều thành tựu. Về sử học, tiêu biểu là bộ *Đại Việt sử ký* do Lê Văn Hưu biên soạn – được coi là bộ quốc sử đầu tiên của Đại Việt. Về y học, danh y Tuệ Tĩnh nổi tiếng với việc nghiên cứu các cây thuốc nam, tổng kết việc chữa bệnh bằng thuốc nam. Về thiên văn học, nổi bật là Đặng Lộ với việc làm ra “Lung linh nghi” để đo đạc, tính toán thiên văn.



Hình 16.3. Tháp chùa Phổ Minh (Nam Định)

Kiến trúc và điêu khắc

Kiến trúc thời Trần tiếp tục phát triển cả về kiến trúc cung đình và kiến trúc tôn giáo. Nổi bật là các công trình như tháp Phổ Minh (Nam Định, cao 14 tầng), tháp Bình Sơn (Vĩnh Phúc, cao 11 tầng), thành Tây Đô (Thanh Hoá),... Khu Hoàng thành Thăng Long (Hà Nội) cũng được tu sửa, xây mới và mở rộng với quy mô lớn hơn.

Điêu khắc rất đa dạng, tiêu biểu là tượng Phật Di Lặc bằng đồng ở chùa Quỳnh Lâm (Quảng Ninh); vạc lớn ở chùa Phổ Minh (Nam Định); nhiều loại hoa văn chạm trổ trên đồ gỗ, hoặc vẽ trên gốm,...

? *Đọc thông tin, tư liệu và quan sát sơ đồ 16.2, hình 16.3, hãy trình bày những nét chính về tình hình văn hoá Đại Việt dưới thời Trần.*



1. Lập bảng tóm tắt nội dung cơ bản về công cuộc xây dựng đất nước của nhà Trần (theo mẫu).

Lĩnh vực tóm tắt	Nội dung tóm tắt	Danh nhân tiêu biểu
Sự thành lập	?	?
Tư tưởng, tôn giáo	?	?
Văn học, nghệ thuật	?	?
Giáo dục, khoa học	?	?



2. Giới thiệu một công trình văn hoá tiêu biểu thời Trần với thầy cô và các bạn cùng lớp.
3. Việc nhân dân lập đền thờ và lấy tên các danh nhân thời Trần như Trần Thủ Độ, Trần Nhân Tông, Lê Văn Hưu,... để đặt tên đường phố ở các địa phương trên cả nước cho thấy điều gì?



Bài 17 **BA LẦN KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN XÂM LƯỢC MÔNG – NGUYÊN CỦA NHÀ TRẦN (THẾ KỈ XIII)**

Học xong bài này, em sẽ:

- Vẽ, lập được lược đồ diễn biến chính ba lần kháng chiến của nhà Trần chống quân xâm lược Mông – Nguyên.
- Phân tích được nguyên nhân thắng lợi và nêu được ý nghĩa lịch sử của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.
- Nhận thức được sâu sắc về tinh thần đoàn kết và quyết tâm chống giặc ngoại xâm của quân dân Đại Việt.
- Đánh giá được vai trò của một số nhân vật lịch sử tiêu biểu thời Trần trong cuộc kháng chiến, như Trần Thủ Độ, Trần Nhân Tông, Trần Quốc Tuấn,...



Đầu năm 1285, từ vùng đất Chăm-pa, tướng Toa Đô gửi thư về cho vua Nguyên là Hốt Tất Liệt:

“Giao Chỉ [tức Đại Việt] liền đất với Chân Lạp, Chiêm Thành, Vân Nam [Trung Quốc], Xiêm [Thái Lan], Miến [Mi-an-ma], nên lập tỉnh ngay trên đất ấy và đóng quân trấn giữ,... lấy lương ở đó cấp cho quân sĩ, tránh được việc vận tải đường biển mệt nhọc”.

(Nguyên sử – sử triều Nguyên, An Nam truyện)

Lời đề nghị của Toa Đô được Hốt Tất Liệt thực hiện, nhưng 50 vạn quân Nguyên đã bị quân dân nhà Trần đánh tan.

Vậy quân dân Đại Việt đã kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên và giành thắng lợi như thế nào? Thắng lợi đó có nguyên nhân từ đâu và có ý nghĩa lịch sử như thế nào?



1. Cuộc kháng chiến lần thứ nhất, chống quân xâm lược Mông Cổ (1258)

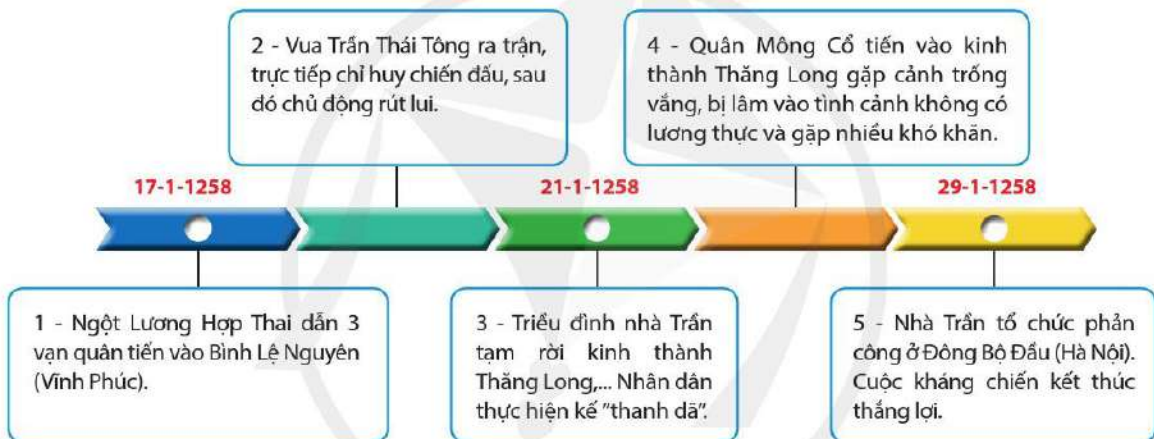
Năm 1257, Mông Cổ lên kế hoạch đánh chiếm Nam Tống theo hai hướng: từ phía bắc đánh xuống và từ phía nam đánh lên (qua đường Đại Việt). Để thực hiện mục tiêu đó, Mông Cổ cử sứ giả đưa thư dụ hàng và đe dọa triều đình nhà Trần.

Trước tình hình ấy, vua Trần Thái Tông xuống chiếu cho Trần Quốc Tuấn chỉ huy các tướng lĩnh đem quân thủy, bộ lên phòng ngự ở biên giới; truyền lệnh cả nước sắm sửa vũ khí, sẵn sàng chiến đấu. Để tỏ rõ ý chí kiên quyết, vua Trần ra lệnh tổng giam tất cả sứ giả Mông Cổ vào ngục.



Trước thế giặc mạnh và tàn bạo, vua Trần hỏi ý kiến của Thái sư Trần Thủ Độ. Ông trả lời: “Đầu thần chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo”.

Lược đồ 17.1. Diễn biến cuộc kháng chiến lần thứ nhất, chống quân xâm lược Mông Cổ (1258)



Sơ đồ 17. Diễn biến cuộc kháng chiến lần thứ nhất, chống quân xâm lược Mông Cổ (1258)

“... *Tướng Ngột Lương Hợp Thai xâm phạm Bình Lệ Nguyên. Vua thân hành đốc chiến, xông pha tên đạn. Quan quân hơi núng, vua ngoảnh trông tả hữu, chỉ có Lê Phụ Trần (tức Lê Tân) một mình một ngựa, ra vào trận giặc, sắc mặt bình thản như không,... Lúc ấy có người khuyên vua dừng lại để chỉ huy chiến đấu. Phụ Trần cố sức can vua: “Nay thì bệ hạ chỉ đánh một ván đốc tui thôi! Hãy nên tạm lánh chúng, sao lại có thể dễ dàng tin lời người ta thế!”*. Bấy giờ, vua mới lui quân đóng ở sông Lô. Phụ Trần giữ phía sau. Quân giặc bắn loạn xạ, Phụ Trần lấy ván thuyền che cho vua khỏi trúng tên giặc”.

(Đại Việt sử ký toàn thư, Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê)



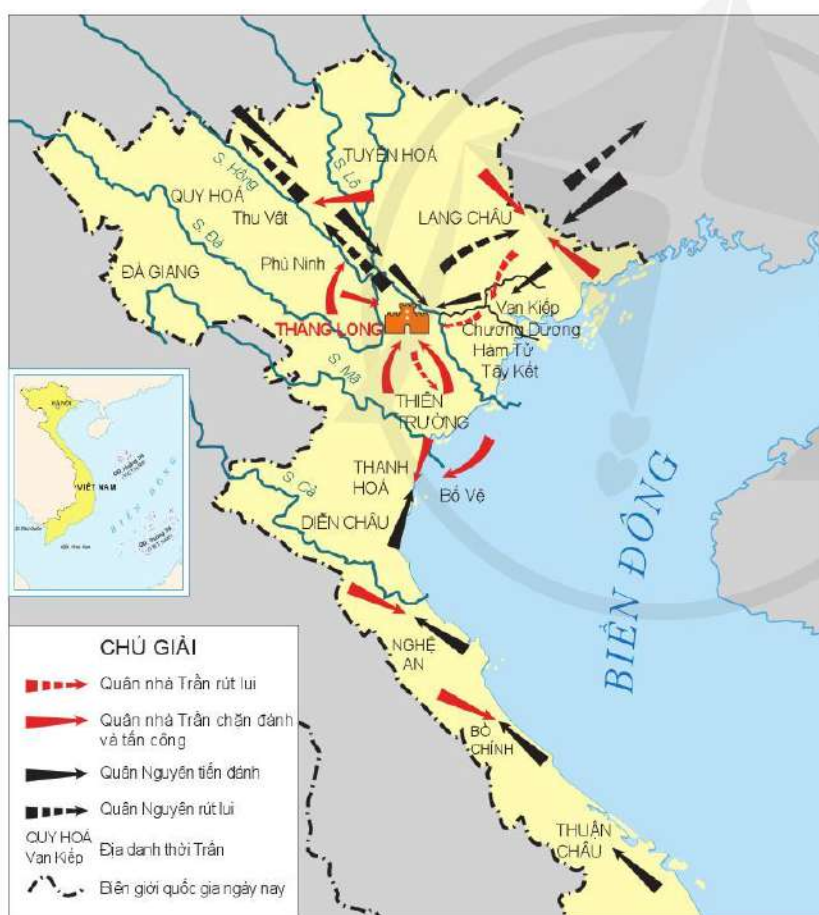
- Đọc thông tin, tư liệu và quan sát lược đồ 17.1, sơ đồ 17, hãy:
- Tóm tắt diễn biến chính của cuộc kháng chiến lần thứ nhất, chống quân xâm lược Mông Cổ (1258).
 - Nêu vai trò của vua Trần Thái Tông và Thái sư Trần Thủ Độ trong cuộc kháng chiến.

2. Cuộc kháng chiến lần thứ hai, chống quân xâm lược Nguyên (1285)

Năm 1271, Hốt Tất Liệt lập ra nhà Nguyên. Năm 1279, toàn bộ Nam Tống và lãnh thổ Trung Quốc bị quân Nguyên xâm chiếm. Cùng năm đó, nhà Nguyên ra lệnh chuẩn bị đánh chiếm Đại Việt.

Theo kế hoạch, quân Nguyên đánh Chăm-pa trước để làm bàn đạp tấn công vào phía nam Đại Việt, rồi phối hợp với quân của Thoát Hoan từ Trung Quốc đánh vào phía bắc Đại Việt. Sau thất bại ở Chăm-pa năm 1283, Hốt Tất Liệt quyết định tấn công Đại Việt.

Nhà Trần tích cực chuẩn bị kháng chiến: các hội nghị bàn kế sách đánh giặc được triệu tập; Trần Quốc Tuấn được vua Trần Nhân Tông phong làm Quốc công Tiết chế, thống lĩnh quân đội; nhiều cuộc tập trận được tổ chức; quân lính thích chữ “Sát Thát” (giết giặc Mông Thát) lên cánh tay.



Lược đồ 17.2. Diễn biến cuộc kháng chiến lần thứ hai, chống quân xâm lược Nguyên (1285)

Đầu năm 1285, “Thượng hoàng triệu phụ lão trong nước họp ở thềm điện Diên Hồng, bàn yển và hỏi kế đánh giặc. Các phụ lão đều nói “Đánh”, muôn người cùng hô một tiếng, như bật ra từ một cửa miệng”.

(Đại Việt sử ký toàn thư, Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê)



Theo *Nguyên sử*, khi quân Nguyên đến, khắp các lộ ở Giao Chỉ (tức Đại Việt) đều có bảng treo lệnh của triều đình: “Tất cả các quận huyện trong nước, nếu có giặc ngoài đến, đều phải liều chết mà đánh, nếu sức không địch nổi thì cho phép lẩn tránh vào rừng núi, không được đầu hàng”.

Bảng 17. Diễn biến cuộc kháng chiến lần thứ hai, chống quân xâm lược Nguyên (1285)

Thời gian	Những sự kiện chính
Từ cuối tháng 1-1285	Quân Nguyên do Thoát Hoan làm tổng chỉ huy 50 vạn quân tràn vào xâm lược Đại Việt. Toa Đô nhận lệnh dẫn 10 vạn quân từ Chăm-pa, Thanh Hoá đánh ra.
Từ đầu tháng 2-1285	Trước thế giặc mạnh, quân nhà Trần rút lui về Vạn Kiếp (Chí Linh, Hải Dương), sau đó về Thăng Long (Hà Nội), rồi lui về Thiên Trường (Nam Định) để củng cố lực lượng, chờ thời cơ phản công.
Tháng 3, 4-1285	Nhân dân thực hiện kế “thanh dã”, phối hợp với triều đình chống giặc ở khắp nơi. Quân Nguyên lâm vào tình thế khó khăn.
Tháng 5, 6-1285	Quân nhà Trần tổ chức phản công, thắng lợi lớn ở Tây Kết (hai lần), Hàm Tử (Hưng Yên), Chương Dương, Thăng Long (Hà Nội), Vạn Kiếp (Hải Dương),... Toa Đô tử trận, Thoát Hoan bỏ chạy. Đất nước sạch bóng quân xâm lược.

“Thánh Tông vờ bảo Quốc Tuấn rằng: “Thế giặc như vậy, ta phải hàng thôi”. Quốc Tuấn trả lời: “Bệ hạ chém đầu tôi trước rồi hãy hàng”. Vì thế, đời Trùng Hưng, lập nên công nghiệp hiếm có. Tiếng vang đến giặc Bắc, chúng thường gọi ông là An Nam Hưng Đạo Vương mà không dám gọi tên”.

(Đại Việt sử ký toàn thư, Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê)

? *Đọc thông tin, tư liệu và quan sát lược đồ 17.2, bảng 17, hãy:*

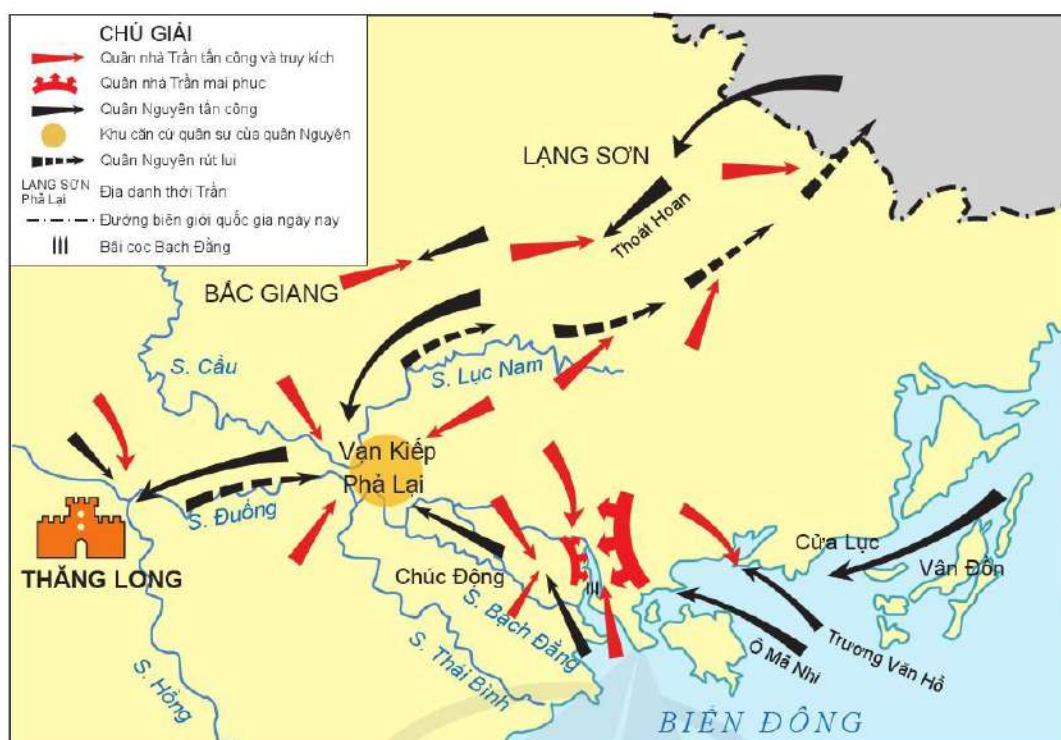
– *Tóm tắt diễn biến chính của cuộc kháng chiến lần thứ hai, chống quân xâm lược Nguyên (1285).*

– *Nêu vai trò của vua Trần Nhân Tông và Trần Quốc Tuấn trong cuộc kháng chiến.*

3. Cuộc kháng chiến lần thứ ba, chống quân xâm lược Nguyên (1287 – 1288)

Cả hai lần tiến đánh Đại Việt đều bị thất bại, vua Nguyên tức giận, ra lệnh tạm hoãn xâm lược Nhật Bản để dồn binh lực quyết đánh Đại Việt lần thứ ba. Thoát Hoan được vua Hốt Tất Liệt căn dặn: “*Không được cho Giao Chỉ là nước nhỏ mà khinh thường*” (Nguyên sử).

Biết trước nguy cơ quân Nguyên sẽ xâm lược trở lại, nhà Trần khẩn trương chuẩn bị kháng chiến: vua Trần Nhân Tông ra lệnh cho các vương hầu, tôn thất mộ thêm binh lính, chấn chỉnh lực lượng; Trần Quốc Tuấn tiếp tục được trao cho quyền tổng chỉ huy; nhà Trần tổ chức cuộc diễn tập quy mô lớn,...



Lược đồ 17.3. Diễn biến cuộc kháng chiến lần thứ ba, chống quân xâm lược Nguyên (1287 - 1288)

Tháng 12-1287, Thoát Hoan làm tổng chỉ huy dẫn 30 vạn quân vượt biên giới đánh vào Đại Việt. Ô Mã Nhi chỉ huy hàng trăm chiến thuyền theo đường thủy tiến vào vùng biển Đông Bắc. Tiếp theo sau là đoàn thuyền lương do Trương Văn Hổ chỉ huy.

Tháng 1-1288, Thoát Hoan cùng đại quân kéo vào Thăng Long, gặp cảnh “vườn không nhà trống”. Quân Nguyên tiến đánh các căn cứ của quân Trần, lùng bắt vua Trần nhưng thất bại.

Tháng 2-1288, Trần Khánh Dư cho quân mai phục, tiêu diệt toàn bộ đoàn thuyền lương của Trương Văn Hổ. Từ tháng 3-1288, nhà Trần tổ chức phản công ở nhiều nơi, giành thắng lợi quyết định trong trận Bạch Đằng. Cuộc kháng chiến kết thúc thắng lợi.

“Vương [tức Trần Quốc Tuấn] cho đóng cọc ở sông Bạch Đằng, phủ cỏ lên trên. Nhân lúc nước triều lên, Vương cho quân khiêu chiến rồi giả vờ thua chạy, giặc đuổi theo, quân ta cố sức đánh lại,... Nước triều xuống, thuyền giặc vướng cọc hết,... Hai vua đem quân tiếp đến, tung quân đánh lớn, quân Nguyên chết đuối nhiều không kể xiết, nước sông do vậy đỏ ngầu cả,...”.

(Đại Việt sử ký toàn thư, Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê)

? Đọc thông tin, tư liệu và quan sát lược đồ 17.3, hãy:

- Tóm tắt diễn biến chính của cuộc kháng chiến lần thứ ba, chống quân xâm lược Nguyên (1287 – 1288).
- Nêu vai trò của vua Trần Nhân Tông và Trần Quốc Tuấn trong cuộc kháng chiến.

4. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử

Thắng lợi của quân dân nhà Trần trong ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên (thế kỉ XIII) là một trong những chiến công hiển hách bậc nhất trong lịch sử giữ nước của dân tộc Việt Nam.

Cuộc kháng chiến thắng lợi trước hết là do truyền thống yêu nước và tinh thần chiến đấu dũng cảm của quân dân Đại Việt; tinh thần đoàn kết của vương hầu, quý tộc, tướng lĩnh nhà Trần và các tầng lớp nhân dân. Thắng lợi của cuộc kháng chiến còn gắn liền với vai trò lãnh đạo, tài chỉ huy của các vua Trần (Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông), cùng các tướng lĩnh như Trần Thủ Độ, Lê Phụ Trần, Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải, Trần Khánh Dư, Trần Nhật Duật,...

Thắng lợi của cuộc kháng chiến đã đập tan tham vọng, ý chí xâm lược Đại Việt của quân Mông – Nguyên, bảo vệ vững chắc nền độc lập, chủ quyền của dân tộc, nâng cao vị thế của Đại Việt; khẳng định quyết tâm, sức mạnh và tinh thần quật cường của dân tộc Việt Nam trong lịch sử chống ngoại xâm. Thắng lợi này cũng góp phần làm suy yếu đế quốc Mông – Nguyên, ngăn chặn cuộc xâm lược của quân Nguyên đối với Nhật Bản và các nước khác; để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, làm phong phú thêm nghệ thuật quân sự Việt Nam.



Hình 17. Tượng đài Trần Quốc Tuấn (Nam Định)

Hưng Đạo Vương ôm. Vua ngự tới thăm, hỏi rằng:
“Nếu có điều chẳng may, mà giặc phương Bắc lại sang xâm lược thì kế sách như thế nào”. Vương trả lời:

“...Vừa rồi Toa Đô, Ô Mã Nhi bốn mặt bao vây. Vì vua tôi đồng tâm, anh em hoà mục, cả nước góp sức, nên giặc bị bắt... Vả lại, khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước vậy”.

(Đại Việt sử ký toàn thư, Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê)

? Đọc thông tin, tư liệu và quan sát hình 17, hãy:

- Phân tích những nguyên nhân dẫn đến thắng lợi của quân dân nhà Trần trong ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên (thế kỉ XIII).
- Nêu ý nghĩa lịch sử của ba lần nhà Trần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.



1. Trình bày khái quát diễn biến, kết quả và ý nghĩa của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên của nhà Trần (thế kỉ XIII).



2. Hãy tìm hiểu và giới thiệu danh nhân tiêu biểu của thời Trần có công trong các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên (thế kỉ XIII).

3. Tinh thần yêu nước, đoàn kết của quân dân Đại Việt thời Trần được phát huy như thế nào trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước ngày nay?



Bài 18

NHÀ HỒ VÀ CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG QUÂN MINH XÂM LƯỢC (1400 – 1407)

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được sự thành lập của nhà Hồ.
- Giới thiệu được một số nội dung chủ yếu trong cải cách của Hồ Quý Ly và nêu được tác động của những cải cách ấy đối với xã hội thời nhà Hồ.
- Mô tả được những nét chính về cuộc kháng chiến của nhà Hồ chống quân Minh xâm lược.
- Giải thích được nguyên nhân thất bại của cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược.



Thành nhà Hồ (còn gọi là thành Tây Đô) ở Thanh Hoá được xây dựng năm 1397 là toà thành kiến cổ, quy mô lớn, với kiến trúc bằng đá độc đáo. Năm 2011, công trình này đã được UNESCO ghi danh là Di sản Văn hoá Thế giới. Thành nhà Hồ gắn liền với lịch sử của nhà Hồ và cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược.

Vậy nhà Hồ được thành lập trong hoàn cảnh nào? Nhà Hồ đã thực hiện những chính sách gì để xây dựng và bảo vệ đất nước? Vì sao cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược của nhà Hồ nhanh chóng bị thất bại?



Hình 18.1. Di tích thành nhà Hồ (Thanh Hoá)



1. Sự thành lập nhà Hồ

Từ nửa sau thế kỉ XIV, nhà Trần khủng hoảng, suy yếu, không chăm lo phát triển kinh tế nên mất mùa, đói kém xảy ra thường xuyên. Khởi nghĩa nông dân bùng nổ khắp nơi.

Trong bối cảnh đó, Hồ Quý Ly – một trí thức và là quý tộc có thế lực đã dần thao túng triều đình nhà Trần. Năm 1397, Hồ Quý Ly ép vua Trần chuyển kinh đô vào Tây Đô (Thanh Hoá). Năm 1400, Hồ Quý Ly phế truất vua Trần Thiệu Đế và lên làm vua, lập ra nhà Hồ, đổi quốc hiệu thành Đại Ngu (với mong ước an vui cho đất nước).



Lược đồ 18.1. Các cuộc khởi nghĩa nông dân nửa cuối thế kỉ XIV



Hình 18.2. Tượng Hồ Quý Ly

 Hồ Quý Ly là người có tài năng, lại có hai người cô là phi tần của vua Trần Minh Tông đã sinh được hai vị vua cho nhà Trần. Nhờ đó, ông được vua Trần trọng dụng và nắm giữ chức vụ cao nhất trong triều đình.

 *Đọc thông tin và quan sát các hình 18.1, 18.2, lược đồ 18.1, hãy:*

- *Trình bày sự thành lập nhà Hồ.*
- *Cho biết việc Hồ Quý Ly đổi quốc hiệu và chuyển kinh đô chứng tỏ điều gì.*

2. Cải cách của Hồ Quý Ly

Trước và sau khi lên ngôi vua, Hồ Quý Ly đã thực hiện cải cách trên nhiều lĩnh vực.

Bảng 18. Cải cách của Hồ Quý Ly

Lĩnh vực cải cách	Nội dung cải cách
Chính trị	Cải tổ bộ máy chính quyền các cấp, đổi tên các đơn vị hành chính, tăng cường kiểm tra giám sát quan lại, hạn chế quyền lực của quý tộc Trần, chiêu dụng những người ngoài họ Trần nhưng có học vấn, tài năng.
Kinh tế	Phát hành tiền giấy thay thế tiền đồng; ban hành chính sách “hạn điền” (hạn chế sở hữu ruộng đất quy mô lớn); quy định biểu thuế ruộng, thuế đinh; thống nhất đơn vị đo lường,...
Xã hội	Ban hành chính sách “hạn nô” (hạn chế sở hữu nô tì), tăng cường kiểm soát hộ tịch. Những năm đói kém, bắt nhà giàu phải bán thóc cho dân và tổ chức nơi chữa bệnh cho dân.
Văn hoá, giáo dục	Đề cao Nho giáo, hạn chế ảnh hưởng của Phật giáo và Đạo giáo; cho dịch sách chữ Hán ra chữ Nôm để dạy học cho vua, quan, phi tần, cung nữ; sửa đổi chế độ học tập, khoa cử,...
Quốc phòng	Thực hiện một số biện pháp nhằm tăng cường củng cố quân đội (chế tạo súng thần cơ, đóng thuyền chiến, xây thành Tây Đô, thành Đa Bang,...).

“Các đại vương và trưởng công chúa thì ruộng không có hạn chế; dân đến thứ dân thì ruộng chỉ còn 10 mẫu thôi, còn thừa phải nộp vào nhà nước”.

“Hán Thương lập phép hạn chế gia nô, chiếu theo phẩm cấp có số khác nhau, thừa ra thì sung vào nhà nước, người nào đáng được có gia nô phải xuất trình chiếu thư ba đời”.

(Đại Việt sử ký toàn thư, Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê)



Súng “thần cơ” của Hồ Nguyên Trừng có nhiều loại, loại nhỏ dùng cho bộ binh bắn xa khoảng 700 m. Loại lớn là “thần cơ pháo” đặt cố định bảo vệ thành hoặc dùng xe kéo vận chuyển. Việc chế tạo thành công súng “thần cơ” của Hồ Nguyên Trừng đã đánh dấu bước phát triển quan trọng trong lịch sử quân sự Việt Nam.



Hình 18.3. Đạn bằng đá của thần cơ pháo được khai quật tại thành Tây Đô (Thanh Hoá)

Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly đã có những tác động tích cực đối với xã hội. Quyền lực của chính quyền trung ương được củng cố, thế lực của quý tộc Trần bị thu hẹp, tình trạng bất bình đẳng trong xã hội giảm bớt. Tuy vậy, cuộc cải cách cũng gây bất mãn cho một bộ phận xã hội, ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng đoàn kết toàn dân của nhà Hồ.



Đọc thông tin, tư liệu và quan sát bảng 18, hình 18.3, hãy:

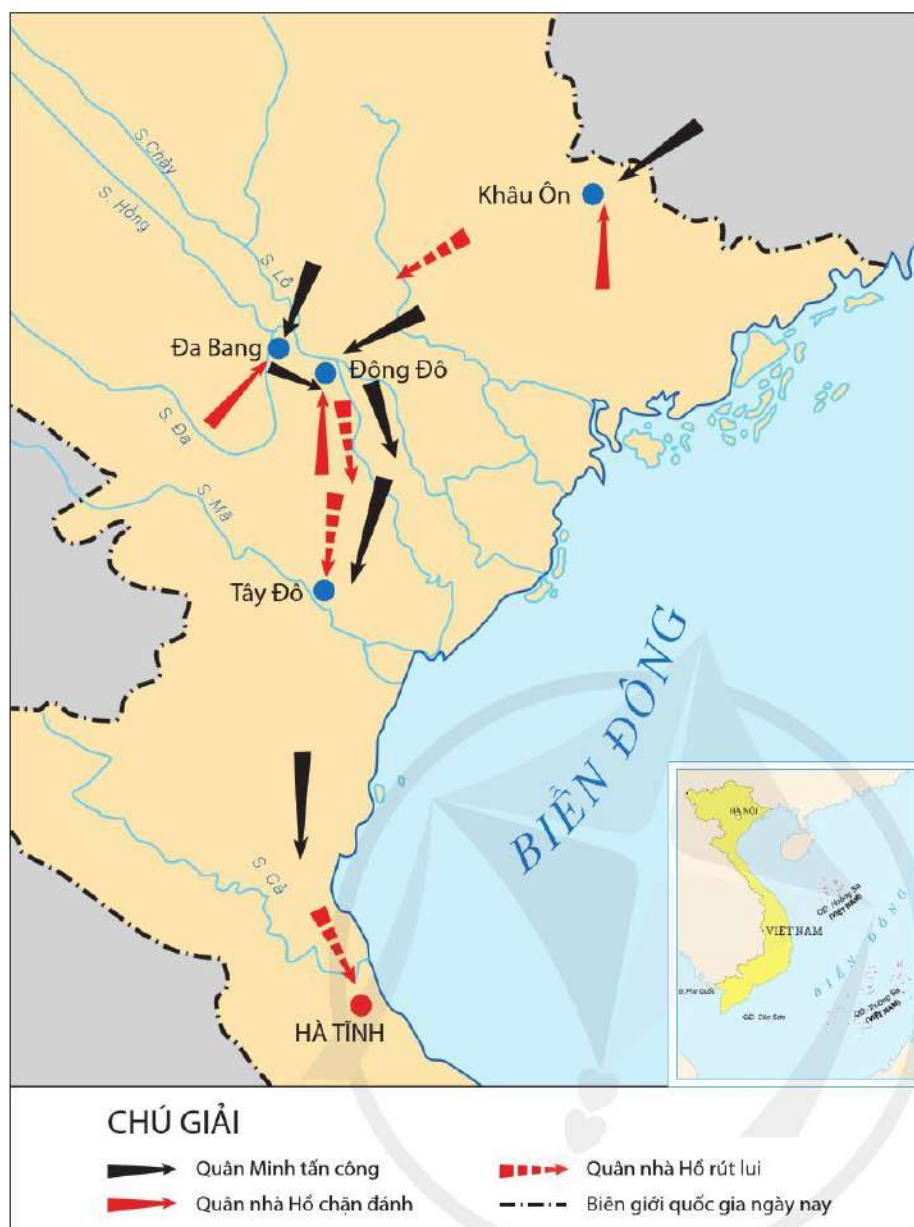
- Giới thiệu nội dung chủ yếu trong cải cách của Hồ Quý Ly.
- Nêu tác động của cải cách do Hồ Quý Ly thực hiện đối với xã hội thời nhà Hồ.

3. Cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược

Tháng 11-1406, lấy cớ nhà Hồ cướp ngôi nhà Trần, nhà Minh huy động 20 vạn quân cùng hàng chục vạn dân phu do Trương Phụ và Mộc Thạnh chỉ huy tràn vào biên giới Đại Ngu. Quân nhà Hồ phải lui từ Lạng Sơn về bờ nam sông Nhị (sông Hồng) rồi cố thủ ở thành Đa Bang (Ba Vì, Hà Nội ngày nay).

Tháng 1-1407, quân Minh lần lượt đánh chiếm các thành Đa Bang, Đông Đô (Thăng Long), quân nhà Hồ rút về thành Tây Đô (Thanh Hoá). Tháng 4-1407, quân Minh tấn công vào Tây Đô, Hồ Quý Ly chạy vào Hà Tĩnh và bị bắt (6-1407).

Cuộc kháng chiến thất bại là do nhà Hồ không có đường lối kháng chiến đúng đắn, chủ yếu dựa vào thành lũy, nặng về phòng ngự bị động và rút lui cố thủ. Một số chính sách cải cách của Hồ Quý Ly cùng với việc ông phế truất vua Trần để lên ngôi không nhận được sự ủng hộ rộng rãi của nhân dân. Vì vậy, nhà Hồ không tập hợp được đông đảo lực lượng tham gia kháng chiến.



Lược đồ 18.2. Cuộc kháng chiến chống quân Minh của nhà Hồ

- ?** Đọc thông tin và quan sát lược đồ 18.2, hãy:
- Mô tả những nét chính cuộc kháng chiến chống quân Minh của nhà Hồ.
 - Giải thích nguyên nhân thất bại của cuộc kháng chiến.



1. Trình bày khái quát những nét chính về nhà Hồ (1400 – 1407).



2. Hãy cho biết suy nghĩ của em về việc Hồ Quý Ly lập nên nhà Hồ.

3. Sự thất bại của nhà Hồ trong cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược để lại bài học gì cho sự nghiệp bảo vệ đất nước hiện nay?

“Thần không ngại đánh, chỉ sợ lòng dân có theo hay không theo thôi”. (Hồ Nguyên Trừng)

(Đại Việt sử ký toàn thư, Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê)



Bài 19 KHỞI NGHĨA LAM SƠN (1418 – 1427)

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được một số sự kiện tiêu biểu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- Giải thích được nguyên nhân chính dẫn tới thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- Nêu được ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn; đánh giá được vai trò của một số nhân vật tiêu biểu: Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích,...



Trong *Bình Ngô đại cáo*, thay lời Lê Lợi, Nguyễn Trãi đã viết:

“Ta đây:
Núi Lam Sơn dấy nghĩa
Chốn hoang dã nương mình
Ngầm thù lớn há đội trời chung
Cầm giặc nước thể không cùng sống”.

Vậy cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đã diễn ra như thế nào? Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử, vai trò của một số nhân vật lịch sử tiêu biểu, như Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích,... là gì?



Hình 19.1. Chân dung Nguyễn Trãi
(tranh vẽ trên vải lụa)



1. Những ngày đầu của cuộc khởi nghĩa (1418 – 1423)

Năm 1416, Lê Lợi cùng 18 người trong bộ chỉ huy cuộc khởi nghĩa đã tổ chức hội thề ở Lũng Nhai (Thanh Hoá) với quyết tâm đánh đuổi quân Minh, khôi phục độc lập dân tộc.



Hình 19.2. Tượng đài Lê Lợi
(Thanh Hoá)



Lê Lợi (1385 – 1433) là một hào trưởng địa phương có uy tín. Nghe tin Lê Lợi chuẩn bị khởi nghĩa ở Lam Sơn, nhiều người yêu nước đã tìm về hội tụ ngày càng đông, trong đó có Nguyễn Trãi. Phép dùng binh của Lê Lợi là lấy nhu để chế cương, lấy yếu để chế mạnh.

“Tôi là phụ đạo Lê Lợi cùng Lê Lai, Nguyễn Trãi, Đinh Liệt, Lưu Nhân Chú,... 19 người tuy họ hàng quê quán khác nhau, nhưng kết nghĩa thân nhau như cùng chung một họ... chung sức đồng lòng, giữ gìn đất nước, làm cho xóm làng được ăn ở yên lành”.

(*Lam Sơn thực lục*, Nguyễn Trãi)

Năm 1418, trước chính sách đô hộ tham lam và tàn bạo của nhà Minh, Lê Lợi đã tập hợp hào kiệt bốn phương dựng cờ khởi nghĩa tại căn cứ Lam Sơn (Thanh Hoá) và tự xưng là Bình Định Vương.

Những ngày đầu khởi nghĩa, nghĩa quân Lam Sơn đã gặp nhiều khó khăn, thách thức. Quân Minh tổ chức nhiều đợt tấn công, bao vây căn cứ Lam Sơn. Nghĩa quân phải ba lần rút lui lên núi Chí Linh (Lang Chánh, Thanh Hoá) vào các năm 1418, 1419, 1423 và chịu nhiều tổn thất.

Giữa năm 1418, khi quân Minh vây chặt căn cứ Lam Sơn, trong tình thế nguy khốn, Lê Lai đã cải trang giả làm Lê Lợi chỉ huy một toán quân phá vòng vây. Lê Lai cùng toán quân cảm tử hi sinh. Quân Minh lầm tưởng đã giết được Lê Lợi nên rút quân.

Trong lần rút lui lên núi Chí Linh lần thứ ba năm 1423, nghĩa quân lâm vào tình trạng ngặt nghèo: *“Khi Linh Sơn lương hết mấy tuần,
Lúc Khôi Huyện quân không một đội”*.

(Bình Ngô đại cáo, Nguyễn Trãi)

Giữa năm 1423, trong bối cảnh thế và lực còn rất yếu, Lê Lợi đề nghị tạm hoà, quân Minh chấp thuận, nghĩa quân trở về căn cứ Lam Sơn. Thời gian hoà hoãn đã tạo điều kiện cho nghĩa quân khôi phục và củng cố lực lượng.

? *Đọc thông tin, tư liệu và quan sát các hình 19.1, 19.2, hãy trình bày những sự kiện tiêu biểu trong thời kì đầu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.*

2. Giải phóng Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hoá (1424 – 1425)

Cuối năm 1424, Nguyễn Chích đề nghị tạm rời vùng núi rừng Thanh Hoá, chuyển quân vào Nghệ An – là nơi hiểm yếu, đất rộng, người đông, dễ dựa vào đó quay ra đánh lấy Đông Đô. Ngay sau đó, Lê Lợi dẫn quân tiến vào miền Tây Nghệ An và giành được những thắng lợi quan trọng ở Trà Lân, Khả Lưu, Bồ Ai,... Trong một thời gian ngắn, nghĩa quân nhanh chóng làm chủ phần lớn Nghệ An.

Tháng 8-1425, nghĩa quân từ Nghệ An tiến vào giải phóng Tân Bình (Quảng Bình, Quảng Trị) và Thuận Hoá (Thừa Thiên Huế). Trong vòng 10 tháng, nghĩa quân Lam Sơn đã giải phóng một vùng rộng lớn từ Thanh Hoá đến đèo Hải Vân. Với kết quả này, cục diện chiến trường và tương quan lực lượng hai bên đã thay đổi căn bản theo hướng có lợi cho lực lượng khởi nghĩa.

? *Đọc thông tin, hãy trình bày hoạt động của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn trong những năm 1424 – 1425.*

3. Khởi nghĩa Lam Sơn toàn thắng (1426 – 1427)

Tháng 9-1426, Lê Lợi và bộ chỉ huy quyết định mở cuộc tiến công ra Bắc với ba đạo quân chính, có nhiệm vụ tiến sâu vào vùng địch chiếm đóng, phối hợp cùng nhân dân bao vây đồn địch, giải phóng đất đai, thành lập chính quyền mới và chặn

đường tiếp viện của quân Minh từ biên giới sang. Nghĩa quân giành thắng lợi trong nhiều trận lớn, quân Minh buộc phải rút vào thành Đông Quan cố thủ. Cuộc khởi nghĩa chuyển sang giai đoạn phản công.

Trước sự phát triển như vũ bão của cuộc khởi nghĩa, nhà Minh tăng cường viện binh. Cuối năm 1426, trong trận Tốt Động – Chúc Động (nay thuộc Hà Nội), nghĩa quân đã phục kích, đánh tan trên 5 vạn quân Minh, tướng Vương Thông phải tháo chạy về thành Đông Quan (Hà Nội).

*“Ninh Kiều máu chảy thành sông, tanh trôi vạn dặm,
Tốt Động thây chất đầy nội, nhơ để ngàn năm”.*

(Bình Ngô đại cáo, Nguyễn Trãi)

Tháng 10-1427, khoảng 15 vạn viện binh do Liễu Thăng và Mộc Thạnh chỉ huy chia làm hai đường tiến vào Đại Việt. Nghĩa quân tổ chức phục kích và tiêu diệt Liễu Thăng cùng toán quân tiên phong tại ải Chi Lăng (Lạng Sơn), bộ phận quân Minh còn lại co cụm tại thành Xương Giang (Bắc Giang) bị nghĩa quân bao vây và tiêu diệt. Khi thấy Lê Lợi sai người mang ấn tín và thư báo tin Liễu Thăng đã tử trận, Mộc Thạnh sợ hãi dẫn quân rút chạy về nước. Vương Thông ở thành Đông Quan đành chấp nhận nghị hoà.

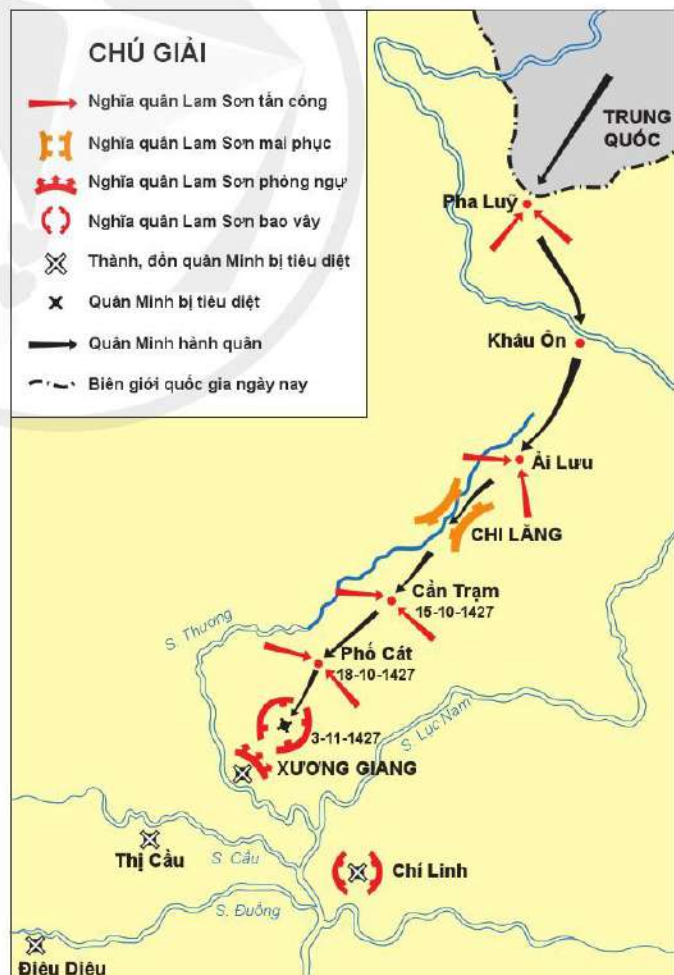
Ngày 10-12-1427, tại phía nam thành Đông Quan đã diễn ra hội thề giữa bộ chỉ huy nghĩa quân Lam Sơn và đại diện quân Minh. Ngày 3-1-1428, toán quân Minh cuối cùng rút về nước, đất nước sạch bóng quân thù. Khởi nghĩa Lam Sơn kết thúc thắng lợi.

*“Tiếng trống nổi vang, ba quân
thật hùng cường bội sức,*

*Ngọn cờ thẳng tiến, các tướng đều
hăng hái liều thân.*

*Pha Luỹ, Chi Lăng oai hùng
vang dội”.*

(Phủ Xương Giang, Lý Tử Tấn)



Lược đồ 19. Trận Chi Lăng – Xương Giang

Lê Lợi từng nói với các tướng sĩ: “Trà thì báo oán là thường tình của mọi người; nhưng không thích giết người là bản tâm của bậc nhân đức... Nếu để hả nổi giận trong chốc lát mà mang tiếng với muôn đời là giết kẻ đã hàng, thì chi bằng tha mạng sống cho ức vạn người, để dập tắt mỗi chiến tranh cho đời sau, sử xanh ghi chép, tiếng thơm muôn đời, há chẳng lớn lao sao?”.

(Đại Việt sử ký toàn thư, Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê)

? Đọc thông tin và quan sát lược đồ 19, hãy trình bày một số sự kiện tiêu biểu của khởi nghĩa Lam Sơn trong những năm 1426 – 1427.

4. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn bắt nguồn từ truyền thống yêu nước, đoàn kết của dân tộc; sự lãnh đạo và nghệ thuật quân sự tài tình, sáng tạo của bộ chỉ huy nghĩa quân mà đại diện là Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích,...

“May mà lòng trời còn đo, thánh chúa ra đời, chinh phục bằng nghĩa, đánh dẹp bằng nhân, non sông mới được đổi mới, nhật nguyệt mới lại sáng tươi. Nhân dân từ đây bình yên, nước nhà từ đây thuận trị. Đó là do vua tôi một dạ, trên dưới cùng lòng vậy”.

(Đại Việt sử ký toàn thư, Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê)

Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi đã chấm dứt 20 năm đô hộ của nhà Minh khôi phục độc lập dân tộc, đưa đến sự thành lập của vương triều Lê sơ, mở ra thời kì phát triển mới của Đại Việt: “Xã tắc từ đây vững bền, Giang sơn từ đây đổi mới”. (Bình Ngô đại cáo, Nguyễn Trãi)

? Đọc thông tin, tư liệu, hãy:

- Giải thích nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.
- Nêu ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.



1. Lập bảng thống kê các giai đoạn chống quân Minh trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

2. Hãy đánh giá vai trò của một số nhân vật trong khởi nghĩa Lam Sơn như Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích,...



3. Sưu tầm tư liệu và giới thiệu về một trong số những nhân vật lịch sử có công lao trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.



Bài 20 VIỆT NAM THỜI LÊ SƠ (1428 – 1527)

Học xong bài này, em sẽ:

- Mô tả được sự thành lập nhà Lê sơ.
- Nhận biết được tình hình kinh tế – xã hội thời Lê sơ.
- Giới thiệu được sự phát triển văn hoá, giáo dục và một số danh nhân văn hoá tiêu biểu thời Lê sơ.



Về nhà Lê sơ, trong dân gian lưu truyền câu ca:

*“Đời vua Thái Tổ, Thái Tông,
Thóc lúa đầy đồng, trâu chẳng buồn ăn”.*

(Ca dao)

Vậy nhà Lê sơ được thành lập như thế nào? Tình hình kinh tế – xã hội, sự phát triển văn hoá, giáo dục ra sao? Một số danh nhân văn hoá tiêu biểu là những ai?



1. Sự thành lập nhà Lê sơ

Tháng 4-1428, sau thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, Lê Lợi lên ngôi Hoàng đế, khôi phục quốc hiệu Đại Việt, đóng đô tại Đông Kinh (Thăng Long trước đây). Hầu hết các chức quan cao cấp của triều đình Lê sơ trong giai đoạn đầu là do những tướng lĩnh từng có công lớn trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn nắm giữ.

Ngay sau khi thành lập, bên cạnh việc hoàn thiện bộ máy chính quyền, phong chức tước và ban cấp ruộng đất cho các công thần, nhà Lê sơ còn tiến hành nhiều chính sách nhằm khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế – xã hội, ổn định đời sống nhân dân.



Hình 20.1. Bia Vĩnh Lăng
tại khu di tích Lam Kinh (Thanh Hoá)

Sử sách ghi chép về vua Lê Thái Tổ: “Kịp khi lên ngôi, quy định thuế khoá, chia ruộng đất, ban hành luật lệnh, mở khoa thi, tổ chức quân cấm vệ, cất đặt quan chức, tướng lục công thần, dựng trường học,... Quy mô sáng nghiệp có thể gọi là rộng lớn”.

(Khâm định Việt sử thông giám cương mục,
Quốc sử quán triều Nguyễn)



Đọc thông tin, tư liệu và quan sát hình 20.1, hãy mô tả sự thành lập nhà Lê sơ.

2. Tình hình chính trị

Tổ chức bộ máy nhà nước quân chủ thời Lê sơ từ Lê Thái Tổ đến Lê Thánh Tông từng bước được hoàn thiện chặt chẽ, quyền lực của triều đình trung ương và nhà vua được tăng cường. Vua trực tiếp nắm giữ mọi quyền hành. Cả nước dưới thời vua Lê Thánh Tông gồm có 13 đạo thừa tuyên. Dưới đạo là phủ rồi đến huyện hoặc châu, xã.

Nhà Lê sơ tiếp tục thực hiện chính sách “ngụ binh ư nông”, đồng thời tiến hành nhiều biện pháp nhằm xây dựng quân đội tinh nhuệ, có kỉ luật cao, đặt dưới sự thống lĩnh tối cao của nhà vua.

Vua Lê Thánh Tông cho ban hành bộ luật *Quốc triều hình luật* (tên gọi khác là *Luật Hồng Đức*). Nội dung chính của bộ luật là bảo vệ quyền lợi của vua, quan lại; bảo vệ chủ quyền quốc gia; bảo vệ quyền lợi của phụ nữ,...

Trong quan hệ với các nước láng giềng, nhà Lê sơ thực hiện chính sách hoà hiếu nhưng luôn kiên quyết bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

Năm 1473, vua Lê Thánh Tông căn dặn Lê Cảnh Huy và các quan về việc bảo vệ lãnh thổ ở phía bắc: “*Một thước núi, một tấc sông của ta, lẽ nào lại nên vứt bỏ? Ngươi phải kiên quyết tranh biện, chớ cho họ lấn dần,... Nếu ngươi dám đem một thước, một tấc đất của Thái Tổ làm mồi cho giặc, thì tội phải tru di*”.

(Đại Việt sử ký toàn thư, Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê)

 *Đọc thông tin và tư liệu, hãy nêu những nét chính về tổ chức bộ máy nhà nước, quân đội, luật pháp của Đại Việt thời Lê sơ.*

3. Tình hình kinh tế

Nông nghiệp: Nhà nước ban hành chính sách “quân điền”, làng xã theo định kì phân chia lại ruộng đất cho thành viên cày cấy. Trong triều đình đặt một số chức quan chuyên trách về nông nghiệp như Khuyến nông sứ, Hà đê sứ, Đồn điền sứ. Nhà nước ban hành các chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp như khai hoang, đắp đê, khơi thông sông ngòi,... Diện tích canh tác được mở rộng, nhiều làng mới được thành lập. Đời sống nhân dân ổn định.

 Năm 1477, vua Lê Thánh Tông quy định rõ về các đối tượng nhận ruộng công làng xã tính theo khẩu phần trong chế độ quân điền, gồm có quan từ Tam phẩm trở xuống (quan Tam phẩm được 11 phần, Tứ phẩm được 10 phần,...) cho đến các hạng binh lính, các hạng dân đinh, các hạng thợ, người già, trẻ mồ côi, đàn bà góa, người tàn phế,... đều được cấp ruộng từ 7 phần đến 3 phần, nhiều ít khác nhau.

Thủ công nghiệp: Thủ công nghiệp dân gian có nhiều làng thủ công nổi tiếng như làng Huê Cầu (Hưng Yên) nhuộm vải; làng Chu Đậu (Hải Dương), Bát Tràng (Hà Nội) làm đồ gốm; làng Đại Bái (Bắc Ninh) đúc đồng; làng Vân Chàng (Nam Định) rèn sắt,...

Cơ sở sản xuất thủ công nghiệp của nhà nước gọi là Cục Bách tác, tập hợp những thợ thủ công giỏi trong dân gian làm việc theo chế độ lao dịch cưỡng bức. Thợ thủ công trong Cục Bách tác cũng được tổ chức thành đội ngũ như quân lính.

Thương nghiệp: Buôn bán trong nước và nước ngoài đều phát triển. Nhà Lê sơ khuyến khích các xã lập thêm chợ mới. Thuyền buôn và thương nhân các nước láng giềng buôn bán tại một số địa điểm quy định như Thống Lĩnh (Lạng Sơn), Vân Đồn (Quảng Ninh), Hội Thống (Nghệ An – Hà Tĩnh),... Các sản phẩm được thương nhân nước ngoài ưa chuộng là đồ sứ, vải, lụa, lâm sản quý.



Hình 20.2. Tượng nữ quý tộc bằng gốm men nhiều màu thời Lê sơ từ lò gốm Chu Đậu (Hải Dương)

“Ở An Quảng, triều đình đặt ra hai châu Vân Đồn, Vạn Ninh, sai tướng trấn phủ. Khách thương đến buôn bán lớp này đến lớp khác, đem đồ dâng cống”.

(Dư địa chí, Nguyễn Trãi)



Hình 20.3. Tiền cổ thời Lê sơ (phát hiện năm 2018 tại Vĩnh Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh)

? *Đọc thông tin, tư liệu và kết hợp quan sát các hình 20.2, 20.3, hãy nêu tình hình kinh tế thời Lê sơ và rút ra nhận xét.*

4. Tình hình xã hội

Xã hội Đại Việt thời Lê sơ phân hoá thành nhiều tầng lớp khác nhau, quan hệ xã hội chưa mâu thuẫn gay gắt.

Tầng lớp trên của xã hội là quý tộc, quan lại, địa chủ. Vai trò của tầng lớp quan lại xuất thân từ khoa cử ngày càng quan trọng.

Tầng lớp bình dân trong xã hội chủ yếu là nho sĩ, nông dân, thợ thủ công, thương nhân. Trong đó, nông dân chiếm đại đa số, họ cày ruộng đất công, nộp tô, thuế, thực hiện nghĩa vụ lao dịch đối với nhà nước hoặc cày cấy ruộng thuê của địa chủ, quan lại và nộp một phần hoa lợi cho chủ ruộng. Tầng lớp thương nhân và thợ thủ công phải nộp thuế cho nhà nước.

Nô tì là tầng lớp thấp kém nhất trong xã hội, số lượng nô tì giảm dần do pháp luật thời Lê sơ hạn chế việc cưỡng bức dân tự do thành nô tì.

? *Đọc thông tin, hãy trình bày về cơ cấu xã hội và vẽ sơ đồ thể hiện xã hội Đại Việt thời Lê sơ.*

5. Phát triển văn hoá, giáo dục

Trên cơ sở kinh tế phục hồi, xã hội ổn định, lĩnh vực văn hoá và giáo dục của Đại Việt thời Lê sơ phát triển mạnh mẽ.

Hệ tư tưởng Nho giáo chi phối đời sống xã hội, nội dung học tập thi cử là các sách của Nho giáo. Trong khi đó, Đạo giáo và Phật giáo bị hạn chế.

Văn học chữ Hán chiếm ưu thế với các tác phẩm tiêu biểu như *Quân trung từ mệnh tập*, *Bình Ngô đại cáo*. Văn học chữ Nôm ghi dấu ấn với *Quốc âm thi tập*, *Hồng Đức quốc âm thi tập*,... Lĩnh vực khoa học có các tác phẩm nổi tiếng như *Đại Việt sử ký toàn thư* (sử học), *Hồng Đức bản đồ* (địa lí học), *Bản thảo thực vật toát yếu* (y học), *Đại thành toán pháp* (toán học),...

Nghệ thuật sân khấu đa dạng với nhã nhạc, hát chèo, hát tuồng,...

Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc tiêu biểu với các công trình như Hoàng thành Thăng Long, cung điện tại Lam Kinh.



Hình 20.4. Đôi rồng đá ở bậc thềm điện Kính Thiên
(Khu di tích Hoàng thành Thăng Long, Hà Nội)



Hình 20.5. Khu di tích Lam Kinh (Thanh Hoá)

Về giáo dục, nhà Lê sơ đặc biệt chú trọng chế độ khoa cử để tuyển chọn quan lại. Năm 1428, vua Lê Thái Tổ cho mở lại Quốc Tử Giám và mở trường học tại các lộ, phủ. Năm 1442, triều đình mở khoa thi Hội đầu tiên lấy đỗ tiến sĩ. Có ba kì thi chính là thi Hương, thi Hội và thi Đình. Từ năm 1442 đến năm 1526, nhà Lê sơ tổ chức 26 khoa thi, lấy đỗ 989 tiến sĩ.

“Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh mà hưng thịnh; nguyên khí suy thì thế nước yếu mà thấp hèn”.

(Văn bia tiến sĩ khoa thi năm 1442 tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Thân Nhân Trung)



Hình 20.6. Bia Tiến sĩ tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội)

? *Đọc thông tin, tư liệu và quan sát các hình từ 20.4 đến 20.6, hãy giới thiệu sự phát triển văn hoá, giáo dục của Đại Việt thời Lê sơ.*

6. Một số danh nhân văn hoá tiêu biểu thời Lê sơ

Nguyễn Trãi (1380 – 1442) là bậc công thần hàng đầu của nhà Lê sơ, đồng thời là nhà tư tưởng, nhà văn hoá lớn của Việt Nam. Nguyễn Trãi có công hiến đặc biệt đối với nền văn hiến nước nhà ở nhiều lĩnh vực, với các tác phẩm tiêu biểu như *Quân trung từ mệnh tập*, *Bình Ngô đại cáo*, *Dư địa chí*, *Lam Sơn thực lục*,...

Vua Lê Thánh Tông ca ngợi Nguyễn Trãi: *“Thừa chi Quan phục hầu Nguyễn Trãi, hiệu Ước Trai, đậu khoa bảng từ đời Hồ. Khi Thánh Tổ (tức Lê Thái Tổ) mới mở nghiệp, theo về nơi Lỗi Giang, bên trong thì trù tính phương lược, bên ngoài thì thảo văn thư chiêu dụ các thành, văn chương giúp nước, rất được tín nhiệm”.*

Năm 1980, nhân dịp kỉ niệm 600 năm ngày sinh của Nguyễn Trãi, UNESCO đã ghi danh ông là Danh nhân Văn hoá Thế giới.



Hình 20.7. Đền thờ Nguyễn Trãi (Hà Nội)

Lê Thánh Tông (1442 – 1497) là vị vua thứ tư của nhà Lê sơ. Không chỉ là bậc minh quân, ông còn giỏi thơ văn, với nhiều tác phẩm nổi tiếng như *Chinh Tây kỉ hành*, *Quỳnh uyển cửu ca* (chữ Hán); *Hồng Đức quốc âm thi tập* (chữ Nôm),... Lê Thánh Tông được ca ngợi là vị anh hùng tài lược, có vốn kiến thức uyên thâm.



Hình 20.8. Đền thờ Ngô Sĩ Liên (Hà Nội)

Ngô Sĩ Liên (thế kỉ XV) từng giữ chức Đô ngự sử dưới thời Lê sơ, phụ trách việc biên chép lịch sử. Ông là người khởi thảo bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* – bộ chính sử Việt Nam xưa nhất còn tồn tại đến ngày nay, được khắc in vào cuối thế kỉ XVII.



Lương Thế Vinh (1441 – 1496) là người từng đứng đầu Viện Hàn lâm thời Lê Thánh Tông. Ông là người có tài năng trong nhiều lĩnh vực, từng dành tâm sức để đo đạc ruộng đất thực tế, từ đó rút ra những quy tắc tính toán. Tác phẩm tiêu biểu của ông là *Đại thành toán pháp*, được coi là cuốn sách giáo khoa về toán đầu tiên ở Việt Nam. Lương Thế Vinh được tôn xưng là Trạng Lường hay “Thần cơ diệu toán vạn niên sư”.

Hình 20.9. Đền thờ Lương Thế Vinh (Nam Định)

? Đọc thông tin và quan sát các hình từ 20.7 đến 20.9, hãy giới thiệu một số danh nhân văn hoá tiêu biểu dưới thời Lê sơ.



1. Hãy liệt kê các thành tựu tiêu biểu về văn hoá, giáo dục của Đại Việt thời Lê sơ.



2. Suy tầm tư liệu và giới thiệu về di tích Lam Kinh hoặc Văn Miếu – Quốc Tử Giám.

3. Theo em, lời của Thân Nhân Trung trên bài văn bia tiến sĩ khoa thi năm 1442 tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám có ý nghĩa như thế nào đối với vấn đề trọng dụng nhân tài hiện nay?

VÙNG ĐẤT PHÍA NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ X ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XVI



Bài 21 VÙNG ĐẤT PHÍA NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ X ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XVI

Học xong bài này, em sẽ:

Nêu được những diễn biến cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hoá ở vùng đất phía nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.



Nhóm tháp A1 thuộc quần thể di tích Thánh địa Mỹ Sơn (được xây dựng vào khoảng thế kỉ X) là một công trình kiến trúc tiêu biểu của người Chăm ở vùng đất phía nam.

Vậy diễn biến cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hoá ở vùng đất phía nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI đã diễn ra như thế nào?



Hình 21.1. Nhóm tháp A1 thuộc quần thể di tích Thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam)



1. Chăm-pa từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI

Chính trị

Từ đầu thế kỉ X, Chăm-pa thường xuyên phải đối phó với các cuộc tấn công của Chân Lạp từ phía nam. Cuối thế kỉ X, Vương triều In-dờ-ra-pu-ra suy yếu, khủng hoảng và dần bị thay thế bởi Vương triều Vi-giay-a.

Khoảng năm 1000, vua Vi-giay-a Sơ-ri dời kinh đô In-dờ-ra-pu-ra (thuộc Quảng Nam ngày nay), trở lại xây dựng kinh đô tại Vi-giay-a (còn gọi là thành Đồ Bàn hoặc Chà Bàn, thuộc Bình Định ngày nay).

Từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIII, Vương triều Vi-giay-a thường có nhiều biến động. Năm 1220, cuộc chiến tranh kéo dài gần một trăm năm giữa Chân Lạp và Chăm-pa kết thúc. Từ nửa sau thế kỉ XIII, Chăm-pa bước vào giai đoạn ổn định về chính trị, quyền lực của chính quyền trung ương được củng cố. Từ khoảng giữa thế kỉ XIV, Chăm-pa rơi vào khủng hoảng.



Trên bia Pô Kơ-long Ga-rai (Ninh Thuận) ghi chép về sự kiện vua Chăm-pa sau khi dẹp loạn các toán quân nổi dậy vào năm 1050 đã dựng bia, đền, cột chiến thắng để mỗi người dân sẽ phải từ bỏ ý định nổi loạn chống lại các vua Chăm-pa. Vào giai đoạn Chăm-pa phát triển, trong nước không cần dùng đến hình phạt, nhà vua cai trị dân chúng bằng tình thương và sự kiên nhẫn.



Đọc thông tin, hãy nêu diễn biến cơ bản về chính trị của Chăm-pa từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.

Kinh tế

Nông nghiệp là ngành kinh tế chủ yếu ở Chăm-pa. Người dân sử dụng guồng nước, đào kênh mương, canh tác lúa trên những ruộng thấp. Nghề đánh bắt thủy hải sản phát triển và đóng vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế.

“Dân gian cây cấy dùng hai trâu. Ngũ cốc không có lúa mạch, chỉ có lúa tẻ, kê, đậu, không có sắn chè, cũng không biết cách ủ men rượu, chỉ uống rượu dừa. Quả cây có các loại như sen, mía, chuối, dừa. Đất sản ngà voi, tiền hương, trầm hương, tóc hương, sáp ong”.

(Chư phiên chi, Triệu Nhữ Quát)

Các nghề thủ công truyền thống nổi bật ở Chăm-pa là làm đồ gốm (có màu men xanh, xám nhạt, nâu; có hoa văn in khuôn, dập nổi, khắc chìm,...); đóng thuyền (với nhiều kiểu dáng, kích thước); chế tác đồ trang sức bằng vàng, bạc (khuyên tai, vòng tay,...).

Nội thương ở Chăm-pa gắn liền với mạng lưới trao đổi ở ven sông. Ngoại thương phát triển với hoạt động buôn bán của nhiều tàu thuyền nước ngoài. Trong nhiều thế kỉ, Chăm-pa có vai trò là một đầu mối giao thương quan trọng trong khu vực và trên tuyến đường biển Ấn Độ – Trung Quốc. Thương cảng Thị Nại (nay thuộc Bình Định) trở thành địa điểm giao thương sầm uất.

? *Đọc thông tin và tư liệu, hãy nêu tình hình kinh tế Chăm-pa từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.*

Văn hoá

Người Chăm-pa tiếp tục sử dụng chữ Phạn và chữ Chăm. Chữ Chăm dần hoàn thiện từ kiểu vuông vức đến nét chữ thoáng đãng như hình cánh chim bay, khắc trên nhiều bia đá.

Hin-đu giáo có vị trí chủ đạo, Phật giáo dần phai nhạt trong đời sống tinh thần của cư dân.

Kiến trúc Chăm-pa tiêu biểu thời kì này là các đền tháp như tháp Pô Kơ-long Ga-rai (Ninh Thuận), tháp Bánh Ít (Bình Định),... Gắn liền với đền tháp là những phù điêu có hoạ tiết sinh động, phản ánh ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ và cho thấy sự khéo léo, tỉ mỉ của người thợ.



Hình 21.2. Điêu khắc đá thủy quái Ma-ka-ra (thế kỉ XIII)

Nghệ thuật ca múa đa dạng với các hình thức múa quạt, múa lụa,... góp phần làm phong phú thêm đời sống văn hoá tinh thần của cư dân Chăm-pa.

? *Đọc thông tin và quan sát các hình 21.1, 21.2, hãy nêu những thành tựu chính về văn hoá của Chăm-pa từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.*

2. Vùng đất Nam Bộ từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI

Từ cuối thế kỉ VI đến đầu thế kỉ VII, Chân Lạp từng bước xâm chiếm Phù Nam. Đến thế kỉ VIII, Chân Lạp rơi vào tình trạng khủng hoảng và phân tán, lãnh thổ phân chia thành Lục Chân Lạp (vùng đất gốc của người Khơ-me nay thuộc Cam-pu-chia) và Thủy Chân Lạp (chủ yếu thuộc Nam Bộ ngày nay).

Trong nhiều thế kỉ tiếp theo, do người Khơ-me phải tập trung ổn định Lục Chân Lạp nên Thủy Chân Lạp hầu như không được quan tâm. Ở vùng đất Nam Bộ, nhiều nơi bị ngập mặn hoặc chủ yếu là rừng rậm, cư dân thưa thớt, gần như không có sự quản lí hành chính của triều đình Chân Lạp. Từ thế kỉ XVI, một bộ phận người Việt bắt đầu đến khai phá vùng đất này.

Sứ giả nhà Nguyên là Chu Đạt Quan từng đến Chân Lạp vào khoảng thế kỉ XIII đã miêu tả vùng đất Nam Bộ: *“Từ chỗ vào Chân Bồ (nay thuộc Bà Rịa – Vũng Tàu) trở đi, hầu hết là rừng thấp cây rậm. Sông dài càng rộng, kéo dài mấy trăm dặm cỏ thụ rậm rạp, dây leo um tùm, tiếng chim muông chen lẫn ở trong đó. Đến nửa chặng mới thấy ruộng đồng rộng rãi, tuyệt không có một tác cây. Nhìn xa chỉ thấy cây lúa ròn ròn mà thôi. Trâu rừng họp nhau thành từng đàn trăm con, tụ tập ở đấy. Lại có giống đất dày tre dài dằng dặc mấy trăm dặm”.*

(Chân Lạp phong thổ ký, Chu Đạt Quan)

Cư dân vùng đất Nam Bộ thời kì này chủ yếu khai thác thuỷ hải sản, lâm thổ sản kết hợp với nghề nông trồng lúa, làm nghề thủ công và buôn bán nhỏ.

Ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ đến đời sống của cư dân ở đây vẫn rất rõ nét, đặc biệt là sự phổ biến của Phật giáo, Hin-đu giáo. Công trình kiến trúc nổi bật là đền tháp bằng gạch, đá. Tác phẩm điêu khắc phổ biến là tượng thần, tượng Phật. Nhiều đồ trang sức được chế tác bằng thuỷ tinh, đá quý. Đồ gia dụng bằng gốm có phong cách riêng.

? *Đọc thông tin và tư liệu, hãy nêu những nét chính về vùng đất Nam Bộ từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.*

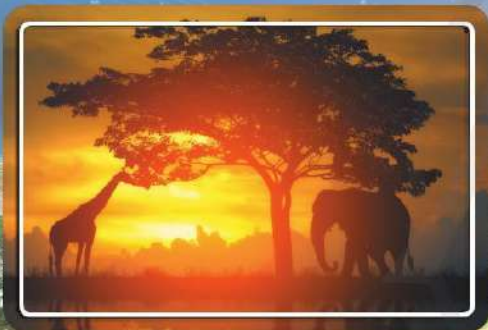


1. Lập bảng niên biểu về diễn biến chính trị của Chăm-pa từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.



2. Hãy sưu tầm tư liệu và giới thiệu về một thành tựu văn hoá tiêu biểu của vùng đất phía nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI.

Phần Địa lí





Bài 1. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, PHẠM VI VÀ ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN CHÂU ÂU

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Âu.
- Phân tích được đặc điểm các khu vực địa hình chính của châu Âu, đặc điểm phân hoá khí hậu; xác định được trên bản đồ các sông lớn Rai-nơ, Đa-nuýp, Von-ga; các đới thiên nhiên.



Châu Âu có diện tích đứng thứ năm trong các châu lục trên thế giới, với nhiều nét đặc trưng về vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và đặc điểm tự nhiên. Đây cũng chính là những lợi thế của châu Âu trong quá trình phát triển kinh tế – xã hội. Vậy lãnh thổ và tự nhiên châu lục này có những đặc điểm gì nổi bật?



Vị trí địa lí và phạm vi châu Âu

Châu Âu nằm ở phía tây của lục địa Á – Âu, kéo dài từ khoảng 36°B đến 71°B, với ba mặt giáp biển và đại dương, ngăn cách với châu Á bởi dãy núi U-ran.

Châu Âu có diện tích trên 10 triệu km², chiếm khoảng 6,8 % diện tích đất liền của Trái Đất. Lãnh thổ châu Âu trông tựa như một bán đảo lớn của lục địa Á – Âu kéo dài về phía tây nam. Đường bờ biển bị cắt xẻ mạnh, tạo thành nhiều bán đảo, biển và vịnh biển ăn sâu vào đất liền, làm cho lãnh thổ châu lục có hình dạng lồi lõm phức tạp.



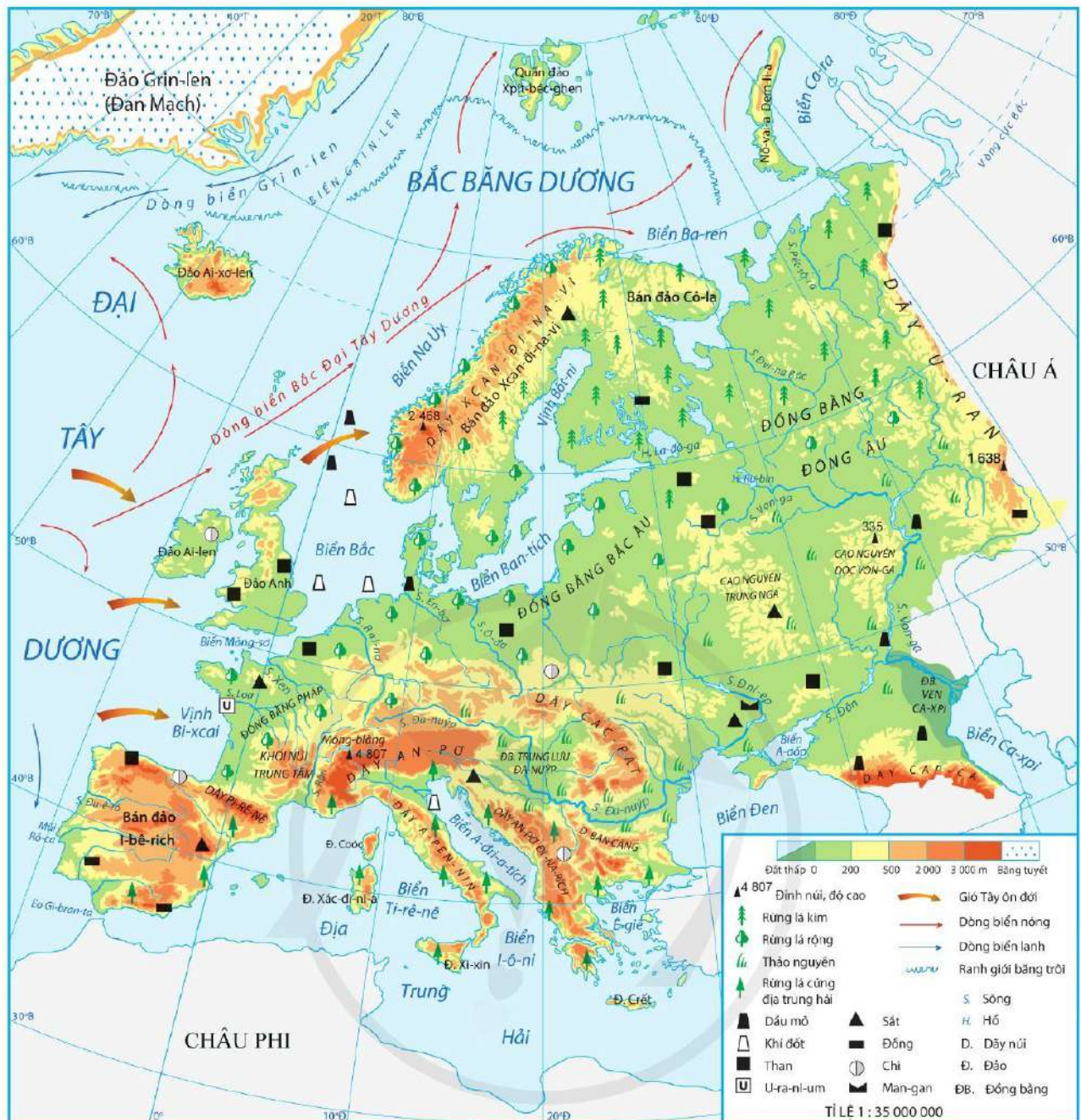
Đọc thông tin và quan sát hình 1.1, hãy:

- Cho biết châu Âu tiếp giáp với các biển, đại dương và châu lục nào.
- Trình bày đặc điểm hình dạng và kích thước của châu Âu.

Đặc điểm tự nhiên

Các khu vực địa hình chính

Châu Âu có hai khu vực địa hình chính là đồng bằng và miền núi.



Khu vực đồng bằng chiếm 2/3 diện tích và phân bố chủ yếu ở phía đông của châu lục. Các đồng bằng này thực chất là một miền đồi lượn sóng thoải, xen kẽ các vùng đất thấp hoặc thung lũng rộng.

Khu vực miền núi bao gồm núi già và núi trẻ. Địa hình núi già nằm ở phía bắc và vùng trung tâm của châu lục, chủ yếu là núi trung bình và núi thấp với những đỉnh tròn, sườn thoải; ở đây có nhiều suối nước nóng. Địa hình núi trẻ tập trung ở phía nam châu lục, phần lớn các dãy núi trẻ có độ cao trung bình, núi cao trên 2 000 m chỉ chiếm khoảng 1,5 % diện tích lãnh thổ. An-pơ là dãy núi trẻ cao và đồ sộ nhất châu Âu với đỉnh Mông-blăng có độ cao khoảng 4 807 m.



Dãy An-pơ kéo dài khoảng 1 200 km và có chiều rộng tối đa khoảng 250 km, trải dài qua 8 quốc gia (từ tây sang đông) lần lượt là: Pháp, Thụy Sĩ, I-ta-li-a, Mô-na-cô, Lếch-ten-stê-in, Áo, Đức và Xi-lô-ven-ni-a.



Hình 1.2. Một phần của dãy núi An-pơ



Đọc thông tin và quan sát hình 1.1, hãy:

- Kể tên các dãy núi và các đồng bằng lớn của châu Âu.
- Phân tích đặc điểm các khu vực địa hình chính của châu Âu.

Đặc điểm phân hoá khí hậu

Châu Âu có khí hậu phân hoá đa dạng. Do lãnh thổ kéo dài trên nhiều vĩ độ nên châu Âu nằm trong ba đới khí hậu chính.

Đới khí hậu cực và cận cực chiếm một dải hẹp ở Bắc Âu. Trong đới khí hậu này, mặc dù nằm ở vĩ độ cao nhưng do tác động của dòng biển nóng Bắc Đại Tây Dương nên mùa đông không quá lạnh, mùa hạ mát và ẩm. Lượng mưa trong năm ít.

Đới khí hậu ôn đới chiếm phần lớn lãnh thổ, bao gồm phần Tây Âu, Trung Âu và Đông Âu. Do địa hình bị cắt xẻ mạnh, đồng bằng và đồi núi thấp nằm ở giữa nên ảnh hưởng của biển vào sâu trong nội địa, làm cho khí hậu có sự phân hoá rõ rệt.

Khu vực Tây Âu và Trung Âu chịu ảnh hưởng trực tiếp của dòng biển nóng Bắc Đại Tây Dương kết hợp với gió Tây ôn đới từ biển thổi vào nên có kiểu khí hậu ôn đới hải dương, mùa hạ mát, mùa đông không lạnh lắm, mưa quanh năm với lượng mưa tương đối lớn.

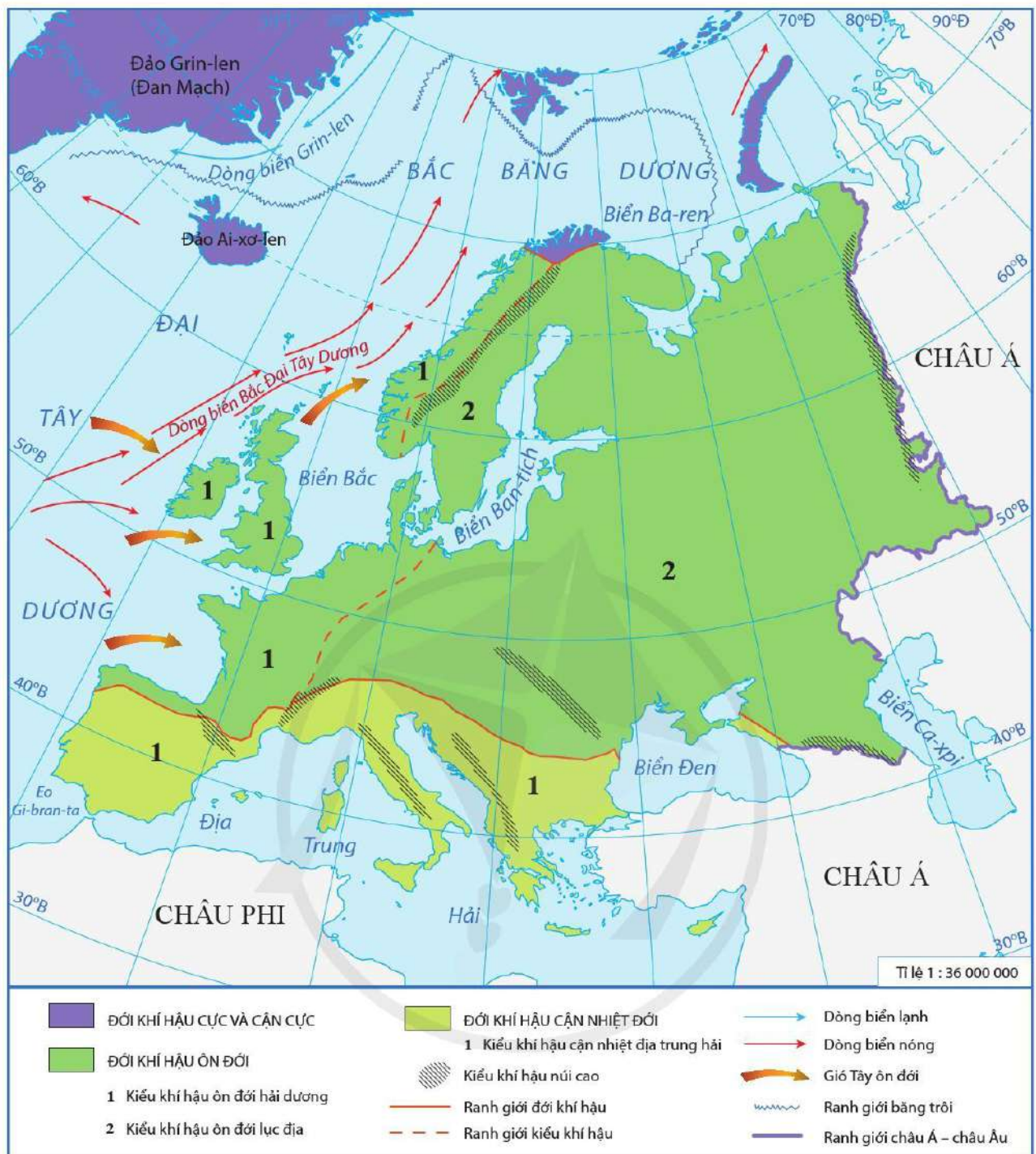
Khu vực Đông Âu do ảnh hưởng của gió Tây ôn đới đã giảm nên có kiểu khí hậu ôn đới lục địa khô và lạnh, mưa ít. Càng vào sâu trong lục địa, mùa đông lạnh hơn, lượng mưa rất ít nên có nhiều nơi khan hiếm nước dẫn đến tình trạng khô hạn.

Đới khí hậu cận nhiệt đới nằm ở Nam Âu với kiểu khí hậu cận nhiệt địa trung hải. Đặc điểm nổi bật là mùa hạ nóng, khô do ảnh hưởng của áp cao cận nhiệt đới; mùa đông do ảnh hưởng của gió Tây ôn đới nên thời tiết không lạnh lắm, mưa nhiều. So với một số khu vực khác có cùng vĩ độ như vùng duyên hải Bắc Phi, Trung Á, khí hậu ở đây không quá khắc nghiệt vì có Địa Trung Hải cung cấp lượng hơi ẩm lớn.

Do ảnh hưởng của địa hình nên khí hậu ở các khu vực núi cao còn có sự phân hoá theo đai cao. Trên một số đỉnh núi nhiệt độ xuống rất thấp, có băng tuyết phủ.



Đọc thông tin và quan sát hình 1.3, hãy phân tích sự phân hoá khí hậu ở châu Âu.



Hình 1.3. Bản đồ khí hậu châu Âu

Các sông lớn

Châu Âu có mạng lưới sông ngòi khá phát triển, nhưng do kích thước lục địa nhỏ, địa hình bị cắt xẻ mạnh nên đa số các sông đều ngắn và có diện tích lưu vực không đáng kể. Các sông lớn ở châu Âu như: Rai-nơ, Đa-nuýp, Von-ga,... Nhiều sông cùng với các kênh đào tạo thành một hệ thống giao thông đường thủy dày đặc, nối liền nhiều quốc gia và khu vực.

? Quan sát hình 1.1, hãy xác định các sông lớn của châu Âu: Rai-nơ, Đa-miýp, Von-ga.

Các đới thiên nhiên

Thiên nhiên châu Âu phân hoá theo hai đới rõ rệt.

Đới lạnh chiếm diện tích không đáng kể, bao gồm một phần nhỏ ở Bắc Âu và các đảo, quần đảo ở Bắc Băng Dương. Do nằm ở vùng vĩ độ cao nên khí hậu lạnh và ẩm quanh năm. Thực vật chủ yếu có rêu và địa y. Động vật rất nghèo về thành phần loài, thường gặp nhất là chuột Lem-mút, chó sói, chồn, cú bắc cực,...

Đới ôn hoà chiếm phần lớn lãnh thổ châu Âu. Do sự phân hoá khí hậu theo hướng tây – đông nên thực vật cũng thay đổi theo. Vùng ven biển phía tây có rừng lá rộng, rừng hỗn hợp. Vào sâu trong nội địa là rừng lá kim, thảo nguyên. Về phía đông nam, mùa đông ngắn dần, mùa hạ nóng, lượng mưa giảm, cảnh quan chủ yếu là thảo nguyên và bán hoang mạc. Về phía nam, do ảnh hưởng của khí hậu cận nhiệt địa trung hải nên thực vật phổ biến là kiểu rừng lá cứng địa trung hải như: sồi, nguyệt quế, ô liu, thông, tuyết tùng,... Động vật ở đới ôn hoà đa dạng, như: nai sừng tấm, sóc, gấu nâu, linh miêu, thỏ rừng, tắc kè, rùa, rắn,...



Hình 1.4. Rừng lá rộng ở Tây Âu



Hình 1.5. Rừng lá kim ở Đông Âu

? *Đọc thông tin và quan sát hình 1.1, hãy phân tích đặc điểm các đới thiên nhiên của châu Âu.*



1. Tại sao ở châu Âu càng vào sâu trong nội địa lượng mưa càng giảm và nhiệt độ càng tăng?



2. Hãy thu thập thông tin về một trong các sông lớn của châu Âu: Rai-nơ, Đa-nuýp, Von-ga.



Bài 2. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI CHÂU ÂU

Học xong bài này, em sẽ:

Trình bày được đặc điểm của cơ cấu dân cư, di cư và đô thị hoá ở châu Âu.



Châu Âu có số dân đứng thứ tư trong các châu lục trên thế giới với những đặc điểm riêng biệt về cơ cấu dân cư, di cư và đô thị hoá. Vậy những đặc điểm này được thể hiện như thế nào?



Đặc điểm cơ cấu dân cư

Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi

Châu Âu có **cơ cấu dân số già**. Tỷ lệ dân số dưới 15 tuổi thấp và có xu hướng giảm. Tỷ lệ dân số từ 65 tuổi trở lên cao và có xu hướng tăng. Già hoá dân số đang làm cho nhiều nước ở châu Âu rơi vào tình trạng thiếu hụt lao động.



Số dân châu Âu đến năm 2019 là 747,1 triệu người (bao gồm cả số dân của Liên bang Nga thuộc phần châu Á), chiếm 9,7 % dân số thế giới. Mật độ dân số trung bình là 73 người/km².

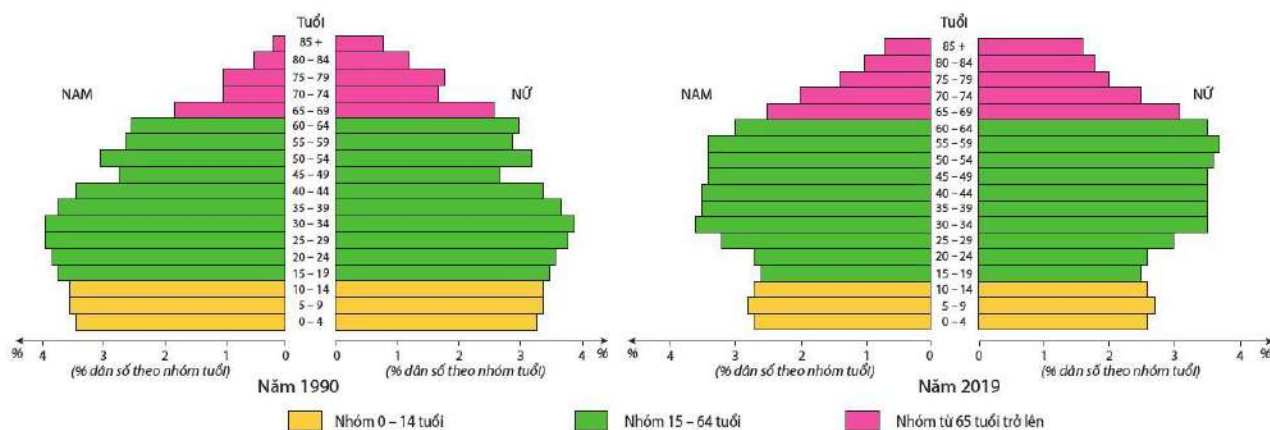
Bảng 2. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của châu Âu năm 1990 và năm 2019

(Đơn vị: %)

Năm	Nhóm tuổi	0 – 14 tuổi	15 – 64 tuổi	Từ 65 tuổi trở lên
1990		20,5	66,9	12,6
2019		16,1	65,3	18,6

Cơ cấu dân số theo giới tính

Trong **cơ cấu dân số theo giới tính** ở châu Âu, tỉ số giới nữ nhiều hơn giới nam. Năm 2019, trung bình cứ 100 nữ thì có 93,4 nam.



Hình 2.1. Tháp dân số châu Âu năm 1990 và năm 2019

Cơ cấu dân số theo trình độ văn hoá

Cơ cấu dân số theo trình độ văn hoá của châu Âu cao. Năm 2019, châu Âu có **tỉ lệ nhập học các cấp** trên 83 % trong tổng số dân; số năm đến trường cao từ 7,4 năm đến 14,1 năm trong tổng số dân ở độ tuổi từ 25 trở lên.

? *Đọc thông tin và quan sát bảng 2, hình 2.1, hãy trình bày đặc điểm cơ cấu dân cư châu Âu.*

Đặc điểm di cư

Từ giữa thế kỉ XX đến nay, châu Âu tiếp nhận số lượng người **di cư** quốc tế lớn nhất thế giới. Năm 2019, có khoảng 82 triệu người từ các quốc gia ở châu Phi, Trung Đông, Ấn Độ,... nhập cư vào châu Âu. Các nước tiếp nhận số lượng người nhập cư nhiều là: Đức, Anh, Pháp, I-ta-li-a,...

Người nhập cư đã bổ sung cho châu Âu một lực lượng lao động lớn, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế. Tuy nhiên, điều này cũng gây những khó khăn trong việc giải quyết các vấn đề xã hội, hệ thống phúc lợi và sự ổn định chính trị của các quốc gia.

? *Đọc thông tin, hãy nêu đặc điểm di cư ở châu Âu.*

Đặc điểm đô thị hoá

Đô thị hoá diễn ra sớm

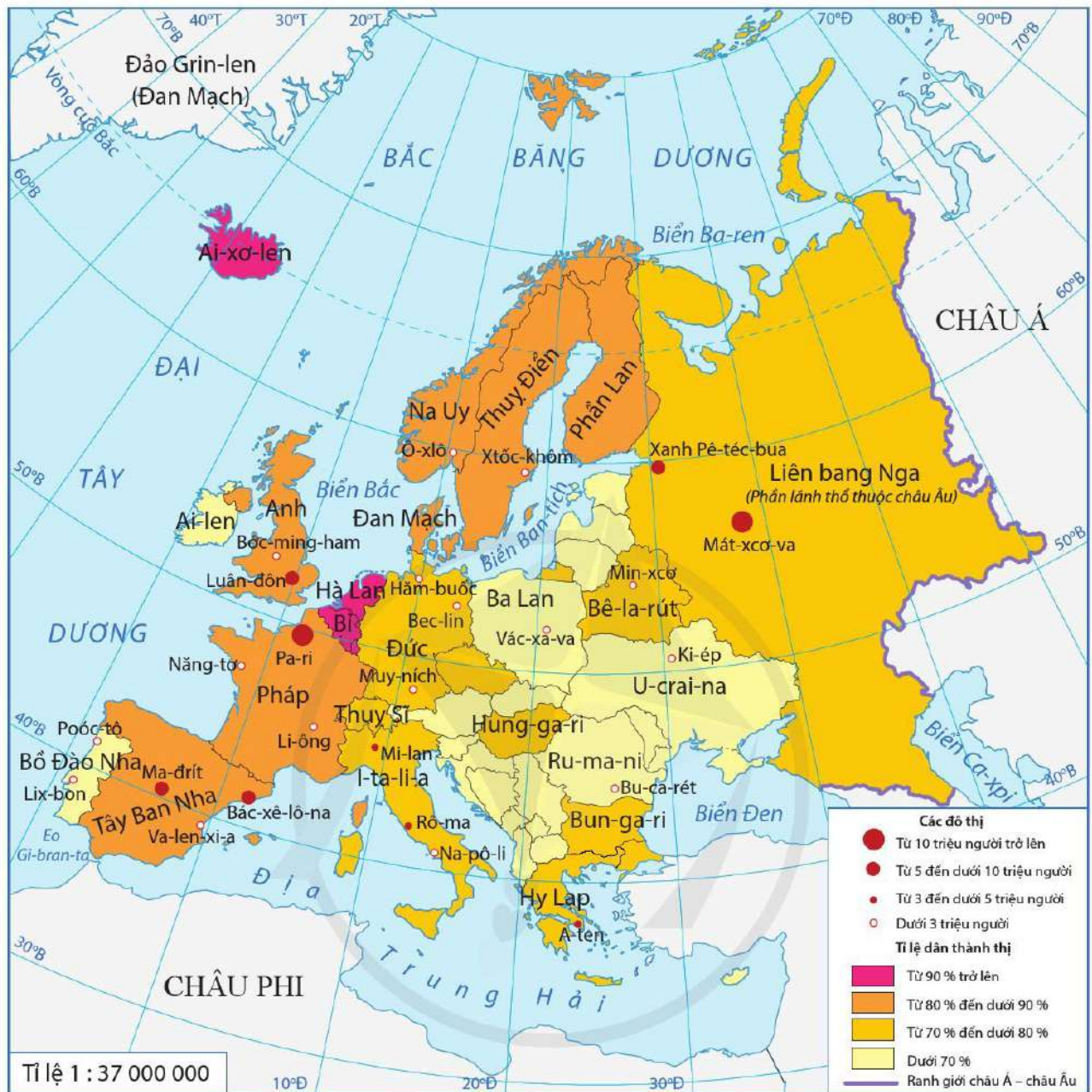
Những đô thị đầu tiên xuất hiện ở châu Âu vào thời kì cổ đại, sau đó phát triển trong thời kì trung đại. Tuy nhiên, quá trình **đô thị hoá** phát triển mạnh mẽ vào cuối thế kỉ XVIII gắn liền với sự ra đời của cuộc cách mạng công nghiệp ở Anh. Kể từ đó, các đô thị hình thành ngày càng nhiều và quy mô ngày càng lớn. Nhiều đô thị ở châu Âu kết nối với nhau thành các chuỗi đô thị với hàng triệu dân và có sức ảnh hưởng lớn đến kinh tế – xã hội thế giới như: Luân-đôn, Pa-ri, Mi-lan,... Những toà lâu đài, nhà thờ, thánh đường và nhiều công trình kiến trúc khác có giá trị của các thế kỉ trước được bảo tồn và phát huy ở các đô thị này.

Mức độ đô thị hoá cao

Tính đến năm 2019, châu Âu có tỉ lệ dân thành thị là 74,3 % trong tổng số dân, với hơn 50 thành phố trên 1 triệu dân. Các quốc gia có tỉ lệ dân thành thị cao ở châu Âu là: Bỉ, Hà Lan, Ai-xơ-len, Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Na Uy, Đan Mạch, Thụy Điển,...

Đô thị hoá đang mở rộng

Ở châu Âu, điều kiện sống của người dân giữa các thành phố không có khoảng cách lớn, khả năng tìm kiếm việc làm và tăng thu nhập tại các thành phố lớn không còn hấp dẫn như thời kì bắt đầu công nghiệp hoá. Hiện nay, dân thành thị có xu hướng chuyển từ trung tâm thành phố ra vùng ngoại ô, từ các thành phố lớn về các thành phố vệ tinh,... Chính vì vậy, mô hình đô thị làng quê đang ngày càng phổ biến ở nhiều quốc gia châu Âu.



Hình 2.2. Bản đồ tỉ lệ dân thành thị và một số đô thị ở châu Âu năm 2019

? *Đọc thông tin và quan sát hình 2.2, hãy trình bày đặc điểm đô thị hoá ở châu Âu.*



1. Hãy kể tên một số quốc gia ở châu Âu có tỉ lệ dân thành thị từ 80 % trở lên.



2. Hãy thu thập thông tin về một trong các đô thị của châu Âu, ví dụ như: Mát-xơ-va, Pa-ri, Luân-đôn,...



Bài 3. PHƯƠNG THỨC CON NGƯỜI KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ THIÊN NHIÊN

Học xong bài này, em sẽ:

Lựa chọn và trình bày được một vấn đề bảo vệ môi trường ở châu Âu.



Châu Âu đã từng phải đối mặt với những vấn đề về môi trường và họ đã có những giải pháp bảo vệ môi trường hiệu quả. Vậy châu Âu đang bảo vệ môi trường như thế nào?



Vấn đề bảo vệ môi trường nước

Ở châu Âu, môi trường nước chịu tác động bởi các hoạt động sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải, sinh hoạt hằng ngày của người dân,... Để cải tạo và bảo vệ nguồn nước, các quốc gia châu Âu đã có nhiều giải pháp như: thực hiện các dự án kiểm soát nguồn nước thải, đầu tư công nghệ tiên tiến làm sạch nguồn nước, nâng cao nhận thức của người dân và đặc biệt là hợp tác giữa các quốc gia để cùng kiểm soát ô nhiễm trên các dòng sông và các vùng biển. Đối với các vùng biển, châu Âu đã thành lập các khu bảo tồn biển, quản lý chất thải nhựa, áp dụng công nghệ vận tải sạch,... Cuối năm 2019, châu Âu đã thực hiện dự án quản lý nước thông minh với sự hỗ trợ của khoa học – công nghệ nhằm mục tiêu phát triển bền vững.



Sông Rai-nơ trong khoảng thời gian 1950 – 1970 từng là một con sông bị ô nhiễm nghiêm trọng do sự phát triển công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, du lịch của các quốc gia có con sông này chảy qua. Dự án “Hợp tác xuyên biên giới” trong quản lý môi trường nước với một số biện pháp như: xây dựng các nhà máy xử lý nước thải, nghiêm cấm xả thải trực tiếp,... đã giúp sông Rai-nơ được hồi sinh.



Hình 3.1. Một đoạn sông Rai-nơ chảy qua thị trấn Xanh Gô-hau-xen (Đức)

? Đọc thông tin và quan sát hình 3.1, hãy trình bày vấn đề bảo vệ môi trường nước ở châu Âu.

Vấn đề bảo vệ môi trường không khí

Châu Âu là nơi tiến hành công nghiệp hoá sớm nhất thế giới. Sự phát triển của công nghiệp, nông nghiệp và các phương tiện giao thông đòi hỏi phải sử dụng ngày càng nhiều nhiên liệu và thải ra một lượng lớn khí thải làm cho môi trường không khí ở nhiều quốc gia trước đây bị ô nhiễm.

Các quốc gia ở châu Âu đã áp dụng những giải pháp cắt giảm lượng khí thải và nâng cao chất lượng không khí. Nhờ vậy, môi trường không khí đã được cải thiện.

Hiện nay, việc đầu tư vào công nghệ xanh, phát triển năng lượng mặt trời, năng lượng gió,... đang được các quốc gia châu Âu chú trọng nhằm hạn chế khí thải, cải thiện chất lượng không khí và giảm sự phụ thuộc vào các nguồn nhiên liệu hoá thạch như dầu mỏ, khí đốt, than,...



Hình 3.2. Một đoạn đường hầm năng lượng mặt trời nối liền Pa-ri (Pháp) với Am-xtéc-dam (Hà Lan)



Năm 2019, năng lượng tái tạo chiếm 29 % trong tổng năng lượng được sử dụng ở châu Âu. Đặc biệt, năng lượng tái tạo hiện là nguồn sản xuất điện hàng đầu và lần đầu tiên vượt qua nhiên liệu hoá thạch trở thành nguồn điện chính của nhiều nước.

Châu Âu cũng đã thành công trong việc đưa vào hoạt động một số đường hầm bằng năng lượng mặt trời, giúp loại bỏ khoảng 2 400 tấn khí cac-bo-nic mỗi năm.

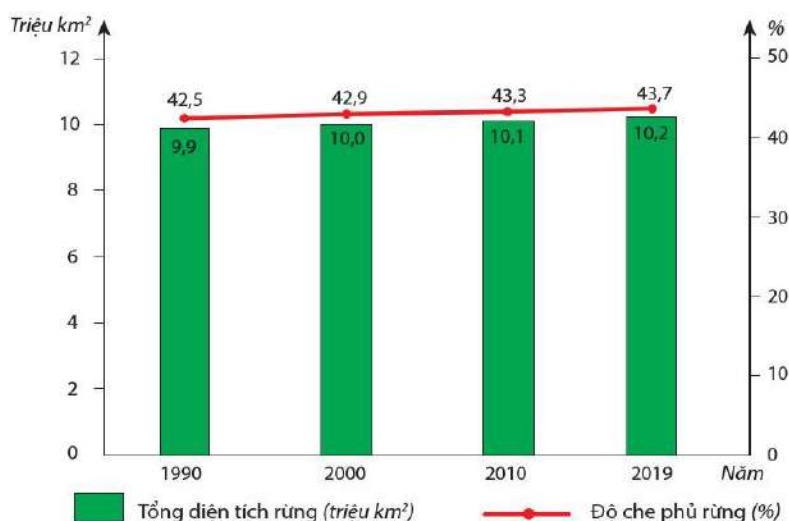
? *Đọc thông tin và quan sát hình 3.2, hãy trình bày vấn đề bảo vệ môi trường không khí ở châu Âu.*

Vấn đề bảo vệ và phát triển rừng

Ở châu Âu, rừng không chỉ đóng vai trò quan trọng đối với môi trường và sự phát triển kinh tế mà còn có ý nghĩa văn hoá, lịch sử. Rừng giúp bảo vệ đất, giữ nguồn nước ngầm, điều hoà khí hậu và bảo vệ đa dạng sinh học,... Năm 2019, độ che phủ rừng của châu Âu vào khoảng 43,7 % (tính cả Liên bang Nga). Tuy nhiên, hiện nay biến đổi khí hậu đang đe dọa nghiêm trọng đến các khu rừng ở châu Âu như gây cháy rừng, làm suy giảm đa dạng sinh học và khả năng phát triển của cây rừng. Nhu cầu gỗ tăng cao ở nhiều quốc gia cũng làm suy giảm đáng kể diện tích rừng tự nhiên.

Châu Âu đã có nhiều biện pháp để bảo vệ và phát triển rừng bền vững. Với mục tiêu mở rộng diện tích và nâng cao chất lượng rừng, tất cả các quốc gia ở châu Âu đều thực hiện luật bảo vệ rừng, trong đó có điều luật cấm phá rừng; các chủ rừng phải đảm bảo rằng các khu rừng sau khi khai thác phải được tái sinh và trồng rừng mới theo kế hoạch.

Năm 2015, Liên minh châu Âu (EU) đã đưa ra “Chiến lược rừng” nhằm phục hồi các hệ sinh thái rừng. EU đã chi 82 tỉ Ô-rô để trồng mới và phục hồi các hệ sinh thái rừng, áp dụng công nghệ tiên tiến để kiểm soát và ngăn ngừa cháy rừng. Ngoài ra, các quốc gia còn áp dụng nhiều biện pháp trong khai thác gỗ như: quy định các vùng được phép khai thác, dán nhãn sinh thái lên các cây gỗ được khai thác nhằm đáp ứng nguyên tắc “đúng cây, đúng nơi, đúng mục đích”.



Hình 3.3. Biểu đồ tổng diện tích rừng và độ che phủ rừng của châu Âu giai đoạn 1990 – 2019 (tính cả Liên bang Nga)



Hình 3.4. Rừng trồng nhìn từ trên cao ở khu vực biên giới giữa Bắc Ai-len (Anh) và Cộng hoà Ai-len

? *Đọc thông tin và quan sát hình 3.3, hình 3.4, hãy trình bày vấn đề bảo vệ và phát triển rừng ở châu Âu.*



1. Hãy lựa chọn một trong những nhiệm vụ học tập sau:

- Cho biết các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường nước và giải pháp bảo vệ môi trường nước ở châu Âu.
- Phát triển năng lượng tái tạo (năng lượng mặt trời, gió,...) đã mang đến lợi ích như thế nào cho châu Âu trong bảo vệ môi trường không khí?
- Châu Âu đã đưa ra những biện pháp nào để bảo vệ rừng?



2. Hãy thu thập thông tin về một trong những vấn đề bảo vệ môi trường ở địa phương em.



Bài 4. KHÁI QUÁT VỀ LIÊN MINH CHÂU ÂU

Học xong bài này, em sẽ:

Nêu được dẫn chứng về Liên minh châu Âu như một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới.



Liên minh châu Âu (EU), tiền thân là Cộng đồng Kinh tế châu Âu (EEC) được thành lập vào năm 1957 với 6 quốc gia thành viên ban đầu. Đến năm 2019, EU có 28 quốc gia thành viên. Tuy nhiên, ngày 31-12-2020, sau khi Anh rời khỏi EU, liên minh khu vực này còn 27 quốc gia thành viên.

EU là tổ chức kinh tế – chính trị lớn nhất của châu Âu, đồng thời là một trong bốn trung tâm kinh tế lớn có tầm ảnh hưởng đối với toàn cầu. Vậy những biểu hiện nào chứng tỏ EU là một trong bốn trung tâm kinh tế lớn của thế giới?



Hình 4. Bản đồ các quốc gia thành viên EU năm 2020



Quy mô GDP hàng đầu thế giới

EU đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế thế giới. Năm 2019, mặc dù chỉ chiếm 2,8 % diện tích và 6,6 % dân số nhưng GDP của EU cao hàng đầu thế giới.

Bảng 4.1. GDP của bốn trung tâm kinh tế lớn và thế giới năm 2019

(Đơn vị: tỉ USD)

Trung tâm kinh tế lớn	EU	Hoa Kỳ	Trung Quốc	Nhật Bản	Thế giới
GDP	15 626	21 433	14 343	5 082	87 799

? Dựa vào bảng 4.1, hãy so sánh GDP của EU với các trung tâm kinh tế lớn khác trên thế giới.

Trung tâm thương mại, tài chính lớn của thế giới

EU đã thành công trong việc tạo ra một thị trường chung, ở đó các quốc gia thành viên được tự do lưu thông (hàng hoá, con người, dịch vụ, tiền vốn) và sử dụng một đồng tiền chung (Ơ-rô). Nhờ những thành công này, EU trở thành một trung tâm thương mại, tài chính lớn của thế giới.

Bảng 4.2. Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu của bốn trung tâm kinh tế lớn và thế giới năm 2019
(Đơn vị: tỉ USD)

Trung tâm kinh tế lớn	EU	Hoa Kỳ	Trung Quốc	Nhật Bản	Thế giới
Trị giá xuất khẩu	5 813,2	1 645,6	2 499,0	705,5	18 371,8
Trị giá nhập khẩu	5 526,7	2 568,4	2 077,1	720,7	18 798,2

EU là trung tâm tài chính lớn. Tại đây tập trung nhiều ngân hàng, tập đoàn tài chính, các công ty bảo hiểm và sàn chứng khoán quan trọng hàng đầu, có tác động đến hệ thống tài chính và tiền tệ của thế giới.

? *Đọc thông tin và dựa vào bảng 4.2, hãy chứng minh EU là trung tâm thương mại, tài chính lớn của thế giới.*

Nhiều sản phẩm công nghiệp nổi tiếng trên thế giới

Nhiều sản phẩm công nghiệp của EU nổi tiếng trên thế giới với chất lượng cao, có mặt trên các thị trường lớn và đủ sức cạnh tranh với những trung tâm kinh tế khác như: máy bay, ô tô, thiết bị điện tử, dược phẩm,...

Năm 2019 có 18,5 triệu ô tô được sản xuất tại EU, chiếm khoảng 20 % trong tổng số ô tô được sản xuất trên toàn thế giới. EU cũng là nơi đặt trụ sở của nhiều hãng xe ô tô nổi tiếng.

EU hiện sản xuất khoảng một nửa số máy bay trên toàn thế giới, trong đó E-bớt là một trong những hãng sản xuất máy bay lớn nhất thế giới. Ngoài sản xuất máy bay, EU còn là khu vực sản xuất tên lửa đứng thứ ba thế giới, sau Hoa Kỳ và Liên bang Nga.

? *Đọc thông tin, hãy chứng minh EU có nhiều sản phẩm công nghiệp nổi tiếng trên thế giới.*



1. Hãy cho biết những biểu hiện chứng tỏ EU là một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới.



2. Hãy tìm hiểu và kể tên một số sản phẩm của EU có ở thị trường Việt Nam.



Bài 5. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, PHẠM VI VÀ ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN CHÂU Á

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á.
- Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á, ý nghĩa của đặc điểm này đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.
- Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và các khoáng sản chính ở châu Á.



Châu Á là một châu lục rộng lớn. Vậy châu Á có đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước lãnh thổ như thế nào? Đặc điểm thiên nhiên ra sao và có ý nghĩa gì đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên của châu lục này?



Vị trí địa lí và phạm vi châu Á

Châu Á nằm trải dài trong khoảng từ vùng cực Bắc đến khoảng 10°N , tiếp giáp với châu Phi, châu Âu và các đại dương là: Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương, Bắc Băng Dương.

Châu Á có dạng hình khối, bờ biển bị chia cắt mạnh bởi các biển và vịnh biển. Vùng trung tâm của châu lục có nơi cách biển đến 2 500 km. Đây là châu lục rộng nhất thế giới. Diện tích phần đất liền của châu Á khoảng 41,5 triệu km^2 , nếu tính cả phần đảo và quần đảo thì diện tích lên tới khoảng 44,4 triệu km^2 (bao gồm phần lãnh thổ của Liên bang Nga thuộc châu Á).

? Đọc thông tin và quan sát hình 5.1, hãy trình bày đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước của châu Á.

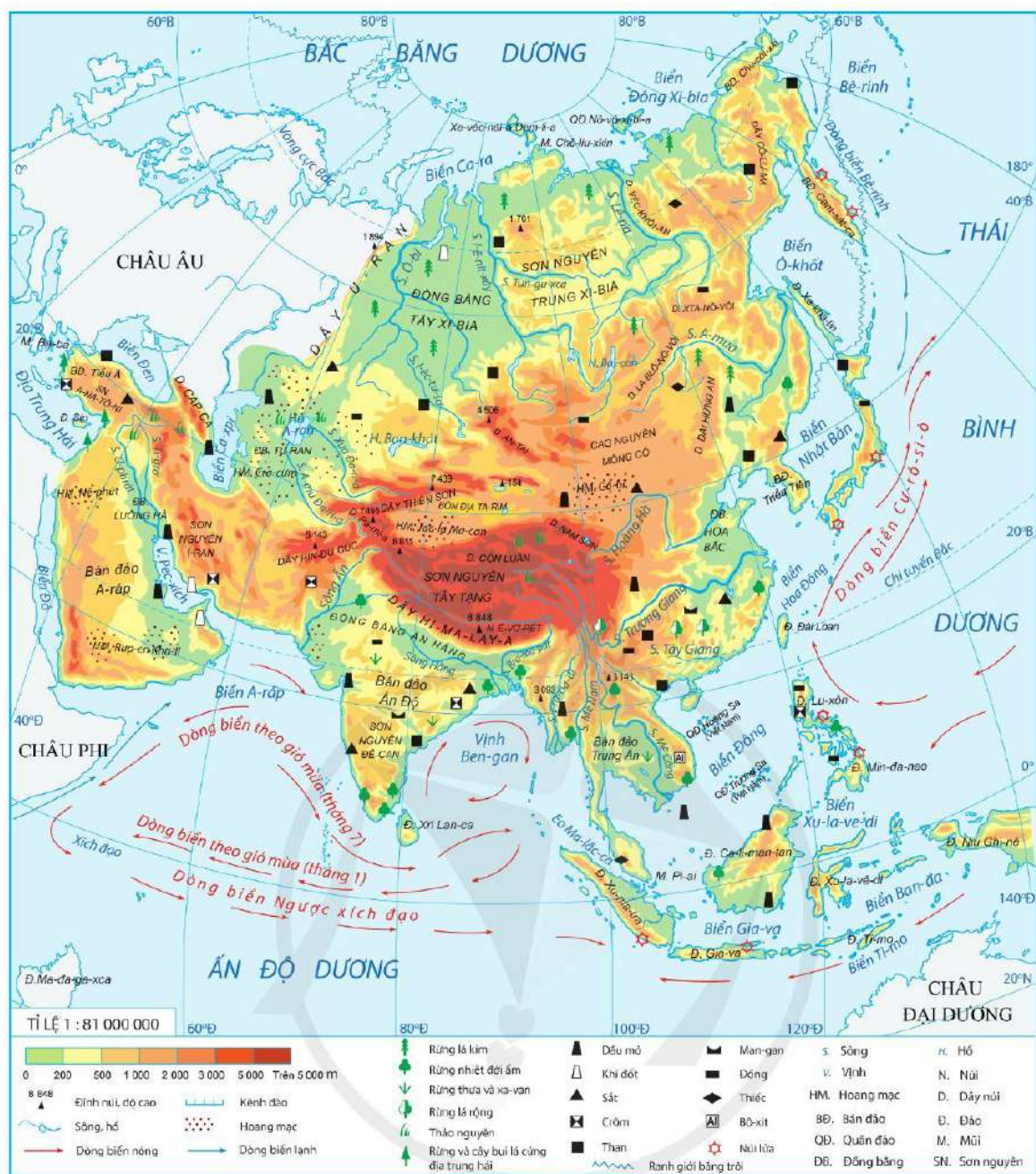
Đặc điểm thiên nhiên

Địa hình và khoáng sản

Châu Á có địa hình phân hoá đa dạng. Núi, cao nguyên và sơn nguyên chiếm khoảng 3/4 diện tích châu lục, phần lớn tập trung ở khu vực trung tâm. Các dãy núi chạy theo hai hướng chính là bắc – nam và đông – tây. Các đồng bằng châu thổ rộng lớn phân bố chủ yếu ở phía đông và phía nam. Địa hình ven biển và hải đảo bị chia cắt mạnh tạo thành các vũng, vịnh,...



Ê-vơ-rét là đỉnh núi cao nhất thế giới, cao 8 848 m. Hình dạng của Ê-vơ-rét giống như một kim tự tháp có ba mặt. Nhiệt độ trên đỉnh núi cao nhất vào tháng 7 (khoảng -19°C), thấp nhất vào tháng 1 (khoảng -36°C); có những thời điểm, nhiệt độ có thể xuống thấp đến -60°C .



Hình 5.1. Bản đồ tự nhiên châu Á

Châu Á có tài nguyên khoáng sản đa dạng và phong phú. Một số khoáng sản có trữ lượng lớn như: than, dầu mỏ, khí đốt, sắt, đồng, thiếc, crôm, man-gan,...

Địa hình và khoáng sản đã tạo điều kiện cho châu Á phát triển nhiều ngành kinh tế như: trồng cây lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp; chăn nuôi gia súc; khai thác khoáng sản; thủy điện; du lịch;... Tuy nhiên, cần lưu ý đến việc sử dụng đi đôi với bảo vệ tài nguyên khoáng sản, hạn chế các tác động tiêu cực làm biến đổi địa hình, ô nhiễm môi trường,...

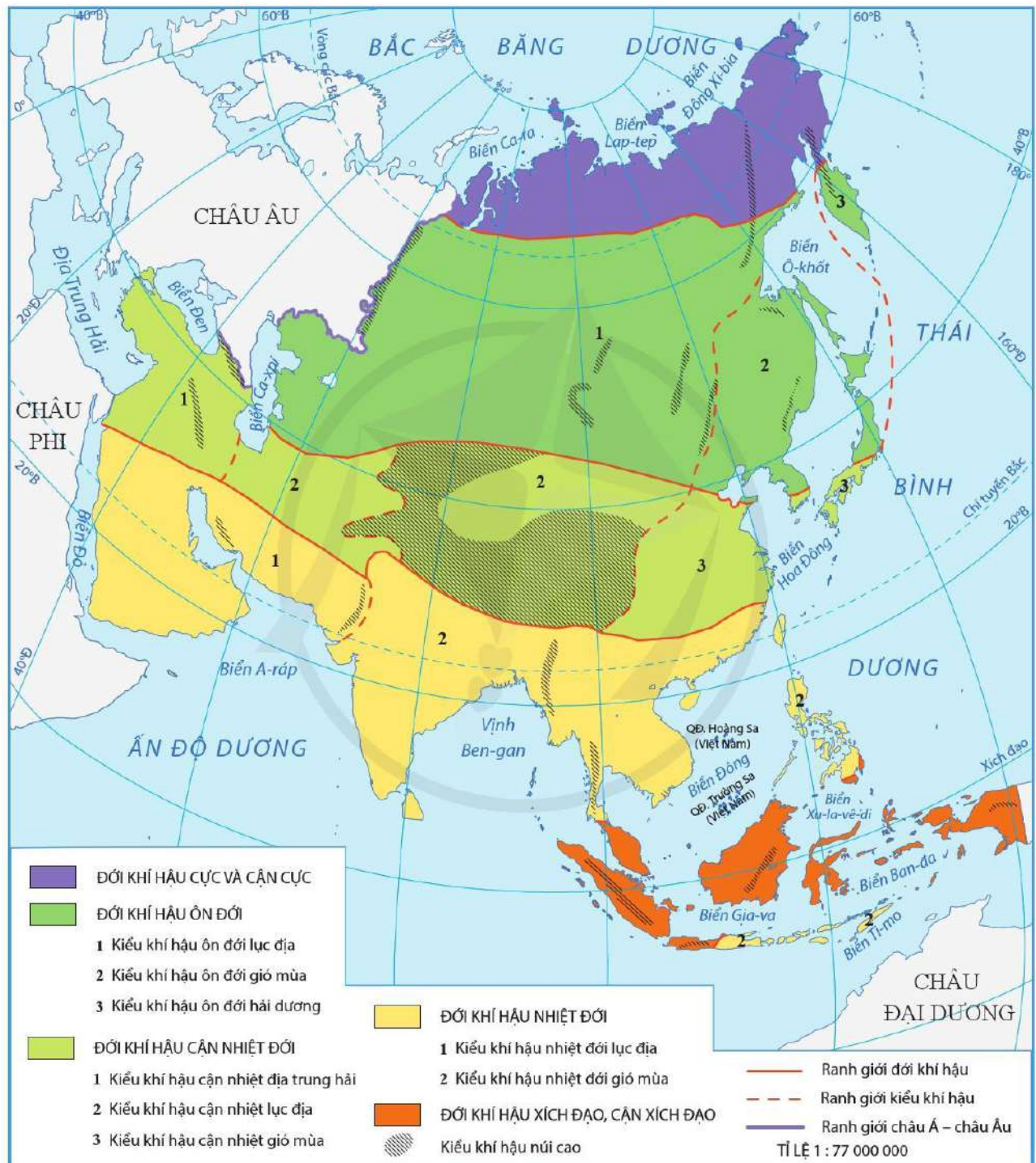


Độc thông tin và quan sát hình 5.1, hãy:

- Nêu đặc điểm địa hình và khoáng sản của châu Á.
- Nêu ý nghĩa của đặc điểm địa hình và khoáng sản đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên ở châu Á.

Khí hậu

Châu Á có đầy đủ các đới khí hậu. Trong mỗi đới lại phân hoá thành nhiều kiểu khí hậu. Những khu vực nằm sâu trong nội địa và phía tây nam của châu lục có kiểu khí hậu lục địa. Rìa phía nam, đông và đông nam của châu lục có kiểu khí hậu gió mùa.



Hình 5.2. Bản đồ khí hậu châu Á

Đặc điểm khí hậu đã tạo điều kiện cho châu Á có cơ cấu cây trồng, vật nuôi đa dạng. Tuy nhiên, cần chú trọng tới tính mùa vụ, những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và các tác động tiêu cực của khí hậu như: bão, hạn hán, lũ lụt,...

? *Đọc thông tin và quan sát hình 5.2, hãy:*

- *Nêu đặc điểm khí hậu của châu Á.*
- *Nêu ý nghĩa của đặc điểm khí hậu đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên ở châu Á.*

Sông, hồ

Châu Á có nhiều hệ thống sông lớn như: Hoàng Hà, Trường Giang, Mê Công, Ô-bi, Lê-na,... Các sông phân bố không đều và có chế độ nước phức tạp.

Châu Á có nhiều hồ lớn như: Bai-can, Ban-khát,... Một số hồ do có kích thước rộng lớn nên còn được gọi là “biển” như: biển Ca-xpi, Biển Chết.

Sông, hồ châu Á có ý nghĩa quan trọng đối với kinh tế, đời sống con người và môi trường tự nhiên. Tuy nhiên, cần sử dụng hợp lý nguồn nước sông, hồ để tránh tình trạng ô nhiễm và cạn kiệt.



Bai-can là hồ có lịch sử hình thành lâu đời nhất và sâu nhất thế giới. Hồ Bai-can hình thành trên một đứt gãy kiến tạo. Hồ chứa khoảng 20 % tổng lượng nước ngọt không bị đóng băng trên thế giới, lượng nước này đủ cho dân số trên thế giới sử dụng trong 5 năm.

Hình 5.3. Một phần hồ Bai-can

? *Đọc thông tin và quan sát hình 5.1, hãy:*

- *Nêu đặc điểm sông, hồ của châu Á.*
- *Nêu ý nghĩa của đặc điểm sông, hồ đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên ở châu Á.*



1. Hãy xác định các khu vực địa hình (núi, cao nguyên, sơn nguyên, đồng bằng) và các khoáng sản chính, các sông lớn của châu Á trên hình 5.1.



2. Hãy tìm ví dụ cụ thể về việc sử dụng và bảo vệ một trong các thành phần thiên nhiên (địa hình, khoáng sản, khí hậu, sông, hồ) ở địa phương em.



Bài 6. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI CHÂU Á

Học xong bài này, em sẽ:

Trình bày được đặc điểm dân cư, tôn giáo, sự phân bố dân cư và các đô thị lớn của châu Á.



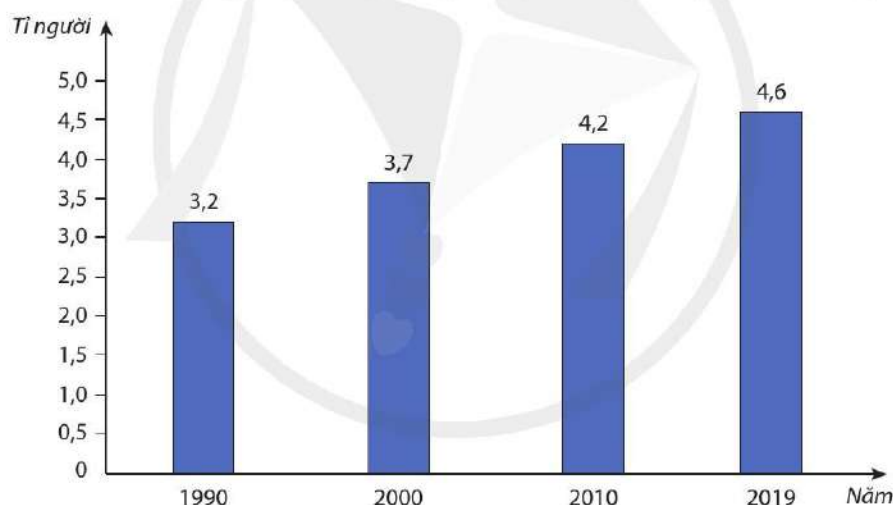
Châu Á là một trong những cái nôi của các nền văn minh cổ đại, đồng thời là nơi ra đời của các tôn giáo lớn. Vậy châu Á có những đặc điểm nổi bật gì về dân cư và tôn giáo? Dân cư và các đô thị lớn được phân bố như thế nào?



Đặc điểm dân cư

Số dân

Châu Á có số dân đông nhất thế giới. Năm 2019, châu Á chiếm gần 60 % số dân thế giới (không tính số dân của Liên bang Nga), trong đó có hai quốc gia đông dân thứ nhất và thứ hai trên thế giới là Trung Quốc (1,4 tỉ người) và Ấn Độ (1,39 tỉ người).



Hình 6.1. Biểu đồ số dân châu Á giai đoạn 1990 – 2019 (không tính số dân của Liên bang Nga)

? Đọc thông tin và quan sát hình 6.1, hãy nhận xét về số dân của châu Á qua các năm.

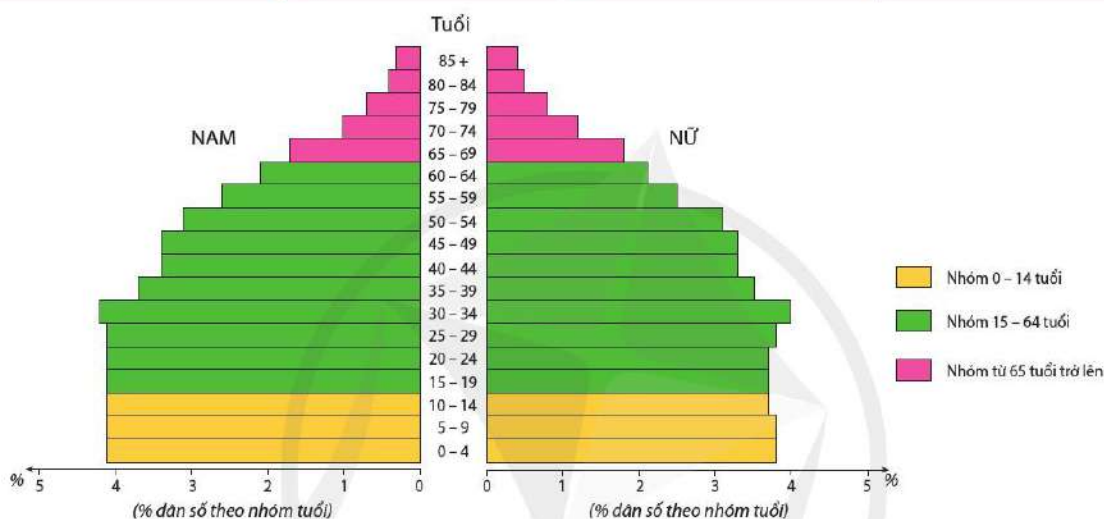
Cơ cấu dân số

Châu Á có **cơ cấu dân số trẻ** nhưng đang chuyển biến theo hướng già hoá và có sự khác biệt giữa các khu vực.

Ở châu Á, sự chênh lệch giữa giới nam so với giới nữ diễn ra trong suốt thời gian dài. Năm 2019, trung bình cứ 100 nữ thì có 104,7 nam. Trung Quốc và Ấn Độ là hai quốc gia có mức chênh lệch giới nam so với giới nữ cao hơn mức trung bình của châu lục.

Bảng 6.1. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của châu Á và các khu vực thuộc châu Á năm 2019
(Đơn vị: %)

Nhóm tuổi	0 – 14 tuổi	15 – 64 tuổi	Từ 65 tuổi trở lên
Khu vực			
Đông Á	17	70	13
Đông Nam Á	26	68	6
Nam Á	28	66	6
Tây Á	28	66	6
Trung Á	29	66	5
Châu Á	24	67	9



Hình 6.2. Tháp dân số châu Á năm 2019

? Đọc thông tin và quan sát bảng 6.1, hình 6.2, hãy nêu đặc điểm cơ cấu dân số của châu Á.

Phân bố dân cư và các đô thị lớn

Châu Á có mật độ dân số cao nhưng có sự chênh lệch khá lớn giữa các khu vực.

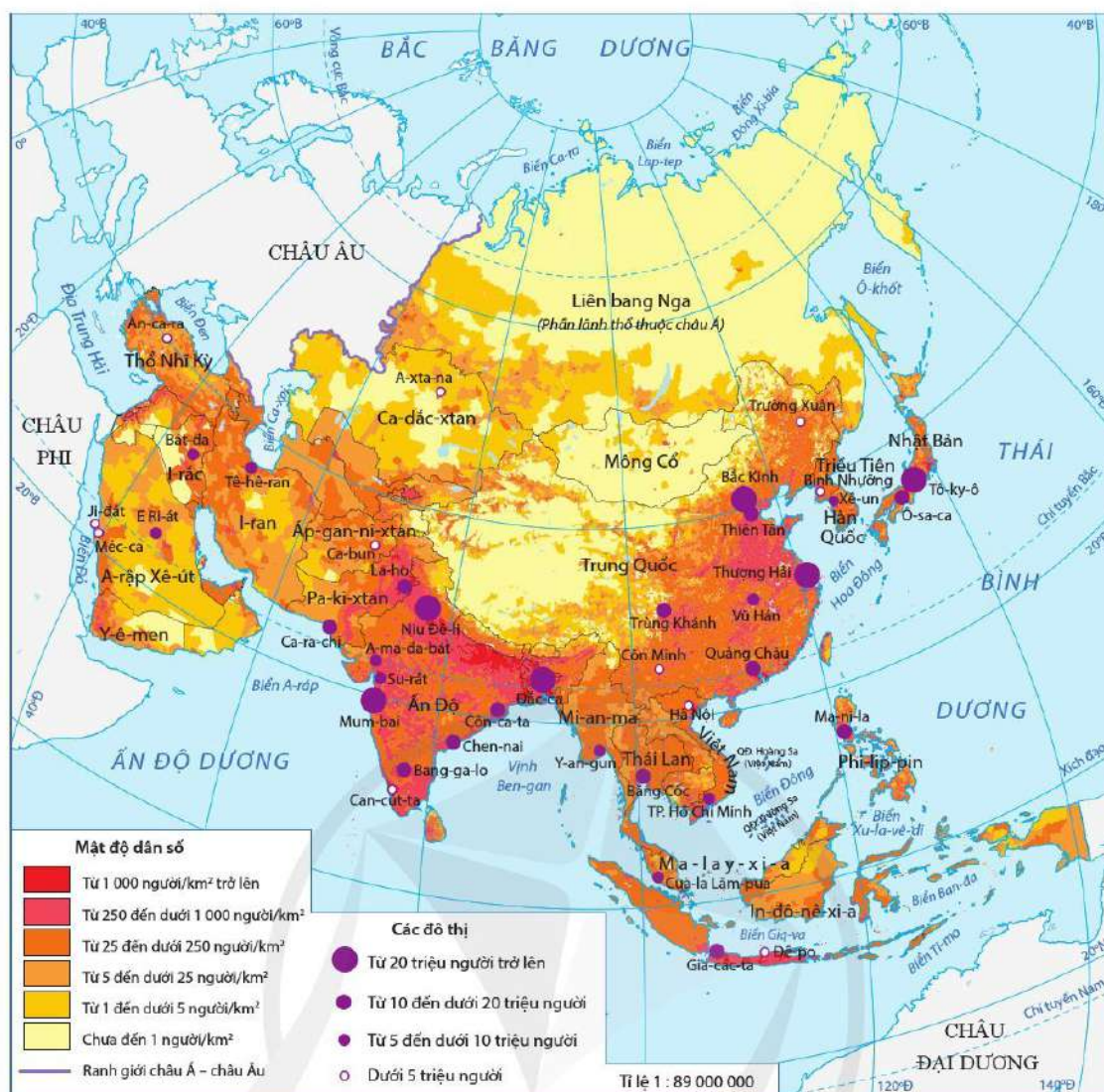
Bảng 6.2. Mật độ dân số của thế giới, châu Á và các khu vực thuộc châu Á năm 2019

(Đơn vị: người/km²)

Khu vực	Mật độ dân số	Khu vực	Mật độ dân số
Thế giới	59	Đông Nam Á	153
Châu Á	148*	Đông Á	145
Các khu vực thuộc châu Á		Tây Á	57
Nam Á	300	Trung Á	19

* Mật độ dân số châu Á không bao gồm diện tích và số dân của Liên bang Nga.

Châu Á có nhiều đô thị đông dân, phân bố chủ yếu ở khu vực Đông Á, Đông Nam Á và Nam Á. Năm 2019, châu Á có 50 đô thị từ 5 triệu dân trở lên, trong đó có tới 6 đô thị trên 20 triệu dân.



Hình 6.3. Bản đồ phân bố dân cư và một số đô thị của châu Á năm 2019

? Đọc thông tin và quan sát bảng 6.2, hình 6.3, hãy xác định các khu vực đông dân và thưa dân ở châu Á. Kể tên và xác định các đô thị từ 20 triệu người trở lên ở châu Á.

Đặc điểm tôn giáo

Châu Á là nơi ra đời của nhiều tôn giáo lớn trên thế giới: Ấn Độ giáo, Phật giáo, Ki-tô giáo và Hồi giáo. Phật giáo và Ấn Độ giáo được ra đời ở khu vực Nam Á. Ki-tô giáo và Hồi giáo được ra đời ở khu vực Tây Á. Từ những trung tâm đó, các tôn giáo đã mở rộng ra nhiều khu vực khác. Tôn giáo có ảnh hưởng lớn đến đời sống, văn hoá và kiến trúc của các quốc gia.

? Đọc thông tin, hãy nêu đặc điểm tôn giáo của châu Á.



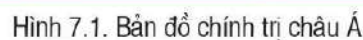
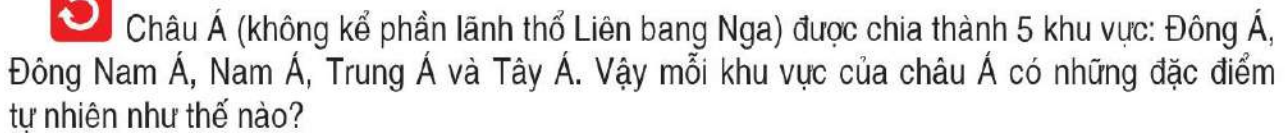
1. Hãy lập bảng để thể hiện một số đô thị (tên đô thị, thuộc quốc gia) phân theo số dân của châu Á: dưới 5 triệu người, từ 5 đến dưới 10 triệu người, từ 10 đến dưới 20 triệu người.



2. Hãy tìm hiểu về một tôn giáo ở địa phương em hoặc ở Việt Nam.



- Xác định được trên bản đồ chính trị các khu vực của châu Á.
- Trình bày được đặc điểm tự nhiên của một trong các khu vực của châu Á.



Chương 2. CHÂU Á

Đặc điểm tự nhiên các khu vực của châu Á

Khu vực Đông Á

Đông Á gồm hai bộ phận là lục địa và hải đảo. Ở phía tây bộ phận lục địa là hệ thống núi, cao nguyên hiểm trở xen kẽ bồn địa, hoang mạc; ở phía đông là vùng đồi, núi thấp và những đồng bằng rộng, bằng phẳng. Bộ phận hải đảo có những dãy núi uốn nếp trẻ, xen kẽ các cao nguyên; thường xuyên xảy ra động đất và núi lửa.

Khí hậu Đông Á phân hoá từ bắc xuống nam, từ tây sang đông. Khu vực phía tây và phía bắc có khí hậu khắc nghiệt hơn khu vực phía đông và phía nam. Thực vật ở Đông Á đa dạng. Rừng lá kim ở phía bắc, sâu trong nội địa là vùng thảo nguyên rộng lớn, phía nam là rừng lá rộng cận nhiệt. Đông Á có nhiều sông lớn như: Trường Giang, Hoàng Hà, Tây Giang,... Đây cũng là nơi tập trung nhiều mỏ khoáng sản như: than, sắt, dầu mỏ, man-gan,... Ngoài ra, ở bộ phận hải đảo có nguồn hải sản phong phú.



Hình 7.2. Một phần của sơn nguyên Tây Tạng



Sơn nguyên Tây Tạng có độ cao trung bình trên 4 500 m. Trên sơn nguyên này có nhiều dãy núi lớn như: Hi-ma-lay-a, Côn Luân,... Nhiều sông lớn ở châu Á bắt nguồn từ đây.

? *Đọc thông tin và quan sát hình 5.1, hình 5.2, hãy trình bày đặc điểm tự nhiên của khu vực Đông Á.*

Khu vực Đông Nam Á

Đông Nam Á gồm hai bộ phận là Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo. Đông Nam Á lục địa có địa hình đồi, núi là chủ yếu; hầu hết các dãy núi có độ cao trung bình, chạy theo hướng bắc – nam hoặc tây bắc – đông nam; các đồng bằng phù sa phân bố ở hạ lưu các con sông. Đông Nam Á hải đảo có những dãy núi trẻ và thường xuyên xảy ra động đất, núi lửa.

Đông Nam Á lục địa có khí hậu nhiệt đới gió mùa, mùa đông nhiệt độ hạ thấp, mưa nhiều vào mùa hạ. Đại bộ phận Đông Nam Á hải đảo có khí hậu xích đạo nóng và mưa đều quanh năm. Thực vật ở Đông Nam Á chủ yếu là rừng nhiệt đới ẩm,

ngoài ra còn có rừng thưa và xa-van ở những khu vực ít mưa. Đông Nam Á có mạng lưới sông ngòi phát triển, nhiều sông lớn như: Mê Công, I-ra-oa-di, Mê Nam,... Khu vực này có nhiều khoáng sản quan trọng như: thiếc, đồng, than, dầu mỏ, khí đốt,...

? *Đọc thông tin và quan sát hình 5.1, hình 5.2, hãy trình bày đặc điểm tự nhiên của khu vực Đông Nam Á.*

Khu vực Nam Á

Nam Á có ba dạng địa hình chính. Hệ thống núi Hi-ma-lay-a hùng vĩ nằm ở phía đông bắc với nhiều đỉnh núi cao trên 8 000 m. Ở giữa là đồng bằng Ấn – Hằng. Phía nam và tây bắc lần lượt là sơn nguyên Đê-can và sơn nguyên I-ran.

Phần lớn lãnh thổ Nam Á có khí hậu nhiệt đới gió mùa với hai mùa mưa và khô rõ rệt. Những nơi đón gió mùa hạ có lượng mưa lớn; ngược lại, những nơi khuất gió hoặc nằm sâu trong nội địa có lượng mưa nhỏ. Trên dãy Hi-ma-lay-a quanh năm có tuyết phủ. Thực vật điển hình của Nam Á là rừng nhiệt đới ẩm. Ở những nơi khuất gió, lượng mưa ít có sự xuất hiện của rừng thưa và xa-van, cây bụi. Nam Á có nhiều hệ thống sông lớn như: sông Ấn, sông Hằng, sông Bra-ma-pút,... Nam Á giàu tài nguyên khoáng sản như: than, sắt, man-gan, đồng, dầu mỏ,...

? *Đọc thông tin và quan sát hình 5.1, hình 5.2, hãy trình bày đặc điểm tự nhiên của khu vực Nam Á.*

Khu vực Tây Á

Tây Á có núi và sơn nguyên chiếm phần lớn diện tích. Phía bắc có nhiều dãy núi cao. Phía nam là sơn nguyên chiếm phần lớn diện tích bán đảo A-rập. Phía đông là đồng bằng Lưỡng Hà.

Tây Á có khí hậu khô hạn. Lượng mưa trung bình năm khoảng 200 – 250 mm. Mùa hạ nóng và khô, có nơi nhiệt độ vào tháng 7 lên tới 45 °C. Mùa đông khô và lạnh. Phía tây bắc của khu vực có thảo nguyên chiếm phần lớn diện tích. Rừng và cây bụi lá cứng địa trung hải phát triển ở khu vực ven bờ Địa Trung Hải. Sông ngòi kém phát triển, các sông thường ngắn và ít nước. Hai sông lớn nhất khu vực là sông Ti-gơ và sông Ơ-phrát. Khoảng 1/2 lượng dầu mỏ trên thế giới tập trung ở Tây Á. Dầu mỏ và khí đốt đóng vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế của khu vực.

? *Đọc thông tin và quan sát hình 5.1, hình 5.2, hãy trình bày đặc điểm tự nhiên của khu vực Tây Á.*

Khu vực Trung Á

Trung Á nằm sâu trong nội địa với nhiều dạng địa hình. Các dãy núi cao và đồ sộ nằm ở phía đông nam như: Thiên Sơn, Pa-mi-a,... Đồng bằng và hoang mạc nằm ở phía tây như: đồng bằng Tu-ran, hoang mạc Cra-cum.

Khí hậu của Trung Á khô hạn, mùa hạ nóng, mùa đông lạnh, thỉnh thoảng có tuyết rơi. Sông ngòi ở Trung Á kém phát triển, hai sông lớn nhất của khu vực là Xưa Đa-ri-a và A-mu Đa-ri-a, có ý nghĩa rất quan trọng đối với khu vực này. Hoang mạc phát triển trên phần lớn diện tích của Trung Á, khu vực phía bắc và ven hồ A-ran có các thảo nguyên rộng lớn. Dầu mỏ và khí đốt là nguồn tài nguyên có ý nghĩa quan trọng trong phát triển kinh tế của khu vực.



Hình 7.3. Một phần Biển Chết



Biển Chết thực chất là một hồ nước mặn nằm ở khu vực Trung Á. Độ mặn của nước hồ gấp khoảng 8 lần độ mặn trung bình của đại dương. Do nước hồ quá mặn nên không có loài thủy sinh nào có thể sống trong hồ.

? *Đọc thông tin và quan sát hình 5.1, hình 5.2, hãy trình bày đặc điểm tự nhiên của khu vực Trung Á.*



1. Hãy kể tên các khu vực của châu Á. Em yêu thích nhất khu vực nào? Vì sao?



2. Hãy thu thập tranh ảnh, tư liệu về đặc điểm tự nhiên của một trong các khu vực ở châu Á.



Bài 8. THỰC HÀNH: TÌM HIỂU MỘT NỀN KINH TẾ LỚN VÀ NỀN KINH TẾ MỚI NỔI CỦA CHÂU Á

Học xong bài này, em sẽ:

Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày về một trong các nền kinh tế lớn và nền kinh tế mới nổi của châu Á (ví dụ: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Xin-ga-po).

Chuẩn bị

– Thu thập tư liệu về một trong các nền kinh tế lớn và nền kinh tế mới nổi của châu Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Xin-ga-po,...) từ các nguồn khác nhau như: sách, báo, internet,...

– Một số dụng cụ học tập cần thiết.

Nội dung thực hành

Lựa chọn và tìm hiểu về một trong các nền kinh tế lớn và nền kinh tế mới nổi của châu Á như: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Xin-ga-po,...

Gợi ý:

1. Tìm hiểu khái quát chung: vị trí địa lí, diện tích, tên thủ đô, tổng số dân,...

2. Tìm hiểu về đặc điểm kinh tế

– Một số chỉ tiêu kinh tế: **tổng sản phẩm trong nước** (GDP), GDP/người.

– Các sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ đặc trưng và nổi tiếng.

Gợi ý nội dung chính của báo cáo

– Khái quát chung về nền kinh tế được chọn để tìm hiểu.

– Đặc điểm kinh tế: một số chỉ tiêu kinh tế (GDP, GDP/người); một số sản phẩm đặc trưng và nổi tiếng của nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ.

– Kết luận về nền kinh tế đó.

Gợi ý một số trang web tìm kiếm thông tin

– Website cung cấp thông tin cơ bản về tự nhiên, dân cư, kinh tế của từng quốc gia:

<https://www.britannica.com/>

– Website cung cấp các số liệu của từng quốc gia:

<https://databank.worldbank.org/reports.aspx?source=2&country=CHN>



Bài 9. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, PHẠM VI VÀ ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN CHÂU PHI

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Phi.
- Phân tích được một trong những đặc điểm thiên nhiên và một trong những vấn đề môi trường trong sử dụng thiên nhiên ở châu Phi.



Châu Phi là một khối cao nguyên khổng lồ, phần lớn diện tích nằm trong đới nóng. Vậy vị trí địa lí, hình dạng và kích thước; thiên nhiên và vấn đề môi trường của châu Phi có những đặc điểm gì nổi bật?



Vị trí địa lí và phạm vi châu Phi

Châu Phi có dạng hình khối, đường bờ biển ít bị chia cắt, có rất ít các vịnh biển và bán đảo lớn. Với diện tích khoảng 30,3 triệu km², châu Phi là châu lục lớn thứ ba trên thế giới.

Phần lục địa của châu Phi kéo dài từ khoảng 37°20'B đến 34°51'N. Đại bộ phận lãnh thổ nằm giữa hai chí tuyến, tương đối cân xứng hai bên đường xích đạo.

Châu Phi được bao bọc bởi các biển và đại dương, tiếp giáp với lục địa Á – Âu qua biển Địa Trung Hải và Biển Đỏ, hai biển này được nối với nhau qua kênh đào Xuy-ê.



- Nơi cao nhất: Đỉnh núi Ki-li-man-gia-rô cao 5 895 m ở Kê-ni-a.
- Đảo lớn nhất: Ma-đa-ga-xca (587,3 nghìn km²).
- Sông dài nhất: Sông Nin (6 695 km).
- Hồ lớn nhất: Vích-to-ri-a (68 800 km²).
- Hoang mạc lớn nhất: Xa-ha-ra (9,1 triệu km²).



Đọc thông tin và quan sát hình 9.2, hãy cho biết:

- Châu Phi giáp với các biển, đại dương nào.
- Đặc điểm nổi bật về vị trí địa lí, hình dạng và kích thước của châu Phi.



Hình 9.1. Núi Ki-li-man-gia-rô

Châu Phi có khí hậu nóng và khô bậc nhất thế giới. Nhiệt độ trung bình năm của châu lục là trên 20 °C, lượng mưa tương đối ít và giảm dần từ xích đạo về phía hai chí tuyến, hình thành những hoang mạc lớn, lan ra sát biển. Nguyên nhân là do chịu tác động của vị trí địa lí, hình dạng lãnh thổ, địa hình và các dòng biển nóng, lạnh ven bờ.

? *Đọc thông tin và quan sát hình 9.2, hình 9.3, hãy giải thích vì sao châu Phi có khí hậu nóng và khô.*

Sông, hồ

Mạng lưới sông, hồ của châu Phi kém phát triển và phân bố không đều. Nguồn cung cấp nước cho sông ở đây chủ yếu do mưa. Phần lớn các sông ở châu Phi có nhiều thác ghềnh. Các sông lớn là: sông Nin, sông Công-gô, sông Dăm-be-di,...

Các hồ lớn hầu hết có nguồn gốc kiến tạo và tập trung ở Đông Phi. Do các hồ có diện tích rộng và độ sâu lớn nên tích trữ được một khối lượng nước ngọt phong phú. Các sông, hồ có giá trị cho giao thông, cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt của con người.

? *Đọc thông tin và quan sát hình 9.2, hãy:*

- *Nhận xét đặc điểm mạng lưới sông, hồ của châu Phi.*
- *Xác định và đọc tên một số sông, hồ lớn của châu Phi.*

Sinh vật

Châu Phi có thành phần thực vật, động vật rất phong phú và đa dạng, có nhiều loài địa phương độc đáo. Thực vật có keo, bao báp, cọ dầu, cọ voi,... Động vật có hươu cao cổ, ngựa vằn, voi, hà mã, sơn dương, tê giác đen, khỉ Gô-rin, sư tử,... Bên cạnh đó, châu lục này còn có nhiều loài thực vật và động vật khác như: sồi thường xanh, ô liu, chà là,...; lạc đà một bướu, linh cẩu,...

? *Đọc thông tin và quan sát hình 9.2, hãy nêu tên một số loài động vật địa phương của châu Phi và sự phân bố của chúng.*

Vấn đề môi trường trong sử dụng thiên nhiên

Thiên nhiên châu Phi phong phú và đa dạng, nhất là các loài động vật. Cách đây hơn 100 năm, châu lục này được xem như một vườn thú khổng lồ. Tuy nhiên hiện nay, nhiều loài động vật ở châu Phi đang có nguy cơ bị tuyệt chủng như: linh dương xanh, gấu núi, sư tử, voi châu Phi, tê giác, báo đốm,... Việc săn bắn trộm, giết hại hàng loạt và buôn bán động vật hoang dã là một trong những vấn đề môi trường trong sử dụng thiên nhiên ở châu Phi.

Các nước ở khu vực phía nam hoang mạc Xa-ha-ra từng là nơi có số lượng lớn loài tê giác đen, nhưng đang có nguy cơ tuyệt chủng do hoạt động săn bắn trộm để lấy sừng. Theo Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên (WWF), hiện châu Phi chỉ còn lại hơn 5 000 cá thể tê giác đen, trong đó 80 % là ở Nam Phi. Việc buôn bán sừng tê giác đen xuất phát từ niềm tin hoang đường về tác dụng chữa bệnh thần kì của sừng tê giác. Voi bị săn bắn lấy ngà để buôn bán trái phép dùng làm đồ trang sức hay trang trí nội thất.

Do bị săn bắn trộm trong suốt thời gian dài, đàn voi châu Phi từ vài triệu con vào giữa thế kỉ XX chỉ còn khoảng 400 nghìn con hiện nay, mặc dù việc buôn bán ngà voi đã bị cấm từ đầu những năm 1990.



Tài liệu trên internet hỗ trợ tìm hiểu thêm về hoang mạc Xa-ha-ra ở châu Phi:

https://vnmedia.monkeyuni.net/E_Learning/document/xahara_co_gi_thu_vi_1646809059.pdf



Hình 9.4. Tê giác đen tại Vườn quốc gia Ka-ru-giơ ở Cộng hoà Nam Phi



Hình 9.5. Ngà voi bị buôn bán trái phép

? *Đọc thông tin và quan sát hình 9.4, hình 9.5, hãy cho biết vì sao nạn buôn bán trái phép sừng tê giác đen và ngà voi lại phổ biến trên thế giới.*



1. Quan sát hình 9.2, hãy nhận xét đặc điểm đường bờ biển châu Phi.
2. Hãy cho biết các dòng biển nóng và dòng biển lạnh có ảnh hưởng như thế nào đến lượng mưa ở các vùng ven biển châu Phi.



3. Môi trường tự nhiên châu Phi sẽ ra sao nếu nạn buôn bán động vật hoang dã (voi, tê giác,...) diễn ra phổ biến?



Bài 10. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI CHÂU PHI

Học xong bài này, em sẽ:

Trình bày được một trong những vấn đề nổi cộm về dân cư, xã hội và di sản lịch sử châu Phi (ví dụ: vấn đề nạn đói, vấn đề xung đột quân sự,...).



Châu Phi hiện đang phải đối mặt với nhiều thách thức về dân cư, xã hội trong quá trình phát triển. Bài học này chúng ta sẽ tìm hiểu về một số vấn đề nổi cộm như: bùng nổ dân số, nạn đói, xung đột quân sự và di sản lịch sử châu Phi.

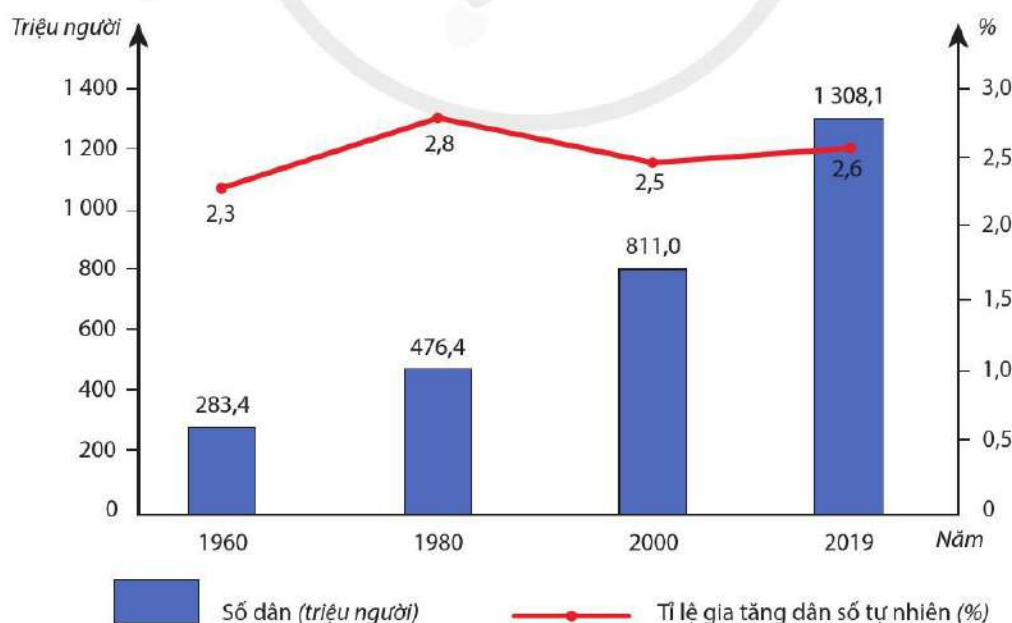


Đặc điểm dân cư

Số dân

Năm 2019, châu Phi có 1 308,1 triệu người, chiếm 17,0 % dân số thế giới. Hai quốc gia có dân số trên 100 triệu người là Ni-giê-ri-a (201,0 triệu người) và Ê-ti-ô-pi-a (112,1 triệu người).

Trong giai đoạn 1960 – 2019 (59 năm), dân số châu Phi tăng 4,6 lần, trong khi dân số thế giới tăng 2,6 lần; từ chỗ chỉ chiếm 10,2 % dân số thế giới (năm 1960) đã tăng lên 17,0 % (năm 2019) và dự báo sẽ chiếm tới 25,6 % (năm 2050) và 30,4 % (năm 2100).



Hình 10.1. Biểu đồ số dân và tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên của châu Phi giai đoạn 1960 – 2019

Bùng nổ dân số

Sự gia tăng dân số nhanh trong thời gian ngắn và tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên bình quân hằng năm vượt trên 2,1 % ở phần lớn các quốc gia châu Phi được gọi là bùng nổ dân số. Cho đến nay, nhiều quốc gia ở khu vực Trung Phi, Đông Phi và Tây Phi có tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên vẫn ở mức cao, từ 2,7 % đến 3,0 %.

Nguyên nhân chính của bùng nổ dân số ở châu lục này là do tỉ suất sinh cao, duy trì trong thời gian dài; trong khi tỉ suất tử giảm nhờ những thành tựu của y tế, khoa học kĩ thuật và điều kiện sống phần nào được cải thiện,...

? *Đọc thông tin và quan sát hình 10.1, hãy nhận xét về số dân hoặc bùng nổ dân số ở châu Phi.*

Đặc điểm xã hội

Nạn đói

Nạn đói là một trong những vấn đề xã hội nổi cộm ở châu Phi, đặc biệt ở các quốc gia thuộc khu vực phía nam Xa-ha-ra. Nguyên nhân của tình trạng thiếu lương thực, đói ăn đi kèm với suy dinh dưỡng là do các cuộc xung đột quân sự, chính trị làm bất ổn định cuộc sống; biến đổi khí hậu làm hạn hán xảy ra ngày càng nghiêm trọng, sản xuất lương thực bị suy giảm; dịch bệnh HIV/AIDS đã khiến cho nhiều gia đình mất đi lao động trụ cột; sự gia tăng dân số quá nhanh cũng gây áp lực lên nguồn cung lương thực.

? *Đọc thông tin và dựa vào kiến thức đã học, hãy nêu nguyên nhân của nạn đói ở nhiều quốc gia châu Phi.*

Xung đột quân sự

Sự bất ổn về an ninh, xung đột quân sự đang là một trong những vấn nạn còn tồn tại ở một số quốc gia châu Phi như: Côt-di-voa, Công-gô, Ni-giê-ri-a, U-gan-đa, Li-bi, Ru-an-đa,... Trong đó, nổi bật nhất là hai cuộc xung đột quân sự ở Xu-đăng và Xô-ma-li kéo dài suốt nhiều năm. Nguyên nhân bắt nguồn từ những tranh chấp về sở hữu đất đai và tài nguyên thiên nhiên, từ sự bất đồng về tôn giáo và sắc tộc.

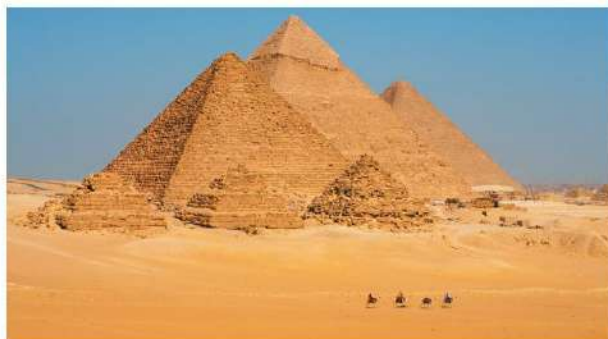
Xung đột quân sự triền miên ở các quốc gia không chỉ làm nhiều người thiệt mạng mà còn ảnh hưởng đến phát triển kinh tế, sản xuất lương thực, việc làm và đời sống; nhiều quốc gia rơi vào tình trạng kiệt quệ về kinh tế, người dân lâm vào cảnh đói nghèo.

? *Đọc thông tin, hãy nêu nguyên nhân gây ra các cuộc xung đột quân sự ở một số quốc gia châu Phi. Các cuộc xung đột này có ảnh hưởng như thế nào đến kinh tế – xã hội ở châu Phi?*

Di sản lịch sử

Châu Phi là một trong những cái nôi của loài người. Lịch sử châu Phi được bắt đầu với sự xuất hiện của người hiện đại Hô-mô Sa-pi-en ở Đông Phi, sau đó là sự ra đời của các nền văn minh cổ đại. Nền văn minh Ai Cập cổ đại là một trong những nền văn minh lâu đời nhất trên thế giới.

Châu Phi có nhiều di sản được Ủy ban Di sản Thế giới (WHC) ghi danh. Đây là các di sản lịch sử về kiến trúc, điêu khắc, khảo cổ,... có giá trị nổi bật toàn cầu. Đến năm 2019, châu lục này có 54 di sản lịch sử thế giới phân bố trên 30 quốc gia, trong đó tập trung nhiều ở Cộng hoà Nam Phi, Ai Cập, Ma-rốc, Tuy-ni-di, An-giê-ri, Ê-ti-ô-pi, Kê-ni-a, Tan-da-ni-a, Cộng hoà Dân chủ Công-gô, Cốt-di-voa, Xê-nê-gan,...



Hình 10.2. Một phần của Mem-phít và Quần thể Kim tự tháp ở Ai Cập



Hình 10.3. Thị trấn lịch sử Gran Bát-xam ở Cốt-di-voa

Các di sản lịch sử có giá trị đặc biệt về văn hoá, thẩm mỹ, khoa học và có ý nghĩa lớn về kinh tế, giáo dục vượt khỏi phạm vi quốc gia, châu lục, tạo khả năng thu hút khách du lịch.

Tuy nhiên, do ảnh hưởng của các cuộc xung đột quân sự, xung đột sắc tộc cũng như điều kiện phát triển kinh tế nên nhiều di sản lịch sử chưa được khai thác và phát huy; việc tôn tạo và bảo tồn còn nhiều hạn chế, có nhiều di sản lịch sử đã bị xuống cấp và có nguy cơ bị phá huỷ,...

? *Đọc thông tin và quan sát hình 10.2, hình 10.3, hãy nêu giá trị và ý nghĩa của di sản lịch sử ở châu Phi.*



1. Dựa vào bảng số liệu sau:

Bảng 10. Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên của châu Phi và thế giới giai đoạn 1960 – 2019

(Đơn vị: %)

Châu lục/ thế giới \ Năm	1960	1980	2000	2019
Châu Phi	2,3	2,8	2,5	2,6
Thế giới	1,8	1,6	1,4	1,2

- Nhận xét về tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên của châu Phi so với thế giới trong giai đoạn 1960 – 2019.
- Cho biết những thách thức do dân số tăng nhanh ở châu Phi.



2. Hãy thu thập thông tin về một số di sản lịch sử ở châu Phi hoặc ở Việt Nam.



Bài 11. PHƯƠNG THỨC CON NGƯỜI KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ THIÊN NHIÊN

Học xong bài này, em sẽ:

Trình bày được cách thức người dân châu Phi khai thác thiên nhiên ở các môi trường khác nhau.



Việc khai thác thiên nhiên ở các môi trường khác nhau được các quốc gia châu Phi quan tâm, bởi nó có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của họ. Nếu khai thác một cách bừa bãi các nguồn tài nguyên thiên nhiên sẽ dẫn tới huỷ hoại môi trường sống của con người. Vậy phương thức khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở các môi trường khác nhau của châu Phi như thế nào?



Khai thác thiên nhiên ở môi trường xích đạo ẩm



Hình 11.1. Khai thác và chế biến dầu mỏ ở Ni-giê-ri-a

Môi trường xích đạo ẩm châu Phi bao gồm bồn địa Công-gô và vùng duyên hải phía bắc vịnh Ghi-nê. Môi trường này có khí hậu nóng, mưa nhiều, đất đai màu mỡ, rừng rậm chiếm diện tích lớn với nhiều loài động vật, thực vật phong phú, có nhiều khoáng sản có giá trị như: dầu mỏ, vàng, quặng sắt, photphát,...

Con người đã khai thác tài nguyên đất, nước, rừng để hình thành các vùng trồng cà phê, ca cao, cao su, cọ dầu,... để xuất khẩu; khai thác và xuất khẩu dầu mỏ, bô-xít,...

Tuy nhiên, sự suy giảm diện tích rừng, đất đai bị thoái hoá và ô nhiễm môi trường đang là trở ngại lớn đối với người dân sống ở môi trường này.

? *Đọc thông tin và quan sát hình 9.2, hình 11.1, hãy trình bày cách thức con người khai thác thiên nhiên ở môi trường xích đạo ẩm.*

Khai thác thiên nhiên ở môi trường nhiệt đới

Môi trường nhiệt đới châu Phi phân bố ở phía bắc và phía nam môi trường xích đạo. Ở phía bắc, lượng mưa ít, có thời kì khô hạn kéo dài, xa-van phát triển. Ở phía nam, khí hậu ẩm và dịu hơn; phía đông quanh năm nóng, ẩm và mưa nhiều. Ở môi trường này có một số khoáng sản có giá trị như: vàng, đồng, chì,...

Do phụ thuộc vào lượng mưa và chế độ mưa, tại những khu vực khô hạn, người dân chủ yếu trồng kê, chăn nuôi dê, cừu theo hình thức chăn thả; khu vực phía đông có mưa nhiều hơn thì trồng cây ăn quả và cây công nghiệp xuất khẩu, điển hình là cây cà phê và chăn nuôi gia súc. Ở những khu vực tập trung khoáng sản, con người đã tiến hành khai thác, chế biến để xuất khẩu.



Môi trường nhiệt đới là nơi phát sinh ra giống cây cà phê. Nếu Nam Mỹ có sản lượng cà phê lớn nhất, châu Âu tiêu thụ cà phê nhiều nhất thì châu Phi là “cái nôi” của cây cà phê. Xứ sở Ê-ti-ô-pi chính là nơi tìm thấy cây cà phê đầu tiên và từ đó phổ biến trên thế giới. Nơi đây chính là nguồn gốc của giống cà phê A-ra-bi-ca có chất lượng cao, hương vị độc đáo.



Hình 11.2. Một phần Vườn quốc gia Se-ren-ge-ti ở Tan-da-ni-a

? *Đọc thông tin và quan sát hình 9.2, hình 11.2, hãy trình bày cách thức con người khai thác thiên nhiên ở môi trường nhiệt đới.*

Để bảo vệ các loài sinh vật, nhiều quốc gia đã thành lập các “xa-van công viên”, các vườn quốc gia và **khu bảo tồn thiên nhiên**, tạo nên các điểm tham quan hấp dẫn. Tuy nhiên, ở môi trường này đang gặp phải những khó khăn như tình trạng thoái hoá đất, khan hiếm nước, nhiều loài sinh vật quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng,...

Khai thác thiên nhiên ở môi trường hoang mạc

Môi trường hoang mạc châu Phi gồm: hoang mạc Xa-ha-ra ở phía bắc và hoang mạc Ca-la-ha-ri, Na-míp ở phía nam. Đặc điểm nổi bật của môi trường này là khô hạn, lượng mưa rất ít. Bề mặt đất chủ yếu là sỏi đá, động vật nghèo nàn. Một số nơi trong các hoang mạc có mạch nước ngầm đã xuất hiện các ốc đảo. Trong môi trường này cũng có một số khoáng sản với trữ lượng lớn, đặc biệt là dầu mỏ.

Con người ở môi trường hoang mạc đã khai thác tài nguyên nước, sinh vật để phát triển chăn nuôi du mục. Tại các ốc đảo, người dân trồng chà là, cam, chanh, lúa mạch,... Hiện nay, với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, nhiều nước đã đầu tư vào hệ thống tưới tiêu, cải tạo hoang mạc thành đồng ruộng để trồng trọt.



Hình 11.3. Cây chà là được trồng trong các ốc đảo



Hình 11.4. Khai thác kim cương ở Bốt-xoa-na

Một số quốc gia thuộc môi trường hoang mạc có khoáng sản phong phú, trữ lượng lớn đã khai thác dầu mỏ, vàng và kim cương để xuất khẩu. Nhiều quốc gia đã tận dụng cảnh quan hấp dẫn, độc đáo để thu hút khách du lịch tới tham quan.

Tuy nhiên, các quốc gia châu Phi đang phải đối mặt với tình trạng hoang mạc hoá ngày càng mở rộng. Nhiều giải pháp để hạn chế tình trạng này đã được đưa ra, đặc biệt là sự hợp tác của các quốc gia trong việc xây dựng “Bức tường xanh vĩ đại”, rộng 15 km, dài 8 000 km, phủ tới 700 triệu ha đất khô cằn, nơi sinh sống của trên 230 triệu người. “Bức tường xanh vĩ đại” trở thành vành đai bảo vệ và chống lại tình trạng hoang mạc hoá, biến đổi khí hậu, suy thoái môi trường,...



Hình 11.5. “Bức tường xanh vĩ đại” – dải đất khô cằn được thay thế dần bởi những mảng cây xanh tốt

? *Đọc thông tin và quan sát hình 11.3, hình 11.4, hãy nêu những thế mạnh nổi bật của thiên nhiên ở môi trường hoang mạc được người dân khai thác.*

Khai thác thiên nhiên ở môi trường địa trung hải

Môi trường địa trung hải phân bố thành dải hẹp ở vùng cực Bắc và cực Nam châu Phi. Người dân đã khai thác đặc điểm thiên nhiên về nhiệt độ, lượng mưa, đất và sinh vật để trồng cây ăn quả cận nhiệt như: nho, ô liu, cam, chanh và cây lương thực như: lúa mì, ngô. Dựa vào khoáng sản sẵn có, người dân cũng đã tiến hành khai thác và xuất khẩu phốt phát, khí đốt, dầu mỏ. Tuy nhiên, tình trạng hoang mạc hoá cũng đang là thách thức lớn đối với các quốc gia ở môi trường này.



Hình 11.6. Rừng cây bụi gai ở Cộng hoà Nam Phi, thuộc môi trường địa trung hải

? *Đọc thông tin và quan sát hình 9.2, hình 11.6, hãy cho biết nét nổi bật trong khai thác thiên nhiên ở môi trường địa trung hải.*



1. Hãy lập bảng theo mẫu sau để thấy được cách thức người dân khai thác thiên nhiên ở các môi trường khác nhau ở châu Phi.

Môi trường	Cách thức khai thác thiên nhiên
Xích đạo ẩm	?
Nhiệt đới	?
Hoang mạc	?
Địa trung hải	?

2. Hãy nêu giải pháp để hạn chế tình trạng hoang mạc hoá ở môi trường hoang mạc châu Phi.



3. Hãy thu thập thông tin về cách thức người dân khai thác các tài nguyên thiên nhiên ở địa phương em.



Bài 12. THỰC HÀNH: TÌM HIỂU KHÁI QUÁT VỀ CỘNG HOÀ NAM PHI

Học xong bài này, em sẽ:

Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày được một số sự kiện lịch sử về Cộng hoà Nam Phi trong mấy thập niên gần đây.

Chuẩn bị

Thu thập tư liệu về Cộng hoà Nam Phi từ các nguồn khác nhau như: sách, báo, internet,...

Nội dung thực hành

Sưu tầm tư liệu và trình bày một số sự kiện lịch sử về Cộng hoà Nam Phi trong mấy thập niên gần đây.

Gợi ý:

1. Tìm hiểu khái quát chung về Cộng hoà Nam Phi (diện tích, dân số, thủ đô, ngày quốc khánh,...).

2. Lựa chọn một số sự kiện lịch sử về Cộng hoà Nam Phi:

- Sự thành lập Liên bang Nam Phi.
- Sự thành lập Cộng hoà Nam Phi.
- Sự hình thành chế độ phân biệt chủng tộc A-pác-thai.
- Chấm dứt chế độ phân biệt chủng tộc A-pác-thai.

Gợi ý nội dung chính của báo cáo

- Ý nghĩa của việc tìm hiểu sự kiện.
- Thời gian và nội dung của sự kiện.
- Nguyên nhân và kết quả của sự kiện.



Bài 13. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, PHẠM VI VÀ VIỆC PHÁT KIẾN RA CHÂU MỸ

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày khái quát được vị trí địa lí và phạm vi châu Mỹ.
- Phân tích được các hệ quả địa lí – lịch sử của việc Cri-xtốp Cô-lôm-bô phát kiến ra châu Mỹ (1492 – 1502).



Châu Mỹ được phát kiến vào năm 1492. Châu lục này có đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ như thế nào? Việc Cri-xtốp Cô-lôm-bô (C. Cô-lôm-bô) phát kiến ra châu Mỹ đã mang đến những hệ quả địa lí – lịch sử gì?



Vị trí địa lí và phạm vi châu Mỹ

Châu Mỹ nằm hoàn toàn ở bán cầu Tây, trải dài trên nhiều vĩ độ, từ vùng cực Bắc đến vùng cận cực Nam. Châu lục này được bao bọc bởi các đại dương và nằm cách xa các châu lục khác.

Châu Mỹ bao gồm lục địa Bắc Mỹ và lục địa Nam Mỹ. Hai lục địa này được nối với nhau qua eo đất hẹp Trung Mỹ.



Châu Mỹ có diện tích khoảng 42,3 triệu km², chiếm 8,3 % tổng diện tích bề mặt và 28,4 % diện tích đất liền của Trái Đất.



Đọc thông tin và quan sát hình 13.1, hãy:

- Xác định vị trí và phạm vi của châu Mỹ.
- Cho biết châu Mỹ tiếp giáp với những đại dương nào.

Hệ quả địa lí – lịch sử của việc phát kiến ra châu Mỹ

C. Cô-lôm-bô đã phát kiến ra châu Mỹ vào năm 1492. Những chuyến đi sau đó của ông và các nhà thám hiểm châu Âu đến châu Mỹ đã mang lại hiểu biết mới về những vùng đất mới, những dân tộc mới và những nền văn minh mới.

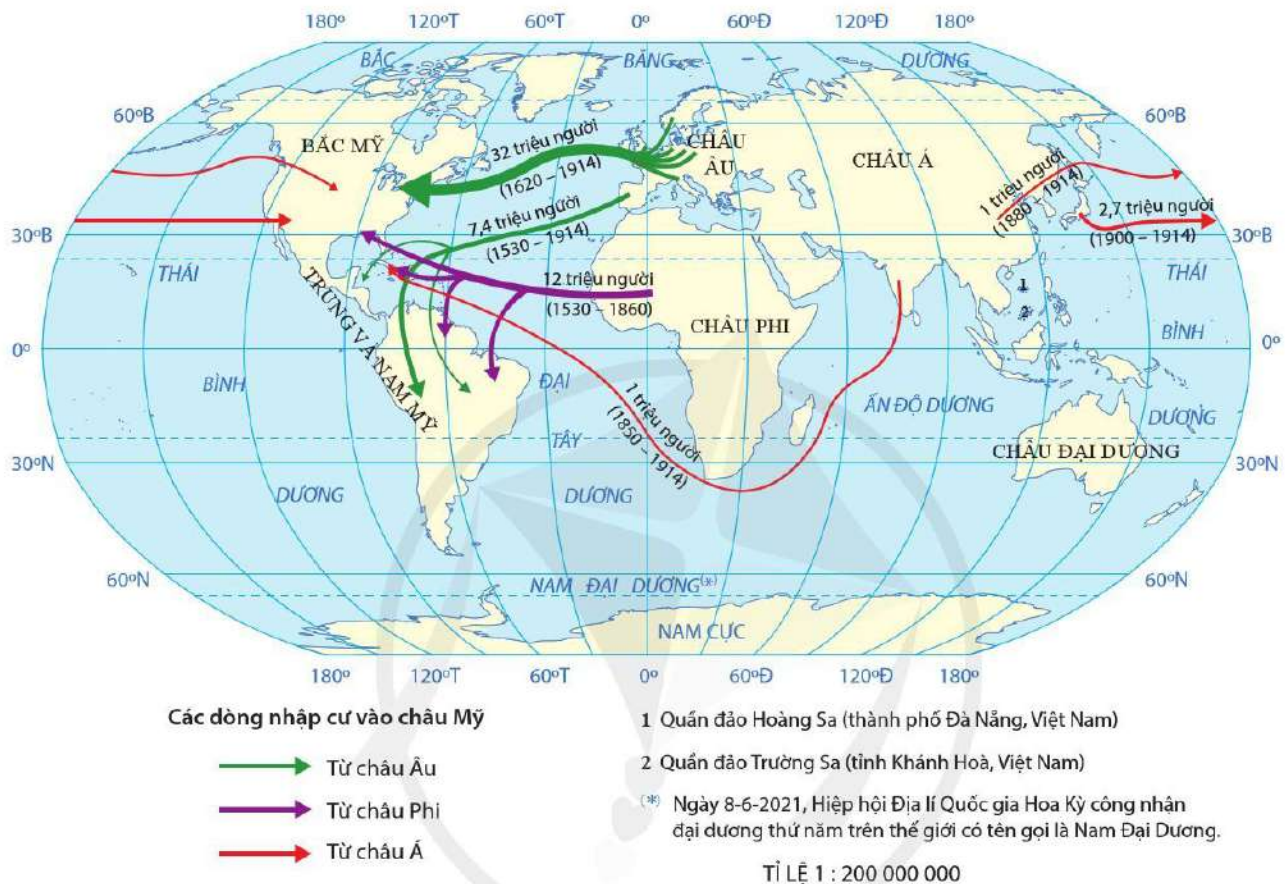


C. Cô-lôm-bô đã dẫn đầu bốn cuộc thám hiểm hàng hải (1492 – 1493, 1493 – 1496, 1498 – 1500, 1502 – 1504) xuyên Đại Tây Dương để phát kiến ra châu Mỹ. Cuộc phát kiến của C. Cô-lôm-bô đã mang lại những hiểu biết mới về địa lí và góp phần thay đổi lịch sử thế giới.



Việc phát kiến ra châu Mỹ đã mở đường cho người châu Âu đến khai phá châu Mỹ. Họ đã đổi mới công nghệ, phát triển hàng hải quốc tế, mở rộng thị trường thế giới và thúc đẩy giao thương giữa các châu lục.

Việc phát kiến ra châu Mỹ cũng dẫn đến quá trình di cư từ châu Âu, châu Phi, châu Á đến châu Mỹ. Các dòng nhập cư vào châu Mỹ đã làm thay đổi đặc điểm dân cư, văn hoá và lịch sử của châu lục này.



Hình 13.2. Bản đồ các dòng nhập cư vào châu Mỹ trong giai đoạn 1530 – 1914

? Đọc thông tin và quan sát hình 13.2, hãy phân tích các hệ quả địa lý – lịch sử của việc C. Cô-lôm-bô phát kiến ra châu Mỹ.



1. Chứng minh rằng châu Mỹ nằm hoàn toàn ở bán cầu Tây.
2. Phân tích tác động tích cực của việc C. Cô-lôm-bô phát kiến ra châu Mỹ.



3. Hãy thu thập thông tin về các chuyến đi của C. Cô-lôm-bô trong cuộc phát kiến ra châu Mỹ.



Bài 14. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN BẮC MỸ

Học xong bài này, em sẽ:

Trình bày được một trong những đặc điểm tự nhiên của Bắc Mỹ:

- Sự phân hoá của địa hình và khí hậu.
- Đặc điểm sông, hồ và các đới thiên nhiên.



Bắc Mỹ bao gồm hai quốc gia là Hoa Kỳ và Ca-na-đa. Hai quốc gia này có diện tích lớn bậc nhất thế giới, chiếm 4/5 diện tích lục địa Bắc Mỹ. Địa hình và khí hậu của khu vực này phân hoá như thế nào? Hệ thống sông, hồ và các đới thiên nhiên của khu vực có đặc điểm gì?



Sự phân hoá địa hình

Địa hình của Bắc Mỹ được chia thành ba khu vực: hệ thống Coóc-đi-e ở phía tây, miền đồng bằng trung tâm, miền núi già và sơn nguyên ở phía đông.

Hệ thống Coóc-đi-e bao gồm nhiều dãy núi chạy song song, xen giữa là các cao nguyên và bồn địa. Các dãy núi có địa hình cao và hiểm trở. Khu vực này giàu tài nguyên khoáng sản như: dầu mỏ và khí đốt, vàng, bạc, chì, kẽm, than,...

Miền đồng bằng trung tâm tựa như một lòng máng với diện tích rộng lớn. Khu vực này có địa hình cao ở phía tây bắc và thấp dần về phía nam và đông nam. Trong miền đồng bằng trung tâm có nhiều hồ lớn và sông dài. Miền này có tài nguyên khoáng sản giàu có và phong phú, bao gồm: sắt, ni-ken, chì, kẽm, đồng, u-ra-ni-um, than, dầu mỏ và khí đốt.

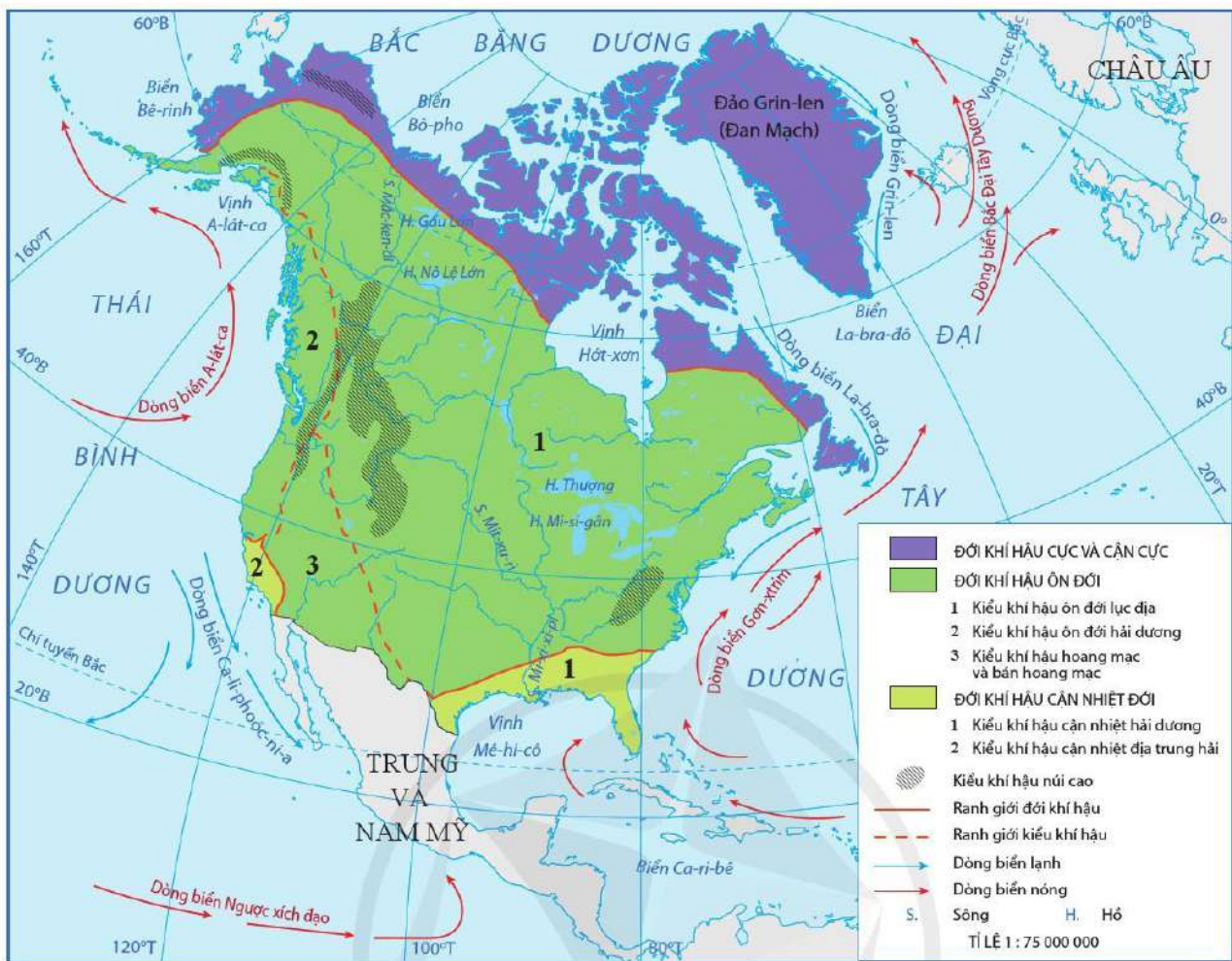
Miền núi già và sơn nguyên phía đông bao gồm dãy núi A-pa-lát và sơn nguyên La-bra-đô. A-pa-lát là dãy núi già chạy theo hướng đông bắc – tây nam, địa hình tương đối thấp. Miền này có tài nguyên khoáng sản nổi bật là than.



Đọc thông tin và quan sát hình 13.1, hãy trình bày sự phân hoá địa hình của Bắc Mỹ.

Sự phân hoá khí hậu

Khí hậu của Bắc Mỹ phân hoá đa dạng. Theo chiều bắc – nam, Bắc Mỹ có ba đới khí hậu là cực và cận cực; ôn đới; cận nhiệt đới. Theo chiều đông – tây, đới khí hậu ôn đới và cận nhiệt đới lại có các kiểu khí hậu khác nhau.



Hình 14.1. Bản đồ khí hậu Bắc Mỹ

? Đọc thông tin và quan sát hình 14.1, hãy trình bày sự phân hoá khí hậu của Bắc Mỹ.



Hệ thống sông Mi-xi-xi-pi – Mít-xu-ri dài khoảng 6 000 km, lưu vực rộng khoảng 3,2 triệu km², trải khắp 31 bang của Hoa Kỳ và hai tỉnh của Ca-na-đa. Hệ thống sông có giá trị to lớn: giao thông, thủy điện, nguồn nước cho sinh hoạt, nông nghiệp và công nghiệp, bồi đắp đồng bằng phía đông nam.

Hồ Lớn có tổng diện tích khoảng 244 100 km². Trong đó, hồ Thượng là hồ rộng nhất thế giới, với diện tích khoảng 82 100 km². Hồ Lớn có vai trò quan trọng đối với đời sống, sản xuất và điều hoà khí hậu.

Đặc điểm sông, hồ

Bắc Mỹ có mạng lưới sông khá dày và phân bố tương đối đồng đều. Phần lớn các sông đổ ra Đại Tây Dương. Đa số các sông có nguồn cung cấp nước hỗn hợp, vừa do mưa vừa do tuyết tan. Tuy nhiên, nguồn cung cấp do mưa vẫn chiếm ưu thế. Mi-xi-xi-pi – Mít-xu-ri là hệ thống sông lớn nhất Bắc Mỹ, bắt nguồn từ hệ thống Coóc-di-e và đổ ra vịnh Mê-hi-cô.

Bắc Mỹ là khu vực có nhiều hồ nhất thế giới. Đa số hồ phân bố ở nửa phía bắc của miền đồng bằng trung tâm. Hồ Lớn (hay Ngũ Hồ) là hệ thống hồ lớn nhất ở Bắc Mỹ.

? Đọc thông tin và quan sát hình 13.1, hình 14.1, hãy cho biết đặc điểm sông, hồ của Bắc Mỹ.

Đặc điểm các đới thiên nhiên

Đới lạnh bao gồm phần lớn các đảo và quần đảo phía bắc, rìa bắc bán đảo A-lát-ca và Ca-na-đa. Đới này có khí hậu khắc nghiệt nên thực vật nghèo nàn, chủ yếu có rêu và địa y. Động vật có các loài chịu được lạnh như: gấu bắc cực, bò tuyết, tuần lộc, một số loài chim,...



Hình 14.2. Gấu bắc cực ở A-lát-ca (Hoa Kỳ)



Hình 14.3. Nai sừng tấm trong rừng lá kim ở Ca-na-đa

Đới ôn hoà bao gồm phần lớn miền núi phía tây, miền đồng bằng trung tâm, miền núi già và sơn nguyên phía đông. Đới này có khí hậu ôn hoà với các mùa rõ rệt nên thiên nhiên khá đa dạng. Thực vật có rừng lá kim, rừng lá rộng, rừng hỗn hợp và thảo nguyên. Động vật phong phú, bao gồm: thú ăn cỏ, thú ăn thịt, thú gặm nhấm, bò sát và các loài chim. Cao nguyên Cô-lô-ra-đô và Bồn Địa Lớn có khí hậu hoang mạc và bán hoang mạc nên thực, động vật nghèo nàn. Ngoài một số loài cây bụi và cỏ thưa, thực vật phổ biến nhất là xương rồng và dương xỉ thân gỗ (joshua tree). Động vật có thằn lằn, rắn, nhện, chuột,...

Đới nóng bao gồm phía nam bán đảo Phlo-ri-đa và rìa tây nam Hoa Kỳ. Thực vật có rừng cận nhiệt ẩm, rừng và cây bụi lá cứng cận nhiệt địa trung hải. Động vật rất phong phú và đa dạng như: linh miêu, sư tử, chó sói, hươu, gấu, thỏ, sóc, báo, chuột,...

? *Đọc thông tin và quan sát hình 13.1, hình 14.1, hãy cho biết Bắc Mỹ có những đới thiên nhiên nào. Mô tả đặc điểm của một trong những đới thiên nhiên đó.*



1. Hãy lập bảng mô tả đặc điểm của ba khu vực địa hình ở Bắc Mỹ.



2. Hãy thu thập thông tin về Ngũ Hồ hoặc hệ thống sông Mi-xi-xi-pi – Mít-xu-ri.



Bài 15. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI BẮC MỸ

Học xong bài này, em sẽ:

Phân tích được một trong những vấn đề dân cư, xã hội của Bắc Mỹ:

- Vấn đề nhập cư và chủng tộc.
- Vấn đề đô thị hoá.



Bắc Mỹ là vùng đất của những người nhập cư, có thành phần chủng tộc đa dạng và có mức độ đô thị hoá rất cao. Vì sao nhập cư, chủng tộc và đô thị hoá là những vấn đề luôn được quan tâm ở Bắc Mỹ?



Nhập cư và chủng tộc

Trước khi C. Cô-lôm-bô phát kiến ra châu Mỹ, chủ nhân của Bắc Mỹ là người E-xki-mô và người Anh-diêng thuộc chủng tộc Môn-gô-lô-ít. Từ đầu thế kỉ XVII, người da trắng gốc châu Âu (Anh, Pháp, Đức và Hà Lan) thuộc chủng tộc Ô-rô-pê-ô-ít nhập cư vào Bắc Mỹ với số lượng ngày càng tăng. Người da đen thuộc chủng tộc Nê-grô-ít từ châu Phi bị đưa sang Bắc Mỹ làm nô lệ. Sau đó, các dòng nhập cư tự nguyện từ châu Âu, châu Á, khu vực Trung và Nam Mỹ vào Bắc Mỹ tiếp tục diễn ra cho đến nay.

Bắc Mỹ có thành phần chủng tộc đa dạng do có lịch sử nhập cư lâu dài. Các chủng tộc ở Bắc Mỹ đã hoà huyết, tạo nên các thành phần người lai.

Các dòng nhập cư giúp giảm thiểu tình trạng thiếu lao động, đem lại sự đa dạng và phong phú về văn hoá ở Bắc Mỹ. Tuy nhiên, nhập cư cũng dẫn đến tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm và gia tăng chi phí cho các dịch vụ giáo dục, y tế và điều kiện sống. Nhập cư và hệ quả đa dạng về chủng tộc cũng là nguồn cội của sự bất đồng văn hoá và nạn phân biệt chủng tộc.

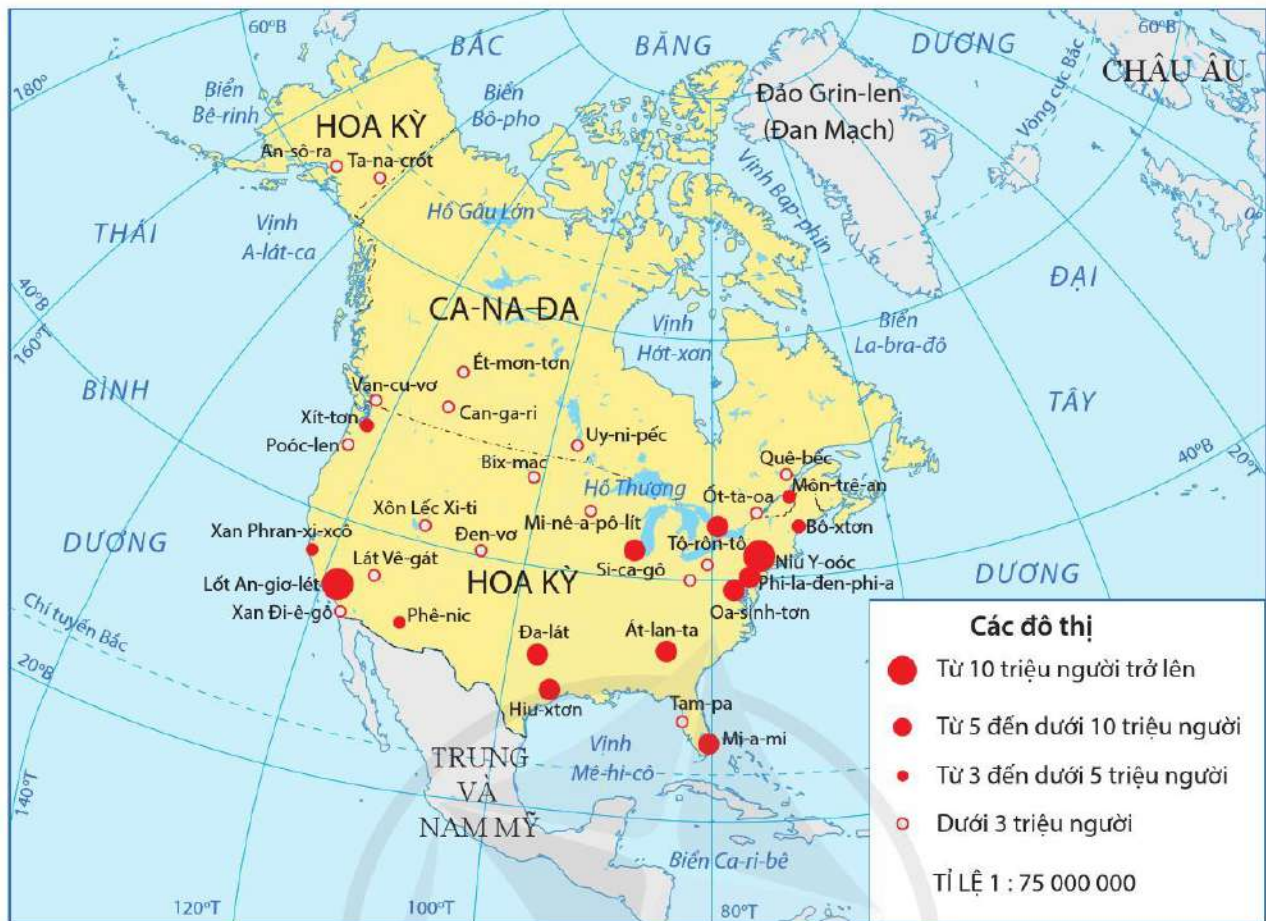


Đọc thông tin và quan sát hình 13.2, hãy:

- Nêu các dòng nhập cư vào Bắc Mỹ. Các dòng nhập cư đem lại những thuận lợi và khó khăn gì cho Bắc Mỹ?
- Cho biết vì sao Bắc Mỹ là khu vực có thành phần chủng tộc đa dạng.

Đô thị hoá

Bắc Mỹ là khu vực có mức độ đô thị hoá cao nhất trên thế giới. Năm 2019, khoảng 82 % dân số Bắc Mỹ sống ở các đô thị. Các thành phố của Bắc Mỹ phát triển rất nhanh cùng với quá trình công nghiệp hoá và sự tăng trưởng của các ngành dịch vụ.



Hình 15. Bản đồ một số đô thị ở Bắc Mỹ năm 2019

Phần lớn các thành phố nằm ở vùng Hồ Lớn và ven Đại Tây Dương, nối tiếp nhau tạo thành hai dải siêu đô thị từ Bô-xton đến Oa-sinh-tơn và từ Si-ca-gô đến Môn-trê-an. Các thành phố mới ở duyên hải Thái Bình Dương và phía nam Hoa Kỳ đang mở rộng nhanh do sự phát triển của các ngành công nghiệp kỹ thuật cao. Ở vùng nội địa của Bắc Mỹ, mạng lưới đô thị thưa thớt hơn.

Một số đô thị ở Bắc Mỹ, đặc biệt là ở Hoa Kỳ, có quá trình đô thị hoá nhanh, làm tăng chi phí cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật cho các khu vực ngoại ô, gia tăng sử dụng năng lượng và tài nguyên, gây tắc nghẽn giao thông và ô nhiễm môi trường.

? *Đọc thông tin và quan sát hình 15, hãy giải thích vì sao Bắc Mỹ có mức độ đô thị hoá cao nhất thế giới.*



1. Vì sao nói Bắc Mỹ là vùng đất của những người nhập cư?

2. Dựa vào hình 15, hãy kể tên và nhận xét sự phân bố của các đô thị từ 5 triệu người trở lên ở Bắc Mỹ.



3. Vì sao càng vào sâu trong nội địa Bắc Mỹ thì mạng lưới đô thị càng thưa thớt?



Bài 16. PHƯƠNG THỨC CON NGƯỜI KHAI THÁC TỰ NHIÊN BỀN VỮNG Ở BẮC MỸ

Học xong bài này, em sẽ:

- Phân tích được phương thức con người khai thác tự nhiên bền vững ở Bắc Mỹ.
- Xác định được trên bản đồ một số trung tâm kinh tế quan trọng ở Bắc Mỹ.



Bắc Mỹ là một trong những khu vực phát triển nhất trên thế giới nhờ có điều kiện tự nhiên thuận lợi, tài nguyên thiên nhiên giàu có và trình độ khoa học kỹ thuật tiên tiến. Bắc Mỹ đã khai thác tự nhiên bền vững như thế nào? Khu vực này có những trung tâm kinh tế quan trọng nào? Chúng được phân bố ở đâu?



Phương thức khai thác tự nhiên bền vững

Khai thác tài nguyên đất

Trong nhiều thập kỉ, Bắc Mỹ đã phát triển nền nông nghiệp với quy mô lớn, sản xuất chuyên canh và sử dụng nhiều chế phẩm hoá học gây tổn hại tài nguyên đất và ô nhiễm môi trường. Vì vậy, Bắc Mỹ đang áp dụng các phương thức khai thác tài nguyên đất bền vững trong sản xuất nông nghiệp, bao gồm: **đa canh** và **luân canh**, bảo vệ tài nguyên đất, kết hợp chăn nuôi với trồng trọt và sản xuất nông – lâm kết hợp.



Hình 16.1. Một cánh đồng đa canh ở bang Ai-ô-oa (Hoa Kỳ)

Đa canh và luân canh giúp giảm trừ được sâu bệnh, tăng độ phì của đất và giảm xói mòn đất.

Bảo vệ tài nguyên đất bao gồm trồng cây che phủ, bón phân hữu cơ, giảm cày xới đất, duy trì độ ẩm của đất bằng lớp phủ. Các phương thức này ngăn ngừa xói mòn đất, bổ sung dinh dưỡng cho đất, giảm trừ được cỏ dại và tăng khả năng giữ nước của đất.

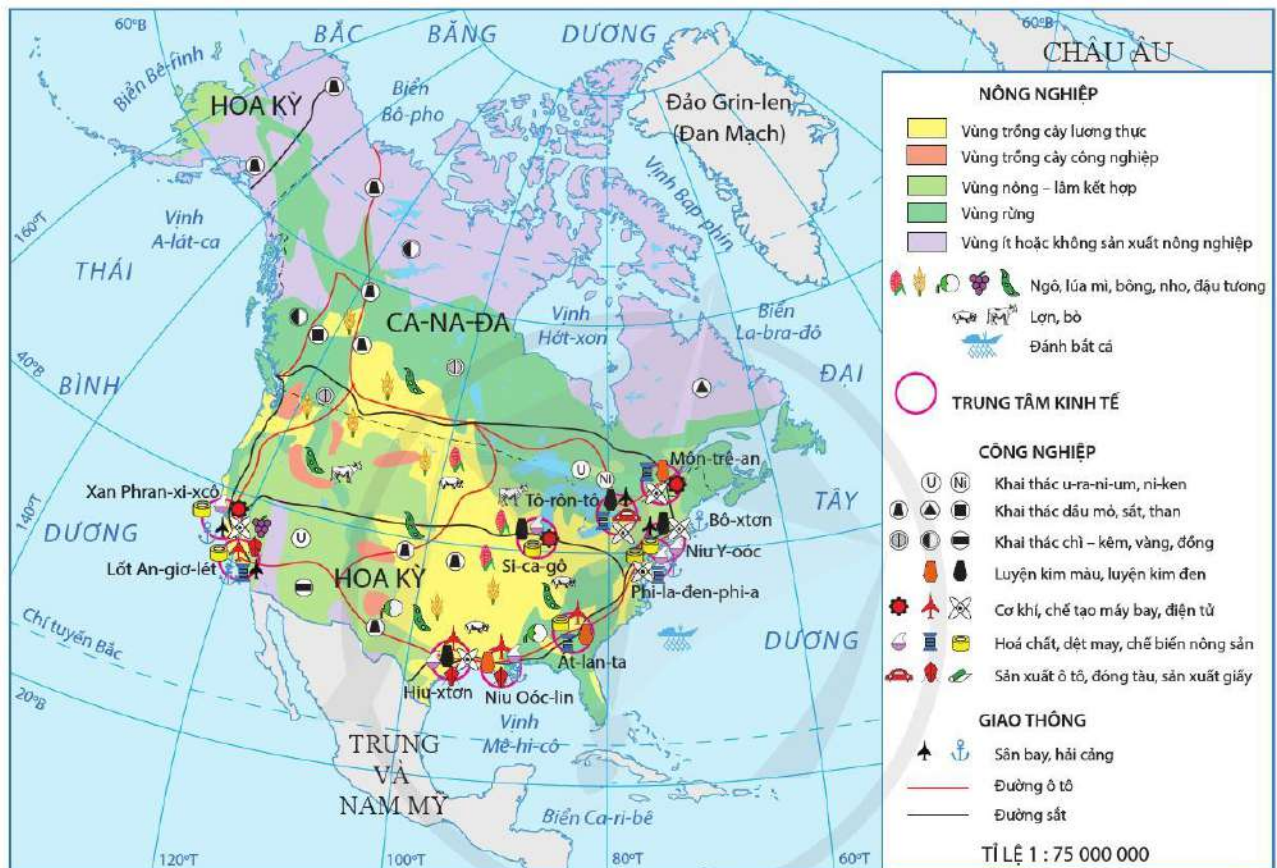
Kết hợp chăn nuôi với trồng trọt để cây trồng cung cấp thức ăn tại chỗ cho vật nuôi, vật nuôi cung cấp phân hữu cơ cho cây trồng. Sản xuất nông – lâm kết hợp để cây rừng vừa bảo vệ đất, giữ nước, tạo bóng râm và nơi trú ẩn cho vật nuôi, vừa đem lại thu nhập thêm cho nông dân.



Đọc thông tin và quan sát hình 16.1, hình 16.2, hãy phân tích phương thức khai thác bền vững tài nguyên đất trong sản xuất nông nghiệp ở Bắc Mỹ.

Khai thác tài nguyên rừng

Việc khai thác gỗ quá mức ở Bắc Mỹ trước đây đã làm suy giảm diện tích rừng, giảm đa dạng sinh học và gây xói mòn đất. Vì vậy, bên cạnh việc trồng rừng để phục hồi các khu rừng đã mất, Bắc Mỹ đang áp dụng các phương pháp khai thác rừng bền vững. Rừng được khai thác dần trong một thời gian dài để có thể tự tái sinh tự nhiên. Rừng cũng được khai thác bằng phương pháp khai thác chọn chặt cây theo yêu cầu sử dụng và phù hợp với khả năng tái sinh tự nhiên của rừng.



Hình 16.2. Bản đồ kinh tế của Bắc Mỹ

? Đọc thông tin và quan sát hình 16.2, hãy phân tích phương thức khai thác bền vững tài nguyên rừng ở Bắc Mỹ.

Khai thác tài nguyên khoáng sản

Bắc Mỹ đã phải đối mặt với vấn đề suy giảm tài nguyên khoáng sản và ô nhiễm môi trường do lịch sử khai thác và sử dụng khoáng sản. Vì thế, Bắc Mỹ đang áp dụng các biện pháp khai thác hiệu quả và bền vững tài nguyên khoáng sản.

Khoáng sản được khai thác trên cơ sở đánh giá trữ lượng tài nguyên, nhu cầu sử dụng trong nước, các tác động kinh tế - xã hội và môi trường. Công nghệ hiện đại được áp dụng để khai thác hiệu quả, giảm thiểu tối đa thất thoát tài nguyên và mức tổn hại môi trường. Bên cạnh đó, Bắc Mỹ đã chú trọng đến việc sử dụng tiết kiệm

tài nguyên khoáng sản, hạn chế xuất khẩu nguyên, nhiên liệu thô hoặc sơ chế, phát triển các nguyên vật liệu thay thế và năng lượng tái tạo (từ gió, Mặt Trời). Bắc Mỹ cũng tăng cường nhập khẩu một số loại nguyên, nhiên liệu để tiết kiệm tài nguyên khoáng sản của khu vực.

? *Đọc thông tin và quan sát hình 16.2, hãy phân tích phương thức khai thác bền vững tài nguyên khoáng sản ở Bắc Mỹ.*

Một số trung tâm kinh tế quan trọng

Một số trung tâm kinh tế quan trọng của Bắc Mỹ là: Niu Y-oóc, Si-ca-gô, Phi-la-đen-phi-a, Tô-rôn-tô, Môn-trê-an, Át-lan-ta, Niu Oóc-lin, Hi-u-xton, Lốt An-giơ-lét, Xan Phran-xi-xcô,... Các trung tâm này tập trung ở ba khu vực chính: Đông Bắc Hoa Kỳ và Đông Nam Ca-na-đa; Đông Nam và ven vịnh Mê-hi-cô của Hoa Kỳ; Tây Nam Hoa Kỳ.

Mỗi trung tâm kinh tế có một số ngành công nghiệp quan trọng. Các trung tâm kinh tế này không chỉ đóng vai trò đầu tàu, kết nối và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong khu vực mà còn kết nối các trung tâm kinh tế toàn cầu.



Hình 16.3. Thành phố Niu Y-oóc (Hoa Kỳ)



Hình 16.4. Thành phố Môn-trê-an (Ca-na-đa)

? *Đọc thông tin và quan sát hình 16.2, hãy xác định sự phân bố một số trung tâm kinh tế quan trọng của Bắc Mỹ. Nêu những ngành công nghiệp quan trọng của các trung tâm này.*



1. Hãy lựa chọn và phân tích phương thức khai thác bền vững của một trong những tài nguyên (đất, rừng hoặc khoáng sản) ở Bắc Mỹ.



2. Hãy thu thập thông tin về phương thức khai thác theo hướng bền vững tài nguyên rừng hoặc khoáng sản ở Việt Nam.



Bài 17. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN TRUNG VÀ NAM MỸ

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được sự phân hoá tự nhiên theo chiều đông – tây, theo chiều bắc – nam và theo chiều cao (trên dãy An-đét).
- Trình bày được đặc điểm của rừng nhiệt đới A-ma-dôn.



Khu vực Trung và Nam Mỹ có diện tích rộng lớn, trải dài trên nhiều vĩ độ nên tự nhiên có sự phân hoá rõ rệt. Vậy sự phân hoá của tự nhiên được thể hiện như thế nào? Rừng nhiệt đới A-ma-dôn có đặc điểm gì?



Sự phân hoá tự nhiên

Khu vực Trung và Nam Mỹ gồm Mê-hi-cô, eo đất Trung Mỹ, các quần đảo trong biển Ca-ri-bê và toàn bộ lục địa Nam Mỹ. Tự nhiên ở đây phân hoá rõ rệt theo chiều đông – tây, theo chiều bắc – nam và theo chiều cao.

Phân hoá theo chiều đông – tây

Phía đông của Mê-hi-cô, eo đất Trung Mỹ và các quần đảo có lượng mưa nhiều nên rừng rậm nhiệt đới phát triển. Phía tây mưa ít nên phát triển xa-van.

Ở lục địa Nam Mỹ, tự nhiên phân hoá từ đông sang tây theo các khu vực địa hình. Ở phía đông là các sơn nguyên, đồi núi thấp xen các thung lũng. Do ảnh hưởng của dòng biển nóng, lượng mưa nhiều nên rừng rậm phát triển ở rìa phía đông. Ở giữa là các đồng bằng như: La-nốt, A-ma-dôn, La Pla-ta và Pam-pa. Khu vực này trải rộng trên nhiều đới khí hậu nên có thiên nhiên phong phú và đa dạng. Phía tây là miền núi trẻ An-đét cao và đồ sộ nhất châu Mỹ. Thiên nhiên ở đây thay đổi rõ rệt giữa sườn đông và sườn tây.



Đọc thông tin và quan sát hình 13.1, hãy trình bày sự phân hoá của tự nhiên Trung và Nam Mỹ theo chiều đông – tây.

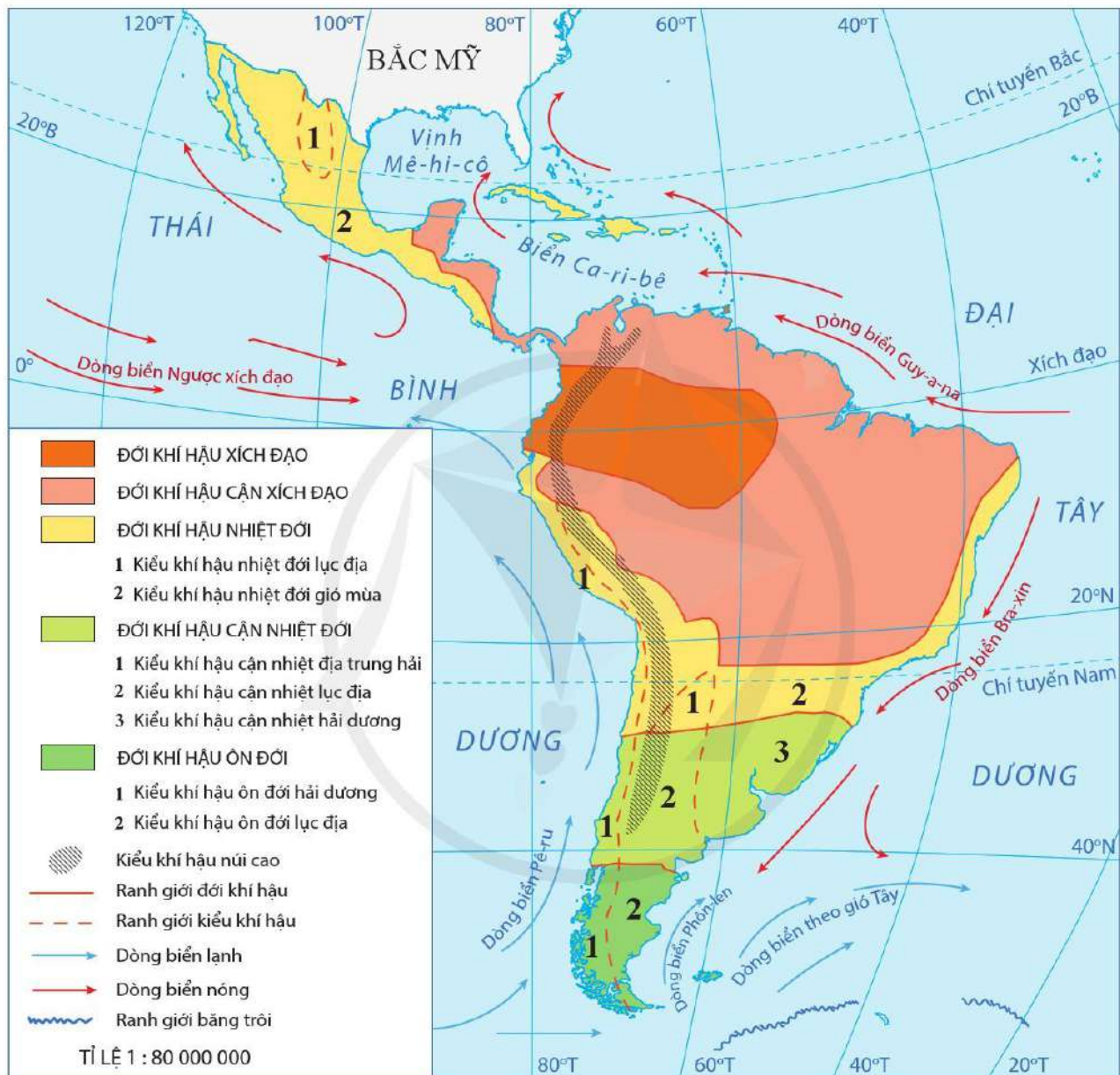
Phân hoá theo chiều bắc – nam

Thiên nhiên Trung và Nam Mỹ khá phong phú và đa dạng do lãnh thổ trải dài trên cả đới nóng và đới ôn hoà.

Phần lớn diện tích khu vực Trung và Nam Mỹ nằm trong đới nóng. Mê-hi-cô, eo đất Trung Mỹ, quần đảo Ăng-ti, sơn nguyên Guy-a-na và đồng bằng A-ma-dôn nằm chủ yếu ở đới khí hậu cận xích đạo và kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa, có nhiệt độ cao quanh năm, mưa nhiều, rừng phát triển rậm rạp. Trong đó, đồng bằng A-ma-dôn có rừng nhiệt đới bao phủ với hệ sinh thái rất phong phú.

Đồng bằng duyên hải phía tây có khí hậu nhiệt đới khô và ảnh hưởng của dòng biển lạnh nên mưa rất ít, thảm thực vật chủ yếu là xương rồng và cây bụi.

Phần còn lại của lục địa Nam Mỹ nằm trong đới ôn hoà. Đồng bằng Pam-pa có khí hậu cận nhiệt đới, lượng mưa giảm, thảo nguyên phát triển. Cao nguyên Pa-ta-gô-ni chủ yếu nằm trong đới khí hậu ôn đới, có lượng mưa ít, bán hoang mạc phát triển.

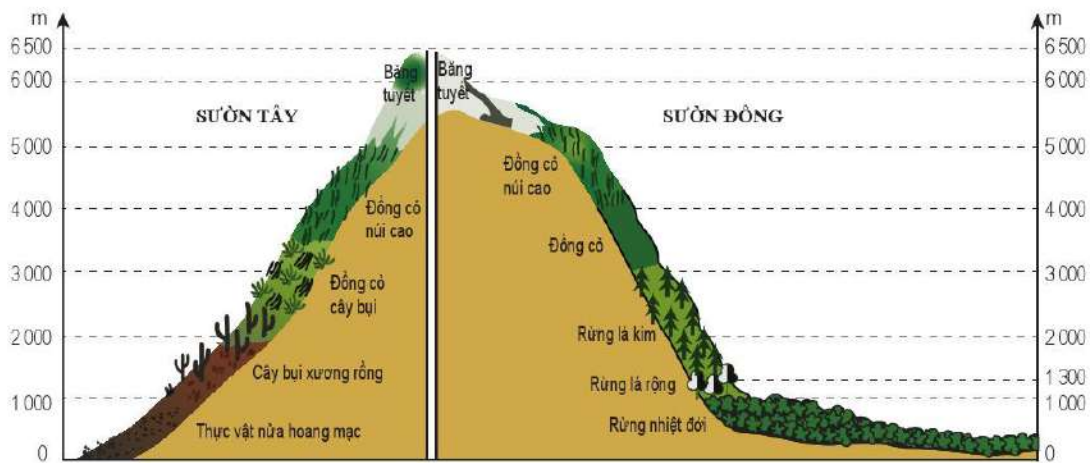


Hình 17.1. Bản đồ khí hậu Trung và Nam Mỹ

? *Đọc thông tin và quan sát hình 17.1, hãy trình bày sự phân hoá tự nhiên của Trung và Nam Mỹ theo chiều bắc – nam.*

Phân hoá theo chiều cao

Thiên nhiên của miền núi An-dét thay đổi từ thấp lên cao. Càng lên cao, nhiệt độ và độ ẩm càng thay đổi nên thiên nhiên cũng thay đổi theo.



Hình 17.2. Sự phân hoá của thảm thực vật ở sườn tây và sườn đông dãy An-đét qua lãnh thổ Pê-ru

? *Đọc thông tin và quan sát hình 17.2, hãy cho biết thảm thực vật thay đổi như thế nào từ chân núi lên đến đỉnh núi ở sườn tây và sườn đông dãy An-đét.*

Đặc điểm rừng nhiệt đới A-ma-dôn

Rừng A-ma-dôn ở lục địa Nam Mỹ là rừng nhiệt đới lớn nhất thế giới, với diện tích khoảng 5,5 triệu km² và trải rộng trên nhiều quốc gia. A-ma-dôn được gọi là “lá phổi xanh” của thế giới vì nó cung cấp tới 20 % lượng khí ô-xy và hấp thụ 10 % lượng khí cac-bo-nic cho toàn cầu.

Nơi đây có hệ sinh thái phong phú nhất thế giới với rất nhiều loài chim, thú, bò sát quý hiếm và hàng triệu loài côn trùng. Trong rừng còn có nhiều loại cây lấy gỗ lớn, nhiều cây bụi thấp và cây dây leo tạo thành nhiều tầng tán khác nhau.

Từ những năm 1960 đến nay, nhiều diện tích rừng ở đây đã bị chặt phá do những hoạt động kinh tế của con người. Bên cạnh đó, nạn cháy rừng cũng đang đe dọa nghiêm trọng đến các loài động, thực vật.

? *Đọc thông tin và quan sát hình 17.3, hãy cho biết đặc điểm của rừng nhiệt đới A-ma-dôn.*



Hình 17.3. Phạm vi rừng A-ma-dôn

☀ Rừng A-ma-dôn có khoảng 437 loài động vật có vú, 1 300 loài chim, 378 loài bò sát, 400 loài lưỡng cư, 3 000 loài cá và trên 40 000 loài cây. Hiện nay, các nhà khoa học vẫn đang tiếp tục phát hiện ra các loài chim, thú quý trong rừng A-ma-dôn.



1. Hãy lập sơ đồ khái quát về sự phân hoá tự nhiên theo chiều bắc – nam, đông – tây và theo chiều cao ở Trung và Nam Mỹ.



2. Sự suy giảm diện tích rừng A-ma-dôn có ảnh hưởng như thế nào đến môi trường toàn cầu?



Bài 18. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI TRUNG VÀ NAM MỸ

Học xong bài này, em sẽ:

Trình bày được đặc điểm nguồn gốc dân cư Trung và Nam Mỹ; vấn đề đô thị hoá, văn hoá Mỹ La-tinh.



Trung và Nam Mỹ còn được gọi là Mỹ La-tinh. Nguồn gốc dân cư của khu vực có đặc điểm gì? Vấn đề đô thị hoá và văn hoá Mỹ La-tinh thể hiện như thế nào?



Đặc điểm nguồn gốc dân cư

Người bản địa của Trung và Nam Mỹ là người Anh-điêng. Sau phát kiến của C. Cô-lôm-bô tìm ra châu Mỹ, đã có nhiều luồng di cư từ châu Âu, châu Phi, châu Á đến Trung và Nam Mỹ. Sự hoà huyết giữa các tộc người tạo ra sự đa dạng về thành phần chủng tộc.



Đọc thông tin và quan sát hình 13.2, hãy trình bày đặc điểm nguồn gốc dân cư Trung và Nam Mỹ.

Vấn đề đô thị hoá

Trung và Nam Mỹ có tỉ lệ dân đô thị cao. Năm 2019, khoảng 80 % dân số của khu vực sống ở các đô thị. Quá trình đô thị hoá tự phát khiến dân số các đô thị tăng nhanh.

Trung và Nam Mỹ có nhiều đô thị đông dân. Năm 2019, ba đô thị đông dân nhất của khu vực là: Xao Pao-lô (22 triệu người), Mê-hi-cô Xi-ti (21,7 triệu người), Bu-ê-nốt Ai-rét (15,1 triệu người).



Hình 18.1. Bản đồ một số đô thị ở Trung và Nam Mỹ năm 2019

Do đô thị hoá không gắn liền với công nghiệp hoá nên mặc dù có tỉ lệ dân thành thị cao nhưng mức sống của người dân còn thấp. Ở Trung và Nam Mỹ có khoảng 40 % dân số đô thị đang sống ở các vùng ngoại ô, trong các khu nhà ổ chuột tồi tàn với điều kiện sống khó khăn,...

? *Đọc thông tin và quan sát hình 18.1, hãy trình bày vấn đề đô thị hoá ở Trung và Nam Mỹ.*

Văn hoá Mỹ La-tinh

Trung và Nam Mỹ là nơi giao thoa của nhiều nền văn hoá. Sự hoà quyện văn hoá của người bản địa, người châu Âu, người châu Phi và người châu Á đã tạo nên nét độc đáo của nền văn hoá Mỹ La-tinh.

Hằng năm, ở Trung và Nam Mỹ thường diễn ra nhiều lễ hội. Lễ hội hoá trang Ri-ô đê Gia-nê-rô ở Bra-xin là một sự kiện văn hoá nổi tiếng, thường diễn ra trước lễ Phục sinh.

Âm nhạc và các điệu nhảy sôi động trong lễ hội hoá trang không chỉ hấp dẫn hàng triệu du khách mà còn thể hiện sự đoàn kết của người dân Mỹ La-tinh.



Hình 18.2. Lễ hội hoá trang ở Ri-ô đê Gia-nê-rô (Bra-xin)

? *Đọc thông tin và quan sát hình 18.2, hãy trình bày đặc điểm của nền văn hoá Mỹ La-tinh.*



1. Dựa vào hình 18.1, hãy kể tên các đô thị có từ 10 triệu người trở lên ở khu vực Trung và Nam Mỹ.

2. Vì sao Trung và Nam Mỹ có nền văn hoá giao thoa?



3. Hãy thu thập thông tin về một thành phố nổi tiếng ở khu vực Trung và Nam Mỹ.



Bài 19. THỰC HÀNH: TÌM HIỂU VẤN ĐỀ KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ THIÊN NHIÊN Ở RỪNG A-MA-DÔN

Học xong bài này, em sẽ:

Phân tích được vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên thông qua trường hợp rừng A-ma-dôn.

Chuẩn bị

Thu thập tư liệu về rừng A-ma-dôn từ các nguồn khác nhau như: sách, báo, internet,...

Nội dung thực hành

Thu thập tư liệu và trình bày vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở rừng A-ma-dôn.

Gợi ý:

1. Tìm hiểu khái quát chung về rừng A-ma-dôn (vị trí, diện tích, hệ sinh thái,...).
2. Tìm hiểu các hoạt động khai thác và sử dụng thiên nhiên ở rừng A-ma-dôn (khai thác khoáng sản, sản xuất nông nghiệp, xây dựng thủy điện,...).
3. Tìm hiểu vấn đề bảo vệ thiên nhiên trong rừng A-ma-dôn.

Gợi ý nội dung chính của báo cáo

- Khái quát về rừng A-ma-dôn.
- Các hoạt động khai thác, sử dụng thiên nhiên ở rừng A-ma-dôn.
- Ảnh hưởng của các hoạt động khai thác, sử dụng thiên nhiên đến rừng A-ma-dôn.
- Các biện pháp bảo vệ thiên nhiên trong rừng A-ma-dôn.



Bài 20. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, PHẠM VI VÀ ĐẶC ĐIỂM THIÊN NHIÊN CHÂU ĐẠI DƯƠNG

Học xong bài này, em sẽ:

- Xác định được các bộ phận của châu Đại Dương; vị trí địa lí, hình dạng và kích thước của lục địa Ô-xtrây-li-a.
- Trình bày được đặc điểm thiên nhiên các đảo và quần đảo của châu Đại Dương.
- Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và khoáng sản ở Ô-xtrây-li-a.
- Phân tích được đặc điểm khí hậu ở Ô-xtrây-li-a, những nét đặc sắc của tài nguyên sinh vật ở Ô-xtrây-li-a.



Châu Đại Dương có diện tích đất liền nhỏ nhất trong số các châu lục trên thế giới. Châu lục này bao gồm những bộ phận nào? Vị trí địa lí và thiên nhiên có đặc điểm nổi bật gì?



Vị trí địa lí và phạm vi châu Đại Dương

Các bộ phận của châu Đại Dương

Châu Đại Dương bao gồm lục địa Ô-xtrây-li-a và hệ thống các đảo, quần đảo trải rộng hầu khắp Thái Bình Dương.

Hệ thống các đảo và quần đảo bao gồm: nhóm đảo núi lửa Mê-la-nê-di, nhóm đảo san hô Mi-crô-nê-di, nhóm đảo núi lửa và san hô Pô-li-nê-di, quần đảo Niu Di-len.



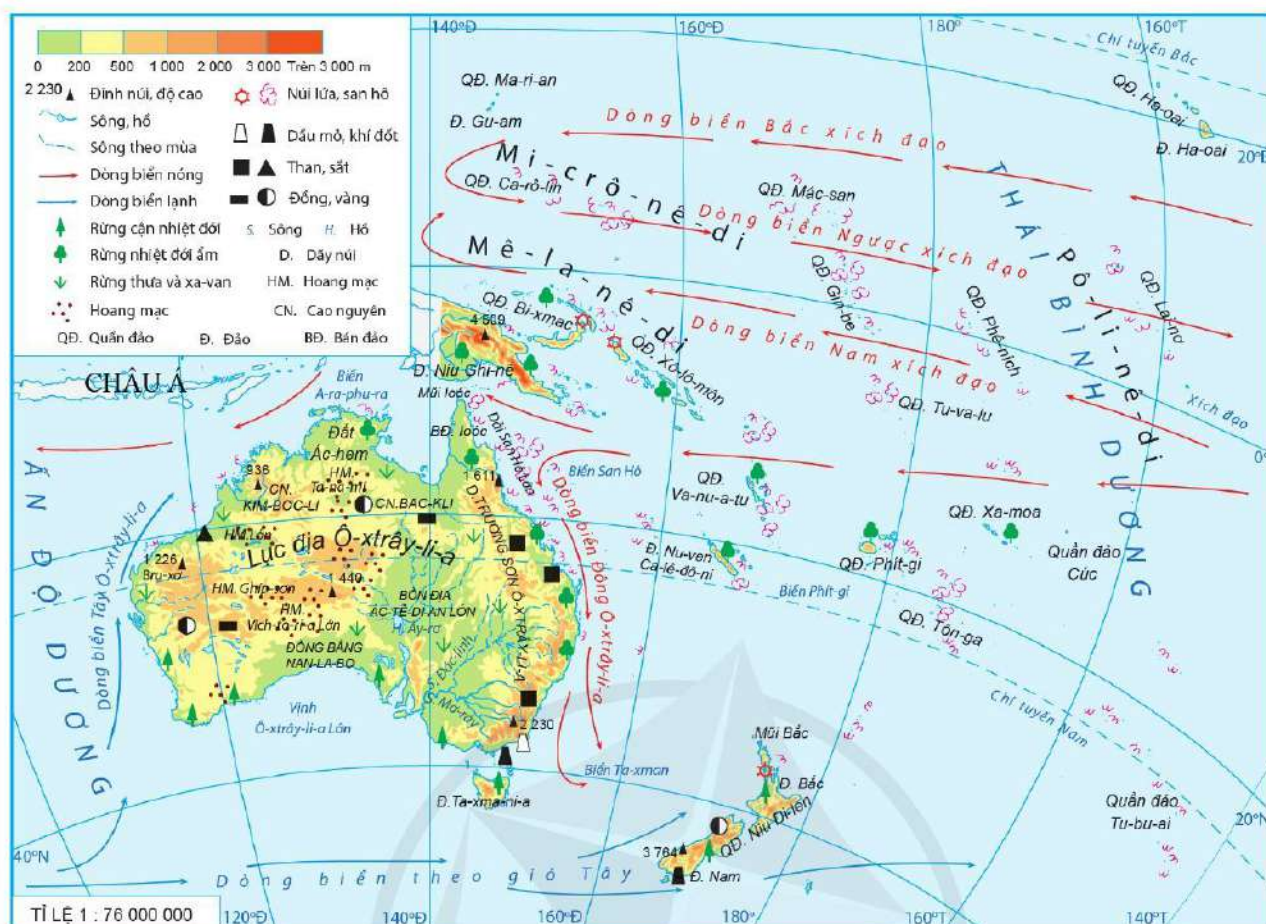
– Châu Đại Dương có diện tích khoảng 8,5 triệu km², chiếm 5,7 % diện tích đất liền nhưng bao phủ tới khoảng 20 % bề mặt Trái Đất.

– Lục địa Ô-xtrây-li-a có diện tích khoảng 7,6 triệu km², chiếm 5,1 % diện tích đất liền của Trái Đất, chiếm 89,4 % diện tích đất liền của châu Đại Dương.

? Đọc thông tin và quan sát hình 20.1, hãy xác định các bộ phận của châu Đại Dương.

Vị trí địa lí, hình dạng và kích thước lục địa Ô-xtrây-li-a

Lục địa Ô-xtrây-li-a nằm ở bán cầu Nam, có đường chí tuyến Nam chạy ngang qua lãnh thổ. Lục địa này tiếp giáp với Ấn Độ Dương và các biển của Thái Bình Dương. Lục địa Ô-xtrây-li-a có diện tích nhỏ nhất trên thế giới.



Hình 20.1. Bản đồ tự nhiên châu Đại Dương

? Đọc thông tin và quan sát hình 20.1, hãy nêu đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước của lục địa Ô-xtrây-li-a.

Đặc điểm thiên nhiên của các đảo, quần đảo và lục địa Ô-xtrây-li-a

Đặc điểm thiên nhiên các đảo và quần đảo

Quần đảo Niu Di-len và nhóm đảo núi lửa có địa hình cao hơn so với các đảo và quần đảo san hô. Các đảo và quần đảo của châu Đại Dương không giàu có về tài nguyên khoáng sản. Sự khan hiếm về tài nguyên khoáng sản khiến các quốc gia gặp khó khăn trong phát triển công nghiệp.

Ngoại trừ quần đảo Niu Di-len có khí hậu ôn đới và cận nhiệt hải dương, phần lớn các đảo và quần đảo của châu Đại Dương có khí hậu nóng, ẩm quanh năm và điều hoà. Trên các đảo và quần đảo hình thành rừng xích đạo hoặc rừng mưa nhiệt đới. Biển nhiệt đới có nguồn lợi hải sản phong phú và là tài nguyên du lịch quan trọng.

? Đọc thông tin và quan sát hình 20.1, hãy nêu đặc điểm thiên nhiên các đảo và quần đảo của châu Đại Dương.

Đặc điểm thiên nhiên lục địa Ô-xtrây-li-a

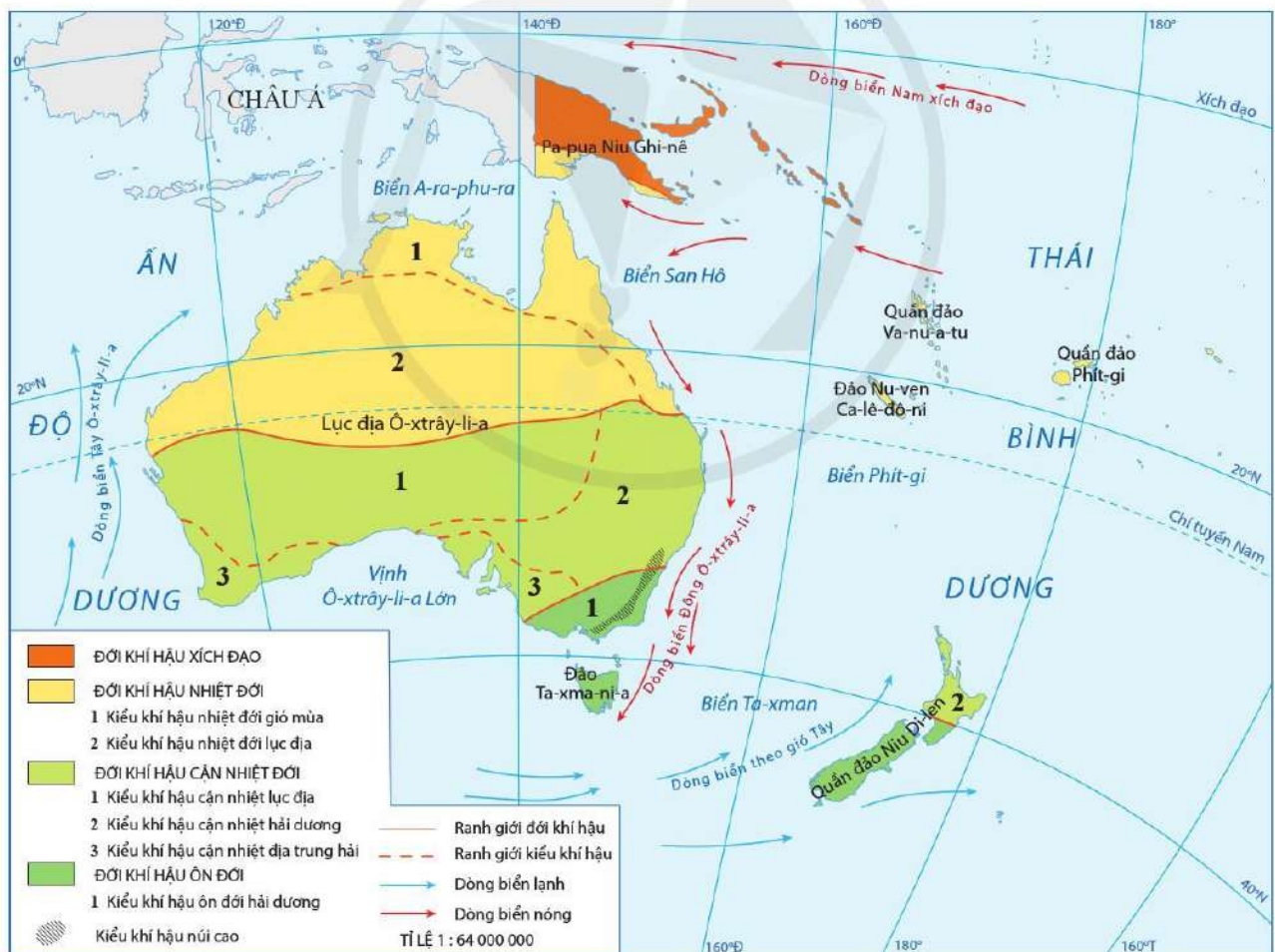
Địa hình và khoáng sản

Lục địa Ô-xtrây-li-a bao gồm ba khu vực địa hình chính: vùng núi phía đông, vùng cao nguyên phía tây và vùng đất thấp trung tâm. Vùng núi phía đông có dãy Trường Sơn Ô-xtrây-li-a với dải đất hẹp ven biển. Vùng cao nguyên phía tây với ba hoang mạc lớn là: Hoang mạc Lớn, Vích-to-ri-a Lớn và Ghép-son. Vùng đất thấp trung tâm bao gồm bồn địa Ấc-tê-di-an Lớn ở phía bắc và châu thổ sông Mơ-rây – Đắc-linh ở phía nam.

Ô-xtrây-li-a có tài nguyên khoáng sản giàu có và phong phú. Các khoáng sản chính bao gồm: than, dầu mỏ, khí đốt, bô-xít, sắt, chì, kẽm, ni-ken, đồng, thiếc, vàng, bạc, kim cương và các loại đá quý.

? *Đọc thông tin và quan sát hình 20.1, hãy xác định các khu vực địa hình và sự phân bố khoáng sản của lục địa Ô-xtrây-li-a.*

Khí hậu



Hình 20.2. Bản đồ khí hậu lục địa Ô-xtrây-li-a

Lục địa Ô-xtrây-li-a có khí hậu khô hạn. Đại bộ phận lãnh thổ ở phía tây và trung tâm lục địa có khí hậu hoang mạc, bán hoang mạc do tác động của áp cao chí tuyến, **hiệu ứng phơn** của dãy Trường Sơn Ô-xtrây-li-a và dòng biển lạnh Tây Ô-xtrây-li-a. Khí hậu nhiệt đới phân bố ở phía bắc của lục địa. Khí hậu cận nhiệt đới phân bố ở phía nam của lục địa. Khí hậu ôn đới phân bố ở phía đông nam của lục địa.

? *Đọc thông tin và quan sát hình 20.1, hình 20.2, hãy phân tích đặc điểm khí hậu của lục địa Ô-xtrây-li-a.*

Tài nguyên sinh vật

Lục địa Ô-xtrây-li-a có tài nguyên sinh vật đa dạng với nhiều loài đặc hữu quý hiếm. Mặc dù phần lớn diện tích Ô-xtrây-li-a là hoang mạc và bán hoang mạc, nhưng lại là một trong những quốc gia có sự đa dạng sinh học cao nhất thế giới.



Hình 20.3. Chuột túi (Kang-gu-ru)



Hình 20.4. Gấu túi (Cô-a-la)

Lục địa Ô-xtrây-li-a có hệ thực vật và động vật độc đáo do cách biệt với phần còn lại của thế giới. Hầu hết các loài động vật hoang dã của Ô-xtrây-li-a không được tìm thấy ở những nơi khác trên thế giới. Một số loài động vật tiêu biểu là: thú có túi (Kang-gu-ru và Cô-a-la), thú mỏ vịt và đà điểu. Một số loài thực vật đặc hữu là: bạch đàn, keo hoa vàng, trà và ngân hoa.

? *Đọc thông tin và quan sát hình 20.3, hình 20.4, hãy nêu những nét đặc sắc của tài nguyên sinh vật ở Ô-xtrây-li-a. Vì sao Ô-xtrây-li-a có tài nguyên sinh vật đa dạng với nhiều loài đặc hữu quý hiếm?*



1. Vì sao đại bộ phận diện tích lục địa Ô-xtrây-li-a có khí hậu khô hạn?



2. Hãy thu thập thông tin về một số loài động vật và thực vật tiêu biểu của lục địa Ô-xtrây-li-a.



Bài 21. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI VÀ PHƯƠNG THỨC CON NGƯỜI KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ THIÊN NHIÊN Ở Ô-XTRÂY-LI-A

Học xong bài này, em sẽ:

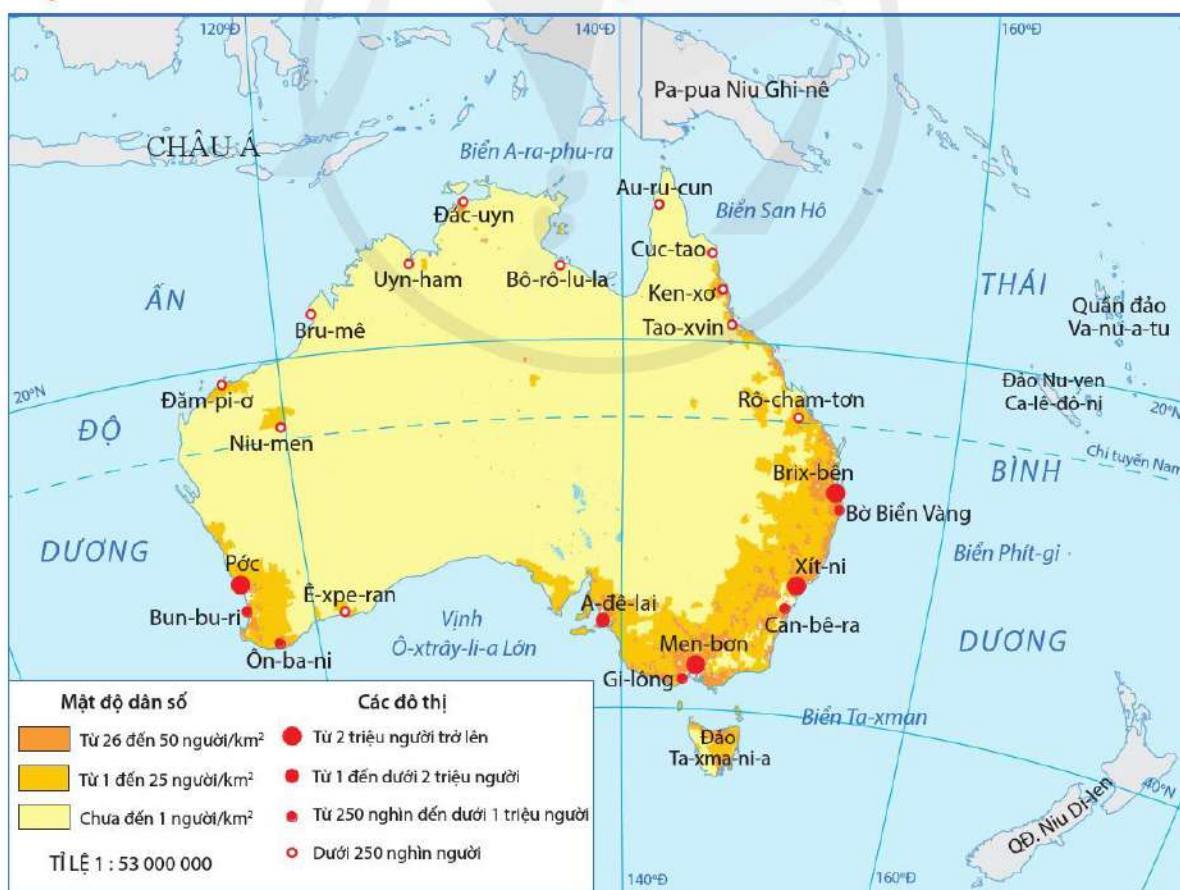
- Trình bày được đặc điểm dân cư của Ô-xtrây-li-a.
- Trình bày được một số vấn đề về lịch sử và văn hoá độc đáo của Ô-xtrây-li-a.
- Phân tích được phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Ô-xtrây-li-a.



Ô-xtrây-li-a là quốc gia đa dân tộc, đa văn hoá và có nền kinh tế phát triển. Ô-xtrây-li-a có đặc điểm dân cư, lịch sử và văn hoá nổi bật gì? Cư dân Ô-xtrây-li-a khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên như thế nào?



Đặc điểm dân cư của Ô-xtrây-li-a



Hình 21.1. Bản đồ phân bố dân cư và một số đô thị ở Ô-xtrây-li-a năm 2019

Chủ nhân đầu tiên của Ô-xtrây-li-a là người bản địa. Từ thế kỉ XVIII, Ô-xtrây-li-a đã trở thành đất nước của những người nhập cư từ châu Âu và châu Á. Năm 2019, người bản địa chỉ chiếm khoảng 3 % dân số của Ô-xtrây-li-a.

Ô-xtrây-li-a có dân số không đông, tỉ lệ gia tăng và mật độ dân số thấp. Năm 2019, Ô-xtrây-li-a có khoảng 25,2 triệu người, tỉ lệ gia tăng dân số 1,2 %, mật độ dân số 3 người/km². Dân cư phân bố chủ yếu ở dải ven biển phía đông, đông nam và tây nam. Ô-xtrây-li-a có mức độ đô thị hoá cao với tỉ lệ dân đô thị khoảng 86 %.

? *Đọc thông tin và quan sát hình 21.1, hãy trình bày đặc điểm dân cư của Ô-xtrây-li-a.*

Một số vấn đề về lịch sử và văn hoá độc đáo của Ô-xtrây-li-a

Một số vấn đề về lịch sử

Ô-xtrây-li-a được người Hà Lan phát hiện vào năm 1606. Năm 1770, thuyền trưởng Giêm-cúc đến Ô-xtrây-li-a. Sau đó, Vương quốc Anh đã đưa tù nhân và di dân đến định cư, khai phá Ô-xtrây-li-a. Năm 1788, Anh đã thiết lập chế độ thuộc địa tại Ô-xtrây-li-a. Ô-xtrây-li-a giành được độc lập vào năm 1901, nhưng đến năm 1967, người bản địa mới được công nhận là công dân. Ô-xtrây-li-a thuộc Khối Thịnh vượng chung Anh. Người đứng đầu nhà nước là Nữ hoàng Anh thông qua đại diện Toàn quyền Ô-xtrây-li-a.

? *Đọc thông tin, hãy trình bày một số vấn đề về lịch sử của Ô-xtrây-li-a.*

Văn hoá độc đáo

Ô-xtrây-li-a có di sản văn hoá độc đáo từ người bản địa. Các dòng nhập cư từ châu Âu và từ châu Á đã mang đến đây những đặc điểm văn hoá của họ. Sự chung sống và hoà huyết giữa người bản địa và người nhập cư đã tạo nên một nền văn hoá đa dạng. Đặc điểm văn hoá này mang lại những lợi thế cho sự phát triển kinh tế nhưng cũng đặt ra một số vấn đề xã hội đối với Ô-xtrây-li-a.

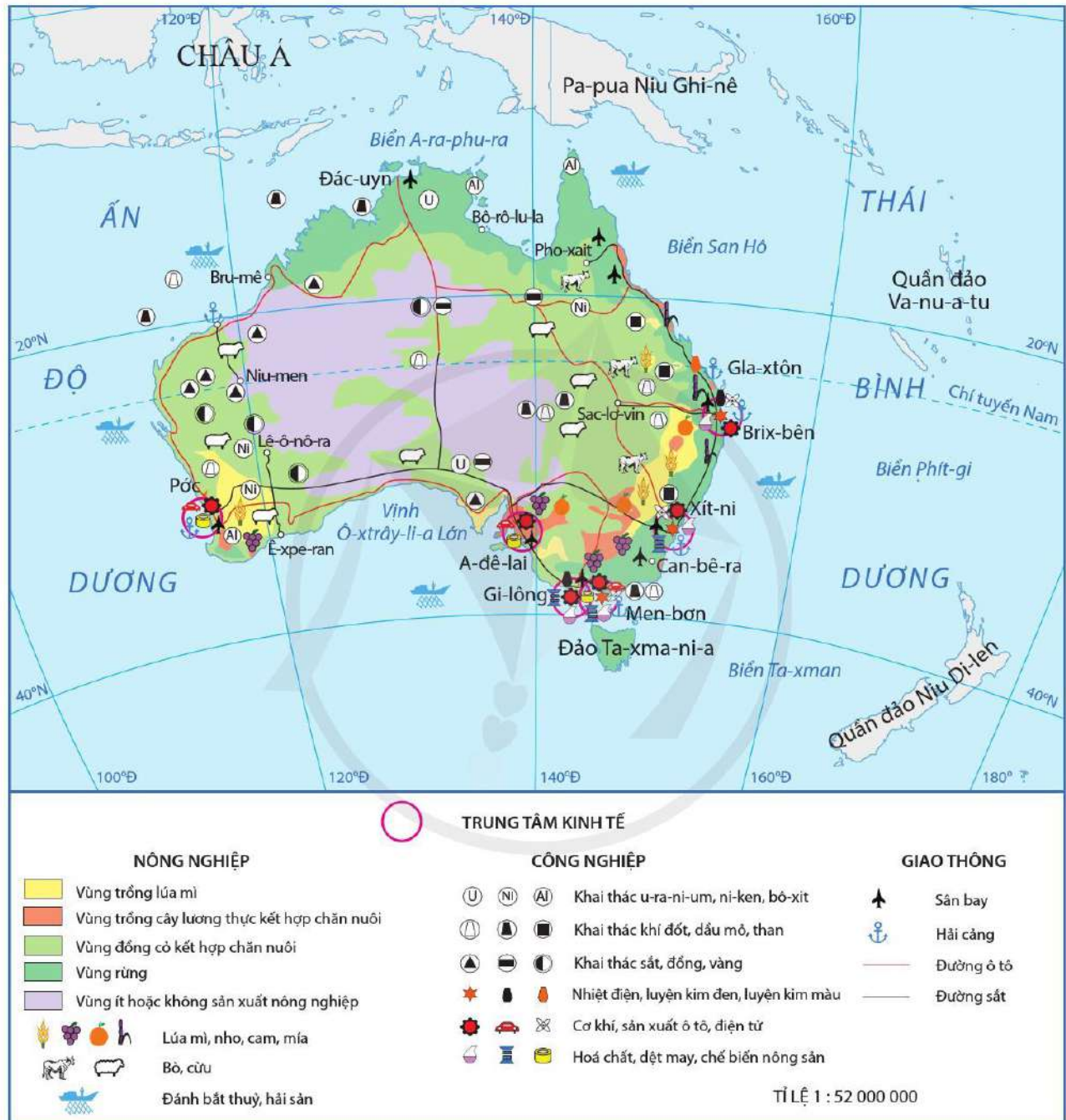
? *Đọc thông tin, hãy trình bày đặc điểm văn hoá độc đáo của Ô-xtrây-li-a.*

Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Ô-xtrây-li-a

Khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất

Ô-xtrây-li-a phát triển mạnh ngành chăn nuôi gia súc (bò, cừu) dựa trên các đồng cỏ tự nhiên ở những vùng đất bán khô hạn. Vùng duyên hải phía bắc và phía đông chủ yếu được sử dụng để phát triển rừng tự nhiên và rừng trồng. Chỉ một phần nhỏ diện tích

lãnh thổ có đất tốt, khí hậu thuận lợi được sử dụng để trồng cây lương thực (lúa mì), cây công nghiệp (mía) và cây ăn quả (nhô, cam) với sự hỗ trợ của hệ thống thủy lợi. Ô-xtrây-li-a đang áp dụng các biện pháp khắc phục hiện tượng hoang mạc hoá do chăn thả gia súc quá mức trước đây, hạn hán và cháy rừng do biến đổi khí hậu.



Hình 21.2. Bản đồ kinh tế Ô-xtrây-li-a

? Đọc thông tin và quan sát hình 21.2, hãy phân tích phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất ở Ô-xtrây-li-a.

Khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước

Ô-xtrây-li-a khai thác tài nguyên nước chủ yếu từ nguồn nước mặt và nước ngầm để sử dụng cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và sinh hoạt. Trong điều kiện khí hậu khô hạn và khan hiếm tài nguyên nước, việc khai thác, sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên nước luôn là mối quan tâm hàng đầu của quốc gia này.

Để gia tăng nguồn cung cấp nước, Ô-xtrây-li-a đã xây dựng các đập và hồ trữ nước mưa, các nhà máy xử lý nước đã qua sử dụng và khử muối từ nước biển. Ô-xtrây-li-a cũng đang áp dụng các biện pháp sử dụng tiết kiệm tài nguyên nước trong sản xuất và sinh hoạt.

? *Đọc thông tin, hãy phân tích phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước ở Ô-xtrây-li-a.*

Khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên khoáng sản

Ô-xtrây-li-a phát triển mạnh công nghiệp khai thác dựa trên nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú như: than, dầu mỏ, khí đốt, sắt, niken, vàng, đồng, bô-xít, u-ra-ni-um, đá quý,... Phần lớn than, dầu mỏ, khí đốt và đá quý được xuất khẩu. Trước nguy cơ suy giảm tài nguyên và ô nhiễm môi trường, Ô-xtrây-li-a đã giảm tốc độ khai thác khoáng sản trong những năm gần đây.



Hình 21.3. Khu vực mỏ quặng sắt ở Tây Ô-xtrây-li-a

? *Đọc thông tin và quan sát hình 21.2, hình 21.3, hãy phân tích phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên khoáng sản ở Ô-xtrây-li-a.*



1. Vì sao Ô-xtrây-li-a là quốc gia có nền văn hoá độc đáo và đa dạng?



2. Hãy thu thập thông tin về phương thức khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước hoặc tài nguyên đất ở Việt Nam.



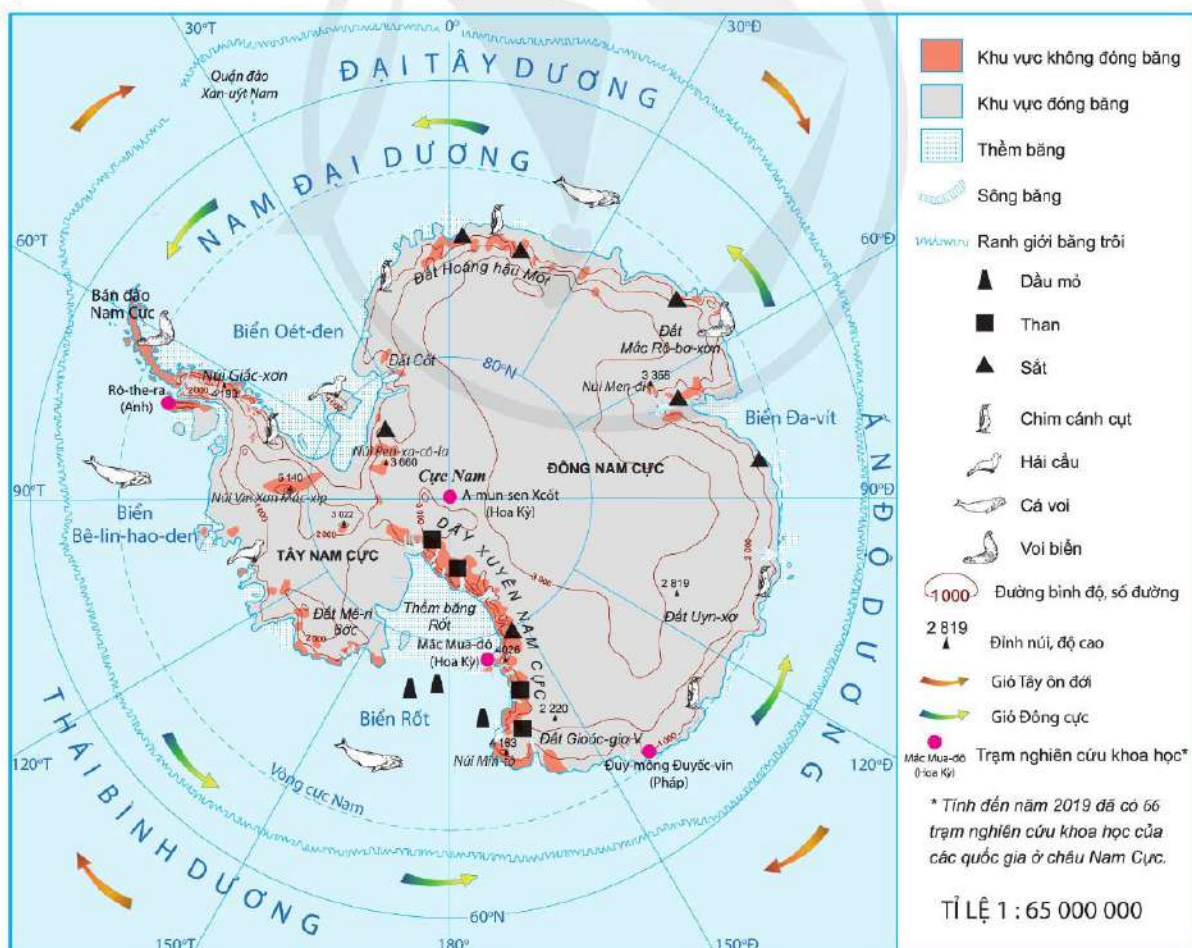
Bài 22. CHÂU NAM CỰC

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí của châu Nam Cực.
- Trình bày được lịch sử khám phá và nghiên cứu châu Nam Cực.
- Trình bày được đặc điểm thiên nhiên nổi bật của châu Nam Cực.
- Mô tả được kịch bản về sự thay đổi của thiên nhiên châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu toàn cầu.



Châu Nam Cực bị băng tuyết bao phủ quanh năm. Đây là châu lục duy nhất trên thế giới không có cư dân sinh sống thường xuyên. Châu Nam Cực có đặc điểm vị trí địa lí và thiên nhiên nổi bật gì? Châu Nam Cực được khám phá và nghiên cứu như thế nào? Thiên nhiên nơi đây sẽ thay đổi thế nào khi có biến đổi khí hậu toàn cầu?



Hình 22.1. Bản đồ tự nhiên châu Nam Cực



Vị trí địa lí châu Nam Cực

Châu Nam Cực bao gồm lục địa Nam Cực và các đảo ven lục địa. Châu lục này nằm chủ yếu trong vòng cực Nam ($66^{\circ}33'N$), được bao bọc bởi Nam Đại Dương, có diện tích khoảng 14,1 triệu km^2 , là châu lục rộng thứ tư trên thế giới.

? *Quan sát hình 22.1 và quả Địa Cầu, hãy nêu đặc điểm vị trí địa lí của châu Nam Cực.*



Râu A-mun-sen (1872 – 1928), người Na Uy, là nhà thám hiểm đầu tiên đặt chân đến cực Nam vào ngày 14-12-1911. Ông cùng đoàn thám hiểm đã dùng xe chó trượt tuyết để đi từ vùng ven biển vào nội địa.

Lịch sử khám phá và nghiên cứu châu Nam Cực

Châu Nam Cực được phát hiện và nghiên cứu muộn nhất so với các châu lục khác. Mặc dù được phát hiện vào cuối thế kỉ XIX, nhưng đến đầu thế kỉ XX, một số nhà thám hiểm mới đặt chân lên được lục địa Nam Cực.

Từ năm 1957, việc nghiên cứu châu Nam Cực được xúc tiến mạnh mẽ và toàn diện. Nhiều quốc gia như: Liên bang Nga, Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Ô-xtrây-li-a, Ác-hen-ti-na, Chi-lê, Niu Di-len, Nhật Bản,... đã xây dựng các trạm nghiên cứu khoa học tại đây.



Hình 22.2. Một trạm nghiên cứu ở châu Nam Cực



Hình 22.3. Khách du lịch tham quan ở châu Nam Cực

Năm 1959, có 12 quốc gia đã kí Hiệp ước Nam Cực nhằm bảo tồn lục địa Nam Cực cho mục đích hoà bình và nghiên cứu khoa học. Hiệp ước này nghiêm cấm các hoạt động quân sự, thăm dò và khai thác khoáng sản cũng như xả thải phóng xạ.

Châu Nam Cực hiện không có cư dân sinh sống thường xuyên, nhưng hằng năm vẫn có nhiều nhà khoa học và khách du lịch đến đây. Các nhà khoa học đến từ nhiều quốc gia và đang nghiên cứu về khí hậu, sinh vật, động đất, bức xạ mặt trời cũng như những thay đổi của lớp ô-zôn ở đây.

? *Đọc thông tin và quan sát hình 22.1, hãy trình bày lịch sử khám phá và nghiên cứu châu Nam Cực.*

Đặc điểm thiên nhiên châu Nam Cực

Châu Nam Cực có độ cao trung bình lớn nhất trên Trái Đất. Đại bộ phận lãnh thổ bị băng bao phủ, tạo thành các cao nguyên băng khổng lồ. Dãy núi Xuyên Nam Cực chia châu lục thành miền Đông Nam Cực và miền Tây Nam Cực.

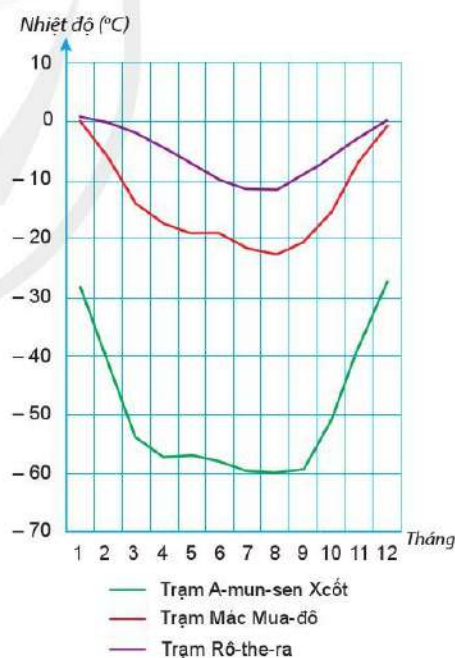


Hình 22.4. Lát cắt địa hình và lớp phủ băng ở châu Nam Cực

Châu Nam Cực giàu tài nguyên khoáng sản. Các khoáng sản chính là than và sắt. Bên cạnh đó, vùng thềm lục địa còn có tiềm năng về dầu mỏ.

Châu Nam Cực có khí hậu lạnh nhất, nhiều gió bão nhất và khô nhất trên Trái Đất. Nhiệt độ trung bình năm dao động từ khoảng -60°C ở trung tâm đến -10°C ở vùng ven biển. Nhiệt độ thấp nhất trên Trái Đất được ghi nhận ở châu Nam Cực là $-93,3^{\circ}\text{C}$ (năm 2010). Châu Nam Cực là nơi có nhiều gió bão do nằm trong vùng khí áp cao. Gió từ trung tâm lục địa toả ra theo hướng ngược chiều kim đồng hồ với vận tốc trên 60 km/giờ . Châu Nam Cực có lượng mưa trung bình năm chỉ khoảng từ 50 mm đến 150 mm , chủ yếu dưới dạng tuyết rơi.

Thực vật ở châu lục này rất nghèo nàn do khí hậu lạnh giá và khô hạn. Các loài địa y và rêu chỉ xuất hiện tại các ốc đảo vào mùa hạ. Ven lục địa, trên các đảo và vùng biển xung quanh có nhiều loài động vật chịu được lạnh như: chim cánh cụt, hải cẩu, chim biển, cá voi,...



Hình 22.5. Biểu đồ nhiệt độ của ba địa điểm ở châu Nam Cực

? *Đọc thông tin và quan sát hình 22.1, hình 22.4, hình 22.5, hãy trình bày đặc điểm thiên nhiên nổi bật của châu Nam Cực.*

Kịch bản về sự thay đổi thiên nhiên châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu toàn cầu



Truy cập trang: <https://www.antarctica.gov.au/about-antarctica/> để tìm hiểu thêm về châu Nam Cực.

Thiên nhiên châu Nam Cực rất nhạy cảm với biến đổi khí hậu toàn cầu. Nhiệt độ tăng sẽ làm băng bị tan, dẫn đến sự thay đổi địa hình, gia tăng mực nước biển, thay đổi độ mặn của nước biển và làm biến đổi chuỗi thức ăn của sinh vật.

So với thời kì tiền công nghiệp, nếu nhiệt độ tăng 2 °C, dải băng Tây Nam Cực sẽ sụp đổ, mực nước biển sẽ dâng hơn 2 m; nếu nhiệt độ tăng 6 – 9 °C, hơn 70 % lượng băng ở Nam Cực sẽ mất đi, mực nước biển sẽ dâng khoảng 40 m.



Hình 22.6. Băng tan ở châu Nam Cực

? *Đọc thông tin và quan sát hình 22.6, hãy mô tả kịch bản về sự thay đổi thiên nhiên châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu toàn cầu.*



1. Sự ấm lên của khí hậu có tác động như thế nào đối với thiên nhiên của châu Nam Cực?

2. Vì sao châu Nam Cực không có cư dân sinh sống thường xuyên?



3. Hãy thu thập thông tin về hiện tượng băng tan và băng trôi ở châu Nam Cực?

Chủ đề chung





Chủ đề 1 CÁC CUỘC ĐẠI PHÁT KIẾN ĐỊA LÍ THẾ KỈ XV – XVI

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Giải thích được nguyên nhân và những yếu tố tác động đến các cuộc đại phát kiến địa lí tiêu biểu.
- Mô tả được các cuộc đại phát kiến địa lí: C. Cô-lôm-bô tìm ra châu Mỹ (1492 – 1502), Ph. Ma-gien-lăng đi vòng quanh Trái Đất (1519 – 1522).
- Phân tích được tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí đối với tiến trình lịch sử nhân loại.



Tàu Ca-ra-ven là loại tàu có bánh lái và hệ thống buồm lớn. Trong những thế kỉ XV – XVI, các nhà thám hiểm châu Âu đã dùng loại tàu này để vượt đại dương trong các cuộc phát kiến địa lí.

Vậy các cuộc phát kiến địa lí có nguyên nhân, điều kiện, nội dung và tác động như thế nào?



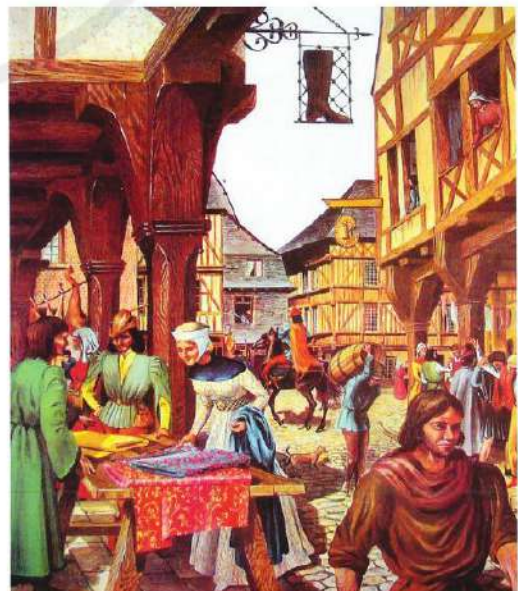
Hình 1.1. Tàu Ca-ra-ven (tranh vẽ)



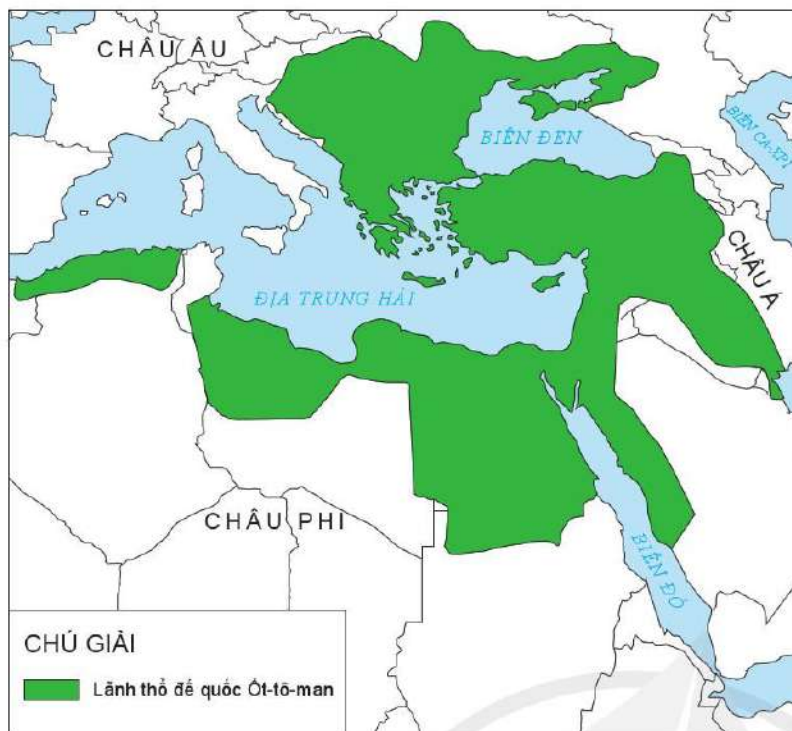
1. Nguyên nhân và điều kiện của các cuộc đại phát kiến địa lí

Do yêu cầu phát triển của sản xuất, nhu cầu hương liệu, vàng bạc, nguyên liệu và thị trường buôn bán mới,... từ cuối thế kỉ XV đến đầu thế kỉ XVI, thương nhân Tây Âu đẩy mạnh trao đổi buôn bán với các nước ở châu Á.

Từ thế kỉ XV, con đường giao lưu, buôn bán truyền thống giữa châu Âu và châu Á qua Tây Á, Địa Trung Hải bị người Thổ chiếm giữ, nên việc đi lại gặp khó khăn. Vì vậy, các nhà hàng hải Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha đã đi tìm những con đường mới sang châu Á.



Hình 1.2. Hoạt động trao đổi, buôn bán tại các thành thị thời hậu kì trung đại (tranh vẽ)



Lược đồ 1.1. Đế quốc Ô-tô-man (thế kỉ XV – XVI)

Đến thế kỉ XV, các nhà hàng hải có nhiều hiểu biết mới về đại dương, có quan niệm mới về Trái Đất (thuyết Nhật tâm), vẽ được nhiều bản đồ, hải đồ ghi rõ các vùng đất, sử dụng các thiết bị đo lường thiên văn, la bàn khi di chuyển trên biển. Kỹ thuật đóng tàu có những tiến bộ mới, đóng được tàu có bánh lái, hệ thống buồm lớn như loại tàu Ca-ra-ven.



Hình 1.3. La bàn xác định phương hướng



Hình 1.4. Thiết bị đo lường thiên văn



Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha là hai quốc gia đi tiên phong trong các cuộc phát kiến địa lí vì có điều kiện tự nhiên thuận lợi, có những nhà thám hiểm và thủy thủ dũng cảm, sẵn sàng đi tìm những vùng đất mới. Hơn nữa, chính quyền hai quốc gia này cũng sẵn sàng chi những khoản tiền lớn cho các nhà hàng hải thực hiện phát kiến địa lí.



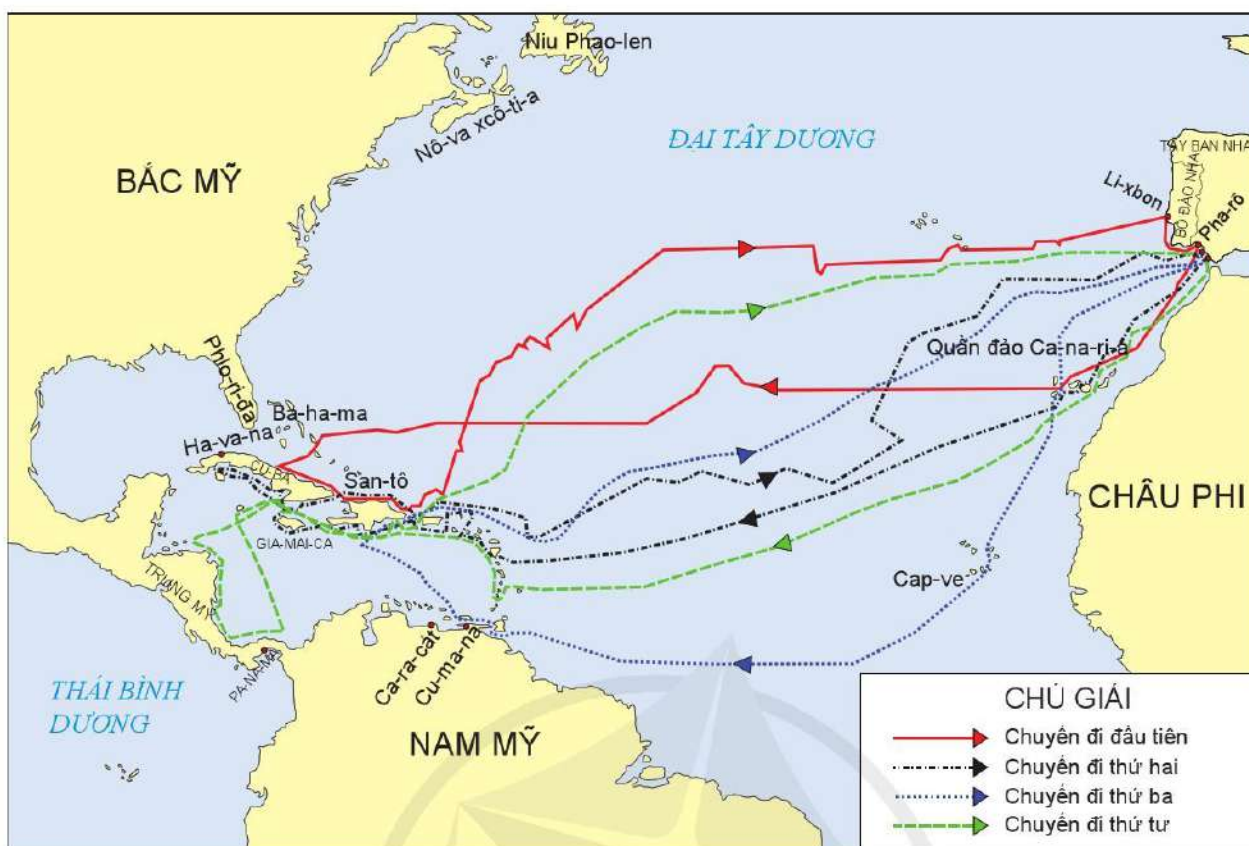
Đọc thông tin và quan sát lược đồ 1.1, các hình từ 1.1 đến 1.4, hãy:

- Giải thích nguyên nhân dẫn tới các cuộc phát kiến địa lí.
- Phân tích điều kiện tác động đến các cuộc phát kiến địa lí.

2. Một số cuộc đại phát kiến địa lí cuối thế kỉ XV – đầu thế kỉ XVI

Phát kiến địa lí của C. Cô-lôm-bô

Không vòng qua châu Phi sang châu Á như các nhà hàng hải Bồ Đào Nha, C. Cô-lôm-bô có ý định sang châu Á qua Đại Tây Dương. Được sự đồng ý của nhà vua và hoàng hậu Tây Ban Nha, năm 1492, ông bắt đầu cuộc hành trình của mình với ba con tàu. C. Cô-lôm-bô đã đến một số đảo thuộc vùng biển Ca-ri-bê. Khi trở về, ông được phong làm Phó vương Ấn Độ.



Lược đồ 1.2. Bốn hành trình sang châu Mỹ của C. Cô-lôm-bô

 C. Cô-lôm-bô (1451 – 1506), đã tiến hành bốn cuộc hành trình sang châu Mỹ. Ông chính là người phát hiện ra châu Mỹ nhưng cho đến lúc chết, ông vẫn lầm tưởng đó là Ấn Độ. Tuy nhiên, lục địa do C. Cô-lôm-bô phát hiện ra lại không mang tên ông mà mang tên nhà hàng hải, nhà thám hiểm người I-ta-li-a là A-mê-ri-gô Ve-xpu-chi và được gọi tên là A-mê-ri-ca (châu Mỹ).

Hình 1.5. Đoàn thám hiểm của C. Cô-lôm-bô đến Ca-ri-bê, thuộc châu Mỹ ngày nay (tranh vẽ)



“Năm 1492, với những thông tin hiểu biết mà tôi biết về Trái Đất để thuyết phục sự ủng hộ của nhà vua và hoàng hậu Tây Ban Nha, tôi có thể đi đến Ấn Độ... Những thông tin đó cho phép tôi đến Ấn Độ không bằng đường bộ mà là đi về phía tây, hướng mà từ trước đến nay chưa ai từng nghĩ đến”.

(Giới thiệu với báo chí, C. Cô-lôm-bô, 1492)

Việc C. Cô-lôm-bô phát hiện ra châu Mỹ là một trong những sự kiện quan trọng nhất trong lịch sử nhân loại. Nhờ đó, thương nhân châu Âu biết đến châu Mỹ và bắt đầu thúc đẩy quá trình tiếp xúc văn hoá, trao đổi kinh tế giữa hai châu lục.

? *Đọc thông tin, tư liệu và quan sát lược đồ 1.2, hình 1.5, hãy:*

- *Trình bày hành trình phát kiến địa lí của C. Cô-lôm-bô.*
- *Giải thích vì sao C. Cô-lôm-bô lại đi về phía tây khi tìm đường đến Ấn Độ.*
- *Nêu ý nghĩa phát kiến địa lí của C. Cô-lôm-bô.*

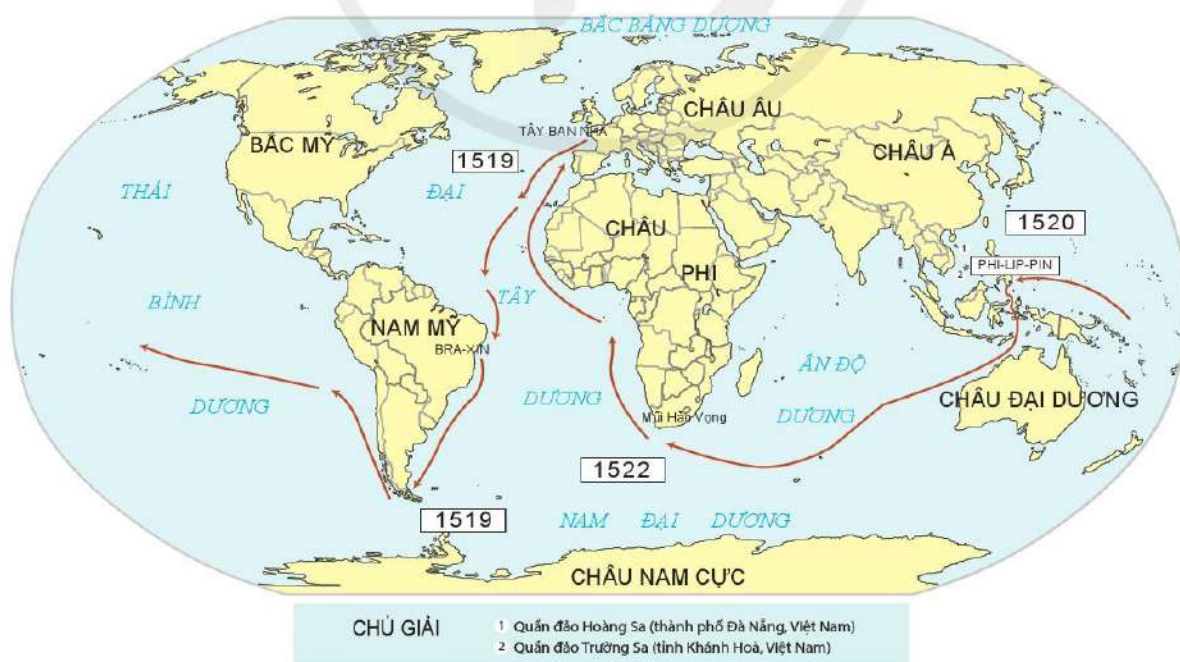
Phát kiến địa lí của Ph. Ma-gien-lăng

Cùng quan niệm như C. Cô-lôm-bô, Ph. Ma-gien-lăng tin rằng có thể sang châu Á bằng cách đi về phía tây. Ông đề xuất ý tưởng này lên nhà vua Bồ Đào Nha nhưng bị từ chối. Ph. Ma-gien-lăng chuyển sang chia sẻ kế hoạch của mình với nhà vua Tây Ban Nha và ông đã được cấp một khoản tiền lớn để tìm đường đến châu Á.



Hình 1.6. Tàu Vích-to-ri-a trong hành trình của Ph. Ma-gien-lăng (tranh vẽ)

Tháng 9-1519, Ph. Ma-gien-lăng cùng 270 thủy thủ thực hiện hành trình đi về phía tây để tìm đường sang châu Á với năm con tàu. Đoàn tàu của ông đi vòng qua điểm cực Nam châu Mỹ, tiến vào đại dương mà ông gọi là Thái Bình Dương. Đến quần đảo Phi-lip-pin, trong một trận giao tranh với thổ dân, Ph. Ma-gien-lăng đã bị giết chết. Các thủy thủ trong đoàn tiếp tục lên đường và trở về Tây Ban Nha vào tháng 6-1522.



Lược đồ 1.3. Hành trình vòng quanh Trái Đất đầu tiên bằng đường biển của Ph. Ma-gien-lăng

Như vậy, Ph. Ma-gien-lăng là người thực hiện chuyến đi đầu tiên vòng quanh Trái Đất bằng đường biển. Ông là người phát hiện ra eo biển cực Nam của châu Mỹ (sau này gọi là eo biển Ma-gien-lăng) và đặt tên biển Thái Bình Dương.

- ?** *Đọc thông tin và quan sát lược đồ 1.3, hình 1.6, hãy:*
- Trình bày hành trình phát kiến địa lí của Ph. Ma-gien-lăng.
 - Nêu ý nghĩa phát kiến địa lí của Ph. Ma-gien-lăng.

3. Tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí

Những cuộc đại phát kiến địa lí có tác động tích cực đối với tiến trình lịch sử nhân loại.

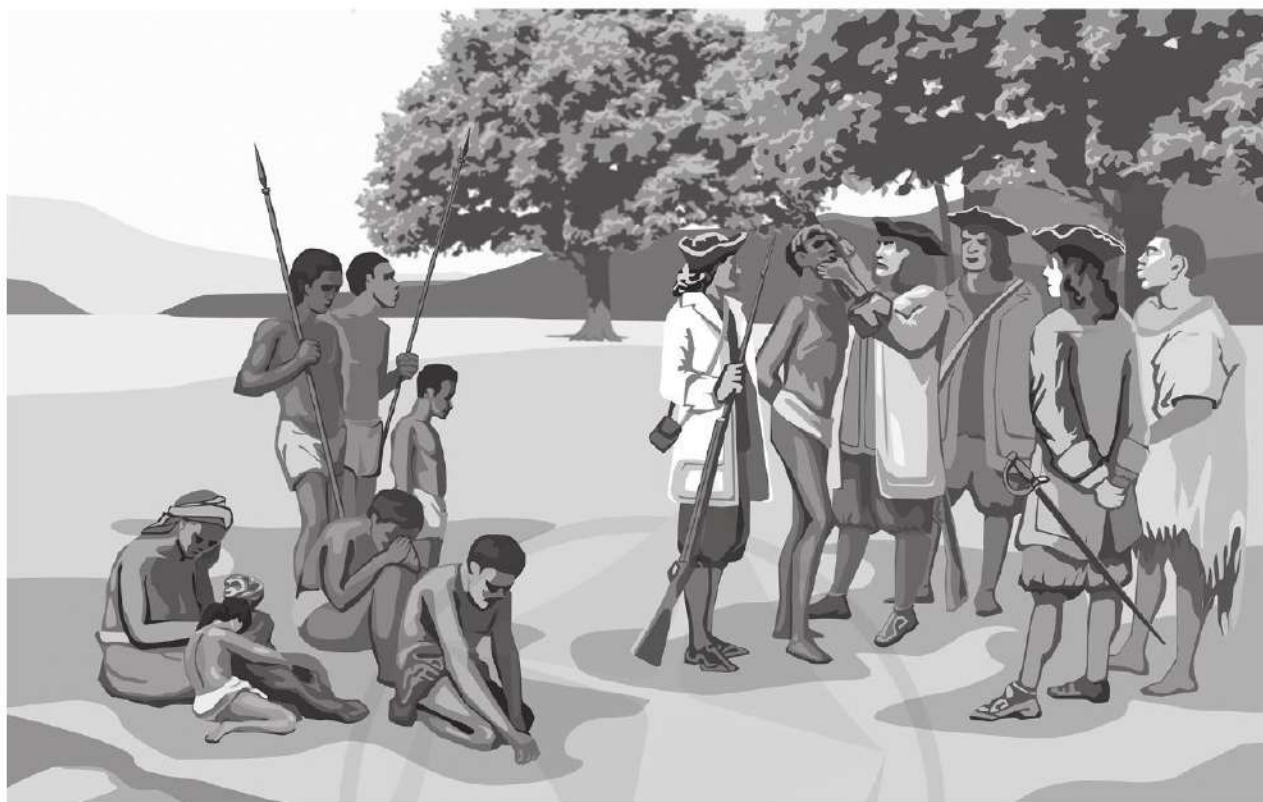


Sơ đồ 1. Tác động tích cực của các cuộc đại phát kiến địa lí



Hình 1.7. Cư dân Mê-hi-cô nộp cống phẩm cho thực dân châu Âu (tranh vẽ)

Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực, các cuộc đại phát kiến địa lí đã làm nảy sinh quá trình biến những vùng đất mới thành thuộc địa, cướp bóc và buôn bán nô lệ, gây ra nhiều đau khổ cho nhân dân các nước châu Á, châu Phi, khu vực Mỹ La-tinh.



Hình 1.8. Thực dân châu Âu buôn bán nô lệ (tranh vẽ)

? *Đọc thông tin và quan sát sơ đồ 1, các hình 1.7, 1.8, hãy phân tích những tác động của các cuộc đại phát kiến địa lí.*



1. Hãy lập bảng theo mẫu dưới đây để tóm tắt những nội dung cơ bản về hai cuộc đại phát kiến địa lí của C. Cô-lôm-bô và Ph. Ma-gien-lăng.

Nhà hàng hải	Thời gian	Kết quả	Ý nghĩa
C. Cô-lôm-bô	?	?	?
Ph. Ma-gien-lăng	?	?	?

2. Theo em, tác động nào của các cuộc đại phát kiến địa lí là quan trọng nhất? Vì sao?



3. So với thế kỉ XV – XVI, ngày nay con người có thể đi vòng quanh Trái Đất bằng những con đường và phương tiện nào? Vì sao?

4. Suru tìm tư liệu, hình ảnh về C. Cô-lôm-bô, Ph. Ma-gien-lăng để giới thiệu với thầy cô và bạn cùng lớp.



Chủ đề 2 ĐÔ THỊ: LỊCH SỬ VÀ HIỆN TẠI

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Phân tích được các điều kiện địa lý và lịch sử góp phần hình thành và phát triển một đô thị cổ đại và trung đại (qua một số trường hợp cụ thể).
- Trình bày được mối quan hệ giữa đô thị với các nền văn minh cổ đại, vai trò của giới thương nhân với sự phát triển đô thị châu Âu trung đại.



Hình 2.1. Di tích đồi A-cô-pô-li tại A-ten (Hy Lạp)



A-ten (Hy Lạp) là đô thị có lịch sử lâu đời nhất ở châu Âu, đồng thời là một trong những đô thị tiêu biểu thời cổ đại. Đây là nơi ra đời của văn minh phương Tây với nhiều di tích lịch sử còn tồn tại đến ngày nay. Đô thị này được coi là “vùng đất của thần linh”, nơi nữ thần A-tê-na đã đánh bại thần Pô-xây-đông để giành quyền bảo hộ A-ten.

Vậy các đô thị cổ đại được hình thành và phát triển dựa trên những điều kiện nào? Đô thị và các nền văn minh cổ đại có mối quan hệ gì? Giới thương nhân có vai trò như thế nào đối với sự phát triển của các đô thị châu Âu thời trung đại?



1. Điều kiện hình thành và phát triển đô thị cổ đại và trung đại

Đô thị cổ đại A-ten

Thời cổ đại, từ thế kỉ VIII TCN đến thế kỉ VI TCN, hàng chục đô thị của người Hy Lạp ra đời, thường được gọi là *quốc gia* – *thành thị* hoặc *thành bang*, trong đó tiêu biểu nhất là A-ten.



Lược đồ 2. Hy Lạp cổ đại với các đô thị tiêu biểu

A-ten hình thành trên vùng đồng bằng nhỏ và hẹp thuộc bán đảo Át-ti-ca, ven biển Ê-giê, được bao quanh bởi đồi núi. Đất đai và khí hậu nhìn chung không thuận lợi cho sản xuất lương thực, nhưng phù hợp với các loại cây như nho, ô-liu,... Khu vực này có nhiều tài nguyên (đá quý, quặng sắt, đất sét,...), nhiều vũng vịnh sâu và kín gió, thuận lợi cho phát triển thủ công nghiệp và thương nghiệp, đặc biệt là thương mại hàng hải. Vào thế kỉ VIII TCN, trên cơ sở quần cư của thợ thủ công giỏi, thương nhân và những thủy thủ ham thích phiêu lưu, đô thị A-ten ra đời.

Đô thị A-ten gồm hai phần chính: khu dân cư và khu đồi thiêng. Trên đồi thiêng A-cô-pô-li, nhiều ngôi đền hùng vĩ được xây dựng, trong đó quan trọng nhất là đền Pác-tê-nông thờ nữ thần A-tê-na. Tại khu dân cư, quảng trường là trung tâm sinh hoạt kinh tế, văn hoá, chính trị, xã hội của cư dân A-ten.



Hình 2.2. Sơ đồ cấu trúc thành bang A-ten cổ đại

Thế kỉ V TCN, A-ten bước vào thời kì đỉnh cao về kinh tế, là trung tâm thương mại của Hy Lạp. Chính quyền A-ten được coi là đỉnh cao của nền dân chủ cổ đại.

? *Đọc thông tin và quan sát lược đồ 2, hình 2.2, hãy phân tích điều kiện hình thành và biểu hiện phát triển của đô thị A-ten.*

Đô thị trung đại Vơ-ni-dơ

Thời kì trung đại, các đô thị ở châu Âu hình thành sớm nhất tại I-ta-li-a, trong đó tiêu biểu nhất là Vơ-ni-dơ. Đô thị này phát triển liên tục và trở thành trung tâm kinh tế, văn hoá của châu Âu trong nhiều thế kỉ.



Hình 2.3. Đô thị Vơ-ni-dơ (tranh vẽ năm 1572)

Cuối thế kỉ VI, Vơ-ni-dơ được xây dựng lại trên cơ sở một đô thị đông dân của đế quốc La Mã trước đó. Với nhiều hải cảng thương mại lớn, đây là nơi hội tụ của phần lớn các tuyến đường hàng hải quan trọng từ Địa Trung Hải đến phương Đông. Vào thế kỉ XI, đô thị này độc lập với Giáo hội Rô-ma, tạo điều kiện cho sự phát triển mạnh mẽ của Vơ-ni-dơ ở giai đoạn sau.

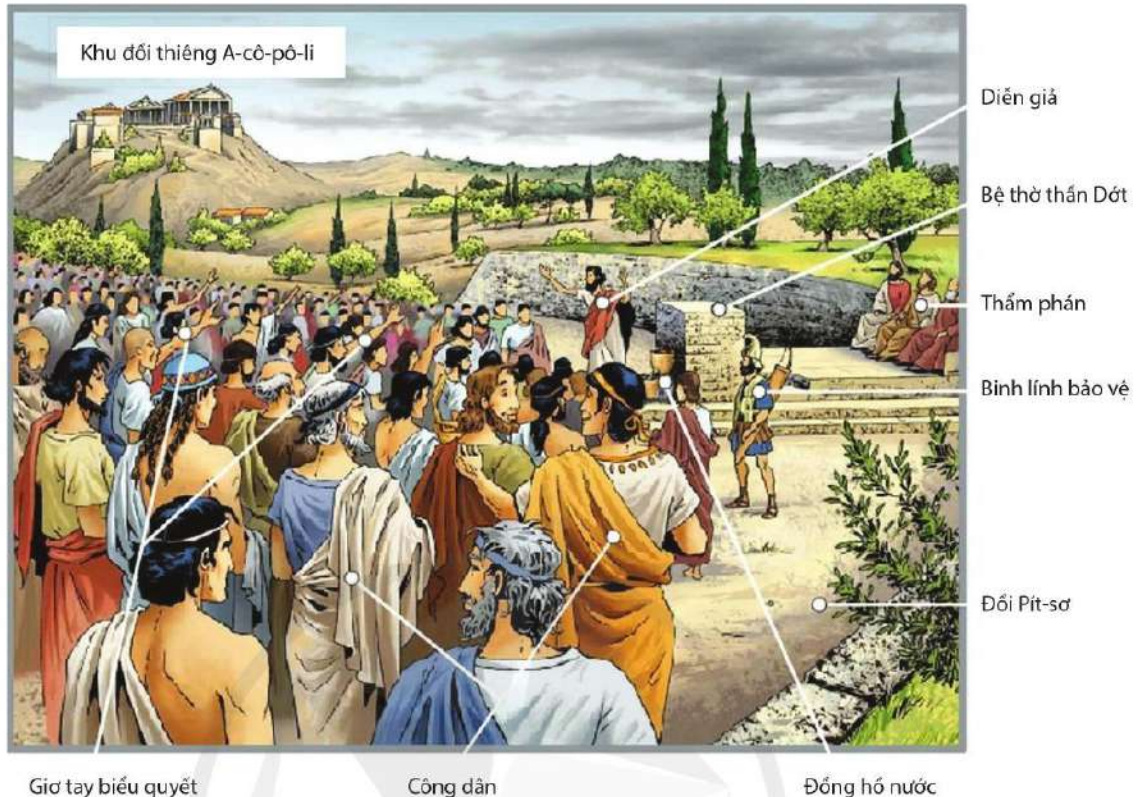
Tại Vơ-ni-dơ, những toà nhà nhiều màu sắc được xây dựng dọc theo các con kênh lớn. Ở quảng trường trung tâm và khu vực xung quanh, các công trình như toà nhà hành chính, dinh thự, ngân hàng, bệnh viện, khu chợ,... được xây dựng. Tuy nhiên, điều kiện vệ sinh kém đã khiến dịch bệnh nhiều lần bùng phát, tiêu biểu là đại dịch “Cái chết đen” vào thế kỉ XIV.

Trong các thế kỉ XV – XVI, với khoảng 100 000 dân, Vơ-ni-dơ trở thành thủ đô của đế chế thương mại. Đồng tiền của Vơ-ni-dơ được sử dụng trong hệ thống thương mại phía đông Địa Trung Hải. Trong thời kì Phục hưng, Vơ-ni-dơ là trung tâm in ấn, hội hoạ và âm nhạc của cả châu Âu. Lễ hội hoá trang của Vơ-ni-dơ, được tổ chức từ năm 1094, là sự kiện thu hút hàng nghìn người tham gia mỗi năm.

? *Đọc thông tin và quan sát hình 2.3, hãy phân tích điều kiện hình thành và biểu hiện phát triển của đô thị Vơ-ni-dơ.*

2. Mối quan hệ giữa đô thị và các nền văn minh cổ đại

Đô thị và các nền văn minh cổ đại có mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau.



Hình 2.4. Mô phỏng sinh hoạt chính trị dân chủ tại thành bang A-ten cổ đại

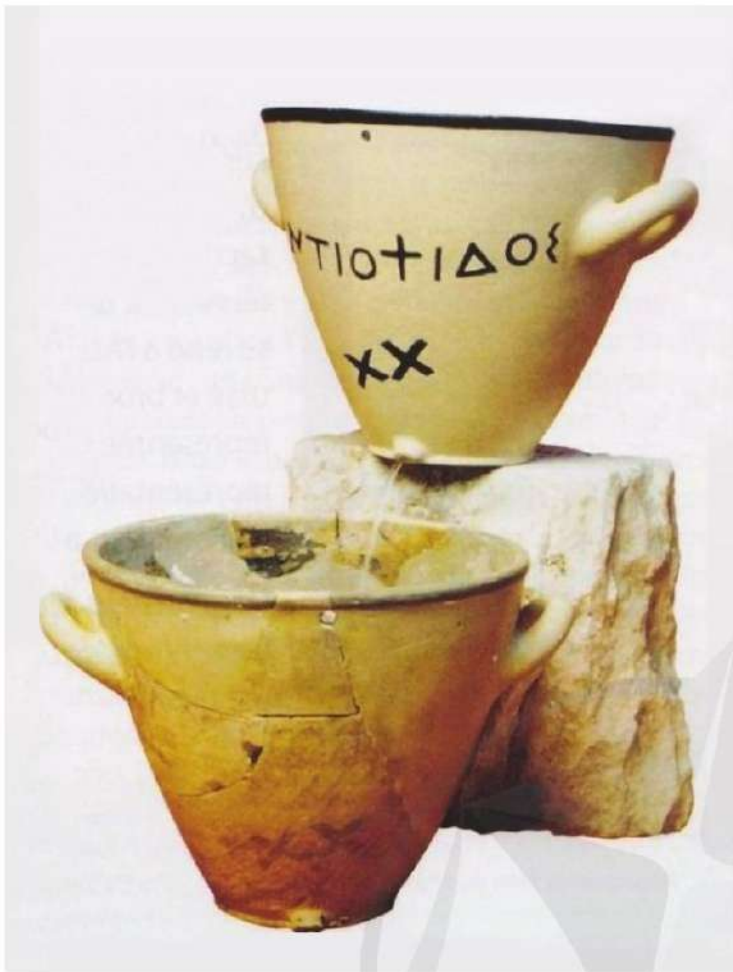
Sự ra đời của đô thị đóng vai trò quan trọng đối với sự xuất hiện của các nền văn minh cổ đại. Đô thị là trung tâm kinh tế, nơi tập trung của thương nhân và thợ thủ công, là nơi gặp gỡ của các tuyến đường thương mại, từ đó thúc đẩy quá trình tập trung dân cư. Trên cơ sở đó, góp phần đưa đến sự ra đời của nhà nước, chữ viết, luật pháp,...

Đô thị là các trung tâm quyền lực chính trị tự trị, nơi ra đời của các hình thức tổ chức chính quyền cổ đại, đặc biệt là chế độ dân chủ của A-ten.

Tại các đô thị, một bộ phận dân cư tách khỏi hoạt động sản xuất, có điều kiện tham gia vào các hoạt động văn chương và nghệ thuật, góp phần làm thay đổi nhanh chóng đời sống văn hoá và trạng thái văn minh. Đồng thời, đô thị là nơi lưu giữ và truyền bá các thành tựu của văn minh cổ đại.

“... chỉ khi đã văn minh, người ta mới biết xây cất thành thị,... Vì thành thị là nơi tụ hội của cái và hạng người tài trí ở các vùng quê xung quanh,...; chính tại các thành thị mà bọn thương nhân gặp nhau trao đổi hàng hoá, ý nghĩ với nhau,... Sau cùng, trong các thành thị, có một số người khỏi phải lo sản xuất thực ăn, đồ vật mà chuyên tâm sản xuất khoa học, triết lý, văn chương, nghệ thuật. Văn minh này mầm mống căn chồi của nông dân nhưng chỉ phát triển và khai hoa trong các thành thị”.

(Nguồn gốc văn minh, W. Đu-ran)



Hình 2.5. Đồng hồ nước ở A-ten (thế kỉ V TCN)

 Đồng hồ nước dùng để tính thời gian biểu quyết trong các phiên họp quan trọng của hội đồng cư dân đô thị A-ten. Hết thời gian, công dân bỏ một thẻ tròn bằng đồng vào bình bên dưới để thể hiện quyết định của mình.

Sự phát triển của các nền văn minh cũng có tác động trở lại đối với các đô thị. Quá trình giao lưu, cạnh tranh giữa các nền văn minh là cơ sở thúc đẩy chuyển biến tại các đô thị. A-ten bước vào giai đoạn phát triển hoàng kim trong thời kì Pê-ri-cô-lét (thế kỉ V TCN) sau cuộc chiến tranh với Ba Tư. Các cuộc viễn chinh của A-lếch-xăng Đại đế (thế kỉ IV TCN) đã giúp truyền bá và mở rộng ảnh hưởng của văn minh Hy Lạp tới các khu vực Tây Á, Bắc Phi.

Tuy nhiên, chiến tranh và xung đột cũng gây tàn phá, dẫn đến sự suy yếu của các đô thị và sự suy tàn của các nền văn minh cổ đại. Cuộc chiến tranh Pê-lô-pô-ne (431 – 404 TCN) đã tàn phá bán đảo Hy Lạp, kéo theo sự sụp đổ của A-ten. Vào thế kỉ V, sự sụp đổ của chính quyền La Mã dẫn đến sự suy tàn của các đô thị trong đế quốc này.

 *Đọc thông tin, tư liệu và quan sát các hình 2.4, 2.5, hãy trình bày mối quan hệ giữa đô thị và các nền văn minh thời cổ đại.*

3. Vai trò của giới thương nhân với sự phát triển đô thị châu Âu trung đại

Thời trung đại, châu Âu chứng kiến quá trình hình thành và phát triển mạnh mẽ của các đô thị, đặc biệt là ở Tây Âu. Dân số của những đô thị lớn, như Pa-ri (Pháp), Luân Đôn (Anh), Mi-lan và Vơ-ni-dơ (I-ta-li-a),... khoảng 70 000 đến 250 000 người, trong đó thương nhân có vai trò đặc biệt quan trọng.

Thương nhân và thợ thủ công là những người nắm giữ hoạt động kinh tế, tài chính của các đô thị. Thương nhân lập ra các thương hội, tổ chức các hội chợ để trao đổi và buôn bán hàng hoá giữa các vùng.



Hình 2.6. Thương nhân buôn bán tại đô thị Xê-na ở I-ta-li-a (tranh vẽ, khoảng thế kỉ XIII)

Hoạt động buôn bán của thương nhân đưa đến không khí tự do cho các đô thị, góp phần phá vỡ tính chất khép kín của các lãnh địa, tạo ra sự kết nối giữa các vùng, thúc đẩy kinh tế hàng hoá phát triển, đặt cơ sở cho việc thống nhất thị trường trong nước.

Từ thế kỉ XII, thương nhân và thợ thủ công khởi xướng cuộc đấu tranh chống lãnh chúa phong kiến, đòi quyền tự trị. Trong các thế kỉ XIII – XV, các thương nhân giàu có nắm mọi chức vụ quan trọng về hành chính, tư pháp, tài chính, quân sự trong các đô thị. Họ ủng hộ nhà vua chống lại các lãnh chúa địa phương, xây dựng bộ máy nhà nước tập trung ở trung ương.

Nhu cầu tìm hiểu tri thức và giải trí của thị dân, đặc biệt là của thương nhân, đã thúc đẩy sự phát triển văn hoá, khoa học, kĩ thuật tại các đô thị trung đại. Thương nhân còn là người lãnh đạo hoặc bảo trợ cho những phong trào đấu tranh chống chế độ phong kiến ở Tây Âu thời hậu kì trung đại như Văn hoá Phục hưng, Cải cách tôn giáo,...

? *Đọc thông tin và quan sát hình 2.6, hãy nêu vai trò của thương nhân đối với sự phát triển của đô thị châu Âu trung đại.*



1. Lập bảng thông tin về điều kiện hình thành, phát triển của đô thị cổ – trung đại và mối quan hệ giữa đô thị và các nền văn minh cổ đại.



2. Trình bày ý kiến của em về nhận định sau của Các Mác: “Thành thị là bông hoa rực rỡ nhất của thời trung đại”.

3. Hãy sưu tầm tư liệu và trình bày về một đô thị tiêu biểu thời cổ đại hoặc trung đại.

BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Phần Lịch sử

	Thuật ngữ
C	Chợ phiên: chợ họp định kì vào một số ngày nhất định trong tháng (theo âm lịch).
	Chữ Nôm: chữ viết của người Việt, được sáng tạo trên cơ sở chữ Hán.
	Con đường Tơ lụa: con đường giao thương kết nối Trung Quốc với vùng Trung Á và châu Âu thời cổ – trung đại.
	Con đường Tơ lụa trên biển: con đường giao thương trên biển kết nối Trung Quốc, Đông Nam Á, Ấn Độ với châu Âu thời cổ – trung đại.
Đ	Đại Cồ Việt: quốc hiệu (tên nước) Việt Nam dưới triều Đinh, Tiền Lê và đầu triều Lý.
	Đại Việt: quốc hiệu Việt Nam từ năm 1054; tồn tại qua các triều đại Lý, Trần, Hậu Lê, Tây Sơn và những năm đầu triều Nguyễn.
	Điền trang: khu vực trang trại sản xuất nông nghiệp có quy mô lớn, thuộc quyền sở hữu hoặc sử dụng của cá nhân thời cổ – trung đại.
	Đinh nam: nam giới từ 18 tuổi trở lên, phải nộp thuế và làm các nghĩa vụ khác theo quy định của nhà nước thời phong kiến.
	Đồn điền sứ: chức quan phụ trách việc khai hoang thời phong kiến.
G	Giai cấp tư sản: có nguồn gốc từ các chủ xưởng, chủ nhà máy, thương nhân giàu có,... Tư sản là giai cấp bóc lột sức lao động của công nhân làm thuê.
	Giai cấp vô sản: có nguồn gốc từ nông dân, thợ thủ công, nông nô, nô lệ,... Vô sản là giai cấp làm thuê cho giai cấp tư sản.
	Giáo hội Thiên Chúa giáo: còn gọi là Giáo hội Công giáo, là tổ chức quản lí của Thiên Chúa giáo.
	Giáo lí: hệ thống lí luận, học thuyết, quan niệm, quy định,... của một tôn giáo.
H	Hà đê sứ: chức quan phụ trách việc đê điều thời phong kiến.
	Hào kiệt: người có tài năng và chí khí nổi bật.
	Hào trưởng: người có thế lực lớn nhất ở một địa phương thời phong kiến.
	Hậu kì trung đại: giai đoạn cuối, sau thời trung kì trung đại, của xã hội phong kiến châu Âu, kéo dài từ thế kỉ XIV đến thế kỉ XVI.
	Hoàng thái tử: người được lựa chọn sẽ kế thừa ngôi vua.
K	Khảo soạn: khảo cứu tài liệu, biên soạn sách, bài viết,...
	Khuyến nông sứ: chức quan phụ trách việc chăm sóc và khuyến khích phát triển nông nghiệp thời phong kiến.
L	Lãnh chúa: người sở hữu và đứng đầu lãnh địa ở Tây Âu thời trung đại.
	Lãnh địa phong kiến: vùng đất của lãnh chúa phong kiến ở Tây Âu thời trung đại.

N	Ngụ binh ư nông (chính sách): cho binh lính về quê làm ruộng ở làng xã trong thời bình. Khi có chiến tranh sẽ huy động tất cả tham gia chiến đấu.
	Nho sĩ: tầng lớp trí thức Nho giáo trong xã hội phong kiến.
	Những người khổng lồ: chỉ các nhà văn hoá thời Phục hưng có những tư tưởng lớn, bộ óc vĩ đại.
	Nông nô: bộ phận nông dân trong lãnh địa ở Tây Âu thời trung đại, phụ thuộc lãnh chúa về ruộng đất và thân phận.
P	Phong kiến phân quyền: chế độ phong kiến trong đó quyền lực của nhà vua và triều đình trung ương bị hạn chế, mức độ tập trung quyền lực thấp.
	Phong kiến tập quyền: chế độ phong kiến trong đó quyền lực tối cao tập trung vào nhà vua và triều đình trung ương.
Q	Quân điền: chế độ phân chia ruộng đất công cho các hạng dân theo định kì thời phong kiến.
S	Sát thát: hai chữ Hán mà binh sĩ thời Trần thích vào cánh tay mình để thể hiện quyết tâm giết giặc Mông Cổ.
	Sứ quân: những người có thế lực nổi dậy cát cứ một địa phương trong thời kì loạn lạc cuối thời Ngô (cục diện 12 sứ quân).
T	Tá điền: bộ phận nông dân không có ruộng đất, phải thuê ruộng đất canh tác, nộp tô cho địa chủ.
	Tam khôi: ba danh hiệu cao nhất trong kì thi Đình thời phong kiến (Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa).
	Tăng đạo: bộ phận tăng lữ của Phật giáo và đạo sĩ của Đạo giáo.
	Tăng lữ: tầng lớp lãnh đạo, điều hành trong một tôn giáo cụ thể, thường có nhiệm vụ chủ trì nghi lễ, giảng dạy giáo lí và thực hành tôn giáo.
	Thái thượng hoàng: nhà vua sau khi đã nhường ngôi cho con nhưng vẫn quyết định mọi việc.
	Thiền phái Trúc Lâm: một dòng thiền của Phật giáo Việt Nam do vua Trần Nhân Tông sáng lập.
	Tù trưởng: người đứng đầu bộ lạc, liên minh bộ lạc hoặc một cộng đồng cư dân của người dân tộc thiểu số.
	Thuyết Nhật tâm: lí thuyết cho rằng Mặt Trời nằm ở trung tâm của vũ trụ.
	Thư pháp: loại hình nghệ thuật tạo hình, thể hiện chữ viết.
	Vương hầu: bộ phận cao cấp nhất trong tầng lớp quý tộc thời phong kiến, được ban tước hiệu, có nhiều quyền lợi về chính trị, kinh tế.

BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Phần Địa lí

	Thuật ngữ
C	Cơ cấu dân số theo giới tính là biểu hiện giữa giới nam so với giới nữ hoặc so với tổng số dân. Đơn vị tính là phần trăm (%).
	Cơ cấu dân số già: Một quốc gia hay châu lục được coi là có cơ cấu dân số già khi tỉ trọng nhóm 0 – 14 tuổi chiếm khoảng 30 – 35 % và nhóm từ 65 tuổi trở lên chiếm trên 7 % tổng số dân.
	Cơ cấu dân số trẻ: Một quốc gia hay châu lục được coi là có cơ cấu dân số trẻ khi tỉ trọng nhóm 0 – 14 tuổi chiếm trên 35 % và nhóm từ 65 tuổi trở lên chiếm dưới 7 % tổng số dân.
D	Di cư là di chuyển dân cư trong nước (từ nông thôn ra thành thị và ngược lại, hoặc từ vùng này sang vùng khác) và từ nước này sang nước khác.
Đ	Đa canh là gieo trồng nhiều loại cây trồng cùng lúc trên một cánh đồng.
	Đô thị hoá là quá trình mở rộng và phát triển mạng lưới đô thị, tập trung dân cư ngày càng đông vào các đô thị, lối sống đô thị ngày càng phổ biến rộng rãi.
	Đới khí hậu cận xích đạo: có nhiệt độ cao và độ ẩm lớn song đã có dấu hiệu của sự phân hoá theo mùa.
	Đới khí hậu xích đạo: phân bố ở hai bên đường xích đạo, nhiệt độ trung bình năm khoảng 26 °C, biên độ nhiệt độ giữa các mùa không đáng kể, lượng mưa rải đều trong năm, trung bình từ 1 500 mm đến 2 500 mm.
	Đới khí hậu nhiệt đới: phân bố ở các vùng vĩ độ thấp, nhiệt độ cao và ổn định. Biên độ nhiệt độ trong năm dao động từ 5 °C đến 10 °C. Lượng mưa trong năm phân bố không đều.
	Đới khí hậu cận nhiệt đới: nằm ở khoảng giữa các vĩ độ 30°B – 40°B, có sự phân biệt khá rõ giữa các mùa trong năm. Mùa đông tương đối ẩm, mùa hạ nóng, nhiệt độ trung bình tháng lạnh nhất thường trên 0 °C.
	Đới khí hậu ôn đới: phân bố ở các vùng vĩ độ trung bình, mùa hạ ẩm (từ 10 °C đến 25 °C) và mùa đông lạnh, nhiều tuyết. Lượng mưa trung bình từ 500 mm đến 800 mm.
	Đới khí hậu cực: có nhiệt độ cực thấp, rất khô, đặc biệt vào thời kì mùa đông không được Mặt Trời chiếu sáng.
	Đới khí hậu cận cực: có nhiệt độ rất thấp, ít mưa.
H	Hiệu ứng phơn là hiện tượng gió sau khi vượt qua núi cao trở nên khô và nóng hơn.

K	Khu bảo tồn thiên nhiên là khu đất đai rộng lớn dành cho việc lưu giữ các giống, loài thực vật và động vật quý hiếm, ở đó chúng tự do sinh sống và phát triển.
	Kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa: có đặc điểm là nóng, mưa nhiều, lượng mưa tập trung vào các tháng mùa hạ.
	Kiểu khí hậu nhiệt đới lục địa: có lượng mưa trung bình thấp, mùa đông khô và lạnh, mùa hạ có mưa và nóng.
	Kiểu khí hậu cận nhiệt địa trung hải: có nhiệt độ trung bình và lượng mưa thấp, mùa mưa tập trung vào mùa đông.
	Kiểu khí hậu cận nhiệt lục địa: ở các vùng giữa lục địa, xa biển, có mùa hạ nóng và khô, mùa đông lạnh, lượng mưa nhỏ, biên độ nhiệt độ trong năm khoảng 26 °C.
	Kiểu khí hậu cận nhiệt hải dương: ở bờ phía tây các lục địa, có mùa hạ khô và nóng, mùa đông ẩm và có mưa. Biên độ nhiệt độ trong năm khoảng 8 °C.
	Kiểu khí hậu cận nhiệt gió mùa: có mùa hạ nóng và ẩm, mùa đông mát và khô, biên độ nhiệt độ trong năm từ 15 °C đến 20 °C.
	Kiểu khí hậu ôn đới hải dương: có mưa quanh năm, mùa đông tương đối ẩm, mùa hạ mát. Nhiệt độ trung bình năm thấp.
	Kiểu khí hậu ôn đới lục địa: có biên độ nhiệt độ trong năm lớn (có thể tới 40 °C), mùa đông lạnh, mùa hạ nóng, lượng mưa nhỏ.
	Kiểu khí hậu ôn đới gió mùa: có mùa đông lạnh, ít tuyết, mùa hạ ẩm, ẩm, nhiều mưa. Biên độ nhiệt độ trong năm vào khoảng 30 °C.
	Kiểu khí hậu núi cao: đặc trưng bởi sự thay đổi nhiệt độ và lượng mưa theo độ cao. Nhiệt độ giảm theo độ cao. Lượng mưa phụ thuộc vào hướng sườn và chỉ tăng đến một độ cao nhất định sau đó giảm, xuất hiện băng tuyết.
L	Luân canh là gieo trồng luân phiên các loại cây trồng khác nhau trên một cánh đồng.
T	Tỉ lệ nhập học các cấp (Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông) là tương quan giữa số học sinh nhập học các cấp so với tổng số trẻ em trong độ tuổi đi học tương ứng, đơn vị tính là phần trăm (%).
	Tổng sản phẩm trong nước (GDP) là tổng sản phẩm hàng hoá và dịch vụ cuối cùng được sản xuất bên trong một quốc gia, không phân biệt người trong nước hay người nước ngoài tạo ra ở một thời điểm nhất định (thường là một năm).

BẢNG TRA CỨU ĐỊA DANH/ TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI

Phần Lịch Sử

Địa danh/ tên riêng (phiên âm)	Địa danh/ tên riêng (tên tiếng Anh)	Trang
A-cô-pô-li	Acropolis	161, 162
A-cơ-ba	Akbar	27, 29, 30
A-gian-ta	Ajanta	33
A-mê-ri-ca	America	157
A-mê-ri-gô Vê-xpu-chi	Amerigo Vespucci	157
A-ten	Athens	161, 162, 163, 164, 165
A-tê-na	Athens	161, 162
A-răn-đen	Arundel	5
Át-ti-ca	Attica	162
Ăng-co Thom	Angkor Thom	38
Ăng-co Vát	Angkor Wat	37, 38
B. Đì-a-xơ	Bartolomeu Dias	9, 10
Bô-lô-nha	Bologna	8
Bru-ge	Bruges	7
Bru-nô	Bruno	13
C. Cô-lôm-bô	Christopher Columbus	9, 10, 16, 155, 156, 157, 158, 160
Ca-li-cút	Calicut	9, 10
Ca-ra-ven	Caravel	155, 156
Cô-péc-ních	Copernicus	13
Đê-li	Delhi	27, 28, 29, 30, 31
Ê-giê	Aegea	162
Ga-li-lê	Galileo Galilei	13
Giay-a-vác-man II	Jayavarman II	37
Giăng Can-vanh	Jean Calvin	14, 15
Giê-ru-sa-lem	Jerusalem	8
Gúp-ta	Gupta	27, 28, 29, 30, 31, 33
In-đờ-ra-pu-ra	Indrapura	83
<i>Khún Bu-lôm</i>	<i>Khun Borom</i>	40
Lê-ô-na đờ Vành-xi	Leonardo da Vinci	12, 13
Li-xbon	Lisbon	9, 157
Mác-tin Lu-thơ	Martin Luther	14, 15
Mê-đi-xi	Medici	12
Mi-ken-lăng-giơ	Michelangelo	12
Mi-lan	Milan	165

Mô-gôn	Mogul	27, 28, 29, 30, 31
<i>Nàng Mô-na Li-sa</i>	<i>Mona Lisa (La Joconde)</i>	12, 13
O-xphốt	Oxford	8
Ôt-tô-man	Ottoman	156
Pa-ri	Paris	12, 165
Ph. Ma-gien-lăng	Ferdinand Magellan	9, 10, 155, 158, 159, 160
<i>Phạ-lắc Phạ-lam</i>	<i>Phra Lak Phra Ram</i>	40
Phờ-lo-ren	Florence	11, 12
Phra Keo	Phra Keo	40
Pô-xây-đông	Poseidon	161
Riêm Kê	Reamker	36, 38
<i>Rô-mê-ô và Giu-li-ét</i>	<i>Romeo and Juliet</i>	12
Sa Gia-han	Shah Jahan	32
Sam-bô	Chambord	12
Săm-pa-nhơ	Sampagnes	11
Sếch-xpia	Shakespeare	12
Su-khô-thay	Sukhothai	34, 35, 36
Suê-đa-gon	Shwedagon	36
<i>Sự sáng tạo A-đam</i>	<i>Creazione di Adamo</i>	12
Ta-giơ Ma-han	Taj Mahal	32, 33
Thạt Luồng	That Luang	40
Tô-mát Mo-rơ	Thomas More	16
Va-ti-căng	Vatican	12
Vát Xiềng Thong	Wat Xieng Thong	40
Vít-ten-bớt	Wittenberg	14
Vơ-ni-dơ	Venice	163, 165
Vương quốc Phơ-răng	Kingdom of France	5
Vương quốc Đông Gôt	Ostrogothic Kingdom	5
Vương quốc Tây Gôt	Visigothic Kingdom	5
Vương quốc Ăng-lô-Xắc-xông	Anglo-Saxon Kingdoms	5
Xanh Pi-tơ	Saint Peter	12
Xéc-van-téc	Cervantes	12
Xê-t-tha-thi-lạt	Setthathirath	40
Xoóc-bon	Sorbonne	8
Xri Lan-ca	Sri Lanka	27

BẢNG TRA CỨU ĐỊA DANH/ TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI

Phần Địa lí

Địa danh/ tên riêng (phiên âm)	Địa danh/ tên riêng (tên tiếng Anh)	Trang
A-mu Đa-ri-a	Amur Darya	110
A-pa-lát	Appalachia	128
Ban-khát	Balkhash	103
Bốt-xoa-na	Botswana	122
Bô-xton	Boston	132
Bu-ê-nốt Ai-rét	Buenos Aires	139
Ca-la-ha-ri	Calaharia	121
Coóc-đi-e	Cordillera	128, 129
Đa-nuýp	Danube	87, 90, 91
Ê-ti-ô-pi-a	Ethiopia	117
Ghi-nê	Guinea	120
Ghíp-sơn	Gibson	144
Gran Bát-xam	Grand Bassam	119
Kê-ni-a	Kenya	112, 119
La-bra-đô	Labrador	128
La Pla-ta	La Plata	136
Lúc-xăm-bua	Luxembourg	98
Ma-đa-ga-xca	Madagascar	112
Mê-la-nê-di	Melanesia	142
Mi-crô-nê-di	Micronesia	142
Mít-xu-ri	Missouri	129, 130
Mi-xi-xi-pi	Mississippi	129, 130
Mông-blăng	Mont Blanc	88
Môn-trê-an	Montréal	132, 135
Mem-phít	Memphis	119
Mơ-rây – Đác-linh	Murray – Darling	144
Na-míp	Namib	121
Ni-giê-ri-a	Nigeria	117, 118, 120
Pa-ta-gô-ni	Patagonia	137
Phlo-ri-đa	Florida	130
Rai-nơ	Rhein	87, 90, 91, 95
Ri-ô đê Gia-nê-rô	Rio de Janeiro	140
Ru-an-đa	Rwanda	118
Si-ca-gô	Chicago	132, 135
Tan-da-ni-a	Tanzania	119, 121
Xao Pao-lô	São Paulo	139
Xưa Đa-ri-a	Syr Darya	110
Ai-ô-oa	Iowa	133

MỤC LỤC

Hướng dẫn sử dụng sách	2	Bài 11. Vương quốc Cam-pu-chia	37
Lời nói đầu	3	Bài 12. Vương quốc Lào	39
Phần Lịch sử		Chương 5. Việt Nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XV	41
Chương 1. Tây Âu từ thế kỉ V đến nửa đầu thế kỉ XVI	5	Bài 13. Công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước thời Ngô, Đinh, Tiền Lê (939 – 1009)	41
Bài 1. Quá trình hình thành và phát triển chế độ phong kiến ở Tây Âu	5	Bài 14. Công cuộc xây dựng đất nước thời Lý (1009 – 1225)	47
Bài 2. Các cuộc phát kiến địa lí từ thế kỉ XV đến thế kỉ XVI	9	Bài 15. Cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược của nhà Lý (1075 – 1077)	53
Bài 3. Phong trào Văn hoá Phục hưng	11	Bài 16. Công cuộc xây dựng đất nước thời Trần (1226 – 1400)	57
Bài 4. Phong trào Cải cách tôn giáo	14	Bài 17. Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên của nhà Trần (thế kỉ XIII)	63
Bài 5. Sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu thời trung đại	16	Bài 18. Nhà Hồ và cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược (1400 – 1407)	69
Chương 2. Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX	18	Chương 6. Việt Nam từ đầu thế kỉ XV đến đầu thế kỉ XVI	73
Bài 6. Khái quát tiến trình lịch sử Trung Quốc	18	Bài 19. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427)	73
Bài 7. Văn hoá Trung Quốc	24	Bài 20. Việt Nam thời Lê sơ (1428 – 1527)	77
Chương 3. Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX	27	Chương 7. Vùng đất phía nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI	83
Bài 8. Khái quát lịch sử Ấn Độ thời phong kiến	27	Bài 21. Vùng đất phía nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI	83
Bài 9. Văn hoá Ấn Độ thời phong kiến	32		
Chương 4. Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI	34		
Bài 10. Khái quát lịch sử Đông Nam Á	34		

Phần Địa lí			
Chương 1. Châu Âu	87	Bài 14. Đặc điểm tự nhiên Bắc Mỹ	128
Bài 1. Vị trí địa lí, phạm vi và đặc điểm tự nhiên châu Âu	87	Bài 15. Đặc điểm dân cư, xã hội Bắc Mỹ	131
Bài 2. Đặc điểm dân cư, xã hội châu Âu	92	Bài 16. Phương thức con người khai thác tự nhiên bền vững ở Bắc Mỹ	133
Bài 3. Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên	95	Bài 17. Đặc điểm tự nhiên Trung và Nam Mỹ	136
Bài 4. Khái quát về Liên minh châu Âu	98	Bài 18. Đặc điểm dân cư, xã hội Trung và Nam Mỹ	139
Chương 2. Châu Á	100	Bài 19. Thực hành: Tìm hiểu vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở rừng A-ma-dôn	141
Bài 5. Vị trí địa lí, phạm vi và đặc điểm tự nhiên châu Á	100	Chương 5. Châu Đại Dương	142
Bài 6. Đặc điểm dân cư, xã hội châu Á	104	Bài 20. Vị trí địa lí, phạm vi và đặc điểm thiên nhiên châu Đại Dương	142
Bài 7. Bản đồ chính trị châu Á. Các khu vực của châu Á	107	Bài 21. Đặc điểm dân cư, xã hội và phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Ô-xtrây-li-a	146
Bài 8. Thực hành: Tìm hiểu một nền kinh tế lớn và nền kinh tế mới nổi của châu Á	111	Chương 6. Châu Nam Cực	150
Chương 3. Châu Phi	112	Bài 22. Châu Nam Cực	150
Bài 9. Vị trí địa lí, phạm vi và đặc điểm tự nhiên châu Phi	112	Chủ đề chung	
Bài 10. Đặc điểm dân cư, xã hội châu Phi	117	Chủ đề 1. Các cuộc đại phát kiến địa lí thế kỉ XV – XVI	155
Bài 11. Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên	120	Chủ đề 2. Đô thị: Lịch sử và hiện tại	161
Bài 12. Thực hành: Tìm hiểu khái quát về Cộng hoà Nam Phi	124	Bảng Giải thích thuật ngữ	167
Chương 4. Châu Mỹ	125	Bảng Tra cứu địa danh/ tên riêng nước ngoài	171
Bài 13. Vị trí địa lí, phạm vi và việc phát kiến ra châu Mỹ	125		

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Địa chỉ: Tầng 6, Toà nhà số 128 đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.37547735

Email: nxb@hnue.edu.vn | Website: www.nxbdhsp.edu.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc – Tổng biên tập: NGUYỄN BÁ CƯỜNG

Chịu trách nhiệm tổ chức bản thảo và bản quyền nội dung:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị: NGUYỄN NGÔ TRẦN ÁI

Tổng Giám đốc: VŨ BÁ KHÁNH

Biên tập:

HOÀNG THỊ QUYÊN – ỨNG QUỐC CHÍNH – TRẦN MINH ÁNH

Thiết kế sách:

LƯƠNG QUỐC HIỆP – NGUYỄN NGỌC NAM – TRẦN QUANG ANH

Trình bày bìa:

TRẦN TIÊU LÂM

Sửa bản in:

TRẦN THỊ NGÂN – NGUYỄN THỊ HOÀ

Trong sách có sử dụng một số hình ảnh trên internet. Trân trọng cảm ơn các tác giả!

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 7

Mã số:

ISBN:

In, khổ 19 x 26,5cm, tại

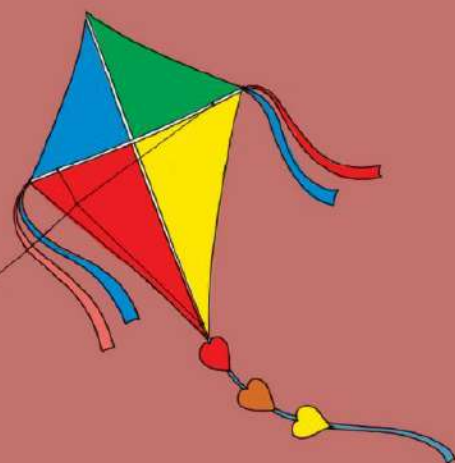
Địa chỉ:

Số xác nhận đăng ký xuất bản:

Quyết định xuất bản số:

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 20...

Mang cuộc sống vào bài học Đưa bài học vào cuộc sống



ách giáo khoa *Lịch sử và Địa lí 7* được biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Cuốn sách có ba phần: phần *Lịch sử*, phần *Địa lí* và phần *Chủ đề chung*.

Trong phần *Lịch sử*, các em được tìm hiểu và khám phá hệ thống kiến thức lịch sử thời phong kiến ở Tây Âu, Trung Quốc, Ấn Độ, Đông Nam Á. Đồng thời, được tìm hiểu về công cuộc xây dựng đất nước; các cuộc khởi nghĩa, kháng chiến chống ngoại xâm để giành độc lập, bảo vệ Tổ quốc của dân tộc Việt Nam từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI. Bên cạnh đó, cuốn sách còn giúp các em hiểu biết rõ hơn về vùng đất phía nam của Việt Nam từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI. Trong phần *Địa lí*, *Cánh Diều* sẽ giúp các em khám phá, hiểu rõ hơn về những miền đất mới lạ từ châu Âu, châu Á, châu Phi, châu Mỹ, châu Đại Dương đến châu Nam Cực. Phần *Chủ đề chung*, các em được tìm hiểu về *Các cuộc đại phát kiến địa lí thế kỉ XV – XVI và Đô thị: Lịch sử và hiện tại*.

Các tác giả là những nhà giáo, nhà khoa học giàu kinh nghiệm và tâm huyết trong lĩnh vực giáo dục Lịch sử và Địa lí.

○
**SỬ DỤNG
TEM CHỐNG GIẢ**

1. Quét mã QR hoặc dùng trình duyệt web để truy cập website bộ sách Cánh Diều: www.hoc10.com
2. Vào mục Hướng dẫn (www.hoc10.com/huong-dan) để kiểm tra sách giả và xem hướng dẫn kích hoạt sử dụng học liệu điện tử.

ISBN: 978-604-54-9425-7



9 786045 494257